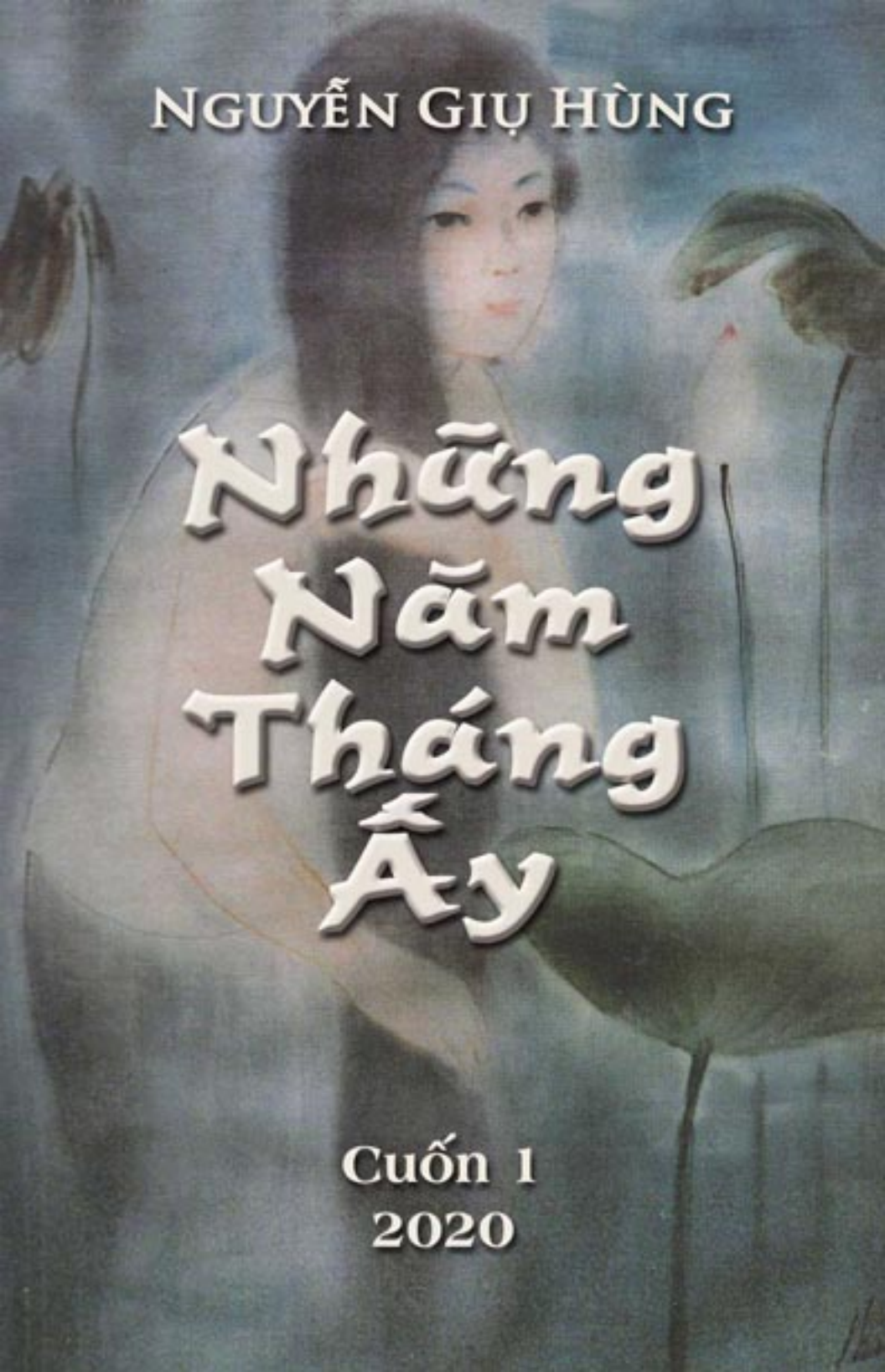


The background of the cover is a soft, painterly illustration. It features a woman with long, dark hair, looking slightly to the right with a gentle expression. She is wearing a light-colored garment. To her right, there is a large, dark green lotus leaf and a white lotus flower in bloom. The overall color palette is muted, with blues, greys, and greens, creating a serene and artistic atmosphere.

NGUYỄN GIỤ HÙNG

**Những
Năm
Tháng
Ấy**

**Cuốn 1
2020**

NGUYỄN GIỰ HÙNG

**Những
Năm
Tháng
Ấy**

**Cuốn 1
2020**

Mục Lục

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 1</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Thư Tâm Tình Gửi Bạn	vi
Lời Mở Đầu	ix
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	x
 Tập 1 – Một Thoáng Quê Nhà	
Chương 1 : Về Quê	3
Chương 2 : Trăng Quê	19
Chương 3 : Hà Nội Năm Xưa	36
Chương 4 : Con Đường Thơm	77
 Tập 2 – Đi Thăm Thành Cổ Loa	
Chương 5 : Thành Cổ Loa	97
Chương 6 : Trống Đồng	146
 Tập 3 – Đi Chơi Chùa Hương	
Chương 7 : Tuyến Chùa Hương Tích	
Phần 7-1 : Suối Yên	167
Phần 7-2 : Chùa Tiên	222
Chương 8 : Tuyến Chùa Hình Bồng Và Tuyến Chùa Tuyết Sơn	259
Chương 9 : Phụ Lục: Bỏ Tất Quán Thế Âm Diệu Thiện	307
Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 1)	312

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 2.1</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Thư Tâm Tình Gửi Bạn	vi
Lời Mở Đầu	ix
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	x
 Tập 4.1 – Đi Thăm Cổ Đô Hoa Lư	
Chương 10 : Vài Dòng Lịch Sử	3
Chương 11 : Cổ Đô Hoa Lư	
Phần 11-1 : Quần Thể Di Tích Cổ Hoa Lư	43
Phần 11-2 : Đền Vua Đinh Tiên Hoàng	76
Phần 11-3 : Đền Vua Lê Đại Hành Và Quần Thể Chùa, Đền Tại Trung Tâm Cổ Đô	97
Phần 11-4 : Âm Thực Hoa Lư	116
Phần 11-5 : Truyền Thuyết và Giai Thoại	136
Chương 12 : Tam Cốc – Bích Động	
Phần 12-1 : Tam Cốc	151
Phần 12-2 : Bích Động	171
Chương 13 : Tràng An	
Phần 13-1 : Phủ Đột–Đền Trần–Phủ Khổng	188
Phần 13-2 : Đền Thái Vi	218
Phần 13-3 : Làng Tràng An – Phủ Bặc	249
Phần 13-4 : Nghệ Thuật Hát Chèo	276
Phần 13-5 : Nghệ Thuật Uống Trà	309
Phần 13-6 : Phụ Bản	322
Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 2.1 & 2.2)	331

<u>Những Năm Tháng Ấy – Cuốn 2.2</u>	<u>Trang</u>
Mục Lục	iii
Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện	vi

Tập 4.2 – Đi Thăm Cố Đô Hoa Lư

Chương 14 : Núi Non Nước và Những Ngôi “Chùa Động”

Phần 14-1 : Trương Hán Siêu 335

Phần 14-2 : Những Ngôi "Chùa Động" 361

Chương 15 : Phát Diệm

Phần 15-1 : Nhà Thờ Phát Diệm 387

Phần 15-2 : Vài Nét Về Kiến Trúc Và
Điêu Khắc Trên Gỗ Và Đá 422

Phần 15-3 : Nghề Làm Chiếu Cối Ở
Phát Diệm 436

Chương 16 : Tản Mạn Vài Điều Về Cố Đô Hoa Lư

Phần 16-1 : Bối Cảnh Lịch Sử 446

Phần 16-2 : Văn Học Nghệ Thuật 482

Phần 16-3 : Đêm Sao 506

Phần 16-4 : Phụ Lục 516

Chương 17 : Bài Đọc Thêm

Bài 17-1 : Vài Nét Về Dân Nhạc Việt Nam 526

Bài 17-2 : Vài Nét Về Tư Tưởng Phật Giáo
Của Vua Trần Thái Tông

Phần 172-1 : Một Buổi Sớm Mai 552

Phần 172-2 : Thiền Tông Chỉ Nam 563

Phần 172-3 : Vài Câu Chuyện Thiền 579

Phần 172-4 : Lục Thời Sám Hối 599

Phần 172-5 : Luận Về Niệm Phật 604

Tài Liệu Tham Khảo (Cuốn 2.1 & 2.2) 610

Thư Tâm Tình Gửi Bạn

Sáng nay đọc thư bạn góp ý về việc viết **Lời Tác Giả**, tôi mới thấy khó ơ là khó. Cứ viết cho đủ vài điều bạn nêu thôi, tôi cũng sẽ phải tỳ tê dề ngỡ ngàng kể lẽ mất rồi.

Này nhé,

Trước tiên là phải tự giới thiệu mình, vỗ ngực xưng tên với cái TA to tướng. Ít lắm cũng phải cung khai cái nghề nghiệp liên quan tới “cái kìm cái búa” kè kè bên mình trong suốt thời kỳ còn đi học với mài mài giũa giũa tới lúc trưởng thành. Rồi lại lếch thếch vác “cái kìm cái búa” đi khắp chân trời góc biển, kể cả bao năm lê bước quê người kiếm sống, nuôi vợ nuôi con.

Thế rồi, thời gian thấm thoát trôi nhanh, nhanh quá. Đùng một cái tuổi già xồng xộc tới, đành vứt “cái búa cái kìm” về hưu nằm nhà thờ, chơi với đàn cháu nhỏ sơ sơ tám đứa. Thỉnh thoảng viết vài lá thư thăm hỏi bạn bè.

Bỗng! *Một hôm trời nắng rồi trời lại mưa*, nhận được lá thư của hai ông bạn già cùng lứa tuổi đề nghị đăng mấy lá thư tôi viết tào lao lên *nội san* của nhóm.

Thế là một công việc mới không lương được trảm vào chỗ những giờ rảnh rồi ít ỏi, ấy là **viết lách**. Cũng dễ thôi, “viết” làm sao cho người ta hiểu và “lách” làm sao cho đừng bị chửi. Với cái bút sắt bút “bi”, tôi tha hồ múa võ vườn hoang. Thỉnh thoảng bạn bè nhắc khéo về cái *thì là mà, cái chấm cái phẩy*, ngay cả cái *chính tả*

“cái lầy, cái lợ” (cái này, cái nọ). Đề tài được viết theo “đơn đặt hàng” của nhóm bạn gần xa dưới dạng TẬP GHI. Và, công việc viết lách cứ thủng thẳng, nhả nhả, chậm rãi trôi đi so với cái tuổi già hồi hải chạy như “bóng câu qua cửa sổ”.

Thế rồi (lại thế rồi), *một hôm trời mưa rồi trời lại nắng*, lòng bồi hồi ngời nhớ quê hương ở nơi xa xôi vời vọi với lòng thương nhớ vô vãn. Tôi nhớ tới mấy câu thơ của thi sĩ Bằng Bá Lân:

*Mỗi bước chân đi, mỗi lạ lòng,
Quê hương ta đó, đẹp vô cùng.*

Hình ảnh quê hương đã ẩn tàng và hòa tan trong xương, trong máu tôi tự bao giờ nay hiển hiện ra rõ ràng như một vật thể sờ mó được. Dòng chảy tình tự quê hương lẫn kỷ niệm tràn về với những hình ảnh ở tuổi ấu thơ, ở tuổi hoa niên với mơ cùng mộng, nhớ nhớ thương thương; rồi nào trời nắng với trời mưa, ấm lạnh bốn mùa thay đổi; nào lũy tre làng nằm yên bình bên con sông nhỏ uốn khúc ven làng; vài trẻ mục đồng cười trâu về chuồng trong buổi chiều tắt nắng giữa cánh đồng lúa vàng bát ngát, bông bênh theo từng cơn gió nhẹ của đồng quê. Với nào bao **đanh lam thắng cảnh** gắn liền với những *truyền thuyết, lịch sử và văn hóa nhân bản* lâu đời của một dân tộc oai hùng có chiều dài dựng nước hơn 4000 năm, trải qua bao triều đại ông cha, tôi nhớ sao cho hết!

Cũng từ hôm ấy, tôi ước mơ được viết về quê hương dù biết mình chưa hề có khả năng gần gũi với văn chương. Thôi kệ, cứ liều. Viết cho mình và viết cho người. Tôi cố gắng đọc sách để tham khảo, tìm tòi tài liệu, và mong *chia sẻ* những hiểu biết thu gặt được ấy

gửi đến bạn bè, hoặc ai chưa có cơ hội biết về nó do sự bận rộn mưu sinh hay vì lý do khác.

Đó là mục đích tập truyện NHỮNG NĂM THÁNG ẤY được viết. Truyện trước đây đã được chia nhỏ, đăng tải rải rác trên vài tờ *đặc san* qua những bài viết ngắn. Truyện viết về quê hương dù có viết mãi, viết mãi cũng chẳng thể cùng, trừ khi tắt thở.

Xin chấm dứt lá thư này bằng một *trích đoạn* trong bài thơ “*Cám ơn*” với lời thơ chân chất của một độc giả (tên ĐTNB) đã gửi cho tôi.

...

*Vì hoàn cảnh phải rời xa đất Mẹ,
Nhưng anh luôn một lòng đau đáu với quê hương,
Với tình cảm của người con xa xứ,
Anh tìm về nguồn cội Cha Ông,
Về văn hóa, lịch sử và thiên nhiên đất nước...
Qua những trang sách mà anh từng tìm đọc,
Đến những nơi mà anh đã đặt chân,
Anh gom cả vào từng trang tư liệu,
Trân trọng, giữ gìn cho con cháu mai sau...*

...

*Anh vẫn miệt mài tìm tư liệu mọi nơi,
Để hiểu đến tận cùng những điều anh muốn biết,
Và sẻ chia cùng bạn hữu, anh em ...*

...

Nguyễn Giụ Hùng
(Th. 9/2020)

LỜI MỞ ĐẦU

- Tập truyện được thành hình, qua sự tập hợp những bài đã đăng tải rải rác trên vài đặc san, không ngoài mục đích *giải trí* dưới tựa đề NHỮNG NĂM THÁNG ẤY.

- Nội dung của truyện là một chuyện tình *hư cấu* lồng trong hoàn cảnh đất nước thanh bình trước ngày đất nước bị chia đôi, đồng thời giới thiệu vài nét đặc thù về những **danh lam thắng cảnh mang tính chất văn hóa và lịch sử quê nhà mà tôi đã có dịp đi thăm**. Chúng ta đi xa mang theo hình ảnh quê hương.

- Những tài liệu trong truyện được sưu tầm, chọn lọc, tổng hợp và sao chép từ những tài liệu tham khảo chỉ thích hợp cho tình huống của câu chuyện. Chi tiết về ngày tháng, số liệu được đưa vào truyện với mục đích giúp người đọc tiện việc so sánh với những sử liệu hay tài liệu chính thống ... và để dễ hình dung gần đúng hơn với sự việc hay sự vật được mô tả.

- Xin cảm ơn các tác giả của những tác phẩm hay bài viết tôi đã dùng làm tài liệu tham khảo.

- Xin cảm ơn bạn bè, thân hữu đã khuyến khích, hỗ trợ trong việc viết lách của tôi. Và xin gửi lời cảm ơn đặc biệt đến hai người bạn đã hiệu đính cũng như thực hiện tập truyện này để làm món quà kỷ niệm, một *tác phẩm đầu tay* cho tôi.

- Cảm ơn vợ hiền và gia đình đã ủng hộ tinh thần.

Nguyễn Giụ Hùng
(Th. 9/2020)

Tóm Tắt Nhân Vật Trong Truyện

Các nhân vật chính gồm:

- **“Tôi”** : tên Nam, sinh viên Trường Đại học Y khoa Hà Nội, trọ học ở Hà Nội;

- **Thi** : tuổi ở độ đôi tám, học sinh cùng trọ học ở Hà Nội, người yêu và sắp là hôn thê của “Tôi”;

- **Uyên** : tuổi ở độ đôi mươi, chị ruột của Thi, cô giáo ở thị xã Sơn Tây;

(Ba nhân vật “Tôi”, Uyên, Thi, người Sơn Tây, ở chung làng cách nhau một cái ngõ, quen biết và thân nhau từ thuở nhỏ.)

- **Hội** : sinh viên Trường Đại học Y khoa Hà Nội sắp ra trường, bạn học cùng trường và học trên “Tôi” mấy lớp;

- **Mơ** : cùng lứa tuổi với Uyên, cô lái đồ nghèo do thời cuộc, chở đồ cho khách hành hương trên suối Yến chùa Hương, người yêu và sắp là hôn thê của Hội;

- **Thư** : em gái của Hội, học sinh Hà Nội, cùng trang lứa với Thi;

- **Hướng dẫn viên, tức cụ “Tù” hay cụ “Tú” Hoa Lư** : đồ Tú tài thời thi cử cũ, nhiều kiến thức về lịch sử và văn hóa nước nhà, tình nguyện làm ông từ trông nom hai đền Đình, Lê ở Hoa Lư và di tích.

Tập 1

Một Thoáng Quê Nhà

CHƯƠNG 1

Về Quê

Từ mấy hôm nay Thi nôn nóng chờ đợi ngày về quê thăm nhà. Nàng cứ loay hoay tính toán mãi không biết phải mua quà gì về cho mấy đứa em. Con gái đi học xa nhà, thật sung sướng và hạnh phúc biết bao mỗi khi có dịp nghỉ lễ dài để trở về sống với gia đình thân yêu. Sự sung sướng ấy hiện rõ trên nét mặt của Thi cả tuần lễ nay. Nàng nói huyên thuyên đủ chuyện với tôi về cái ngày về quê ấy. Tôi cũng thế. Chúng tôi không thể che dấu được nỗi vui mừng khi biết ngày nghỉ đó mỗi ngày một đến gần hơn.

Chuyện gì phải đến đã đến. Hôm nay chúng tôi chuẩn bị lên đường về quê.



Đánh chuyền

Chúng tôi cùng ở một làng, chỉ cách nhau có một cái ngõ. Tôi biết Thi từ khi nàng còn nhỏ. Nàng hay sang nhà tôi chơi và trèo hái những quả bưởi nhỏ nhỏ để chơi “đánh chuyền” với những cô bạn cùng lứa

tuổi. Khi Thi lên Hà Nội học, nàng ở năm đầu của bậc Trung học và sống chung nhà với gia đình ông bà chủ nhà trọ. Sang niên học sau, Thi được dọn sang ở cùng chung khu nhà trọ với tôi, và từ đó chúng tôi đã trở nên thân thiết và có dịp gần gũi bên nhau.

Chúng tôi đã tới bến xe khách (xe ca) Hà Nội - Sơn Tây. Dù mới sáng sớm, hoạt cảnh ở đây đã tấp nập, náo nhiệt và tất bật làm sao. Kẻ gồng người gánh, kẻ vác người khuân, kẻ vội vàng xuống xe người hấp tấp phóng lên. Tiếng rao quà vang cả một khu, lẫn tiếng gọi nhau ới ới.

Tôi và Thi còn đang ngẩn ngơ với cả chục chiếc xe khách, chưa định được rõ chiếc nào mình sẽ đi. Thi, trong chiếc áo dài màu trắng ngắn cũn cỡn vì nàng lớn quá nhanh. Chiếc áo cứ như mỗi ngày một co ngắn lại. Thi đang ngơ ngác nhìn theo những chị bán hàng rong, nào bưởi, nào ổi, nào me, nào sấu. Chắc là Thi thèm lắm, nhưng cũng có thể nàng chỉ tò mò với những hoạt cảnh ở bến xe.

- Thi ơi! Lại đây! Mau lên! Tôi phải réo lên thật to cho nàng nghe thấy.

Thi tất tả chạy về phía tôi. Tôi đẩy vội Thi lên xe, trước khi đám đông ủa tới chen lấn leo lên. Tôi chọn cho Thi một chỗ ngồi tốt không có ánh nắng xuyên vào khi xe chạy. Tôi ngồi cạnh Thi. Thi nhỏ nhắn, nép mình vào cửa sổ xe nhìn ra ngoài, mắt vẫn

không rời khỏi mấy múi mít trên cái mẹt nhỏ được đội trên đầu người bán hàng rong đi gần đó.

- Em muốn mua gì không?

- Không ạ!

Nàng trả lời nhẹ, nhưng mắt vẫn nhìn ra xa, không ngoảnh lại tôi. Tôi móc trong cặp ra cái “bánh tây” (bánh mì) nhỏ bằng nắm tay còn hơi ấm đưa cho Thi. Thi lơ đãng cầm lấy không ăn. Lạ thật, cái cô bé lúc nào cũng nhí nha nhí nhảnh thế mà sao hôm nay lại giở chứng im lặng, trầm ngâm như người mơ mộng vậy. Ấy, con gái ở cái tuổi đang lớn nó cứ biến đổi như thế đấy. Tôi giữ về người anh, không chú tâm đến nàng nữa.

Khách lên xe đã đầy. Xe bắt đầu chuyển bánh. Bác tài bấm còi xe inh ỏi. Chú “lơ xe” đập tay dùng dùng vào thành xe để mọi người dưới bên tránh ra. Bây giờ Thi mới ngoảnh lại nhìn tôi mỉm cười. Hai anh em đang chia sẻ một niềm vui chung: sắp được về nhà.

Xe chạy được ít lâu thì ra khỏi thành phố. Cảnh vật ngoại ô đã bớt đi phần tấp nập. Thỉnh thoảng những chiếc xe khách hay xe hàng chạy ngược chiều, gió tạt mạnh làm chiếc xe chúng tôi đi như muốn tạt sang bờ ruộng. Mỗi lần như thế, gió hất mái tóc Thi lên, bay lòa xòa xuống mặt. Nàng khẽ vén tóc sang bên má.

Ở Hà Nội, tôi và Thi cùng sống trong khu nhà trọ riêng biệt và yên tĩnh. Thi ở căn phòng biệt lập,

xinh xắn có thể đủ cho hai người sống thoải mái với những tiện nghi tối thiểu dành cho một cặp vợ chồng son. Phòng nàg tọa lạc ở gần góc sân. Bên cạnh phòng nàg là giàn hoa thơ mộng ở cuối sân luôn tỏa mát. Và dưới giàn hoa, với chiếc bàn tròn nhỏ nhỏ, vài ba chiếc “ghế đầu” con con, tiện cho việc ngồi chơi nói chuyện hay ngắm trăng. Tôi ở riêng biệt trên căn gác với cầu thang gỗ ngoài trời, và cách phòng nàg một cái sân gạch chung. Từ phòng tôi có thể nhìn xuyên thẳng xuống cửa sổ phòng nàg nếu không bị cây hoa ngọc lan mọc giữa sân che lấp một phần. Ấu, chúng tôi được ở khu riêng biệt và yên tĩnh này thay vì khu tập thể vì tôi đã ở trọ lâu hơn người khác và riêng Thi, hai gia đình nàg và ông bà chủ nhà trọ là chỗ bạn thân giao. Thi được dọn về đây để có cuộc sống biệt lập và tự lập hơn.

Tôi coi Thi như một người em gái. Thi sống bên tôi với lòng tin cậy ở sự che chở của một người anh. Những hôm ít bài vở, tôi đưa Thi đi chơi tung tăng dọc theo bờ hồ Hoàn Kiếm hay Hồ Tây vào những buổi chiều. Anh em chia nhau một ly “kem cóc” hay túi lạc rang húng liu của chú “khách” (để gọi tắt người “khách trú”, ám chỉ người Tàu) bên bờ hồ Hoàn Kiếm. Chú “khách” này, hầu như những ai có thói quen đi dạo chơi quanh bờ hồ vào những buổi chiều hay chập tối đều biết. Lạc rang của chú rất ngon, vừa bùi lại vừa thơm. Có cái lạ là chú đóng lạc rất chính xác vào gói nhỏ hình cái phễu dài cuốn bằng giấy báo nhật trình. Mỗi lần chú xúc là vừa đủ 15 hột, không bao giờ dư hoặc thiếu hột nào. Tôi đã

đếm thử nhiều lần nên lấy làm lạ. Có những ngày chúng tôi thuê xe đạp đi thăm thắng cảnh Hà Nội hay ra ngoại ô thành phố hay về vùng đồng quê để hưởng những ngọn gió mát trong lành. Những lần như thế nàng thường chạy tung tăng đầy đó đây hồn nhiên với cái tuổi của nàng.

Tôi đưa Thi đi thăm những đền đài, văn miếu, cùng những di tích lịch sử văn hóa lâu đời của Hà Nội. Tôi giải thích từng chi tiết của những thắng cảnh ấy và coi nó như những dấu tích của một dân tộc có truyền thống yêu nước và trọng đạo nghĩa. Tôi cho Thi biết Hà Nội, nơi chúng tôi đang ở, không phải chỉ là một thành phố bình thường, nó không những từng là kinh đô của bao thời đại mà còn là một viện bảo tàng lịch sử lẫn văn hóa to lớn của dân tộc ta. Mỗi bước chân ta đi trên đường phố là ta bước lên những bước chân oai hùng của tiền nhân. Muốn biết về Hà Nội không thể chỉ một vài ngày, chỉ một vài tháng hay chỉ một vài năm, mà phải là một phần đời của chúng ta mới có thể tìm hiểu hết được phần nào cái hay cái đẹp của thành phố này. Biết bao nhiêu người đã từng sống và lớn lên tại Hà Nội mà lại không biết gì mấy về Hà Nội, thật vô tâm quá. Thi say sưa nghe những điều tôi nói và tôi biết nàng cố nhớ hết những gì tôi giảng giải cho nàng. Những cuộc đi chơi như thế càng làm cho chúng tôi thân nhau hơn và yêu mến nhau hơn.

Nhưng cuộc đời không chỉ đơn giản thế. Những ngày gần đây, tôi bỗng thấy Thi lớn, nàng không

còn là cô bé con nũa. Những cử chỉ quá thân mật tự nhiên của nàng làm tôi xao xuyến, như khi nàng kéo tay tôi lôi đi cho nhanh hơn, tôi thấy như có cái gì ám áp, dịu dàng trong đôi bàn tay ấy. Tôi thấy thật khó chịu với chính mình mỗi khi nhìn trộm Thi. Tôi cứ phải tự hỏi , tại sao mình lại phải ngập ngừng khi đến phòng nàng, dù chỉ là để giúp nàng giải bài toán khó. Tôi biết đang có cái gì thay đổi trong tôi. Cứ phải giữ kín những u uẩn ấy trong lòng đôi khi làm tôi trở nên lúng túng với Thi.

Chiếc xe khách vẫn phóng nhanh trên đường liên tỉnh. Làng mạc, đồng lúa, quán hàng và những hàng cây ở ven đường cứ như đua nhau chạy ngược lại về phía sau. Có lúc xe chạy chậm hẳn lại để tránh những ổ gà. Cũng có khi xe bị tung lên, vẹo đi vì lọt vào những ổ gà lớn. Ngồi bên cạnh tôi, Thi chậm rãi “gặm nhấm” gần hết ổ bánh tây tôi đưa cho nàng lúc nãy, trong khi mắt Thi vẫn không rời khỏi cánh đồng lúa đã lên đồng đồng. Thỉnh thoảng Thi lại ngoái đầu ra sau để theo dõi một cảnh vật mà nàng chưa kịp xem kỹ. Mỗi khi chiếc xe ngừng để đón khách dọc đường, nàng lại nhìn tôi mỉm cười. Tiếng nói chuyện của những bạn hàng, của những người nông dân cứ rù rì, thì thầm nhỏ to như những lời cầu nguyện. Có những tiếng cười đùa chột vút lên cao ở phía cuối xe làm mọi người phải ngoái cổ lại nhìn. Có người đã ngủ. Lác đác vài người khách đã xuống xe. Người "lơ xe" ị ạch khuân những giỏ hàng chất trên nóc xe xuống.

Con đường về làng chẳng còn bao xa nữa. Tóc Thi vẫn bay bay, xòa vào mặt nàng, bay sang cả vai tôi. Thi vẫn im lặng ngồi ngắm nhìn cảnh vật đồng quê một cách say sưa. Hôm nay tôi thấy Thi rạng rỡ quá và trong sáng quá, lại có chút gì nghiêm trang xa vắng như một thiếu nữ trưởng thành. Chắc hẳn bao giờ Thi thấy được cái u uẩn trong những ý nghĩ của tôi. Nhưng biết đâu nàng cũng đang giấu những u uẩn trong lòng nàng về tôi như thế. Ý nghĩ ấy làm tôi khoan khoái, nhẹ nhõm lẫn vui vui. Tôi mỉm cười với ý nghĩ ấy.

Xe đã tới thị xã Sơn Tây, xe chạy chậm hẳn lại khi đi ngang qua chợ Nghé đang buôn bán tấp nập hay qua những khu phố đông người. Xe chạy vòng theo con hào rộng lớn được đào sâu vây quanh thành cổ, qua ngang Tòa tỉnh trưởng, tiếp tục chạy từ từ qua phố Ngô Quyền, rồi theo hướng Trung Hà và để rồi xe ra khỏi thị xã. Làng tôi cách thị xã Sơn Tây khoảng 10 cây số, thuộc huyện Quảng Oai.

- Bác tài ơi! Cho chúng tôi xuống!

Tôi nói vọng lên về phía bác tài xế. Người "lơ xe" đập mạnh tay vào thành xe mấy cái báo cho bác tài biết là có người muốn xuống. Chiếc xe từ từ đỗ lại bên lề đường. Tôi xuống trước rồi đứng ở cửa xe đợi cho Thi xuống sau. Hai anh em vờn vai mấy cái thật mạnh và hít thở thật sâu để đuổi đi cái gò bó trong suốt con đường dài chừng 40 cây số.

Hôm nay trời nắng nhẹ. Bầu trời xanh trong suốt, điểm vài cụm mây trắng bay lơ lững tít trên cao. Con lạch đào rộng khoảng ba thước, uốn khúc, chạy vòng vèo trong cánh đồng lúa, phản chiếu ánh sáng lóng lánh trông như con trăn bạc trườn mình. Vài con trâu đang chăm chỉ gặm cỏ trong bãi cỏ xanh. Có con ngừng lên ngơ ngác nhìn trời, lắc nhẹ cái đầu để đuổi đàn ruồi đang bám vào nó rồi lại lặng lẽ cúi xuống tiếp tục ăn. Gió đồng nội thổi vừa mát vừa thơm, thơm mùi lúa, mùi cỏ, lẫn trong những mùi thân quen của đồng quê.

Từ đây về làng, chúng tôi phải đi thêm một quãng đường khoảng chừng cây số. Cổng làng xây gạch, màu vôi vàng sậm pha lẫn màu rêu như đã hiện ra ở phía xa xa. Trong nắng mát, Thi đi nhanh như có ai đuổi đằng sau. Nàng đi sát bờ đường, thỉnh thoảng thò tay vuốt dọc theo bông lúa đồng đồng đã chớm đổi thành màu vàng nhạt. Nàng không ngắt mà chỉ để cho những bông lúa chạy trong lòng bàn tay, rồi buông rơi xuống thân lúa đong đưa. Cánh đồng ruộng lúa có nơi đã vàng ửng trải dài ra như thảm. Những cơn gió làm cánh đồng lúa gợn sóng, từng gợn từng gợn xô nhau đùa chạy về tận cuối chân trời. Thi tung tăng hết chỗ này tới chỗ kia. Một con nhái nhảy tồm xuống vũng nước ruộng, hay con chim bắt chợt vỗ cánh bay vụt lên từ ruộng lúa làm Thi thẳng thốt giật mình. Mỗi khi như thế nàng lại ôm tay trước ngực nhìn về phía tôi cười như nắc nẻ. Tiếng cười của nàng trong suốt vang lên trong cái yên tĩnh của cánh đồng.

Tôi thấy Thi ngồi sụp xuống bên đường, loay hoay cái gì không biết. Hình như nàng vừa bắt được con cào cào. Nàng nắm nó trong lòng bàn tay rồi mở ra, con cào cào vội bay vù. Mỗi khi gặp con gió lớn, hai tà áo dài của nàng bay phấp phất như múa. Vài đứa trẻ chăn trâu đứng nhìn chúng tôi một cách tò mò. Đi bên cạnh tôi, dưới nắng, mặt nàng hây hây đỏ trong nắng như phảng phất hình bóng của một đóa hoa hồng mới nở trong ánh sáng mai. Nàng như con chim khuyên nhỏ chuyền cành, lú lo riu rít.

Chúng tôi vui chân, chẳng mấy chốc đã tới đầu làng. Chiếc cổng làng sừng sững trước mặt. Cây đa già tựa rẽ chằng chịt, bóng rợp tỏa che cả một khoảng



đất rộng. Dân làng khi đi ngang qua đây, thường dừng chân trú nắng dưới bóng đa trong chốc lát vào những buổi trưa hè. Cổng làng cũng như cái đình làng, là những hình ảnh biểu tượng của làng quê miền Bắc. Ai đi xa lâu ngày, về đến cổng làng cũng thấy quyến luyến, nhớ lại những ngày tháng còn sống trong lũy tre xanh. Cổng làng không những là nơi chứng kiến những sinh hoạt hàng ngày mà còn là một phần linh hồn thiêng liêng trong những ngày lễ hội cũng như gióng ở đình làng.

Tôi và Thi tạm ngồi nghỉ chân trên nhánh rễ lớn của cây đa mọc bò trên mặt đất. Nàng ngồi cạnh tôi, nhặt chiếc lá đa khô phe phẩy làm quạt. Trên mặt Thi lấm tấm vài hạt mồ hôi nhỏ ẩn dưới mấy sợi tóc mây. Tôi ngồi nhìn ngắm chiếc cổng làng thân yêu và liên tưởng tới biết bao nhiêu kỷ niệm của thời thơ ấu, thuở còn học ở trường làng. Ngồi trước cảnh xưa, lòng không khỏi băng khuâng.

*... Ngày nay dù ở nơi xa,
Nhưng khi về đến cây đa đầu làng,
Thì bao nhiêu cảnh mơ màng
Hiện ra khi thoáng cổng làng trong tre. ⁽¹⁾*

Tôi lâng lâng như đắm chìm, ngây ngất về những kỷ niệm xưa ở nơi này. Mọi thứ như hiện rõ ra trước mắt tôi. Thi ngồi bó gối mơ màng. Bỗng Thi giật giọng hỏi tôi:

- Anh có nhớ trường không?

Nàng vừa hỏi vừa chỉ về phía ngôi trường ẩn hiện xa xa, lấp ló sau rặng tre bao quanh. Nó đứng riêng biệt như một ốc đảo giữa biển sóng vàng bao la của lúa. Làm sao tôi quên được nơi ấy. Tôi quên làm sao được những bóng dáng của thầy cô, bạn bè. Tôi làm sao quên được những bài học đầu tiên. Và như hiển hiện trước mắt tôi với những lớp học đang vang lên tiếng ê a đầu đó lẫn với tiếng gõ thước kêu chan chát lên bảng đen. Nào những buổi sáng mai,

(1) Trích trong "Cổng Làng" của Bằng Bá Lân.

tiếng trống trường giục giã trộn lẫn với tiếng nô đùa, chạy nhảy. Nào những đám học trò nhỏ chạy túa ra lúc tan trường. Nào những hình ảnh thập thò sau váy mẹ, lo sợ, rụt rè của những em lần đầu tiên đi học trong buổi khai trường.

Tôi quên làm sao được bài tập đọc "*Tôi Đi Học*" của nhà văn Thanh Tịnh :

Hằng năm cứ vào cuối thu, lá ngoài đường rụng nhiều và trên không có những đám mây bàng bạc, lòng tôi lại nao nức những kỷ niệm hoang mang của buổi tựu trường.

Tôi không thể nào quên được những cảm giác trong sáng ấy nảy nở trong lòng tôi như mấy cành hoa tươi mỉm cười giữa bầu trời quang đãng. Những ý tưởng ấy tôi chưa lần nào ghi trên giấy, vì hồi ấy tôi chưa biết ghi và ngày nay tôi không nhớ hết. Nhưng mỗi lần thấy mấy em nhỏ rụt rè dưới nón mẹ lần đầu tiên đến trường, lòng tôi lại tung bùng rộn rã.

Buổi sáng mai hôm ấy, một buổi mai đầy sương thu và gió lạnh. Mẹ tôi âu yếm nắm tay tôi dẫn đi trên con đường làng dài và hẹp. Con đường này tôi đã quen đi lại lắm lần, nhưng lần này tự nhiên tôi thấy lạ. Cảnh vật chung quanh tôi đều thay đổi, vì chính lòng tôi đang có sự thay đổi lớn: Hôm nay tôi đi học.

Nhớ lại đoạn văn của nhà văn Thanh Tịnh, tôi như thấy có tôi trong ấy. Với tôi, bài văn này còn

hay hơn bài "La rentrée" của nhà văn Pháp Anatole France mà tôi phải học thuộc lòng khi nhỏ. Trường học luôn luôn là những hình ảnh quyến rũ và thân thương được ví như những giọt sữa ngọt ngào đầu đời chảy từ vú mẹ. Hình bóng của ngày khai trường không những ăn sâu vào tâm khảm của những cô cậu học trò, mà nó cũng còn khắc sâu vào những vần thơ mà mỗi khi đọc lên, ta không khỏi xúc động dù ở bất cứ tuổi nào.

*Hôm nay là buổi khai trường
Học trò tấp nập lên đường xôn xao
Chúng tôi vui sướng khác nào
Bầy chim thấy tổ xiết bao vui mừng. (2)*

Cũng như tôi, chắc Thi như đang nhìn thấy rõ hình ảnh của mình trong buổi tựu trường hay trong những giờ tan học. Nàng nhặt hòn sỏi ném nhẹ ra xa, rồi ngồi lẳng lẳng nhặt những bông cỏ may bám vào ống quần.

Chúng tôi cũng chẳng vội vàng về. Đây đã là cổng làng rồi. Đường về nhà không còn mấy bước. Trong cái yên tĩnh, gió man mát thổi hây hây, tôi định dựa mình nhắm mắt lim rim đưa hồn vào những kỷ niệm xa hơn thì Thi vụt đứng dậy chạy tới

(2) Trích trong tập thơ "Mấy Vần Tươi Sáng" của Trần Trung Phương (1913-1945) - Nhà xuất bản Bình Minh, in lần thứ hai năm 1952. Nhiều bài thơ của ông đã được sử dụng trong sách giáo khoa bậc Tiểu học của Bộ Quốc Gia Giáo Dục vào những năm đầu thập niên 1950.

khóm tre trước mặt tìm ngắt những lá tre xanh thật to đem về chỗ tôi ngồi nhờ tôi kết hộ cho nàng những hình “củ ấu”. Nàng khua chân, múa tay nói huyền thuyên về những kỷ niệm nơi trường học trong khi tôi yên lặng tạo những hình bằng năm lá tre nàng vừa đem tới.

Thi không còn ngồi mơ mộng như vài phút trước đây. Nàng cười nói hồn nhiên, say sưa nhắc về cô bạn này rồi đến cô bạn khác với những kỷ niệm của thời nàng còn học ở trường làng. Có những chuyện nàng kể làm hai anh em cười chảy cả nước mắt. Trong lúc mãi vui với câu chuyện, tôi giờ tay cóc dứ đầu Thi, nàng né tránh, chạy ra xa. Tôi nhặt hòn đất nhỏ ném theo. Nàng nhặt viên đất ấy định ném lại tôi, nghĩ thế nào lại ném xuống đất, lấy vạt áo dài lau nước mắt. Tiếng nàng cười vang xa làm mấy con chim đang đậu trên cây sung bên bờ ao gần đấy vụt bay đi. Tôi thủng thẳng đứng dậy, đưa cho Thi mấy “củ ấu” kết bằng lá tre vừa làm xong.

- Ta về nhà đi thôi!

Nàng ngoan ngoãn đi bên tôi. Ngang qua cổng làng, chúng tôi lững thững đi trên con đường làng lát gạch. Làng tôi không giàu mà cũng không nghèo, thuộc bậc trung trung. Chúng tôi đi dưới bóng mát của những rặng tre trông dọc theo đường gạch. Trong ao nhỏ bên đường, vài con vịt đang bơi thảnh thơi, thỉnh thoảng vẫy đuôi kêu "cạc cạc" mấy tiếng rồi rạc rạc như để gọi nhau.

Bỗng có những tiếng động sột soạt phía trước. Trong lũy tre, con gà trống, sắc lông màu rực rỡ với chiếc mào đỏ tía giương thẳng, đang xòe cánh, nghiêng người sang một bên, chạy vòng quanh bên chị gà mái tơ gạ gẫm. Anh gà sấn tới, chị gà ngừng đầu lên, chạy né sang một bên. Sau vài lần bị hụt, gà trống như mất kiên nhẫn, nhào tới, dùng mỏ mổ vào đầu chị gà tơ. Đầu chị bị dúi xuống, đuôi chống lên trời, anh trống nhảy tót lên lưng. Chỉ tích tắc, anh gà nhảy xuống. Cả hai cùng xù lông rũ cánh phành phạch. Gà trống giương rộng hai cánh, nhón cao chân, vươn cổ gáy vang vài tiếng khô khan. Chị gà mái tơ giật mình chạy đi vài bước rồi lại thản nhiên bới đồng lá tre kiếm mồi như không hề có chuyện gì xảy ra trước đó. Anh gà trống như chẳng để ý tới hai chúng tôi đang đi tới. Anh lập lại cái động tác như vừa rủ rê vừa bắt buộc của mình với mẹ gà mái đầu đang dắt đàn con gần đó. Đầu phải tay vừa, mẹ xù lông quyết kháng cự, đôi đầu. Gà trống bền lեն lảng xa.

Tôi mỉm cười. Thi làm mặt nghiêm bước thẳng phía trước như không trông thấy gì. Vài tiếng "à ời ..." ru con buồn bã đưa vọng lại từ xa. Con trâu nằm lười biếng dưới khóm tre trệu trạo nhai lại miếng rơm nó đã ăn trước đó. Thỉnh thoảng nó vẩy mạnh đuôi để đuổi đám ruồi bám trên lưng. Mùi phân trâu đối với tôi là mùi quen thuộc, mùi của hương đồng cỏ nội. Vài con chó lang thang ngoài ngõ, trông thấy chúng tôi, vẫy đuôi lại gần, ngửi ngửi rồi bỏ đi. Thi hơi sợ, vội kéo vạt áo dài che phía trước. Tôi lại nghĩ

tới ngay con gà mái tơ lúc nãy, khẽ nhếch mép mỉm cười. Chắc cái mỉm cười ấy phải chứa đựng điều gì hóm hỉnh.

Chúng tôi rẽ sang tay phải khi tới cái ngõ thứ hai. Từ đây, đường không còn lát gạch nữa, con đường đất gồ ghề trộn lẫn màu đỏ đá ong. Con đường đất này cũng mang cho chúng tôi biết bao kỷ niệm của những ngày tháng cấp sách đến trường làng vào những ngày mưa gió. Con đường trở nên lầy lội và trơn trượt. Ngoài Bắc, có những trận mưa phùn kéo dài tới mấy ngày, có khi cả tuần hay nửa tháng. Mưa thối đất. Mưa cứ rỉ rả rơi, nhân nhạ không vội vã và không gian luôn trở nên mờ đục. Mọi thứ như ẩn hiện dưới làn mưa mỏng. Mưa như thế thì buồn lắm, chỉ vui cho những kẻ yêu nhau và được ở bên nhau.

Những con đường làng ấy không chỉ mang cái hình ảnh buồn bã của mưa phùn mùa đông. Chúng cũng rực sáng lên sau những cơn mưa rào của mùa hè. Những trận mưa rào như xối nước xuống quét sạch những rác rưởi trên đường. Những cây cau, khóm tre, cây mít... như được tắm rửa, đổi lá, thay màu. Chim trên cành cất tiếng hót vang.

Chẳng còn mấy bước chúng tôi phải chia tay nhau. Đến trước cổng nhà, nàng cười với tôi nói nhẹ:

- Em về!

Giơ tay chào tôi rồi nàng tự dùng thân mình đẩy nhẹ cánh cổng gỗ, lách người vào. Trước khi khép cánh cổng lại, nàng khẽ đưa tay ra vẫy chào tôi lần nữa rồi khuất sau cánh cổng ấy. Tôi lững thững tiếp tục đi, lòng thấy băng khuâng, rộn rã niềm vui. Tôi với tay ngắt bông hoa “dâm bụt” (bông bụt) màu đỏ tươi bên hàng rào, tung cao lên trời, tiện chân, tôi đá cục gạch nhỏ bắn đi xa rồi rảo bước về nhà không còn xa mấy.

*Yêu em anh hóa yêu đời
Theo em chấp cánh tung trời bay cao.⁽³⁾■*



⁽³⁾ Không rõ tác giả.

CHƯƠNG 2

Trăng Quê



Mặt trời đang ngập ngừng lặn sau lũy tre xa. Ánh nắng vàng còn sót lại vương vãi trên cánh đồng đã đổi thành màu da cam rồi màu tím nhạt. Dăm ba chị nông dân đang gánh lúa về, đòn gánh nặng trĩu nhún nhảy trên vai. Họ trao nhau vài câu chuyện ngắn, dứt quãng xen lẫn tiếng chuông chùa thông thả ngân từng tiếng vang vào không trung. Vài con chim lạc lõng vội vàng bay về tổ.

Thi và tôi
vừa đi xem lễ
hội cúng vía
Thần hoàng ở
đình làng bên.
Dân làng tề
tụ nơi đây để
cầu xin cho



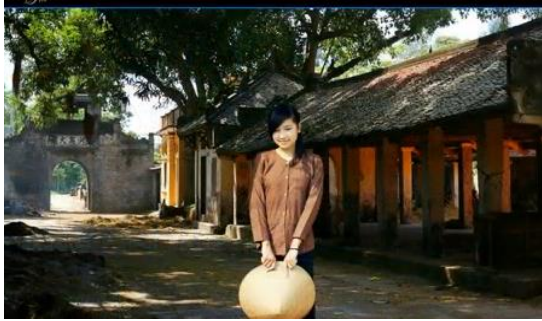
được mưa thuận gió hòa và nhà nhà được yên vui.

Chúng tôi mãi vui xem hội nên tới quá xế chiều mới nhớ trở về nhà. Cùng rảo bước bên nhau trên đồng ruộng, chúng tôi lần theo những con đường chỉ lớn vừa đủ cho hai người đi song song. Có những chỗ đường bị thu hẹp lại, tôi để Thi đi trước, tôi bước theo sau. Bóng dáng Thi lúc nào cũng thoăn thoắt kèm theo tiếng cười đùa. Có lúc, nàng se sẽ hát như chỉ đủ để nàng nghe. Nàng thích hát, không chỉ là những bài dân ca mà còn là những bài “nhạc mới” tình tứ nàng được học trong trường. Tuy Thi lớn lên ở đồng quê, nhưng sau thời gian sống nơi thành thị nàng đã thay đổi nhiều. Thật ra, gia đình Thi thuộc vào hạng có ngôi thứ và khá giả trong làng nên bản chất nàng cũng đã không giống những cô thôn nữ mộc mạc cùng lứa tuổi.

Thi, tuy vóc dáng học trò nhưng mang đầy sức sống. Mặt nàng trắng hồng với đôi mắt thông minh, đôi môi lúc nào cũng mọng đỏ tự nhiên. Mái tóc dài ngang quá vai được kẹp bằng chiếc bím bạc phía sau. Mỗi khi nàng chạy, mớ tóc óng ả ấy lại phát

sang bên này hay sang bên kia bờ vai. Tuy Thi cũng mặc áo nâu quần đen thôn dã, nhưng trong cái áo nâu đơn giản ấy nàng vẫn mang bóng dáng của một cô học trò trên tỉnh về quê thăm nhà.

Thi và tôi vẫn còn đi trong cánh đồng lúa. Lác đác đó đây những thửa ruộng vừa mới gặt xong còn trơ cuống rạ. Điểm trắng, vài con cò lơ dờ trong đầm nước xa xa. Dăm ba người đàn bà vội vã gánh hàng về sau phiên chợ,



Hình minh họa

nói chuyện xôn xao rồi chẳng mấy chốc họ đã khuất dạng. Một người đàn ông gò lưng đập lạch cách trên chiếc xe đạp cũ. Âm thanh của chiếc “xích” thiếu dầu ken két vang xa nhưng cũng trở nên nhỏ dần rồi tắt hẳn sau lũy tre làng. Buổi chiều ở cánh đồng quê sao sớm trở nên vắng lặng thế. Tiếng ếch ương hay ếch nhái đã bắt đầu vang lên rải rác đó đây.

Thi và tôi đã lần ra được tới đường lớn. Đôi khi Thi chạy lên phía trước mặt tôi, vừa đi dật lùi vừa nói huyền thuyên về hội lễ Thần hoàng. Nàng chê ông Tiên chỉ sao béo thể; ông Lý trưởng lại gầy gò, lưng thụng trong chiếc áo the thâm. Thi khen đoàn tế lễ ăn mặc thật đẹp. Những cô gái làng xinh tươi trong ban tế lễ thướt tha trong bộ đồng phục quần áo tứ thân sắc sỡ với chiếc nón quai thao rộng vành cùng giải yếm màu cánh sen và được điểm tô thêm với cái ruột tượng màu nồn chuối. Các cô uyển chuyển theo mỗi bước chân đi, tiến lên lùi xuống nhịp nhàng theo tiếng hô đồng dục của ông Chủ tế. Tôi mỉm cười hỏi Thi có thích ăn mặc như thế khi ra Hà Nội không. Thi nhìn tôi ngúng nguẩy rồi ôm mặt phá lên cười. Tiếng cười của nàng vui và ròn rã làm sao!

Khi chúng tôi tới gần cổng làng thì trời cũng đã bắt đầu nhá nhem tối. Có nhà đã lên đèn. Ngọn đèn “dầu lạc” le lói, ánh sáng hắt qua cửa sổ nhấp nháy cùng vài ngôi sao mới mọc đang lấp lánh trên cao.

Giờ này, cây đa đầu làng trông có vẻ ma quái, hoang vu và im lìm. Khi đi tới chỗ có ngôi miếu thờ với những ông bình vôi trắng toát, Thi chùn chân đi chậm lại và đi sát vào tôi như nàng đang sợ những bóng ma vô hình nào đó đang lẩn quất quanh đây. Bàn tay tôi vô tình chạm phải thân thể nàng, trong hoàn cảnh này, chỉ một giây ngắn ngủi ấy cũng đủ làm tôi thấy bối rối và rung động.

Qua ngôi miếu, chúng tôi nay lại vui bước trên con đường làng lát gạch. Bỗng đâu có tiếng gọi mời vào nhà chơi của anh chị Dân, anh chị họ của tôi. Tôi và Thi nhìn nhau như hỏi ý rồi chúng tôi cùng ghé vào thăm.

Sau khi an tọa trên hai chiếc ghế gỗ thấp lè tè cao chừng hai hay ba tấc, chúng tôi được anh chị mời uống nước với đậm đến đắng cả lưỡi. Nhân sẵn mâm cơm vừa được bung ra, anh chị mời cùng dùng cơm, nhưng chúng tôi từ chối nài có vừa ăn cỗ ở đình làng bên.

Trăng đã vừa lên. Ánh sáng trăng dịu tỏa khắp sân.

Chị Dân tiết kiệm tí dầu nên vợ chồng con cái kéo ra ngồi ăn ở giữa sân. Mâm cơm được đặt trên chiếc chiếu cũ đã rách một vài nơi. Sáu miệng ăn đang quây quần bên chiếc mâm gỗ đã tróc sơn.

Trên mâm có đĩa rau muống luộc, một đĩa vùng rang, một bát tương và thêm một đĩa tép riu rang mặn. Đây là hình ảnh của bữa cơm thanh đạm tiêu biểu của một gia đình nông dân không khá giả. Đối với dân quê nghèo ở đây, thỉnh thoảng họ mới được ăn tôm cá do chính tay họ đánh đậm hay câu được chứ ít khi họ chịu bỏ tiền ra mua những món ăn được coi là xa xỉ này. Họa chăng, trong những ngày giỗ tết, họ mới chịu làm thêm con gà hay con vịt nhà nuôi, hay nhiều lắm thêm được miếng thịt lợn mua từ trên chợ huyện đem về.

Bữa cơm chiều của nhà nông là thời gian họp mặt gia đình. Mọi người đông đủ sau một ngày vất vả với công việc.

Cơm nước xong, ai vào việc nấy. Mận, tên cô gái lớn đem bát đĩa ra ao rửa. Thi cũng theo ra nói chuyện. Hai người cùng trang lứa với nhau. Anh chị Dân ngồi uống nước trên chiếc chiếu trong hàng hiên tiếp chuyện tôi. Sau thêm tuần nước vối, chị Dân lại tắt tả vừa nói chuyện vừa thu xếp hàng hoá cho phiên chợ ngày mai. Anh Dân hỏi thăm tôi dăm ba câu về bố mẹ tôi rồi xoay sang hỏi chuyện học hành của tôi trên Hà Nội. Anh Dân cũng chỉ học qua loa ở bậc sơ học trường làng. Anh lấy vợ sớm và nay đã có được bốn mụn con. Mận là đứa con gái đầu lòng, rất đảm đang, lo toan việc nhà lại còn giúp mẹ trong việc buôn bán nữa. Đứa trai bé nhất vừa đầy năm tuổi.

Bỗng chị Dân hỏi tôi:

- Thế bao giờ cô chú trở lại trường?

Tự nhiên tôi thấy tai tôi nóng lên vì nghe chị dùng hai chữ "cô chú" ám chỉ Thi và tôi. Tôi thấy hơi ngượng ngượng nhưng biết chị không có ý đùa nghịch nên tôi đáp ứng trả lời :

- Chúng em còn ít ngày nữa ạ!

Chữ "chúng em" tôi dùng một cách ngập ngừng.

Lúc này Thi và Mận đã trở lại sân. Thi ngồi thụp xuống thềm nhà vừa nói chuyện với Mận vừa phụ

chị Dân xếp lại vài món hàng còn bừa bộn vào bồ. Bọn trẻ con ồn ào vì chúng vừa nhập bọn với đám trẻ con hàng xóm mới chạy sang chơi.

Tôi thấy ngồi đã lâu nên xin phép anh chị ra về. Thi cũng đứng dậy theo.

Ra đến cổng tôi còn nghe thấy văng vẳng tiếng chị Dân nói với chồng đằng sau lưng:

- Hai đứa trông cũng xinh đôi đấy chứ nhỉ!

Không nghe thấy anh Dân đáp lại mà chỉ nghe Mận cằn nhằn:

- Bu này, cứ hay nói chuyện người ta!

Thi và tôi đều nghe. Tôi tự nhiên thấy vui. Thi vẫn làm lũi đi bên tôi như không nghe thấy gì. Tôi liếc sang nòng xem phản ứng ra sao. Tôi biết con gái họ kín đáo và giữ ý lắm, Thi đâu có thể lộ vẻ hân hoan như tôi được. Tôi mỉm cười một mình.

Từ trong sân nhà của anh chị Dân vang ra xa tận ngoài ngõ tiếng mấy đứa trẻ con chơi “dung dăng dung dề”. Tiếng Mận hét to ngăn thẳng em út không được chạy nhanh kéo ngã.

*Rung răng, rung rẻ
Đất trẻ đi chơi,
Những buổi đẹp trời
Tìm nơi tắm mát,
Cùng nhau ca hát,
Cát tiếng cười vang,
Nhảy múa nhịp nhàng*

*Cho lòng tươi trẻ
Rung räng rung rẻ
Dắt trẻ nghênh ngang
Những buổi chiều vàng,
Chạy đùa nhẩy nhót
Nghe đàn chim hót
Đuổi bướm rờn bay,
Vận động chân tay
Cho người mạnh mẽ.*

*Rung räng rung rẻ
Dắt trẻ đi dong
Hít thở ngoài đồng
Giữa trời quang đãng.
Ngắm trông đồng áng
Hoa cỏ xinh tươi;
Tấp nập mọi người
Làm ăn vui vẻ.*

(Trần Trung Phương) ⁽¹⁾

Trên đường về nhà, tôi cùng Thi đi sánh bước bên nhau im lặng. Ánh trăng vàng vạc trải trên đường. Bóng hàng tre theo gió xoa nhẹ mặt ao nằm sát bên bờ đường. Bóng của tôi và của Thi cũng như đương quyện lại với nhau trong sóng nước lăn tăn.

⁽¹⁾ Trích trong tập thơ "Mấy Vần Tươi Sáng" của thi sĩ Trần Trung Phương (1913-1945) - Nhà xuất bản Bình Minh, in lần thứ hai năm 1952. Nhiều bài thơ của ông đã được sử dụng trong sách giáo khoa bậc Tiểu học của Bộ Quốc Gia Giáo Dục vào những năm đầu thập niên 1950.

Tôi cúi xuống nhặt hòn sỏi ném xuống ao làm mặt nước loang ra những khoanh tròn và làm hai chiếc bóng của chúng tôi lung linh, uốn éo như múa. Thi nhìn băng quơ hai chiếc bóng rồi cúi đầu không nói. Cái bản tính hồn nhiên của nàng như đã bị chị Hằng đem đi đâu mất mà chỉ còn để lại một cô Thi mơ mộng ở tuổi mười lăm. Hay nàng đang suy nghĩ về lời nói của chị Dân lúc nãy. Tôi hay nghĩ “vơ vào” như thế. Những con đom đóm lập loè trên những khóm bụi bên bờ ao. Trên đỉnh cây cau, mặt trăng đang lơ lửng treo trên ấy.

Ánh sáng trăng, dù ở thành thị hay thôn quê, luôn luôn đem đến cho mọi người sự lắng đọng, êm đềm, thiết tha trong tâm hồn. Sự êm đềm ấy cứ lan



trải mãi ra đến vô cùng để người ta dễ mở lòng đón nhận sự yêu thương. Dưới ánh trăng, cảnh vật thường luôn trở nên huyền ảo. Ngoài cái lung linh huyền ảo của cảnh vật, người thưởng ngoạn trăng còn tưởng như nghe thấy được những âm thanh từ đâu vọng lại, có thể là tiếng lá vàng rơi xào xạc trên ngõ vắng vào mùa thu; hay tiếng sáo diều vắng vắng tự không trung; hay câu hò tiếng hát của

những cô thôn nữ gánh nước giếng đình làng xen lẫn tiếng cười đùa của đám trẻ vui trăng vào mùa hè; hay tiếng đàn ai vang lại từ chiếc thuyền nan đứng đĩnh nhẹ bơi trên dòng sông uốn khúc.

*Khoan ới ! Hồ khoan !
Cô Hằng tha thướt giữa màn mây xanh.
Vi vu gió hát trong cành,
Thuyền ta rẽ sóng long lanh ngân vàng.
Khoan ới ! Hồ khoan !
Ca đi ! Ta hát với ngàn thông reo !
Thuyền ta nhè nhẹ mái chèo,
Thuyền trôi, nước chảy giắt theo trăng
vàng.*

*Khoan lại hồ khoan !
Thuyền ai đưa vắng tiếng đàn Nam Ai !
Gió nghe gió cũng thở dài,
Thuyền ai tới bến Thiên Thai mơ màng.
Khoan khoan hồ khoan !
Giơ tay vớt ánh trăng tan dưới chèo.
Chúng ta cất tiếng cười reo,
Còn lên một khúc hoạ theo tiếng đàn.
Khoan ới ! Hồ khoan !
(Trần Trung Phương)⁽²⁾*

Hay bên cạnh tiếng đàn cao vút của điệu Nam Ai, ta cũng tưởng như nghe đâu đó, tiếng đàn trầm ấm của điệu Nam Bình.

⁽²⁾ Xem ghi chú (1) trên trang 26.

*Nàng trắng nằm ngủ trên cây,
Vô tình hé vạt áo mây ngang mình.
Giàn hoa gió động rung rinh,
Nghe ai gảy khúc Nam Bình ngân ngơ.*

(Trần Trung Phương) ⁽³⁾

Hay tiếng chuông chùa điểm từng tiếng ngân
buồn:

*Trăng ngà tắm dưới cầu ao,
Hạt trai đánh vãi vương vào lá sen.
Đồng xa có cánh diều lên,
Chùa đâu vắng tiếng chuông rền thu không.*

(Trần Trung Phương) ⁽³⁾

Trăng luôn
là nguồn thi
hứng của bao
nhà thơ từ cổ
chí kim. Bên
cạnh thi sĩ,
những nhà văn
cũng đã từng



tôn bao giấy mực thêu dệt nên bao chuyện tình điểm
lệ trong trăng. Trăng là thế đấy.

Thi và tôi vẫn lặng lẽ đi bên nhau trên con
đường làng lát gạch. Chị Hằng thỉnh thoảng bị che
khuất bởi tàn cây, hay đám mây mỏng. Mùi hoa cau
dịu dịu trong vườn nhà ai thoang thoang bay ra. Vài

⁽³⁾ Xem ghi chú (1) trên trang 26.

ánh đèn leo lắt mờ nhạt nhấp nháy qua lớp phen nửa trong những căn nhà tranh lụp sụp nằm khuất sau lũy tre thưa bên đường.

Nhìn ánh sáng trắng vằng vặc, tôi chợt nghĩ tới bài thơ “Phong Kiều Dạ Bạc” của Trương Kế thời nhà Đường bên Tàu. Như để phá vỡ bầu không khí quá yên tĩnh này, vừa đi tôi vừa muốn kể cho Thi nghe về giai thoại đã gần như trở thành huyền thoại của bài thơ ấy.

Tôi hỏi Thi:

- Em có bao giờ nghe thấy tên thị trấn Tô Châu bên Tàu không?

- Thưa anh, có phải Tô Châu là thị trấn nổi tiếng về những cô gái đẹp, về dệt tơ lụa và về câu chuyện tình sử Phạm Lãi - Tây Thi không anh?

- Đúng rồi ! Sao em biết?

- Chị Uyên em kể cho em nghe câu chuyện này sau khi chị ấy đọc xong cuốn truyện “Cô Tô Đài”. Chị cứ thương cho đôi trai tài gái sắc ấy mãi nên em nhớ.

Tôi gật đầu:

- Tô Châu có nhiều điều anh có thể kể cho em nghe lắm. Nhưng bây giờ anh tạm kể em nghe một câu chuyện về một bài thơ nổi tiếng thời nhà Đường bên Tàu mang tên “Phong Kiều Dạ Bạc” nhé.

Thi nhìn tôi với cặp mắt biết ơn.

Tôi đọc bài thơ cho Thi nghe:

Phong Kiều Dạ Bạc.

*Nguyệt lạc ô đề sương mãn thiên
Giang phong ngư hỏa đối sầu miên,
Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.*

(Trương Kế)

*Trăng tà, tiếng quạ kêu sương,
Lửa chài, cây bến, sầu vương giấc hồ.
Thuyền ai đậu bến Cô Tô,
Nửa đêm nghe tiếng chuông chùa Hàn San.*

(Tản Đà dịch)



Giai thoại kể rằng:

Thành Tô Châu có núi Cô Tô nên còn được gọi là Cô Tô thành.

Trương Kế, tác giả bài thơ, khi đi thi hỏng về ghé qua bên Phong Kiều, nửa đêm tỉnh giấc làm bài thơ này. Nhưng làm mới chỉ được có hai câu đầu, Trương Kế không thể làm nổi hai câu kế tiếp nữa nên cứ trần trọc mãi không sao ngủ được.

Cũng buổi đêm trăng hôm đó, bên ngoài thành Cô Tô, sư cụ chùa Hàn San cũng cảm hứng trăng thanh mà ngâm rằng:

*Sơ tam, sơ tứ nguyệt môn lung,
Bán tự ngân câu, bán tự cung.
(Mồng ba, mồng bốn trăng mờ,
Nửa đường móc bạc, nửa như cung trời.)*

(Trần Trọng San dịch)

Ta cũng nên biết chùa Hàn San được lập từ đời nhà Đường, vào thế kỷ thứ 7, lấy tên chùa này bằng tên của vị sư lập chùa. Chùa bị phá hủy nhiều lần bởi chiến tranh, sau cùng vào đời nhà Thanh cho xây dựng lại và đúc chuông theo đúng kiểu mẫu nguyên thủy. Ngày nay, ai đến thăm chùa cũng muốn đánh chuông để cầu phước.

Sư cụ làm được hai câu thơ ấy rồi hết ý không sao làm được thêm hai câu kế tiếp. Sư cụ cũng trần trọc mãi mà không ngủ được. Chú tiểu hầu bên thấy sư cụ cứ trần trọc mãi nên hỏi có sự. Sư cụ nói rõ

nổi khổ tâm của mình cho chú tiểu nghe. Chú tiểu xin phép sư cụ cho làm tiếp hai câu sau để hoàn tất bài thơ:

*Nhất phiến ngọc hồ phân lưỡng đoạn,
Bán trầm thủy đế, bán phù không.
(Một bình ngọc trắng chia hai,
Nửa chìm đáy nước, nửa cài từng không.)*
(Trần Trọng San dịch)

Sư cụ khen hay và sai chú tiểu lên chánh điện đánh chuông tạ Phật. Thành Cô Tô đêm đó nghe tiếng chuông từ Hàn San tự ngân xa. Trương Kế nằm trong thuyền nghe được tiếng chuông lúc ấy, kết thúc được bài thơ của mình:

*Cô Tô thành ngoại Hàn San tự,
Dạ bán chung thanh đảo khách thuyền.*

Giai thoại bài thơ là như vậy.

Tôi nói cho Thi biết là nhiều người từng am hiểu về văn chương Trung Quốc đã đặt câu hỏi là chữ “Ồ đề” dùng trong bài thơ này là tiếng quạ kêu hay là tên của một địa danh ở thành Tô Châu khi đó, vì nửa đêm thì không thể có tiếng quạ kêu. Lại thêm nữa, chữ “nguyệt lạc” là lúc trăng đã gần lặn tức lúc trời đã gần về sáng, sao trong thơ lại là “dạ bán” tức nửa đêm?

Tôi cũng cho Thi biết thêm hình ảnh con quạ đen lại là nguồn thi hứng cho nhiều thi nhân Trung

quốc, ngay cả trong bài “Ô Dạ Đề” của Lý Bạch cũng thế, mở đầu bài thơ ấy bằng hai câu:

Hoàng vân thành biên ô dục thê,

Quy phi “á á” chỉ thượng đề...

(Mây vàng tiếng quạ bên thành,

Nó bay tìm ngủ trên cành nó kêu.)

(Tản Đà dịch)

Thi hỏi tôi:

- Anh thích bài thơ này lắm hả?

-Ừ, đôi khi, trong sự *cuống cuồng, giãy dụa* của cuộc sống đa đoan, nhân loại cần những bài thơ như thế này. Chính vì vậy mà bài thơ “Phong Kiều Dạ Bạc” đã sống suốt 13 thế kỷ nay trong lòng mọi người và anh tin rằng nó sẽ còn sống mãi mãi. Một bài thơ bất tử.

Thi chỉ mỉm cười không nói.

Tôi đi bên Thi mà thấy lòng mình rộn rã quá. Tôi muốn đi và đi mãi. Nhưng rồi cuối cùng chúng tôi cũng phải chia tay. Đứng trước cổng nhà nàng, Thi như bịn rịn ngập ngừng chào tôi.

Tôi sẽ hỏi :

- Vài hôm nữa em có đi chơi hội đèn Và⁽⁴⁾ với anh không ?

Thi như chợt tươi hẳn lên:

(⁴) "Đền Và" ở gần thị xã Sơn Tây

- Anh đi hả? Cho em đi với nhé!

Dưới ánh sáng trăng, tôi thấy khuôn mặt Thi thật rạng rỡ. Đôi mắt nàng đã sáng lại càng sáng hơn. Nước da nàng đã trắng lại càng trắng hơn lên.

Trong cái tĩnh mịch của đêm trăng, xúc động, tôi định nắm lấy tay nàng thì nàng đã quay gót, đẩy cổng vào nhà. Tôi đứng lại như còn tiếc nuối một điều gì trước khi lững thững đi tiếp một quãng ngắn rồi rẽ vào ngõ nhà tôi. Bâng khuâng, trong lòng có chút gì vui man mác, nhẹ nhẹ như ánh trăng thanh.

Trăng đã lên cao.■



CHƯƠNG 3

Hà Nội Năm Xưa

Trời lạnh quá.

Gió rét len lõi lùa vào nhà. Gió thổi qua những ống tre đầu hồi ngoài hàng hiên tạo nên những tiếng vo vo như tiếng sáo điều lẫn trong tiếng rít từng chập của những cơn gió mạnh. Đâu đâu cũng gió, gió bao trùm khắp cả không gian. Những tấm cửa lùa bằng gỗ không ngăn cản nổi cái giá rét căm căm của mùa đông miền Bắc.

Tôi ngồi một mình trong phòng học, lặng lẽ nhìn ra ngoài qua cửa sổ kính. Trên trời, những dải mây xám vẩn vẩn vũ bay. Ngoài ngõ, vài chị gánh hàng ra chợ sớm trao nhau vài câu chuyện đứt quãng, lao xao rồi tắt hẳn. Xa xa, tiếng chuông nhà thờ làng đồ hồi đang ngân vọng về như để giục già con chiên kíp đi lễ sớm. Và, mọi người trong nhà tôi như cố nằm nán trong giường để được hưởng thêm cái ấm áp của những chiếc chăn bông dày cộm.

Vài cuộn khói trắng đục tỏa lên từ mái bếp tranh, nặng trĩu, là là trên mái như không cất mình nổi lên cao. Gặp cơn gió mạnh, khói vụt bốc lên cao, xoáy tròn hay chúi xuống, lao đảo rồi tan nhanh.

Những con lợn đã bắt đầu ỉn ỉn đòi ăn.

Tôi biết chị Thìn đã dậy. Tôi khoác vội chiếc áo da, thu hết can đảm phóng xuống bếp để tìm hơi ấm của bếp rơm. Con Mực⁽¹⁾ nằm trong ổ rơm giật mình ngừng đầu nhìn tôi rồi lại cúi xuống, đặt đầu lên hai chân trước duỗi dài tiếp tục lim dim ngủ.

Tôi ngồi thu mình trong ổ rơm với con Mực nhìn chị Thìn đang nấu nồi cám lợn. Tuy gọi là nồi nhưng miệng của nó lại rộng ra như cái chảo. Ánh lửa bập bùng. Khi ngọn lửa bùng lên to, chị phải dùng cây que "cời rơm" khơi bớt rơm ra. Khi ngọn lửa tàn dần chị lại dùng cây que "cời rơm" đưa thêm rơm vào. Cứ như thế, chị luôn tay giữ cho ngọn lửa cháy đều. Nồi cám lợn đã bắt đầu bốc khói, sủi tăm trên mặt, thỉnh thoảng nổi lên những bong bóng lớn rồi vỡ ra với tiếng sôi ùng ục, quánh đặc.

Chị cứ lẳng lặng làm việc như chẳng để ý đến tôi. Rồi chị cũng ngừng tay lẳng lặng rót cho tôi một bát chè tươi (chè xanh) uống cho ấm bụng. Lúc này chị mới mỉm cười với tôi, cái mỉm cười rất hiền từ nhân hậu.

- Sao em dậy sớm thế?

Tôi nhìn chị chưa kịp trả lời, chị hỏi tiếp:

- Hôm nào em trở lại Hà Nội?

- Cũng ít ngày nữa chị ạ.

⁽¹⁾ Ở ngoài Bắc thường gọi Vàng là con chó màu vàng, Mực là con chó màu đen, Vện cho những con chó có đường lông vằn

- Hà Nội có vui không?

- Dạ cũng vui, nhưng nhớ nhà lắm!

- Thế... Tết này, em về nhà ăn Tết chứ hả? Chị rót thêm nước chè vào bát cho tôi.

- Có chứ ạ! Thế nào em cũng về.

Chị nhắc nồi cám lợn ra khỏi bếp rồi ngừng đầu hỏi tôi :

- Hôm nay Thi nó cũng trở lại Hà Nội cùng với em à?

Tôi giật mình vì tại sao chị lại nhắc tới Thi. Tôi hơi ngượng ngừng trả lời :

- Vâng... Thi cùng ra với em.

- Con bé chóng nhớn thật, mới ngày nào...

Chị bỏ lưng câu nói ở đấy rồi tắt tả bùng nồi cám ra chuồng lợn. Chị Thìn tuổi tròn hai năm. Trông chị khoẻ mạnh và nhanh nhẹn. Chị đến làm con nuôi bố mẹ tôi vào năm đói kém. Tôi coi chị như người chị ruột thân thiết trong gia đình. Tính chị nhu mì và chăm chỉ. Bố mẹ tôi rất yêu thương chị và tôi cũng thế. Trong làng có vài đám đám hỏi nhưng chị chưa ưng ai.

Chị Thìn nhắc đến Thi làm tôi liên tưởng đến nàng. Giờ này chắc Thi còn ngủ. Tôi thấy Thi như đang ngủ yên bình. Tôi ngồi nhâm nhi bát nước chè xanh bốc khói, hai bàn tay ôm khít thành bát để tìm hơi ấm. Tôi nhìn ra bầu trời xám và nhớ đến Hà Nội,

nhớ đến nhà trọ, nơi tôi và Thi đã trải gần tròn một năm sống gần nhau.

Hà Nội với những hôm mưa gió như thế này, đi học thật vất vả. Lại thêm vào đó, có khi mưa bão kéo dài đến cả tuần lễ. Đường xá Hà Nội tuy không lầy lội như ở nhà quê nhưng đôi chỗ cũng đủ làm cho người bộ hành cảm thấy khó chịu hay vất vả bởi những vũng nước đọng ngập đến mắt cá chân, có khi cao đến bắp chân. Mỗi khi có chiếc ô tô cũ kỹ chạy qua làm tóe văng nước lên, nước văng xa làm ướt những bộ hành gần đó và đôi khi có tiếng chửi vội vã của đám bà gồng gánh cũng hối hả đuổi theo xe.



Hình minh họa

Vài cô nữ sinh gò mình đạp xe trong chiếc áo mưa, vất vả cố đạp cho qua chỗ nước ngập sâu trên đường. Có những đứa trẻ con, đứa mang trên lưng cái bao tải đựng đầy bánh tây nóng hổi; đứa một tay cầm ấm nước chè vôi, một tay cầm chiếc điều cây; đứa trên đầu đội thúng xôi, phủ kín phía trên bằng một chiếc áo tơi. Chúng quên cả bán hàng, nô đùa trong vũng nước mưa, lấy chân đá nước vào nhau.

Bác kéo xe tay cố rướn mình ra phía trước kéo chiếc xe phía sau che kín mít một cách nặng nề. Mọi người như vội vã, chỉ riêng chị "đổ thùng" gầy gò, chậm chạp gò mình kéo chiếc xe bò cọc cạch, trên xe chở đầy những thùng phân đầy kín mà chị đã lấy từ sáng sớm tinh mơ từ những căn nhà trong khu phố.

Trong những ngày giông tố, chúng tôi không dùng xe đạp mà đi tàu điện đến trường. Để ra đến trạm tàu điện, hai chúng tôi cùng chia nhau một chiếc ô. Tôi cầm ô, Thi đi rón rén bên tôi, một tay ôm chiếc cặp da che ngực, một tay xắn ống quần cao tới gối. Đôi khi Thi phải nép sát vào tôi để tránh những cơn gió tạt.

Vào buổi sáng Hà Nội, sinh hoạt nhộn nhịp và tắt bật lấm dù mưa hay nắng. Có



Hình minh họa

nhiều hàng quà bán rong, họ bán những món ăn nóng hổi, nào bánh tây đựng trong bao tải lớn được vác trên vai, nào những thùng xôi đội trên đầu được rao bán khắp các nẻo đường, nào những gánh bánh chưng rán trên vỉa hè, mùi thơm phức với tiếng xèo xèo của mỡ.

Hôm nào "giàu có", hai anh em chúng tôi mỗi người một cái bánh chưng rán nhỏ, chỉ bằng nửa bàn tay, vừa ăn vừa thổi, vừa xuyết xoa vì nóng. Những hôm "nghèo", hai anh em chỉ chia nhau một cái bánh tây bằng nắm tay hay một gói xôi lạc. Biết bao nhiêu kỷ niệm bên nhau, trong sáng như ánh sao trời cứ nổi theo nhau thành những chuỗi ngày dài êm đềm, hạnh phúc.

Cuộc sống chúng tôi cứ như thế bình thản trôi đi. Thi ở bên tôi nhưng tôi vẫn thấy tình cảm của Thi đối với tôi vẫn như ẩn như hiện, gần mà lại xa, có mà lại như không, tất cả như trong cõi mộng lung, mơ hồ. Thi như :

*Xưa kia em ở bên trời
Ngây thơ chưa rõ cuộc đời là chi.*

(Không rõ tác giả)

Tôi mỉm cười khi chợt nhớ đến mấy câu thơ của nhà thơ Nguyễn Bính:

*Lòng anh như biển sóng cồn,
Chứa muôn con nước ngàn con sông dài.
Lòng em như chiếc lá khoai,
Đổ bao nhiêu nước ra ngoài bấy nhiêu.*

Chị Thìn đã trở lại, chị nhìn tôi mỉm cười hóm hỉnh như chị biết rõ những điều thầm kín của tôi. Tôi hơi cúi xuống tránh ánh mắt của chị. Có thể chị chỉ nhìn tôi bằng cái tình thương yêu của người chị đối với đứa em. Ấy thế mà mặt tôi tự nhiên thấy

nóng. Tôi không biết nóng vì thẹn hay nóng vì hơi nóng còn đang âm ỉ trong bếp tro.

Gió vẫn rít từng cơn bên ngoài.

Tôi mỉm cười một mình khi nghĩ đến một kỷ niệm với Thi. Hôm đó tôi và Thi đi chơi dọc theo phố Huế trong một ngày giá lạnh. Nàng mua một



Phố Huế



Chợ Hôm (ngày nay)

gói lạc rang còn nóng được gói trong giấy báo nhật trình hình tháp nhỏ. Muốn giữ cho lạc nóng lâu, nàng gửi gói lạc ấy vào túi áo dạ khoác ngoài của tôi, thỉnh thoảng lại thò tay vào túi áo dạ bốc lạc vừa đi vừa ăn. Tôi ăn ké lạc của Thi. Đến khi lạc gần hết, tôi phải đi chậm lại để nàng tìm những hạt cuối cùng còn sót lại. Tìm được một hạt lạc dất nơi kẽ túi, Thi tách một nửa hạt cho nàng, một nửa cho tôi. Tôi chỉ dùng răng cửa nhằn nhằn vì nó quá nhỏ để nhai. Tôi vội phì lạc ra vì đó là hạt lạc thôi.

- Cho anh ăn lạc thôi?

- Tại sao anh ăn? Em biết lạc thôi nên vứt đi rồi!

Thì cười cười, dán mắt nhìn tôi.

- Không ăn được mới cho anh hả?

Tôi khom người xuống ôm bụng giả vờ kêu đau, mặt nhăn nhó. Thì nhìn tôi cười rũ ra.

Hai anh em lại tiếp tục đi bên nhau nói chuyện băng quơ. Khi tới chợ Hôm, người đi lại có phần đông đúc hơn. Thì đi trước, tôi đi sau, hai tay tôi đưa ra phía trước như đặt trên hai vai nàng để không cho người khác chen lấn vào giữa. Một người đàn bà đánh đá, lấn nàng ở phía trước, nhìn tôi có vẻ giận dữ :

- Mất đầu mà sợ, ôm cứng thế!

Tôi vội rút tay lại, Thì quay lại nhìn tôi nháy mắt mỉm cười. Tôi hơi ngượng với nàng và với những người chung quanh ngay lối ra vào cửa chợ. Thật sự tôi có ôm nàng đâu. Tôi và nàng còn cách nhau gần một cánh tay giang ra phía trước cơ mà.

Tôi định rủ Thì vào chợ ăn xôi lúa (xôi bắp) nhưng lại thôi vì muốn để dành bụng cho bữa cơm chính ở nhà.

Chợ Hôm là chợ họp ngay trên phố Huế, gần rạp xi-nê Đại Nam. Khu chợ được xây tường bao bọc chung quanh. Chợ Hôm không có cái bề thế của chợ Đồng Xuân, nhưng nó cũng là một ngôi chợ vào bậc khang trang so với những chợ khác như chợ Dừa, chợ Bưởi, chợ Mơ, chợ Cửa Nam hay chợ Hàng Da ...

Chúng tôi
thỉnh thoảng ghé
lại chợ Hôm ăn
xôi lúa, rất ngon.
Bát xôi lúa với
những hột ngô
trắng ngà, thơm
và dẻo. Bát xôi



được phủ lên trên những lát mỏng đậu xanh màu vàng óng ả, thêm vào đó là những thìa mỡ hành rang khô béo ngậy thơm phức cùng với thìa đường thẻ màu nâu tán nhỏ. Trời lạnh lạnh, ngồi ăn bát xôi lúa thì thật thú vị là bao. Bà hàng xôi quen mặt chúng tôi nên mỗi khi đến ăn hay mua mang về, bà không quên cho thêm ít đậu xanh và xúc thêm cho ít mỡ hành như một chút tình cảm bà dành cho những khách quen. Bà có cô con gái rất xinh giúp bà. Nhiều cậu đến ăn xôi chỉ vì muốn được nhìn cô con gái ấy. Bà hàng biết thế và cô bé cũng biết thế nên cô thường làm dáng với những cậu trai đồng lứa tuổi với cô.

Vào sâu thêm trong chợ, rẽ vào khu hàng ăn bình dân, ta sẽ gặp một loạt quán ăn với những nồi nước dùng nóng hổi bốc khói. Hấp dẫn nhất đối với chúng tôi vẫn là *gian hàng bún* với hai nồi bún ốc và bún riêu. Nồi bún ốc với lớp váng màu đỏ đậm mỡ màng. Nồi bún riêu với lớp gạch cua đồng màu hồng nhạt nổi lên trên mặt. Ăn bún ốc thì phải ăn cay, cay đến ngứa da đầu và thưởng thức những con ốc nhồi to bằng ngón tay cái với cái dai sừn sực

của dầu, beo béo của thân ốc màu vàng ngậy. Còn ăn bún riêu thì phải ăn với rau muống chẻ thành sợi ngâm vào nước cho quăn lại hay ăn với bắp chuối non cộng thêm rau thơm mới thấy hết được cái hương vị đồng quê của nó.

Người Hà Nội đặc biệt có món bún thang hay bún mọc thường dành cho giới trung lưu hay giàu có vì nó được nấu với những vật liệu đắt tiền như giò lụa sống, trứng, thịt gà, lại phải có thêm hương vị cà cuống, mắm tôm và phải được trình bày một cách cầu kỳ nên thông thường chúng không được kể như những món ăn bình dân và cũng không được bán ở trong chợ hay ở vỉa hè. Tôi thích bún ốc và bún riêu vì hương vị của nó đậm đà hơn.



Bún ốc



Bún riêu

Thì không ăn được cay nhiều nên mỗi khi ăn bún ốc, thỉnh thoảng nàng phải lấy tay quạt quạt mồm cho mát hay “chiêu” một



Bún chả

ngụm nước chè. Có lần tôi đùa bà hàng bún ốc :

- Bà hàng ơi, bà cho cô ấy thêm chút nước dùng!

Bà hàng thật thà thêm ít nước dùng vào bát bún cho Thi.

- Bà ơi cho cô ấy thêm tí bún và ốc!

Lần này bà hàng biết tôi đùa nên chỉ mỉm cười, lặng lẽ cầm cái quạt nan (quạt đan bằng tre) đuổi mấy con ruồi đậu trên bát ốc đã “nhể” sẵn.

Thi ngừng ăn trợn mắt nhìn tôi:

- Cái anh này ...!

Tôi nhớ lại những hình ảnh ấy như những kỷ niệm vui.

Trong các món ăn với bún của người Hà Nội thì phải đặc biệt kể đến “bún chả” Đồng Xuân. Ôi, cái mùi thịt “ba rọi” được thái thành từng miếng nhỏ, to và dài bằng độ hai ngón tay giữa, được ướp sẵn gia vị và kẹp vào giữa hai thanh nan tre. Những “xâu” thịt này được nướng trên bếp “than củi”, mỡ của thịt chảy xuống than hồng tạo nên những tiếng xèo xèo và tỏa khói. Để thịt nướng khỏi cháy, người ta phải quạt bếp than liên tục để ngọn lửa không bốc lên cao làm cháy thịt. Mùi thơm thịt nướng cuốn theo gió bay đi xa làm “điếc mũi” những người đói bụng.

Những món ăn ta thường thấy trong chợ phải kể thêm đến hàng bánh cuốn nhân thịt hay bánh cuốn trắng mỏng không có nhân thường được gọi là bánh cuốn “Thanh Trì” vì loại bánh cuốn này được sản

xuất ở làng Thanh Trì ngoại ô Hà Nội, một đặc sản nổi tiếng của làng này được truyền lại từ bao đời nay.

Những món ăn chơi bình dân và phổ thông của Hà Nội đã được đi vào văn học phải kể đến món phở



Bánh cuốn nhân thịt



Bánh cuốn "Thanh Trì"

Bắc, chả cá Lã Vọng, bánh tôm Cổ Ngư, bánh cuốn “Thanh Trì”, bún chả Đồng Xuân, thịt chó Yên Phụ, cốm Vòng, rồi với món bánh đúc chấm tương ăn với đậu rán, món tiết canh và cháo lòng... Đứng về mặt văn hóa ẩm thực của Hà Nội thì quả thực nó phong phú và đa dạng lắm.

Gió vẫn còn thổi mạnh.

Cái lạnh giá hắt nhanh vào da mặt khi tôi vừa bước ra khỏi nhà bếp. Tôi chạy vội trở về phòng học ở nhà trên. Gọi là phòng học chứ thật ra là phòng vừa để học vừa để ngủ. Một căn phòng ấm cúng và đơn giản.

Góc hiên, ngay cửa ra vào phòng học là một chậu hoa quỳnh.

Trong phòng, ngoài bàn học nhỏ kê ngay cửa sổ, một nhánh lan rừng treo lủng lẳng trên thanh ngang của cửa sổ ấy. Trên tường còn treo bức tranh "Tô nữ" và một tấm ảnh đen trắng của tôi chụp cách đây hai năm về trước. Chiếc tủ sách khiêm nhường nằm im lìm ngay đầu giường ngủ. Chị Thìn thường chăm sóc, dọn dẹp căn phòng này khi tôi đi học xa, vắng nhà.

Ngồi nhìn qua cửa sổ kính, tôi thấy những cơn gió hung hăng rung mạnh những cành cây. Không gian vẫn chìm trong màu xám đục. Tôi lại nhớ Hà Nội và nhớ tới Thi.

Hà Nội của tôi đẹp lắm, đẹp hơn hẳn lên vì Hà Nội có Thi. Thi và Hà Nội như quện vào nhau. Tôi có Thi để tôi đưa nàng đi thăm viếng những danh lam thắng cảnh và kể cho nàng nghe về những cái hay cái đẹp của văn hóa thủ đô nghìn năm văn vật này cùng với những thăng trầm trong chiều dài lịch sử nghìn năm của Thăng Long-Hà Nội.

Hà Nội, đối với tôi, mang hình ảnh của một con người phong nhã nhưng trưởng thành qua từng trải để đứng hiên ngang mãi mãi trong trời đất. Nó mang vẻ hiên ngang của tiền nhân trong công cuộc dựng nước và giữ nước trước những cuộc xâm lăng của quân thù phương Bắc. Những vết tích oai hùng đó còn in đậm, ghi dấu trên từng thước đất của Hà Nội

ngày nay. Không phải Hà Nội chỉ có di tích lịch sử không thôi mà nó còn mang cả những di tích văn hóa đặc thù từ nghìn xưa, một nền văn hóa nhân bản lấy con người làm gốc.

Trong những ngày đi chơi bên nhau, tôi cố lợi dụng sự gần gũi ấy để giải thích cho Thi biết thêm về Hà Nội. Tôi say sưa kể cho Thi biết cái tên thủ đô Hà Nội không phải là cái tên duy nhất của nó, cũng không phải Hà Nội chỉ là sự đổi tên đơn thuần từ thủ đô Thăng Long có cách đây gần đúng một nghìn năm, mà Hà Nội là cái tên cuối cùng của một *chuỗi dài thay đổi tên* qua nhiều triều đại hay qua nhiều biến cố lịch sử khác nhau.

Giải thích cho Thi nghe về những thay đổi tên của Hà Nội quả thật không dễ dàng gì với cái tuổi mười lăm, mười sáu của nàng, cái tuổi còn thích nghe chuyện cổ tích hơn là thích nghe những biến cố lịch sử. Tuy nàng có thể thích thú đấy, nhưng đôi khi tôi tưởng như thật khó khăn với những cái tên địa danh hay ngày tháng trong lịch sử mà nàng cần phải nhớ.

Tôi đã kể cho nàng nghe về những chuỗi tên của Hà Nội được thay đổi từ trước và sau khi mảnh đất này trở thành kinh đô Thăng Long được thành hình vào năm 1010.

Vào thời kỳ nghìn năm Bắc thuộc, đất Hà Nội ngày nay, lúc đó mới chỉ mang những địa danh mà những cơ quan cai trị đầu não của kẻ đô hộ đặt ra,

và những tên ấy được thay đổi qua nhiều triều đại thống trị khác nhau của người Tàu phương Bắc.

Vào đời Đông Hán, giặc gọi nó là *huyện Long Biên*. Huyện Long Biên nằm cả hai bên phía bắc và phía nam sông Hồng. Vào đời nhà Tống, năm 454, Hiếu Vũ Đế cho di chuyển cơ quan cai trị sở tại của chúng sang bờ phía nam của Long Biên, tức sang bên bờ phía nam sông Hồng để lập thành *huyện Tống Bình* cho gần nơi phát triển thương nghiệp của dân ta lúc đó được gọi là Kẻ Chợ, tức khu 36 phố phường của Hà Nội ngày nay.

Vào năm 545, vua Lý Nam Đế, sau khi khởi nghĩa đuổi quân Tàu về nước, lên ngôi vua, đóng đô ở Long Biên và đã cho xây thành ở cửa sông Tô Lịch, một trong hai chi nhánh của sông Hồng là sông Tô Lịch và sông Kim Ngưu chạy bao bọc phía tây và phía nam của huyện Tống Bình. Có lẽ đây là thành đầu tiên được vua Lý Nam Đế cho xây dựng để chống lại quân nhà Lương thuộc nội thành Hà Nội ngày nay.

Sang tới đời nhà Đường cai trị nước ta, vào năm 767, thái thú Trương Bá Nghi cho xây đắp thành La ở vị trí mới cách sông Tô Lịch khoảng 200 thước. Vào năm 824, Lý Nguyên Gia cho di chuyển cơ quan trị phủ sang bờ phía bắc của sông Hồng, nhưng chỉ một năm sau vua nhà Đường bắt Lý Nguyên Gia phải di chuyển trở lại phủ thành Tống Bình bên bờ phía nam sông Hồng như cũ và mở rộng thêm thành La cho sát thêm vào Kẻ Chợ. Đến năm 866, Cao

Biên cho đắp thêm thành vòng ngoài của thành La với quy mô rất rộng bao phủ cả khu kinh tế Kẻ Chợ và được đổi tên thành thành Đại La. Một vài đoạn của vòng ngoài của thành Đại La vẫn còn tồn tại tới ngày nay.

Vào thời kỳ tự chủ, mở đầu thời kỳ này bằng chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng vào năm 938 của Ngô Quyền. Vua Ngô Quyền đóng đô ở Cổ Loa, kinh đô cũ đời vua An Dương Vương xây dựng nên vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, cách Hà Nội ngày nay khoảng 12 cây số, thuộc huyện Đông Anh. Sau đó, những chuyện can qua nội bộ trong nước xảy ra đã đưa tới nạn 12 sứ quân. Và để rồi, tới năm 968 vua Đinh Tiên Hoàng Đế thống nhất đất nước, lấy quốc hiệu là Đại Cồ Việt, lập nên nền tự chủ tự cường, sánh mình ngang hàng với Đại Hán, Đại Đường, Đại Tống bên Tàu. Nhà Đinh đóng đô ở Hoa Lư và truyền ngôi được 12 năm. Hết nhà Đinh thì tới nhà Tiền Lê (Lê Đại Hành) rồi sang tới nhà Lý, kinh đô vẫn ở Hoa Lư. Vừa lên ngôi vua năm 1010, vua Lý Thái Tổ nhận thấy đất Hoa Lư chật hẹp, núi non hiểm trở, chỉ có lợi cho phòng thủ chứ không phải là đất có thể phát triển kinh tế và xây dựng đất nước lâu dài



Chiếu dời đô của vua Lý Thái Tổ

nên ngài quyết định dời đô về thành Đại La. Vào thời bấy giờ ở đây đã có một nền kinh tế phồn thịnh kể cả nội thương lẫn ngoại thương. Và hơn nữa, vào thời Lý Công Uẩn, nền tự chủ nước ta đã vững mạnh sau chiến thắng nhà Tống của vua Lê Đại Hành. Khi dời đô về thành Đại La năm 1010, theo truyền thuyết, vua Lý Thái Tổ thấy một con rồng từ thành Đại La bay vút lên trời nên Ngài liền đổi tên thành Đại La thành kinh đô Thăng Long. *Tên Thăng Long có bắt đầu từ đó.*

Cái nhìn xa “nghìn năm” của vua Lý Thái Tổ đã là yếu tố quan trọng để đưa đất nước ta đến chỗ phát triển cực thịnh về mọi mặt cả về quân sự, chính trị, kinh tế, văn hóa và tôn giáo trong suốt hơn 200 năm cai trị của nhà Lý (1010-1225), mà tiêu biểu nhất là đã mở đầu cho sức mạnh quân sự thời đó bằng cuộc đánh chiếm Ung Châu, Khâm Châu, Liêm Châu (tức Quảng Đông, Quảng Tây ngày nay bên Tàu, bấy giờ thuộc nhà Tống) vào năm 1076 của danh tướng Lý Thường Kiệt. Dân ta có câu “*Nực cười châu chấu đá xe, Tưởng rằng chấu ngã ai dè xe nghiêng*”, ý nói về trận chiến oanh liệt này. Cái nhìn xa “nghìn năm” ấy cũng đã đóng góp vào sự tồn hưng oai hùng của con cháu nghìn năm sau. Thăng Long đã dự phần vào những đại thắng quân Nguyên dưới đời nhà Trần và đại thắng quân Thanh dưới đời Tây Sơn với Bắc Bình Vương Nguyễn Huệ. Vào đời nhà Trần (1225-1400) Thăng Long vẫn là kinh đô của nước Đại Việt ta.

Khi Hồ Quý Ly cướp ngôi nhà Trần lập nên nhà Hồ vào năm 1400, nhà Hồ đổi quốc hiệu là Đại Ngu và dời đô vào thành mới ở Yên Tôn thuộc Thanh Hóa. Nhà Hồ đặt tên kinh đô mới là Tây Đô còn Thăng Long được đổi tên là *Đông Đô*.

Vào năm 1406, nhà Minh nhân lấy cớ đem quân sang nước ta để trừng phạt nhà Hồ đã soán ngôi nhà Trần với thâm ý xâm chiếm nước ta. Dưới thời quân Minh chiếm đóng nước ta, chúng đã đổi tên thành Đông Đô thành *Đông Quan*.

Tháng 4 năm 1428 Lê Lợi đánh đuổi quân Minh ra khỏi bờ cõi rồi lên ngôi, vua Lê Thái Tổ đã khôi phục lại quốc hiệu là Đại Việt và cho đổi tên từ Đông Quan dưới thời quân Minh chiếm đóng thành *Đông Kinh*.

Năm 1527, nhà Mạc chiếm ngôi nhà Lê đổi tên *Đông Kinh* thành *Thăng Long* trở lại. Và tiếp theo đó, sau khi đánh tan nhà Mạc, thời gian vua Lê - chúa Trịnh kinh đô vẫn được giữ tên là Thăng Long.

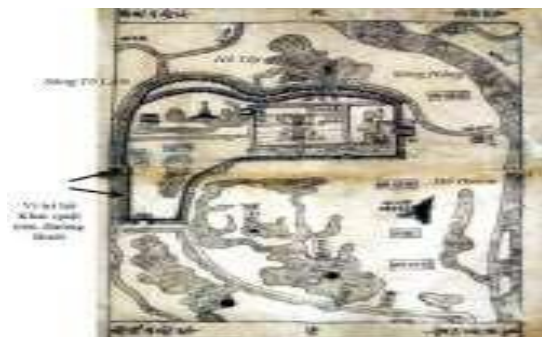
Sang đời nhà Nguyễn, vua Gia Long dời đô vào Huế nhưng vẫn giữ tên Thăng Long cho tới đời vua Minh Mạng thứ 12 (1831) cải tổ lại guồng máy hành chính. chia nước ta ra làm 29 tỉnh và Thăng Long thuộc tỉnh Hà Nội. *Tên thành phố Hà Nội bắt đầu có từ ngày đó.*

Tóm lại, kể từ thời gian đất nước có nền tự chủ, sau bao cuộc bể dâu, Thăng Long đã được đổi tên

từ Thăng Long (nhà Lý), Đông Đô (nhà Hồ), Đông Quan (thời quân Minh chiếm đóng), Đông Kinh (nhà hậu Lê), Thăng Long (từ nhà Mạc tới thời Lê-Trịnh), rồi Hà Nội (nhà Nguyễn).

Di tích của thành Thăng Long được xây dựng và sửa đổi theo mỗi triều đại. Dưới đời nhà Nguyễn, vua Gia Long dời đô vào Huế đã cho phá hủy toàn bộ hoàng

thành cũ và cho xây lại một thành Hà Nội mới với quy mô nhỏ hơn. Năm 1835 vua Minh Mạng đã cho hạ



Thành Hà Nội

thấp bức tường thành xuống còn 3 mét, thành ngoài cũng bị thu hẹp lại ở phía tây và bắc, hai mặt còn lại vẫn giữ nguyên. Thành Hà Nội dưới thời nhà Nguyễn có 16 cửa ô, riêng phía đông có 11 cửa ô.

Trong những thế kỷ trước, Hà Nội còn là vùng đất trũng có nhiều hồ và sông rạch, có nơi phải di chuyển bằng thuyền. Hà Nội được bao bọc bởi sông Hồng ở phía đông với nền thương mại sầm uất trên bến dưới thuyền. Phía Tây có sông Tô Lịch và phía nam có sông Kim Ngưu.

Sông Tô Lịch ngày xưa là con sông đẹp của kinh đô, nó lấy nước từ sông Hồng. Nhưng nay, nhiều



Thành Hà Nội thời nhà Nguyễn

đoạn sông đã bị lấp đi hay thu nhỏ lại chỉ còn bé như con rạch chết với nước tù đọng. Ta còn giữ được vài câu thơ về con sông Tô Lịch thời xưa như:

*Sông Tô nước chảy trong ngần,
Con thuyền buồm trắng lại gần lại xa.*

Và:

*Nước sông vừa trong vừa mát,
Em ghé thuyền anh lại sát thuyền em.
Dừng chèo mới ngỏ tâm tình,
Sông bao nhiêu nước thương mình bấy
nhiều.*

(Không rõ tác giả)



Ngoài sông ngòi, Hà Nội có nhiều hồ mà hai hồ nổi tiếng vì giá trị di tích lịch sử và thắng cảnh là hồ Hoàn Kiếm và Hồ Tây. Hồ Hoàn Kiếm có đền Ngọc Sơn với cầu Thê Húc. Một biểu tượng tinh thần hiếu học, trọng kẻ sĩ là Tháp Bút và Đài Nghiên đã được tiến sĩ Phương Đình Nguyễn Văn Siêu cho xây dựng chung với quần thể đền Ngọc Sơn năm 1865.



Hồ Hoàn Kiếm với đền Ngọc Sơn và cầu Thê Húc

Hồ Tây, tự bản thân nó đã mang nhiều truyền thuyết lý thú, mà ngay cả một thắng cảnh tọa lạc ven bờ Hồ Tây là đền Phủ Tây Hồ cũng mang một truyền thuyết thơ mộng đầy huyền bí. Theo kể lại thì ngay tại nơi Phủ Tây Hồ này, bà chúa Liễu Hạnh đã gặp Trạng Bùng Phùng Khắc Khoan cùng cử nhân Lý và tú tài Ngô đã từng xảy ra những cuộc xướng họa của trai tài gái sắc trên lầu thơ. Sau này dân chúng lập đền thờ bà chúa Liễu Hạnh ở đây, khói hương nghi ngút quanh năm.

Ngoài hai hồ trên, Hà Nội còn có hồ Thiên Quang (hồ Ha-Le, thời Tây), hồ Bảy Mẫu, hồ Trúc Bạch và một số hồ nhỏ khác nữa.

Hà Nội không phải chỉ có thắng cảnh và di tích lịch sử oai hùng của dân tộc không thôi mà nó còn là cái nôi của tâm linh, của văn hóa, văn học bản địa của cả nước qua những đình, đền, chùa và miếu.

Đứng về mặt tâm linh, ngay từ ngày vua Lý Thái Tổ bắt đầu dời đô về đây, ngài đã cho lập *Tứ Trấn* thờ bốn vị thần linh để mong những vị thần này giúp đỡ ngài bảo vệ ở bốn phương đông, tây, nam, bắc của thành Thăng Long.



Đền Quán Thánh



Tượng Trần Vũ

Phía bắc có thần *Trấn Vũ* tức đền Quán Thánh bây giờ. Đền được coi như thắng cảnh nổi tiếng ngày nay của thủ đô với bức tượng đồng Trần Vũ có chiều cao 3,96 mét nặng 4 tấn do dân làng Ngũ Xá đúc. Nơi đây có những cây muỗm trồng từ thời Lý, Trần còn tồn tại tới ngày nay.



Đền Cao Sơn

Phía nam có đền *Cao Sơn*. Ngài là vị tướng đời Hùng Vương thứ 18, đánh đuổi giặc phương Bắc, khi chết ngài được lập đền thờ ở đây. Đến khi vua Lý Thái Tổ dời đô, đền này được sát nhập vào Thăng Long. Trong đền thờ có ba chữ đại tự “Trần Nam Vương” nói lên cái chức vụ của vị thánh này.

Phía tây có đền *Thủ Lệ* thờ thái tử Hoảng Chân con vua Lý Thánh Tông, hay còn gọi là đền *Voi Phục* vì có hai con voi phục ngoài cổng đền. Thái tử cũng được phong là Linh Lang Đại Vương do có công cùng Lý Thường Kiệt diệt giặc Tống. Bên cạnh đền có hồ Linh Lang. Cổng đền có hai câu đối: *Thiên Nam cổ tích địa. Thượng Đẳng tối linh từ.* (Ý nói, ở cõi trời Nam, đây là nơi cổ tích, đền thờ của thần Thượng đẳng tối linh). Đền Thủ Lệ gần sát với sở thú bây giờ.



Đền Thủ Lệ hay đền Voi Phục

Phía đông có đền Bạch Mã, thờ thần *Bạch Mã*. Đền tọa lạc ở ngay trung tâm thành phố, nằm trên phố Hàng Buồm. Ngay cổng vào đền có hàng đại tự “*Bạch Mã Tới Linh Từ*.” Trong đền có câu đối: *Hiển thánh thần uy nhất dạ linh phong đằng phạm mã. Huy hoàng hỏa tức thiên thu vượng khí trấn Thăng long*. (Ý nói, uy linh của thần rất hiển hách, chỉ một đêm thôi, và một ngọn gió thiêng, ngồi trên con

ngựa quý để chỉ vẽ cho vua Lý Công Uẩn về cách xây dựng thành Thăng Long). Vào đời nhà Trần, Thượng tướng Thái sư Trần Quang Khải ghé đây có đề bài thơ và Đức Trần Hưng Đạo trước khi đi đánh giặc Nguyên cũng ghé đền này để cầu xin Thần phù hộ và có đề thơ mà nay còn lưu giữ lại được trong đền. Đền Bạch Mã còn có bộ kiệu “bát cống” tám người khiêng, sơn son thếp vàng. Kiệu này là công trình chạm trổ rất mỹ thuật và công phu được coi là báu vật về nghệ thuật chạm trổ của cả nước.



Đền Bạch Mã

Nhắc đến đền Bạch Mã làm tôi lại không quên được một kỷ niệm vui vui.

Hai anh em chúng tôi, sau khi đi chơi phố cổ, ghé lại hàng quà ngay trên vỉa hè bên đền Bạch Mã để nghỉ chân. Trên vỉa hè Hà Nội thường có những quán hàng “dã chiến” như thế này, bày bán vài thứ quà vật như nải chuối, hũ kẹo vừng, kẹo bột, vài phong bánh khảo, vài cái oản, dăm phong thuốc lá lẻ và hai cái điều cây dành cho khách sử dụng. Chủ yếu của quán là nồi nước chè xanh hoặc chè vối to. Và khách hàng của quán cũng chủ yếu là những người lao động như bác kéo xe tay, bác xích lô đạp, mấy bà bán hàng rong ghé vội qua hàng uống bát chè nóng hay ăn quả chuối, viên kẹo rồi lại tất tả đi ngay. Quán hàng tuy nhỏ bé, hàng bày bán chỉ vừa đủ trên một chiếc chõng tre, thêm vài chiếc ghế thấp lè tè, ấy thế mà lợi tức của nó cũng đủ nuôi ăn một gia đình trung bình vài ba người. Sau khi chúng tôi ăn xong cái bánh gai, đứng lên toan đi thì bà bán hàng dúi vào tay Thi một cái kẹo bột. Một bà đang ngồi uống nước buột miệng khen Thi:

- Con gái nhà ai mà xinh thế, da mặt cứ trắng hồng lên thôi !

Câu khen đó làm Thi lúng túng, ấp úng chào hai bà và cảm ơn bà hàng về chiếc kẹo bột bà vừa mới cho. Kẹo bột là loại kẹo làm bằng bột ngào đường, to bằng ngón tay cái, chỉ cần cắn nhẹ cũng đủ làm nó vỡ làm đôi.

Đi được một quãng xa, mặt nàng vẫn còn hí hửng với lời khen vừa rồi. Thi nhìn tôi mỉm cười hỏi nhỏ như sợ người đi đường nghe thấy:

- Em đẹp thật hả?

- Ừ, đẹp.

Nàng hỏi tiếp:

- Thế em đẹp giống ai?

Tôi ưỡn ngực chỉ vào tôi nói đùa:

- Đẹp giống anh.

Thi phá lên cười rồi “véo” vào cánh tay tôi:

- Thế thì em trông xấu lắm rồi!

Tôi cũng cười theo.

Trở lại câu chuyện với Hà Nội.

Đứng về mặt văn hóa, một biểu tượng rất rõ nét về văn hóa của Hà Nội, ấy chính là Văn Miếu. Văn Miếu được xây dựng từ đầu đời nhà Lý, dưới đời Lý Thánh Tông (1070).

Những dấu vết của Văn Miếu dưới thời Lý, Trần thì nay không còn nữa. Toàn bộ kiến trúc mà ta thấy ngày nay được xây dựng vào đời cuối nhà Lê thuộc thế kỷ 18. Kiến trúc sau cùng đóng góp vào Văn Miếu là cổng *Khuê Văn Các* được xây dựng dưới thời vua Minh Mạng nhà Nguyễn vào năm 1812. Đây là kiến trúc mới nhưng đẹp và rất hài hòa với kiến trúc tổng thể của Văn Miếu. Nó được xây như

một phương đình hình vuông, 8 mái, có đại tự “Khuê Văn Các” ở phía dưới. Cổng Khuê Văn Các này là đối tượng của những nhà họa sĩ hay nhiếp ảnh và cũng như chùa Một Cột nó là hình ảnh biểu tượng của thủ đô Hà Nội ngày nay.



Văn Miếu



Khue Văn Các - (người viết đang quay phim)

Nếu tính từ ngoài vào, ta sẽ thấy cổng ngoài cùng gọi là *Cung Văn Miếu Môn*, tiến vào trong qua cửa Đại Trung, qua Khuê Văn Các rồi tới hồ nước mang tên *Dương Quang Tĩnh* (giếng phản chiếu ánh sáng trời).

Hai bên hồ Dương Quang Tĩnh là hai hàng bia tiến sĩ, mỗi bia được đặt trên lưng một con rùa lớn bằng đá. Gồm tất cả 1306 tiến sĩ đời Lê (1428-1788). Có 82 tấm bia để trên lưng của 82 con rùa lớn mà đặc biệt hình dáng của chúng không con nào giống con nào. Trên tấm bia đầu tiên ghi lại danh sách các vị tiến sĩ năm Đại Bảo (1442), trong đó có tiến sĩ đệ tam giáp Ngô Sĩ Liên, tác giả bộ *Đại Việt Sử ký Toàn thư*. Tấm bia tiến sĩ đời Cảnh Hưng (1775), có một hàng chữ bị đục bỏ đi, tên ông nghề cũng bị đục nhưng vẫn còn đọc được, đó là Ngô Thời Nhậm, vị tiến sĩ của nhà Lê nhưng theo nhà Tây Sơn làm tới Tả Thị Lang đời vua Quang Trung.

Qua Dương Quang Tĩnh, tới cổng *Đại Thành* có 3 đại tự “Đại Thành Môn.” Bên phải có hàng tiểu chú “*Lý Thánh Tông, Thần vũ nhị niên, Canh tuất (1007)*”, tấm biển này đã được khắc lại từ đời vua Đồng Khánh thứ 3 (1888).

Qua Đại Thành Môn là một sân lớn làm mở rộng tầm nhìn. Hai bên sân lớn là hai dãy nhà *Tả, Hữu*. Dãy nhà bên Hữu thờ ngài Chu Văn An, một người thầy kính yêu của cả dân tộc.

Trước mặt, phía cuối sân là nhà *Đại Bái*, một kiến trúc đẹp và bề thế, hiếm quý của nhà Lê, xây dựng vào thế kỷ thứ 18. Trong toà *Hậu Cung* của Văn Miếu, gian chính giữa thờ Đức Khổng Tử có ghi là “*Vạn Thế Sư Biểu*” tức người thầy muôn đời. Hai bên ngài Khổng Tử có thờ “tứ phối” tức bốn vị đại nho là Nhan Hồi, Tăng Tử (Tăng Sâm), Tử Tư và Mạnh Tử. Với Văn miếu, ta thấy đạo Khổng đã ăn sâu vào lòng dân tộc ta từ bao đời.

Khu *Quốc Tử Giám* là tập thể kiến trúc sau cùng của Văn Miếu, là nơi đào tạo nhân tài qua nhiều triều đại. Sau bị chiến tranh tàn phá toàn bộ khu vực này.

Sự hiện diện của đạo Nho (Khổng giáo) ở nước ta đã có mặt từ lâu nhưng chỉ phát triển mạnh từ đời Hậu Lê trở về sau này. Vào thời Lý, Trần, Phật giáo ở nước ta được đưa lên hàng *quốc giáo* và phát triển mạnh bậc nhất trong toàn nước từ vua quan đến dân chúng. Nhiều chùa chiền được xây dựng ở Thăng Long, mà cao điểm phát triển Phật giáo Đại thừa của nước ta phải kể là, sau khi thắng quân Nguyên, vua Trần Nhân Tông đã truyền ngôi cho con rồi từ bỏ triều đình lên núi Yên Tử tu hành lập nên phái tu thiền Trúc Lâm còn tồn tại tới ngày nay.

Chùa, đền ở Hà Nội thì nhiều lắm, nhưng tiêu biểu nhất thì phải kể là chùa Một Cột, chùa Trấn Quốc và chùa Láng . . . gò Đống Đa, đền Đồng Cổ.

Chùa Một Cột - Ngôi chùa này được cho là có từ đời nhà Đường, dưới thời Cao Biền sang trấn ở xứ ta. Cao Biền đã cho xây thạch trụ, ở trên có tòa thờ Phật. Nhà Lý định đô ở Thăng Long, cứ theo nếp cũ mà làm chùa Một Cột. Nhưng theo sử chính thông của ta thì ngôi chùa này được xây vào đời vua Lý Thái Tông (1049) và được trùng tu và tái tạo nhiều lần. Lần quan trọng nhất là dưới triều Lý Nhân Tông, giữa hồ vuông có dựng một cột đá, trên cột đá có chạm đóa hoa sen nghìn cánh và trên đóa hoa sen nghìn cánh đó dựng một ngôi chùa, có tượng vàng tạc Phật Quán Thế Âm Bồ Tát để thờ.

Ngôi chùa này ban đầu nằm ở phía ngoài cửa Tây của Thăng Long và mục đích là để cầu thọ cho vua Lý Thánh Tông cho nên mới mang tên “*Thiên Hư Tự*.”



Chùa Một Cột (chụp năm 1922)

Trong tấm bia Thiên Phù dựng năm 1121 có ghi, ở bên trong là hồ vuông, bên ngoài là hồ tròn. Giữa hồ vuông và hồ tròn có bắc cái cầu để băng qua. Phía trước chùa, trước cửa phía công viên có xây hai toà tháp. Qua thời gian, chùa này bị hư hại nhiều⁽²⁾.

Chùa Trấn Quốc - Chùa Trấn Quốc là một thắng cảnh nổi tiếng của Hà thành. Ban đầu chùa được xây dựng ở ngoài bãi bờ sông Hồng thuộc phường Yên Phụ từ đời Tiền Lý Nam Đế, thế kỷ thứ 6, gọi là chùa *Khai Quốc*. Sợ bờ sông vỡ lở, chùa bị lở xuống sông nên sau khi xây nội đô đã di chuyển chùa vào bên Hồ Tây, ở chỗ đảo Kim Ngưu. Đến năm 1624, bắt đầu xây đề đốc đường Cổ Ngự ngày nay, đã làm con đường ranh giới giữa chùa và bản phường Yên Phụ. Tới năm 1628 mới trùng tu và sửa chữa hành lang.

Đời Lý, đời Trần chùa vẫn được giữ nguyên tên Khai Quốc, qua đời nhà Lê đổi là *Trấn Quốc*. Đến đời cuối Lê tức thời vua Lê chúa Trịnh thì chùa bị đổi tên thành *Trấn Bắc*. Chúa Trịnh Sâm là tay ăn chơi hưởng lạc đã biến chùa này thành hành cung hưởng lạc cùng cung nữ ở đây. Bà Huyện Thanh Quan đã có câu thơ :

*Trấn Bắc hành cung cỏ dãi dầu,
Chạnh lòng cố quốc nghĩ mà đau.*

(2) Tháng tư, năm 1955, kẻ phá hoại đã đặt mìn phá sập toàn bộ chùa này. Sau đó, dựa trên kiến trúc cũ, chùa được xây dựng lại như ngày nay.

Khi nhà Trịnh suy, chùa lại được khôi phục và *đổi lại thành tên Trấn Quốc như cũ* rồi giữ tên đó cho tới ngày nay.

Vào đời nhà Lý, chùa Khai Quốc (Trấn Quốc ngày nay), là một trung tâm thiền phái rất lớn. Đức Thái hậu Ý Lan đã mở tiệc chay ở chùa để hội với các sư và đặc biệt quốc sư Thông Biện đã giảng cho Thái hậu Ý Lan và các đồng đạo biết về lai lịch Phật giáo Việt nam. Nếu không có những bài giảng này thì lịch sử Phật giáo nước ta sẽ còn mơ hồ. Ngoài ra chùa Trấn Quốc còn có cái chuông được đúc vào đời vua Tây Sơn, niên hiệu Bảo Hưng, nay vẫn còn.

Chùa Láng - Chùa Láng được tiêu biểu cho sự hoà đồng tam giáo, Phật giáo, Nho giáo và Lão giáo. Chùa Láng được xây dựng từ đời nhà Lý. Trên cổng chùa có đại tự “*Chiêu Thiên Môn*” tức cửa chùa Chiêu Thiên, dân ta gọi nôm na là chùa Láng vì chùa tọa lạc tại làng Láng. Trước cổng chùa là sông Tô Lịch và chùa quay về hướng tây tức là hướng về Tây Trúc (Ấn Độ). Ngôi chùa này được xây dựng theo kiểu tiền Phật, hậu Thần.



Chùa Láng

Vào đời nhà Lý, sư trụ trì là ngài Từ Đạo Hạnh. Nhưng hậu thân của ngài Từ Đạo Hạnh lại là vua Lý Thần Tông nên chùa Láng vừa thờ Phật, vừa thờ Thần (sư trụ trì Từ Đạo Hạnh) lại cùng thờ cả vua (Lý Thần Tông), mà thờ vua thì phải có 3 tam quan. Và cũng vì lý do đó nên chùa Láng có nhiều tam quan hơn những chùa khác vì có thờ vua nên chiều sâu của chùa cũng rất là sâu.

Chùa có nhiều cây muỗm trồng dọc theo lối vào chùa. Vào đời Lý Trần, nhà vua khuyến khích trồng cây trong kinh đô. Riêng nhà Trần cho trồng 500 cây muỗm tại những nơi thắng cảnh và chùa chiền nên niên đại của những cây muỗm ở đây phải hơn 500 năm. Qua cửa tam quan thứ ba của chùa, ta thấy ngay trong sân chùa có tòa nhà bát giác được xây dựng vào thời nhà Lê.

Theo các nhà nghiên cứu dịch học, tòa nhà bát giác này mang ý nghĩa tượng trưng cho 8 quẻ trong kinh dịch của nhà Nho tức *càn, khảm, cấn, chấn, tốn, ly, khôn, đoài*. Tòa nhà bát giác có hai mái, mỗi mái 8 cạnh nên nhân lên thì tương ứng với 64 quẻ, tương ứng với tâm thức Nho giáo của người Việt ta.

Ngoài ra, trong chùa còn được trang trí long, ly, quy, phượng, cũng có tính chất “tứ linh” của Nho giáo và thêm vào đó là những hình ảnh xuất thế của Lão Trang thuộc đạo Lão qua những bức tranh sơn thủy.

Nói tóm lại, chùa Láng là một hình ảnh nổi bật tinh thần hòa đồng tam giáo Phật, Nho, Lão của người xưa và nó cũng chứng tỏ tinh thần khoan dung về tôn giáo chứ không có tinh thần độc tôn về tôn giáo như một số dân tộc khác. Tinh thần này cũng phù hợp tinh thần nhân bản của người Việt mà tinh thần nhân bản ấy được thể hiện rất rõ ràng qua *Gò Đống Đa*.

Gò Đống Đa - Vào năm Kỷ Dậu (1789), Thăng Long đắm chìm trong trận chiến giữa vua Quang Trung và 29 vạn binh của quân Mãn Thanh, mà trận chiến chính yếu và quyết định được diễn ra ở khu gò Đống Đa này. Người tướng lãnh chỉ huy trận đánh là Đô đốc Đông Lĩnh Hầu Đặng Tiến Phong. Sau trận chiến oanh liệt của quân ta, quân Mãn Thanh chết rất nhiều phải chôn tập thể thành những gò rải rác, gò chính là gò Đống Đa to lớn như ta thấy ngày nay. Trên đỉnh gò Đống Đa có miếu Trung Liệt đề thờ những chiến binh ta đã hy sinh tử tiết cho dân tộc trong trận chiến.

Gần gò Đống Đa, băng qua con đường cái phía trước, đó cũng là quan lộ cũ để vào cửa ngõ phía nam của thành Thăng Long tức *Ô Chợ Dừa*, ta thấy một ngôi chùa tên là *Đông Quang Tự*. Đây là bãi chiến trường diễn ra rất ác liệt và quân của hai bên cùng tổn hại rất nhiều. Và chính bãi chiến trường này, sau đó đã trở thành bãi tha ma chôn xác của quân ta và cả xác giặc thù.



Gò Đống Đa

Sau khi chiến thắng, ta cho lập một cái am gọi là Am Chúng Sinh để chiêu hồn các chiến sĩ của ta lẫn của địch đã chết trong trận chiến mùa Xuân năm Kỷ Dậu. Công việc này đã chứng tỏ *tinh thần nhân bản* của dân tộc ta, khi đã chiến thắng rồi thì không còn phân biệt là ta hay địch nữa, tất cả đều được đối xử như nhau. *Tinh thần ấy của người xưa thật cao*

cả thay. Sau này chùa Đồng Quang được xây dựng lên để thờ Phật nhưng vẫn giữ Am Chúng Sinh bên hông chùa để thờ vong linh các chiến sĩ năm xưa. Trong am này, ngày nay người ta cũng thờ cả vua Quang Trung.

Ngoài những di tích tiêu biểu kể trên, Hà Nội còn mang một nét văn hóa vô cùng độc đáo, đó là *đền Đồng Cổ* mà hiện nay rất ít người lưu tâm đến. Đền Đồng Cổ, thoát tiên được lập ở Thanh Hóa để thờ trống đồng, một biểu tượng văn hóa thời vua Hùng Vương, thời kỳ rực sáng của nền văn minh đồ đồng Đông Sơn mà theo các nhà khảo cổ thì đất nước ta là cái nôi của nền văn minh ấy.

Vào đời nhà Lý, đền Đồng Cổ được chuyển ra Thăng Long và lập nên *hội Thề* năm 1028. Con cháu nhà Lý hàng năm tụ tập về đây để cùng nhau thề trung thành với dòng họ Lý và nước Đại Việt. Đây là một vết son của nền văn hóa Lạc Việt, lấy nhân nghĩa, trung tín làm nền tảng.



Đền Đồng Cổ

Kể về Hà Nội tôi không thể không đọc cho Thi nghe bài thơ “*Thăng Long Thành Hoài Cổ*” nổi tiếng của Bà Huyện Thanh Quan được viết dưới triều vua Lê chúa Trịnh, thời kỳ nhiễu nhương của đất nước. Bà người làng Nghi Tàm bên Hồ Tây.

*Tạo hóa gây chi cuộc hỉ trường,
Đến nay thấm thoát mấy tinh sương.
Lối xưa xe ngựa hồn thu thảo,
Ngõ cũ lâu đài bóng tịch dương.
Đá vẫn trơ gan cùng tuế nguyệt,
Nước còn cau mặt với tang thương.
Nghìn năm gương cũ soi kim cổ,
Cảnh đây, người đây luống đoạn trường.*



Thi ơi,

Anh đã đưa em đi thăm biết bao nhiêu thắng cảnh, di tích lịch sử của Thăng Long– Hà Nội để em hiểu và thấy được biết bao nhiêu công lao kể cả trí tuệ lẫn mồ hôi, xương máu để xây dựng, bảo vệ và

phát triển thủ đô Thăng Long– Hà Nội nói riêng và cho đất nước chúng ta nói chung. Thấy được cái công lao to lớn của người đi trước thì ta mới thấy được bổn phận và trách nhiệm của chúng ta và của những thế hệ mai sau.

Một ngàn năm xây dựng thủ đô Hà Nội không phải là thời gian quá dài so với chiều dài 4000 năm lịch sử của dân tộc, cũng không phải là quá ngắn đối với những công lao xây dựng, phát triển, bảo vệ mảnh đất thiêng này của tiền nhân, cùng với những giai đoạn thăng trầm mà nó đã có thể tự hào hay chịu đựng tủi hờn. Hà Nội luôn là trái tim của dân tộc ta. Nó có biết bao nhiêu biểu tượng thể hiện cho nền văn hóa độc lập, tự cường, tự chủ và luôn vươn mình lên cùng thế giới năm châu.

Qua những di tích biểu tượng ấy, ta thấy được *đức tin tâm linh* của dân ta, liên kết *trời-người-đất* qua những đền thờ Tứ Trấn; tinh thần *trung tín* với vua với nước qua đền thờ Đồng Cổ; *tinh thần nhân bản* qua Am Chúng Sinh ở khu gò Đống Đa; tinh thần *yêu chuộng văn học* và *trọng kẻ sĩ* qua nhà Văn Miếu hay Tháp Bút – Đài Nghiên của quần thể đền Ngọc Sơn bên bờ hồ Hoàn Kiếm; tinh thần *mở rộng tư tưởng* để đón nhận những học thuyết nhân bản của Phật giáo, Nho giáo, Lão giáo thể hiện qua những chùa chiền, và hơn nữa chúng ta còn *biết vận dụng sự hòa hợp nhiều học thuyết* để tạo nên cái riêng cho mình qua biểu tượng chùa Láng; tinh thần *sáng tạo độc đáo* qua *kiến trúc* của chùa Một

Cột; tinh thần *yêu chuộng huyền thoại* của cõi tiên và *tinh thần trọng nữ* qua đền Phủ Tây Hồ.

Ngoài ra tinh thần văn hóa đặc thù của dân tộc ta còn được thể hiện qua sự thờ phượng, tỏ lòng *không quên công ơn những người có công với dân với nước* được thể hiện rải rác khắp thủ đô Hà Nội như đền thờ bà Thái hậu Ý Lan tức đền thờ Bà Tắm, đền thờ Hai Bà Trưng, đền thờ Lý Thường Kiệt có công đánh giặc Tống, đền Lý Quốc Sư thờ thiền sư Lý Minh Không; đền Kim Mai thờ Thái sư Trần Khắc Chân, đền thờ Chu Văn An thờ người thầy khải kính, dâng sớ trăm nịnh thần, vua không nghe, từ quan về nhà dạy học... vân vân.

Thăng Long là di sản văn hóa của người xưa để lại cho chúng ta, chúng ta phải gìn giữ lấy và phát huy nó cho được sáng ngời thêm lên để có thể đem đến niềm tự hào cho thế hệ mai sau.

Gió vẫn rít mạnh từng cơn. Đám mây xám ùn ùn kéo đến báo hiệu một cơn mưa to nữa sắp sửa ập tới. Những tàu lá chuối đang phân phật bay như múa ngoài vườn, toí tả.

Sáng nay lạnh quá, lạnh đến gà thoi gáy. Một con chim lẻ loi đang lảo đảo trong bầu trời xám tìm đường về tổ hay đi kiếm ăn. Tôi biết giờ này Thi còn đương ngủ, giấc ngủ thật an bình, an bình như hình ảnh:

*Tay anh em hãy tựa đầu
Cho anh nghe nặng trái sầu rụng rơi*

(Huy Cận)

Thi đã có trái sầu chưa nhỉ, dù rất còn non? Tôi mỉm cười với ý nghĩ của mình. Em hãy ngủ yên bình. Khi tỉnh dậy em sẽ thấy một bình minh rạng ngời ánh ban mai lúc em vừa chợt nhớ tới anh. Anh đang nhớ tới em cũng như đang nhớ về Hà Nội của chúng ta.■



CHƯƠNG 4

Con Đường Thơm

Một buổi trưa chan hòa ánh nắng trong vắt như thủy tinh của một ngày nắng ấm cuối đông. Cảnh vật như bừng sáng dậy sau những ngày u ám. Tôi và Thi ngồi bên nhau tại một nơi vắng vẻ trong khu vườn sau nhà, dưới tàn cây mít gần bên chiếc cầu ao soi bóng lung linh trên mặt nước đang gợn sóng lăn tăn. Tuy không có những bông hoa hồng rực rỡ trong vườn hay những bông hoa dâm bụt (bông bụt) khoe sắc thắm bên hàng đậu nhưng tôi vẫn thấy được những bông hoa ấy đang nở rộ trong lòng. Tôi rất vui, vui vì Thi đang ở bên tôi.

Tôi ngồi bên Thi và nghe nàng nói. Thi nói huyền thuyên về những điều nàng nằm mộng đêm qua. Ánh mắt trong sáng ngây thơ của nàng hòa nhịp trong giọng nói hồn nhiên của một cô học trò ở lứa tuổi vừa chớm lớn, chưa một lần biết yêu đương và tan vỡ.

Tôi nghe Thi nói, nhưng mắt vẫn không rời khỏi bàn tay nàng đang múa may theo câu chuyện. Hai bàn tay ấy như cuốn hút lấy tôi. Và tôi muốn được nắm lấy chúng lúc này để gửi đến nàng thông điệp yêu thương của lòng tôi. Tôi biết, với lòng tin cậy

nơi tôi, Thi chỉ có thể hiểu được thông điệp ấy như một thông điệp thương yêu của một người bạn hay của một người anh. Nàng không thể nghĩ xa hơn về những điều tôi mong muốn. Và tôi cũng không muốn làm mất đi lòng tin cậy nơi một cô gái chưa một lần biết nghi ngờ như Thi. Tôi cố giữ được điều đó đến bao giờ, một câu hỏi lớn trong tôi!

Thi im lặng một lúc. Tiếng gió thì thảo thổi nhẹ. Vài chiếc lá cuối đông còn toong teng dính trên cành cây sung đong đưa. Con nhái từ trên bờ phóng xuống ao đến "tũm" làm tôi như tỉnh giấc. Thi từ nãy nói với tôi những điều gì tôi không còn nhớ rõ. Thi ngồi bó gối nhìn tôi mỉm cười.

- Anh đang nghĩ gì mà thần người ra thế?

- Không! Tôi chồi và mỉm cười với nàng.

Nếu Thi biết được những điều tôi vừa nghĩ về nàng, chắc nàng phải đỏ mặt và chạy trốn. *Cũng may, ông Trời đã không cho loài người cái khả năng siêu việt ấy nên cuộc đời vẫn cứ được bình an.*

Thi đứng dậy bỏ đi, một trong những chiếc lá mít nàng dùng để ngồi dính theo quần. Thi phải cho chiếc lá rơi xuống đất. Chiếc lá như còn vương vãn cuốn theo chân nàng. Tôi liên tưởng đến một đoạn thơ của nhà thơ Thái Can :

*Cánh hồng quyến luyến nơi chân ngọc,
Như muốn cùng ai sống phút thừa.*

(Trích “Chiều Thu” của Thái Can)

Thi tung tăng trong vườn. Khi tới sân gạch nhà trong, nàng nhặt một vật nhỏ ném mạnh về phía tôi nhưng không tới rồi nàng mất hút trong dãy nhà ngang. Tôi ngồi nhỏ những cọng cỏ vàng ủa một cách lơ đãng.

Chiếc áo len màu tím hoa cà của Thi lại vừa thoáng trong sân rồi hướng về phía cổng. Tôi đoán nàng đã ra ngõ về nhà. Một chút gì băng khuâng, vương vẩn trong lòng.

Tiếng hát ru con từ hàng xóm đưa sang. Tiếng ru con lúc nào cũng êm đềm tha thiết và cũng mang đến cho người nghe một chút buồn man mác. Tôi như :

*Tơ trời lơ lửng vượn mình uốn,
Đến nói duyên mình với cõi không.*

(Trích “Tơ Trời Với Tơ Lòng” của Thanh Tịnh)

Nắng vẫn tươi, gió vẫn thổi nhẹ, chim vẫn hót trên cành, khóm tre vẫn uốn mình kéo kẹt đu đưa, và chiếc lá mít Thi ngồi lúc này vẫn còn vương trên cỏ ủa, nhưng chỉ riêng mình tôi bỗng sao thấy có cái gì trống vắng xa xăm khi nàng bỏ đi.

Tôi ngồi dựa hẳn người vào thân cây mít, hai bàn tay đan sau gáy, tư lự nhìn trời xanh, thả hồn nhớ tới hình bóng của Thi tưởng chừng như nàng đang tung tăng trên con "đường thơm", thơm mùi tóc quện với hương “bồ kết” xen thoảng lẫn mùi chanh theo gió nhẹ tỏa đi xa. Chiếc áo len màu tím

như còn thấp thoáng ẩn hiện sau rặng tre xanh đầu
ngõ.

*Đường trong làng: hoa dại với mùi rom ...
Người cùng tôi đi dạo giữa đường thơm ...
Một buổi trưa không biết ở thời nào,
Như buổi trưa nhẹ nhẹ của ca dao,
Có cu gáy, có bướm vàng nữa chứ,
Mà đôi lúa đứng bên vườn tình tự.
Chân đang bước bỗng e dè đứng lại
Ở giữa đường làng, mùi rom, hoa dại...*

(Trích “Đi Giữa Đường Thơm” của Huy
Cận)

Cùng lúc ấy, từ chiếc "kèn hát"⁽¹⁾ bên hàng xóm,
văng vẳng tiếng hát lồng thông, chậm rãi, du đưa
của người ca sĩ, cộng thêm với gió mát hiu hiu hòa
lẫn trong tiếng xào xạc của lá cây trên cành cây mít
như những tiếng ru đã đưa dần tôi vào giấc ngủ.

Chẳng biết thời gian tôi thiếp vào giấc ngủ bao
lâu. Ấu cái tuổi thanh niên vô tư là thế đấy.

Bỗng tôi nghe thấy tiếng chân đi sột soạt lẫn
tiếng cười khúc khích. Tôi mở mắt ra thấy Thi đang
đi về phía tôi.

Thấy tôi tỉnh dậy, Thi hỏi ngay:

- Sao anh ngủ say thế?

(1) “Kèn hát” là tiếng của người miền Bắc chỉ máy quay
đĩa 45 hay 33 vòng, chạy bằng “dây cốt” quay tay.

- Không, anh chỉ nhắm mắt thôi mà! Tôi cãi lại.

Nàng liền thoáng:

- Không phải! Anh ngủ say lắm! Em đến từ lâu rồi, thấy anh ngủ say nên em vào trong bếp nói chuyện với chị Thìn. Lâu quá không thấy anh dậy, em đem cọng rơm ra định ngoáy mũi anh này.

- Anh ngủ lâu lắm hả? Tôi hỏi.

- Anh ngủ say lắm! Anh ngáy nữa, ngáy to lắm!

- Anh ngáy thế nào? Tôi giật mình hỏi.

- Như người ta xê gổ ấy! Thi vừa trả lời vừa phá lên cười.

- ... ?

- Anh chảy cả nước dãi (nước miếng) bên mép nữa kia kìa! Nàng chỉ vào mặt tôi.

Tôi vội đưa tay lên mép, tôi không thấy ướt. Thi vội vừa chạy vào sân trong vừa quay lại trêu tôi:

- Lêu lêu, có người phải lừa (mắc lừa)! Lêu lêu, có người phải lừa!

Tôi biết bị lừa, vội đuổi theo Thi, tay dứ về phía trước như để “cốc” nàng cho chừa thói trêu chọc người khác. Tôi đuổi sát theo và có thể bắt ngay được bất cứ lúc nào, nhưng tôi đã không làm như thế vì tránh sự đụng chạm đến thân thể nàng.

Thi cứ chạy vòng vòng, trốn sau những cột mái hiên. Tôi đuổi theo sau mà không bắt. Bất chợt, tôi

vụt chạy lên phía trước chặn đầu. Thi quay ngược về phía sau để tránh. Nàng chạy thêm vài bước rồi bỗng ngồi thụp xuống, hai tay ôm đầu, úp mặt vào hai đầu gối:

- Không được đánh em! Không được đánh em!

Tôi đứng chống nạnh nhìn nàng:

- Còn trêu anh nữa thôi?

- Dạ thôi ạ!

Tôi cười tủm tỉm. Thi ngừng lên, thấy tôi không đánh, vội vàng đứng dậy định chạy đi. Chúng tôi chợt trông thấy chị Thìn, người chị nuôi trong gia đình tôi, đứng trước cửa nhà bếp nhìn chúng tôi mỉm cười, cái mỉm cười thật hiền lành đôn hậu pha chút hóm hỉnh. Mặc dầu chị không nói gì, nhưng chúng tôi cùng cảm thấy ngượng ngượng. Thi kéo tôi đi về phía cổng ra con đường làng, mặc cho chị Thìn nhìn theo.

Vừa ra khỏi cổng, Thi nghiêm mặt lại vì sợ gặp người trong làng nhìn ngó. Nàng đi bên cạnh tôi, ít nói, chỉ thỉnh thoảng ngược mắt nhìn tôi mỉm cười.

Thi rủ tôi đến thăm cô giáo của nàng năm xưa.

Chúng tôi đi về phía đình làng, qua vài ba ngõ dài, băng qua mấy thửa ruộng trồng ngô, rồi tới xóm dưới. Xóm dưới, nhà cửa thưa thớt hơn xóm trên nơi chúng tôi ở, nhưng vườn tược nhà nào cũng rộng rãi, khang trang. Trong sân, thường được trồng vài

khóm trúc hay một vườn hoa nho nhỏ, với đủ loại hoa.

Đi tới cuối một cái ngõ, Thi ngừng lại trước cửa căn nhà gạch ba gian hai chái, mái lợp rơm vừa được thay mới trông rất khang trang. Chung quanh nhà được bao quanh bởi hàng rào thưa làm bằng thân tre và nứa, thấp chỉ tới đầu người. Vài loại cây leo bò trên đó.

Chiếc cổng gỗ, mái lợp rạ, kiến trúc trông giống như tam quan nhà chùa thu nhỏ. Cánh cổng một đóng, một mở. Qua cổng, chúng tôi cùng bước vào phía bên trong.

Con đường nhỏ dẫn từ cổng vào sân trước nhà được lát gạch đỏ đã đổi màu rêu. Hai bên đường là hai vườn hoa nho nhỏ.

Nằm ngang, chạy dọc suốt theo chiều dài mặt tiền căn nhà là một sân gạch nhỏ cũng đã rêu phong. Ở cuối góc sân bên phải, một giàn hoa thiên lý rủ những nhánh hoa màu trắng thoảng hương thơm. Một chiếc chum sành to màu men nâu đậm dùng hứng nước mưa được đặt ngay dưới mái hiên nhà, cạnh lối ra vào. Gác trên miệng chum, một chiếc “gáo dừa” nâu bóng.

Hai bên hông nhà, vài cây bưởi mọc xen lẫn với hàng cây na. Ngọn hai cây nhãn cao mọc ở phía sân sau lấp ló vượt khỏi mái nhà, cành lá sum sê.

Đứng trong sân, Thi gọi vọng to vào nhà:

- Cô Vân ơi!

Không ai trả lời. Thi lại gọi thêm hai ba lần nữa. Một người đàn bà từ trong nhà tất tả đi ra, tuổi trạc ba mươi, người nhỏ nhắn và nhanh nhẹn với nét mặt vui tươi.

Người đàn bà nhận ngay ra Thi, niềm nở nói:

- Thi đấy à! Các em vào chơi!

Thi cúi đầu chào:

- Chào cô ạ! Thầy cô và em mạnh khỏe chứ ạ?

- Ừ, vào đây! Vào nhà đã!

Sau vài câu chào hỏi xã giao, tôi theo Thi và cô giáo vào nhà. Sau khi mời ngồi, cô giáo vội vã vào trong nhà pha nước. Một cháu gái chừng sáu, bảy tuổi đi ra, khoanh tay chào.

- Chào “cô chú” ạ!

Chúng tôi nhìn nhau. Thi bước lại ôm cháu vào lòng hỏi chuyện. Cháu bé ngoan ngoãn đứng dựa vào lòng Thi tò mò nhìn tôi. Thi đã quen thân với cháu bé, tôi đoán, chắc Thi đã đến đây chơi nhiều lần.

Cô giáo trở lại với ấm nước “chè xanh” hay “chè tươi” đựng trong “ấm giở” và bốn cái tách trong khay. Cô rót nước mời chúng tôi. Nước chè xanh trong vắt, màu xanh vàng nhạt như màu rượu ”xâm-banh”.

Tôi đỡ tách nước chè vừa rót từ tay cô giáo, ử nó trong lòng bàn tay để giữ hơi ấm, đợi mọi người cùng uống. Mùi thơm nước chè xanh thoang thoảng bốc lên như mời gọi. Nhà nghèo hay những quán nước chè xanh bên đường bán cho những người lao động thường dùng bát ăn cơm để uống chứ không dùng cốc hay tách như thế này.

Ở nhà quê, nước *chè xanh* là một thứ nước uống thông dụng và bình dân. Vị chè hơi chan chát nhưng có “hậu vị” đậm đà. Đôi khi người ta cũng uống nước *chè nụ*, nụ được lấy từ cây chè xanh phơi khô để giữ được lâu;



Chè xanh

hay uống *chè hạt vối*, lấy từ cây vối, màu nâu đậm. Chè hạt vối vị đắng đắng chứ không chan chát như chè xanh. *Chè mạn* là chè xanh được hái để héo,



Nụ vối

hấp rồi phơi khô bằng nắng hay sấy khô bằng lửa. Có nhà cầu kỳ, người ta ướp chè mạn với nhụy bông sen làm cho nước *chè mạn sen* có hương vị mát và thơm mùi sen. Nếu không có hương sen, người ta

có thể ướp chè mạn với hoa ngâu, hoa sói, hoa lài hay hoa cúc... Ở nhà quê, ít ai uống chè Tàu vì đắt, chỉ có các cụ già thuộc gia đình trung lưu, giàu có mới uống nhâm nhi vào buổi sáng hay lúc rảnh rỗi hoặc đãi khách mà thôi.

Dân ta biết uống chè từ lâu, trước cả người Tàu, vì những cây chè cổ được tìm thấy lại ở những vùng hay những nước ở phía nam nước Tàu. Như thế, chứng tỏ người Việt ta biết thưởng thức nước chè trước người Tàu. Cũng như những nhà khảo cổ quốc tế đã chứng minh được rằng người Việt ta biết trồng *lúa nước* và biết làm *trống đồng* như trống đồng Ngọc Lũ trước cả người Hán. Cả nghìn năm trước công nguyên, đồng bằng Bắc Việt đã từng là cái nôi văn hóa và văn minh rất sớm của vùng Đông Nam Á cổ đại.

Tiếng “chè” là tiếng Lạc Việt cổ, tiếng “chia” là tiếng Điền Việt cổ ở Vân Nam, sau đó người Hán phiên âm là “cha” mà ta gọi là “trà” hay “chè”. Sau khi chè được lan tỏa từ các nước phương nam sang bên Tàu từ đời nhà Hán hay trước nữa, “chè Tàu” được phát triển mạnh vào đời nhà Đường bên Tàu và đã đi đến chỗ gần như tuyệt đỉnh vào đời nhà Tống, sau đó được cải tiến thêm về những trà cụ (ấm tách) vào những đời sau như Nguyên, Minh, Thanh. Theo sử liệu, dân ta phải triều cống chè ngon cho nhà Nguyên.

Uống nước chè không phải chỉ là vấn đề giải khát đơn thuần mà nó còn là cái thú thưởng thức

thuộc hàng nghệ thuật tao nhã nữa. Người Nhật và người Trung hoa đã đưa nghệ thuật uống chè lên hàng *Trà đạo*, mà khởi thủy phát nguồn từ những nhà sư Phật giáo. Trong ca dao của dân ta có những câu chỉ phùng tục tử như:

*Vai u thịt bắp mồ hôi dầu,
Lông nách một nạm chè Tàu một hơi.*

Ta cũng có thể tìm thấy trong văn chương nước ta những vần thơ về chè của những thi nhân, trong đó ta phải kể tới thượng tướng Trần Quang Khải, người từng đánh đuổi quân Nguyên và đã có những câu thơ hùng khí để đời:

*Đoạt giáo Chương Dương độ,
Cầm hồ Hàm Tử quan.*

[Chương Dương cướp giáo giặc
Hàm Tử bắt quân thù]

Mà vẫn có những vần thơ tao nhã:

*Thử lai yêu khách nghiêu trà uyển
Vũ quá hồ đồng lý được lan.*

[Mùa hè lại, pha trà mời khách uống
Con mưa xong, gọi trẻ sửa chậu lan]

Hay những câu thơ nôm của Quân sư Nguyễn Trãi, người đã từng giúp vua Lê Lợi mười năm đánh đuổi quân Minh, cụ mong mỗi được:

*Bao giờ dưới núi làm nhà
Nước khe gối đá pha trà ngủ say.*

Còn cụ Cao Bá Quát có những vần thơ :

*Thư nhàn hỏi lửa pha trà mới,
Thích thú tựa thông nhìn ráng sa
Chợt nghĩ về hưu vui thú ẩn,
Một cần câu trúc chuyện đời qua.*

Cô giáo Vân hỏi han chúng tôi hết chuyện học hành đến chuyện Hà Nội. Cô giáo và Thi, hai người nói chuyện có vẻ thân mật lắm. Tôi chỉ ngồi nghe và trả lời cô giáo mỗi khi cô hỏi. Tôi góp chuyện bằng những nụ cười nhẹ. Được Thi giới thiệu, cô cứ luôn tấm tắc khen tôi học cao và giỏi. Cô cho biết cô học trường Sư phạm trên Hà Nội, sau đó được bổ về đây dạy học. Cô đã dạy được vài năm rồi. Khi cô về đây, tôi đã rời khỏi trường nhiều năm trước đó nên không biết cô.

Cứ theo câu chuyện cô nói và Thi kể lại thì cô Vân rất yêu nghề giáo và thương mến học trò. Và học trò cũng rất yêu quý cô. Tình thương yêu của học trò dành cho cô là nguồn vui rất lớn cho cô khi cô phải sống tại nơi thôn dã xa thành phố này. Cô khen Thi là đứa học trò giỏi và ngoan, ngoan nhất của cô. Mỗi lần được khen, Thi lại sung sướng liếc nhìn tôi ra chiều hãnh diện lắm. Câu chuyện cứ lan man kéo dài đến hết mấy tuần nước.

Thi bỗng dắt cháu gái chạy ra sau vườn. Khi trở lại nàng mang theo hai quả ổi chín thật to. Nàng đưa cho tôi một quả.

Cô giáo nói với Thi:

- Sao em không hái thêm? Nhà có ai ăn đâu!

Thi đưa lên mũi ngửi mùi thơm của ổi rồi cho vào túi áo, không ăn.

Cuộc nói chuyện của Thi và cô giáo Vân lại tiếp tục và cứ dài ra tưởng như không dứt. Tới lơ đãng nhìn qua cửa sổ. Hai con chim bồ câu đang đứng gần nhau tia lông, thỉnh thoảng cùng gật gật đầu, gù gù vài tiếng. Vài chùm hoa tường vi từ hàng xóm vắt ngang qua hàng rào rung rinh trước gió.

Hết nhìn qua cửa sổ tôi lại đảo mắt quanh nhà. Nhà có ba gian chính. Gian giữa kê bàn thờ và bộ “tràng kỷ” dùng để tiếp khách, nơi chúng tôi đang ngồi. Hai gian bên trái và phải kê hai bộ “ghế ngựa” ghép bằng những tấm gỗ lim màu đen rộng bản, bóng láng tự nhiên, đầy cả tắc.

Trên bàn thờ, bày biện nào lư, nào chân đèn bằng đồng sáng loáng. Phía trong cùng, sát tường hai con chim hạc lớn đứng chầu hai bên tượng Phật Bà Quan Âm. Tượng Phật Bà được kê lên cao bằng chiếc bục gỗ nhỏ sơn son. Dưới chân Phật Bà là di ảnh của những người thân trong nhà đã quá cố. Sau đến, gần nhất, là bình hương, mâm ngũ quả với chiếc đèn dầu leo lắt chấy. Mọi thứ trên bàn thờ như được đặt đối xứng với nhau. *Tôi nghĩ nền văn hóa của ta có tính đối xứng đó chăng?*

Dưới chân bàn thờ, hai bên là hai lọ “độc bình”.

Trên tường được treo vài bức tranh Đông Hồ rất đẹp, dân gian thường gọi chung loại tranh này là

tranh con lợn" hay "tranh con gà". Hai tranh gà, lợn này được đại diện gọi như thế vì chúng được phổ biến rộng rãi nhất trong những tranh của làng Đông Hồ.

Tranh Đông Hồ vừa phong phú về nội dung lại đa dạng về hình thức. So sánh loại tranh con lợn, con gà được sản xuất tại làng Đông Hồ với loại tranh con lợn, con gà sản xuất ở phố Hàng Trống, Hà Nội, ta thường gọi



tất là tranh Đông Hồ hay tranh Hàng Trống thì tôi thích loại tranh Đông Hồ hơn.

Tranh Hàng Trống, được in trên giấy tốt, sắc sảo cả về nét vẽ lẫn màu sắc nhưng nó lại có cái vẽ đẹp tinh thành. Ngược lại, tranh Đông Hồ được in trên giấy "dó", màu sắc được pha chế bằng những vật liệu đơn sơ sẵn có ở thôn quê hay trong thiên nhiên như vỏ cây, vỏ sò hén, lá tre, hoa hòe, lá chanh, lá cam... và đặc biệt là tranh được sản xuất trên mộc

bản. Chính những cái đơn sơ ấy đã tạo cho tranh Đông Hồ một sắc thái riêng biệt, độc đáo đối với các loại tranh khác, ấy chính là tính chất mộc mạc, chân quê, đầy tình dân tộc của nó. Và đứng cả về phương diện lịch sử của loại tranh dân gian, tranh Đông Hồ được coi là lâu đời nhất trên đất nước ta.

Mỗi bức tranh con lợn, con gà, các nghệ sĩ dân gian đều gửi gắm những ý nghĩa vừa



tinh tế, vừa thâm trầm vào đó. Tôi liếc vội sang Thi, mỉm cười vì nhận ra rằng Thi còn quá trẻ và ngây thơ để tôi có thể giảng giải cho nàng về ý nghĩa *lãng lơ* của bức tranh “hái dừa” đầy *dục tính nam nữ* gồm một cô thôn nữ vén váy cao, uốn người, dạng chân đứng hứng lấy hai trái dừa của chàng trai với nét mặt hóm hình chuẩn bị ném xuống từ trên thân cao cây dừa. Hai trái dừa ấy tượng trưng cho nam giới.

Hay ý nghĩa thâm thúy của bức tranh “đám cưới chuột” nói lên cái uy quyền



của *giai cấp cai trị* được miêu tả bằng hình ảnh con mèo to lớn, lớn hơn cả mấy lần con ngựa chú rể chuột cuội. Hay ý nghĩa *phồn thực*, con đàn cháu đông qua tranh “đàn gà”, “đàn lợn”...

Chỉ có
người Việt
Nam mới
thật sự
thường thức
nổi hết ý
nghĩa sâu xa
của những



bức tranh dân gian của người Việt Nam. Ở thôn quê, người ta còn dùng tranh Đông Hồ như tranh ông Hổ, ông Chúa, bà Chúa ... để thờ. Tranh con lợn, con gà nói chung thường được bày bán tại những phiên chợ Tết hàng năm ở làng quê. Dân làng mua tranh về để trang hoàng, để vui Xuân cùng với *thịt mỡ dưa hành câu đối đỏ, cây nêu ngày Tết bánh chưng xanh*, và những tràng pháo đỏ.

*Đi đệt ngoài sân tràng pháo chuột,
Om xòm trên vách bức tranh gà.*

(Tú Xương)

Hay

*Đón Xuân anh thích treo tranh,
Vách tím tranh lợn, vách xanh tranh gà.*

(Ca dao)

Mọi thứ trong nhà cô giáo được sắp xếp một cách ngăn nắp, sạch sẽ. Cứ nhìn cách bày biện, trang trí này người ta cũng nhận ra ngay gia chủ phải là một người thẩm nhuần văn hóa chân phương dân tộc.

Trời đã ngả về chiều, câu chuyện cũng phải tới lúc chấm dứt. Tôi và Thi chào tạm biệt cô giáo. Cô đưa chúng tôi ra tới tận cổng. Trước khi chia tay, Thi không quên hôn lên má cháu gái và cùng vẫy tay chào.

Trên đường về Thi kể chuyện về cô giáo Vân. Nàng yêu cô giáo lắm. Tết đến nàng thường hay mang hoa đến tặng cô. Tôi và Thi bước bên nhau và kể cho nhau nghe về những kỷ niệm với thầy cô. Và chẳng mấy chốc, chúng tôi đến chỗ rẽ phải chia tay nhau, ai về nhà nấy. Tôi đứng lại nhìn theo Thi cho tới khi nàng khuất nơi cuối ngõ.

Tôi bước về nhà với lòng vui lâng lâng khó tả. Đi được một quãng ngắn, tôi cảm đầu chạy một mạch về nhà, tung công chạy ào vào sân. Chị Thìn nhìn tôi ngơ ngác, mỉm cười. Chị lặng lẽ lên nhà trên chuẩn bị cho bữa cơm chiều dường như sắp được dọn ra.

Tôi chạy tiếp ra phía sau vườn. Tôi chợt nhớ về Thi dù nàng vừa ở bên tôi cách đây mấy phút. Âm thanh của bản nhạc tôi nghe buổi trưa lẫn tiếng cười tinh nghịch của Thi như còn văng vẳng đâu đây.

Tôi băng khuâng nhìn trời cao. Những cụm mây trắng lơ lửng bay bình thản, "*Ngàn năm mây trắng bây giờ còn bay*" (Tản Đà), còn bay và bay mãi tới vô cùng như tình yêu của loài người chẳng bao giờ chấm dứt. Tôi lững thững quay trở vào nhà, mỉm cười với niềm hạnh phúc trào dâng trong lòng.■



Tập 2

Đi Thăm Thành Cổ Loa

CHƯƠNG 5

Thành Cổ Loa

Ghi chú: Những người mang tiếng là nhà văn hóa Trung Quốc đã phát biểu những cái không có cơ sở văn hóa, không hiểu về lịch sử và nói bậy thì tôi cho những cái đó mình không có gì phải sợ. Ví dụ như chuyện nền văn minh lúa nước. Tại sao nền văn minh lúa nước lại ở Việt Nam? Vì Việt Nam là vùng trũng, tập trung nhiều nước còn Trung Quốc làm gì có chuyện đó! Nó ở vùng đất khô cằn, vùng thảo nguyên thì làm sao nó sang dạy ta trồng lúa nước được?

Rồi những nhà nghiên cứu trống đồng cũng bị nó nói là trống đồng của nó. Những trống đồng đó có niên đại bao nhiêu năm? ... Trong khi trống đồng Đông Sơn (của ta) đào lên từ bao giờ? Các nhà nghiên cứu khảo cổ họ biết thừa, rõ ràng là chỉ lừa được người không biết mà thôi.

*KTS Trần Thanh Vân
(Trích từ chương trình của đài RFA)*

Uyên và tôi ngồi bên mâm cơm, thức ăn đã được dọn sẵn lên chiếc “mâm đồng” đặt giữa bàn. Trong mâm, với đĩa cá kho, đĩa thịt “ba rọi” (ba chỉ) luộc, bát canh rau cải xanh nấu với tôm khô, đĩa dưa chua, đĩa cà pháo và một bát nước mắm đặt chính giữa. Mâm cơm như thế này có thể được gọi là *sang trọng* cho những kẻ còn phải đi trọ học như chúng tôi.

Vì phòng nhà trọ, tuy là khu riêng biệt nhưng cũng không được rộng rãi lắm nên một số sinh hoạt phải thực hiện ở ngoài sân.

Trong khi Uyên chờ Thi ngồi vào bàn ăn, nàng lơ đãng nhìn quanh nhà dù đây không phải là lần đầu tiên Uyên ghé Hà Nội thăm chúng tôi. Có khi Uyên đã ở lại đây đôi ba ngày vào những dịp cuối tuần hay những ngày nghỉ lễ dài.



Tranh vẽ mình hoa.

Uyên là chị cả của Thi, năm nay nàng khoảng mười tám mười chín, cái tuổi mặn mà của người con gái. Nàng hơn Thi đôi ba tuổi và ít tuổi hơn tôi. Sau khi tốt nghiệp trường sư phạm, Uyên đang được thực tập tại một trường tiểu học ngay thị xã Sơn Tây. Nàng cũng có ý định xin được dạy luôn tại trường này cho gần nhà.

Những khi chúng tôi được nghỉ học về thăm nhà, tiện đường đi ngang qua thị xã, tôi và Thi

thường ghé thăm Uyên, có khi để ăn với nhau một bữa cơm, cũng có khi cả ba chúng tôi cùng đáp chuyến xe khách hay cùng đạp xe về làng thăm nhà một thể. Làng chúng tôi thuộc huyện Quảng Oai cách thị xã Sơn Tây độ mười cây số.

Kể từ ngày thân với Thi tôi mới có những dịp tiếp xúc với Uyên nhiều hơn trước dù rằng cả ba chúng tôi đã quen nhau từ nhỏ và cùng ở một làng, chỉ cách nhau có một cái ngõ.

Uyên đoán tôi đã đói bụng nên nài dục Thi :

- Em có cần chị giúp một tay không? Thôi, ra ăn cơm đi chứ em!

Thi đáp vọng từ ngoài sân vào:

- Xong ngay! Xong ngay! Em vào ngay đây!

Thi đem vào đĩa “cam sành” vừa bóc vỏ được đặt trên đầu bàn ăn. Những quả cam tươi mát được trình bày một cách nghệ thuật trông như những cánh hoa ôm lấy những múi cam mọng nước, nhìn thật ngon và hấp dẫn làm sao.

Thi vừa ngồi vào bàn, như chợt nhớ ra điều gì vội đứng bật dậy hỏi:

- À quên, anh và chị muốn uống gì? Em có mấy chai nước cam “sô đa”.

Thi nhìn tôi nói tiếp:

- Hay anh uống bia? Để em chạy đi mua!

Tôi nhanh nhẩu:

- Anh có chai *rượu vang*, để anh về phòng lấy xuống đây đãi khách nhé.

Uyên cười:

- Anh định mời chúng em uống *rượu vang* của anh với cá kho và dưa chua đây à!

Tôi nhận ra lời của Uyên là đúng nên thôi, cười cười đánh trống lảng và nói với Thi:

- Em cho anh uống nước gì cũng được, “sô đa” cam cũng được hay “nước lọc” cũng được.

Uyên tán đồng:

- Thôi, nước lọc đi, khỏi phải chạy đi mua “đá” (nước đá).

Thi ngồi xuống “xới” cơm vào bát cho mọi người, rồi cầm đũa lên mời:

- Em mời anh Nam, mời chị Uyên “xoi cơm” (ăn cơm) ạ!

Uyên cũng cầm đũa, hướng về tôi mỉm cười mời:

- Mời anh “xoi cơm”!

Tôi là người lớn nhất trong bọn nên mời sau cùng:

- Mời mọi người! Chúng ta ăn nhé!

Uyên gấp miếng cá đầu tiên đưa lên miệng nhem thử. Uyên nhìn Thi khen:

- Cô này học nấu món cá kho này ở đâu mà ngon quá vậy!

Thì nhìn chị rồi nhìn tôi cười cười không nói.

Uyên lại khen tiếp:

- Ngon lắm! Ngon lắm! Thì nấu ăn giỏi thật! Hơn chị nhiều rồi. Kho cá cho ngon như thế này là khó lắm đấy.

Lần này Thì cười tủm tỉm, một bàn tay che mặt, một tay chỉ ngón trỏ về phía tôi :

- Không phải em! Không phải em! Người này này!

Uyên nhìn tôi tròn tròn mắt :

- Anh nấu? Sao anh giỏi thế! Sau này ai lấy được anh chắc phải sướng lắm nhỉ?

Tôi hướng mắt về phía Thì, Thì vội cúi xuống. Như để giữ vẻ tự nhiên, tôi sai Thì:

- Em lấy cho anh chai “nước lọc”.

Thì bật đứng dậy với nét mặt còn hơi thoáng ngượng mà chỉ riêng tôi mới có thể nhận ra được điều đó.

- Ô, em quên!

Tôi mỉm cười vì tự hài lòng về cái nhìn đầy tình ý và kín đáo ấy của mình. Tôi ít khi bỏ lỡ cơ hội để bày tỏ tình cảm u uẩn của lòng mình đối với Thì.

Thì trở lại với chai nước lọc và ba cái cốc (ly) thủy tinh. Tôi đỡ lấy rồi rót cho mỗi người một cốc “nước lọc” đầy. “Nước lọc” là nước đun sôi, để nguội, được đổ vào chai bằng cái phễu (quặng) qua một lớp bông (bông gòn) mỏng để lọc bỏ những cặn trong nước đã đun, nếu có.

Thì phàn nàn với tôi:

- Mẹ chỉ dạy cho chị Uyên em những món ăn dùng trong những ngày giỗ tết thôi, như nem rán, canh bóng, canh miến, canh măng, thối (nấu) xôi vò hay xôi gấc, lại còn những món xào đặc biệt đi kèm theo nữa chứ. Mẹ chẳng dạy em vì chê em còn bé. Em có còn bé nữa đâu!

Thì chợt quay sang Uyên với giọng hơi nhõng nhẽo:

- À này, chị Uyên ơi! Mùa đông này chị nấu cho em một nồi *thịt đông* để ăn trong dịp Tết năm nay nhé. Được không?

Thì quay sang tôi khoe:

- Chị em nấu thịt đông ngon lắm! Thịt đông chỉ nấu được vào mùa lạnh vì mùa lạnh những miếng thịt mỡ mới “đông” lại được và phải nấu sao cho thịt đông không nhẽo hay béo ngậy. Thịt đông ăn với dưa chua thì thật ngon. Em thích món này lắm.

Uyên chậm rãi nói như phân bua:

- Làm chị cả khổ lắm, cái gì cũng phải học để phụ mẹ hay thay mẹ mà nấu nướng trong những

ngày giỗ tết. Để gìn giữ được những món ăn cổ truyền của các cụ để lại nên em cũng cố gắng học mẹ.

Uyên quay sang Thi tủm tỉm cười:

- Thôi được rồi! chị hứa sẽ nấu cho cô em một nồi thịt đông ăn Tết. Cô em chị xinh đẹp thế này thì ai mà có thể từ chối cho được.

Tôi tí nữa phì cười vì thấy hai chị em cứ ngồi khen nhau mãi.

Trong bữa cơm, chúng tôi ăn thông thả và có nhiều câu chuyện để nói với nhau. Có những câu chuyện vui làm chúng tôi không thể nhịn cười. Thi bao giờ cũng là người cười to nhất và thật hồn nhiên với tuổi của nàng.

Uyên thì lịch thiệp, nhu mì và có nhiều nghệ sĩ tính. Uyên biết chơi đàn Tây ban cầm (guitare) và biết thổi khẩu cầm (harmonica). Uyên biết hát nhạc Ta, nhạc Tây và cả nhạc dân tộc nữa, đặc biệt là những bài hát quan họ trữ tình. Giọng nàng trong và nhẹ, khi luyến láy, lên xuống rất ngọt ngào. Uyên lại đẹp nữa chứ, nên mỗi khi có hội hè ở trong làng hay trên huyện, nàng thường được mời trình diễn.

Bữa cơm chiều đã xong và trời cũng đã bắt đầu ngả sang tối tối mà ta thường gọi đó là giờ *tranh tối tranh sáng*, nhìn không trông rõ mặt người.

Thời gian thoáng qua nhanh. Trời đã gần tối hẳn. Cả ba chúng tôi kéo nhau ra sân, ngồi bên giàn

hoa nhỏ. Hoa tỏa hương thơm nhẹ nhẹ. Hôm nay trăng lên muộn, ánh sáng đèn điện ngoài đường hắt vào sân cũng đủ mờ nhạt lung linh như ánh trăng thanh. Khung cảnh nơi chúng tôi ngồi trò chuyện thật nên thơ và thanh bình. Thi không quên đem ra ấm nước chè mạn với mấy cái tách con để trên khay.

Thi vào trong nhà đem ra chiếc đàn Tây ban cầm đưa cho Uyên và yêu cầu nàng hát. Uyên cầm đàn dạo vài tiếng rồi quay sang hỏi tôi:

- Anh thích em hát bài gì nào?

Tôi trả lời:

- Tùy Uyên! Cho anh nghe bài nào cũng được, hay bài “Dư âm” của Nguyễn Văn Tý đi.

Uyên có vẻ ngập ngừng:

- Bài này để con trai hát mà!

Tôi hỏi:

- Sao vậy? Uyên có thể đổi lời từ “anh” sang “em” và ngược lại là được mà.

Uyên cười nhẹ:

- Anh thử tưởng tượng xem nhé, có câu sửa lại nó sẽ thành thế này “*em như lầu vắng, anh như ánh trăng. . .*” Con trai, đàn ông mà ví như ánh trăng thì yếu quá, ủy mị quá. Rồi thì, như câu “*Em muốn thành mây, nương nhờ làn gió, đưa em tới cõi mơ hồ nào đây muôn kiếp bên chàng.*” Em không chịu đâu, con gái ai lại hát thế.

Tôi cười:

- Thôi thì Uyên hát cho anh nghe bài nào cũng được.

Uyên bắt đầu lên dây đàn và hát cho chúng tôi nghe vài bản nhạc tình ca của Đoàn Chuẩn Từ Linh đang thịnh hành, rồi nhạc Văn Cao, Dương Thiệu Tước. Tôi ngồi khom lưng, tay chống cằm nhìn Thi nhưng giả vờ như vẫn chăm chú nghe Uyên hát bài “Em đến thăm anh một chiều mưa” của Tô Vũ. Bài hát này nhắc tôi nhớ lại một lần tôi ghé thăm Thi vào một buổi chiều mưa. Cũng vừa lúc ấy, đài phát thanh Pháp Á cho phát thanh bản nhạc này nên làm chúng tôi nhớ mãi như một kỷ niệm đáng yêu. Đến bản Biệt Ly của Doãn Mẫn thì tiếng hát của Uyên làm tôi day dứt lắm vì bài hát thật buồn.

Uyên cho tôi biết trong cái nhớ nhung của tình yêu đôi lứa trong “nhạc mới” (nhạc tiền chiến) không thể day dứt bằng cái nhớ nhung trong dân ca, tỷ dụ như bài “Bèo giạt mây trôi” phảng phất âm điệu dân ca quan họ chẳng hạn. Này nhé, Uyên vừa nói vừa se sẽ hát :

- Ban ngày thì chờ mong: *Bèo giạt, mây trôi, chốn xa xôi, anh ơi, em vẫn đợi. Bèo giạt, mây (í í í) trôi, chim sa, (tang tính tình) cá lượn. Ngậm một tin trông, hai tin đợi, ba bốn tin chờ. Sao chẳng thấy anh?*

Ban đêm thì ngồi thức suốt canh thâu vì nhớ nhung: *Một mảnh trăng treo suốt canh thâu, anh ơi,*

trăng đã ngả ngang đầu. Thương nhớ (ơ ờ) ai, sương rơi, đêm sắp tàn, trăng tà. Cành tre đưa trước ngõ, (là) gió la đà, em vẫn mong chờ. Sao chẳng thấy anh?

Khi trời vừa trở sáng, nhìn chim bay vội nhẩn gửi đôi lời: *Mòn mỗi trông theo suốt canh thâu, chim ơi, cho nhẩn gửi đôi lời, Thương nhớ (ơ ờ) ai, sương rơi, đêm sắp tàn, trăng tà. Người đi xa có nhớ (là nhớ) ai ngồi trông cánh chim trời sao chẳng thấy anh? Người đi xa có nhớ, (là) nhớ ai ngồi trông cánh chim trời. Sao chẳng thấy anh?*

Sau vài bài hát dân ca với lời dẫn chứng, tôi không thể không đồng ý với Uyên là trong một số trường hợp nào đó, đặc biệt là những tình khúc thì dân ca kể cả âm điệu lẫn lời ca, theo tôi, nghe thắm thía hơn loại “nhạc mới”. Nhưng vì những bản dân ca thường khó hát và người nghệ sĩ khó diễn đạt được đến cái hay, cái tuyệt mỹ của nó nên không được phổ biến rộng rãi như “nhạc mới” hay còn gọi là nhạc “cải cách”.

Quả thật thế, những thể điệu nhạc dân tộc thuộc loại cao cấp như *ca trù* chẳng hạn, nó đòi hỏi người nghệ sĩ hay “ca nhi” phải có một giọng hát thật điêu luyện, sự diễn tả và trình độ kỹ năng chuyên nghiệp phải thật vững vàng. Đồng thời người thưởng thức *ca trù* cũng phải có trình độ để thưởng thức hay *xướng họa* đồng bộ với người hát mới được. Chính cái giá trị cao của nghệ thuật *ca trù*, nếu ta không có những chương trình khuyến khích hay đào

tạo kịp thời những nghệ sĩ thể nhạc này cho tương lai, thì chẳng bao lâu nữa, ca trù có thể có nguy cơ bị phai mờ theo thời gian. May thay, cho tới hiện nay, dù có nhiều khó khăn về mặt phổ biến rộng rãi trong quần chúng, nhưng ca trù vẫn còn đứng vững dù chỉ một cách khiêm nhường trong nền nhạc thuật dân tộc Việt Nam.

Tôi tự hỏi, có phải chẳng người trình bày những bài hát dân tộc thì được gọi là *nghệ sĩ*, còn người trình bày nhạc mới thì được gọi là *ca sĩ*. Hẳn nó phải *hàm chứa một điều gì cho sự khác biệt ấy?*

Cả ba chúng tôi như còn lảng động trong những suy tư, những cảm nhận của mình qua những bài hát của Uyên vừa trình bày.

Thi đang ngăn người chiêm ngưỡng người chị tài ba của mình. Bỗng nàng hỏi:

- À, ngày mai Chủ nhật, nhân chị Uyên ra chơi, anh có định đưa chúng em đi chơi đâu không?

Câu hỏi bất chợt của Thi làm tôi và Uyên nhìn nhau.

Tôi hỏi lại:

- Hai cô muốn anh đưa đi chơi đâu nào?

Uyên vội lên tiếng ngay:

- Anh cho chúng em đi thăm thành Cổ Loa đi!

Tôi hỏi:

- Sao lại là Cổ Loa mà không phải là nơi khác?

Uyên trả lời tôi:

- Em đang dạy học trò về thành Cổ Loa mà.

Tôi hỏi thêm:

- Thế Uyên biết gì về thành Cổ Loa, kể cho anh nghe nào?

Uyên ngẫm nghĩ một vài giây rồi chậm rãi trả lời:

- Cứ như theo sách vở em dạy trong lớp thì em chỉ biết là thành Cổ Loa là một thành cổ nhất của nước ta được xây dựng dưới đời vua Thục Phán An Dương Vương vào thế kỷ thứ 3 trước Công nguyên, cách đây hơn hai nghìn năm.

Sau khi Thục Phán thay vua Hùng Vương thứ 18, đã cho sát nhập nước Âu Việt của nhà Thục vào nước Lạc Việt của vua Hùng, tức nước Văn Lang, để lập thành nước *Âu Lạc*. Thục Phán lên làm vua nước Âu Lạc, lấy niên hiệu là An Dương Vương.

Theo lời đề nghị của danh tướng Cao Lỗ khuyên vua nên dời đô từ *Phong Châu* thuộc Bạch Hạc, tỉnh Phú Thọ (nay là tỉnh Vĩnh Phú), kinh đô của các vua Hùng, là vùng đồi cao thuộc trung du, về *Phong Khê* (tên cũ của Cổ Loa), là miền đồng bằng dễ bề phát triển đất nước và dễ phòng ngự chống giặc phương Bắc. Như thế, Cổ Loa đã trở thành kinh đô thứ hai của đất nước ta sau Phong Châu ở Phú Thọ.

Vua An Dương Vương giao nhiệm vụ xây thành Cổ Loa cho tướng Cao Lỗ. Vì Cổ Loa lúc đó là vùng

đất trũng, có nhiều sông ngòi chảy qua nên khó xây thành đắp lũy. Cứ xây xong đoạn này thì lại đổ đoạn kia, tốn kém rất nhiều kể cả về nhân lực lẫn vật lực.

Theo truyền thuyết, trong lúc gặp nhiều khó khăn trong việc xây thành như thế thì một đêm vua An Dương Vương nằm mơ thấy thần mách bảo rằng ngày mai sẽ có thần Kim Quy tới giúp. Sáng dậy vua thấy một con Rùa vàng, biết nói tiếng người. Vua biết là thần linh ứng nghiệm với giấc mơ đêm qua nên rất quý trọng và rước Rùa về cung. Thần Kim Quy chỉ vẽ cho nhà vua cách xây thành. Sau khi thành hoàn tất, thần Kim Quy ở lại trong thành ba năm rồi mới ra đi. Trước khi ra đi thần Kim Quy giao cho nhà vua một cái nỏ thần và dùng móng Rùa của thần Kim Quy làm “nẩy nỏ”. Nỏ thần có thể bắn một lần giết được vạn địch. Nhà vua mừng lắm, giao nỏ thần cho tướng Cao Lỗ để giữ thành.

Trong khi đó, Triệu Đà thuộc dòng dõi người Hán, được vua Hán gửi đi đánh chiếm các nước miền nam thuộc các bộ tộc Bách Việt. Sau đó, Triệu Đà phản lại nhà Hán, xưng Vương lập nên nước Nam Việt ở ngay giáp giới phía bắc của nước Âu Lạc. Triệu Đà muốn mở mang bờ cõi thêm xuống phương nam nên đem quân tiến đánh thành Cổ Loa. Mỗi khi tiến đánh Cổ Loa, Triệu Đà đều phải thất bại vì sự hiệu nghiệm của “nỏ thần”. Triệu Đà không sao chiếm được thành.

Triệu Đà bèn dùng gian kế giao hòa với nước Âu Lạc, xin cưới con gái của vua An Dương Vương

là My Nương cho con trai mình là Trọng Thủy và Trọng Thủy được ở rể để làm con tin. Cao Lỗ biết là gian kế nên khuyên vua đừng chấp thuận. Vua không nghe tướng Cao Lỗ và vẫn nhận đề nghị hòa giải của Triệu Đà.

Quả nhiên, Trọng Thủy có mưu gian. Trọng Thủy xin My Châu cho xem nỏ thần. My Nương tin chồng mang nỏ thần cho xem nhưng không ngờ bị Trọng Thủy đánh tráo. Sau khi được nỏ thần, Trọng Thủy lấy cớ xin về nước thăm cha. Trước khi chia tay với My Nương, Trọng Thủy dặn vợ là nếu sau này có xảy ra binh biến thì nàng cứ đi tới đâu nhớ để lại dấu vết, ta sẽ tìm tới.

Chẳng bao lâu, Triệu Đà mang quân sang đánh Âu Lạc. Thành Cổ Loa bị vây hãm. Vua An Dương Vương đem nỏ thần ra bắn thì không còn hiệu nghiệm gì nữa. Vua biết không thể giữ được thành liền lên ngựa, My Châu ngồi sau cha, cả hai cùng tìm đường trốn chạy. Có điều lạ là khi nhà vua chạy tới đâu thì quân địch cũng biết để đuổi theo tới đó. Tới khi nhà vua chạy tới bờ biển, đến đường cùng, chợt nhớ tới thần Kim Quy. Nhà vua khẩn thân Kim Quy và xin cứu mạng. Thần hiện ra và nổi lên nói *“Giặc ngồi ở ngay sau lưng nhà vua đó.”* Vua quay lại mới biết sự tình là My nương đã nhổ lông ngỗng trên chiếc áo choàng của mình rải xuống đường để chỉ dấu cho quân giặc biết chỗ mà tìm tới. Nhà vua liền quay lại chém đầu My Nương rồi nhảy xuống biển cùng Rùa rẽ sóng đi mất.

Trọng Thủy tới nơi thì thấy My Châu đã chết, vội ôm xác vợ chạy về thành Cổ Loa, khóc lóc thảm thiết rồi nhảy xuống giếng trong thành tự vẫn.

Triệu Đà chiếm được Cổ Loa cũng là kinh đô nước Âu Lạc. Và từ đó, nước ta bị sát nhập vào nước Nam Việt của Triệu Đà, *mở đầu cho giai đoạn đau thương của nước ta, hơn một nghìn năm dưới sự đô hộ của người Tàu.*

Và cho tới năm 938 sau Công nguyên, vua Ngô Quyền mới dành lại được nền độc lập trở lại cho đất nước ta với chiến thắng oanh liệt trên sông Bạch Đằng. Tháng giêng năm 939, vua Ngô Quyền quyết định chọn Cổ Loa làm kinh đô. Thế là Cổ Loa đã *hai lần là kinh đô*, một lần của nhà Thục, một lần của nhà Ngô, cách nhau hơn một nghìn năm.

Giai đoạn lịch sử ban đầu của thành Cổ Loa là một giai đoạn lịch sử bi hùng của triều đại An Dương Vương với nhiều huyền thoại thời lập quốc của dân tộc ta.

Uyên vừa chấm dứt câu chuyện nói về thành Cổ Loa, tôi lên tiếng:

- Uyên kể như thế, kể ra cũng là tạm đủ. Một giai đoạn lịch sử quan trọng như thế nếu được tìm hiểu một cách sâu sắc hơn thì hẳn ta còn có nhiều điều học hỏi và đáng ghi nhớ hơn nữa.

Tôi nghĩ, đúng như Uyên nói, trong câu chuyện lịch sử của thành Cổ Loa vừa kể, chúng ta thấy trong đó có nhiều *huyền thoại*, nào từ việc nhà vua gặp

thần Kim Quy đến cái “nỏ thần” và bên cạnh đó là cái chết bi thương của cặp vợ chồng Trọng Thủy-My Châu.

Nhiều sự kiện lịch sử, nhất là trong những giai đoạn con người còn chưa có chữ viết hay tất nhiên trong đó còn có những yếu tố lịch sử đã không cho phép người xưa nói thẳng ngay ra được mà phải cần đến những câu truyện huyền thoại hay truyền thuyết để nhắn gửi lại những điều muốn nói cho con cháu sau này. Mà theo nhà triết học Hengel thì *“Truyền thuyết ví như giàn giáo chống đỡ cho lịch sử, nếu gỡ bỏ truyền thuyết đi thì lịch sử có nguy cơ bị sụp đổ.”*

Thấy câu chuyện đã kéo dài, tôi đề nghị mọi người nên đi ngủ để lấy sức ngày mai còn dậy sớm đi thăm thành Cổ Loa, nơi tôi đã đến thăm và may mắn được người địa phương hướng dẫn, giải thích một các cặn kẽ cách đây không lâu.

Uyên đứng dậy chào tôi rồi đi vào nhà trước, Thi theo sau. Tôi vội nắm tay Thi siết nhẹ, khẽ nói đủ để Thi nghe:

- Chúc em ngủ ngon.

Thi vội rút tay lại đưa một ngón tay lên môi mình ra dấu như muốn bảo tôi đừng nói thêm. Tôi nhìn theo Thi cho tới khi bóng nàng khuất sau cánh cửa phòng nàng tôi mới leo lên gác dành riêng cho tôi ở cuối sân.

Tôi ngồi nhìn qua cửa sổ tới khi ngọn đèn trong phòng của Thi vừa tắt tôi mới lên giường với bao nhiêu ước vọng mệnh mang. Sao mới mấy phút cách đây thôi mà tôi đã nhớ Thi như thế. Tôi tự mỉm cười với những cảm nhận của chính mình.

Ánh trăng khuya đã bắt đầu chiếu sáng, lan cả vào phòng và đưa tôi thiếp vào giấc ngủ êm đềm.

Sáng sớm hôm nay, mới 6 giờ sáng chúng tôi đã tươm tất để chuẩn bị lên đường. Uyên thướt tha trong chiếc áo dài màu tím hoa cà còn Thi vẫn đơn giản trong chiếc áo dài trắng học trò thường ngày.

Cả ba chúng tôi đạp xe ra quốc lộ 2. Dọc đường, chúng tôi được phóng mắt nhìn cánh đồng bát ngát. Đã có lác đác người ra đồng làm việc. Trên đường sáng nay không có xe lớn nên chúng tôi có thể lái xe đạp hàng ngang một cách thoải mái và chuyện trò với nhau.

Xa xa là những ngôi làng nhỏ bao bọc bởi lũy tre xanh. Những thửa ruộng đã được trồng rau, đậu như một thứ hoa màu phụ bên cạnh mùa lúa chính trong năm. Một vài con trâu ngừng gặm cỏ, ngهن cỏ, lác lác đầu để đuổi ruồi rồi lại cúi xuống ăn cỏ một cách bình thản như coi đây là chốn đất riêng của chúng, mọi việc đều được “để ngoài tai”.

Gió đồng nội thổi mát mang theo chút ít hương thơm mùi cỏ ướt.

Chúng tôi đi tới cây số 17 thì rẽ vào tay phải. Đây là địa phận của huyện Đông Anh, thuộc ngoại ô Hà Nội, cách Hà Nội khoảng gần 20 cây số. Càng tiến gần vào vùng cổ thành Cổ Loa thì mật độ dân chúng càng đông hơn, xóm thôn ngang dọc.

Chúng tôi dừng xe lại tại một nơi đất trống. Một dòng sông nhỏ chảy trước mặt.

Uyên hỏi tôi:

- Ta đến Cổ Loa rồi hả anh?

Tôi gật đầu rồi dựng xe vào một gò đất gần đấy. Uyên và Thi cũng làm theo tôi.

Hôm nay trời mát, chắc không nắng nhiều nên tôi tin là thời tiết sẽ thật lý tưởng cho một cuộc du ngoạn. Uyên và Thi cùng đứng bên tôi quan sát khu thành cổ nơi chúng tôi sắp sửa vào thăm.

Đứng trước mảnh đất thiêng liêng và thần bí của Tổ tiên ta để lại từ hơn hai nghìn năm nay, tôi tự nhiên có cái gì xúc động bất ngờ. Tôi như cảm thấy gần gũi với người xưa quá. Gần gũi đến độ như tôi có thể trông thấy họ đang sinh sống, đang vật lộn với thiên nhiên để tạo dựng mảnh đất này trở nên phú cường cho con cháu sau này.

Có lẽ Uyên và Thi cũng thấy như thế. Cả ba chúng tôi đều yên lặng, trầm mặc như để nghe từng nhịp thở của tiền nhân. Họ đã tạo dựng, đã đổ bao xương máu để gìn giữ cho con cháu mảnh đất này,

mà ngày hôm nay, chúng tôi cùng được sống yên bình và cùng được đứng ở đây bái vọng công ơn.

Mảnh đất này, dòng sông kia đang chảy ở trước mặt chúng tôi, chúng đã hiện hữu từ bao giờ? Và ngày hôm nay, mảnh đất ấy vẫn còn nằm đây, dòng sông kia vẫn còn đây, đang chảy và tiếp tục chảy. Chúng đã tự mang trong bản thân mình biết bao nhiêu trang lịch sử oai hùng của nòi giống Việt. Nhìn dòng sông bình thản trôi, tôi như cảm nhận được sự hiện diện của tiền nhân cùng đang trôi chảy với dòng sông ấy theo thời gian vô định.

Tôi lên tiếng hỏi Uyên và Thi:

- Hai em có thấy tiền nhân đang ở trước mặt ta không?

Uyên và Thi nhìn nhau im lặng không trả lời tôi.

- Hai em hãy đi ngược lại dòng thời gian, hãy tưởng tượng ra những gì mà hai em đã từng được nghe, được đọc, được học hỏi về Cổ Loa này. Các em phải thấy được nó một cách rõ ràng, rõ ràng như ta có thể đang tiếp xúc được với tiền nhân vậy. Có như thế cuộc du ngoạn thăm cổ thành ngày hôm nay của chúng ta mới mang thêm nhiều ý nghĩa, hơn là chỉ đơn thuần đến nhìn xem nó mà thôi. Không phải đồng đất nào cũng giống đồng đất nào, không phải cái cây nào cũng giống cái cây nào hay cục đá nào cũng giống cục đá nào. Mỗi thứ chúng ta bắt gặp ở đây đều mang cái linh hồn của riêng nó mà chúng ta cần phải tìm hiểu, nắm bắt và cảm nhận nó.

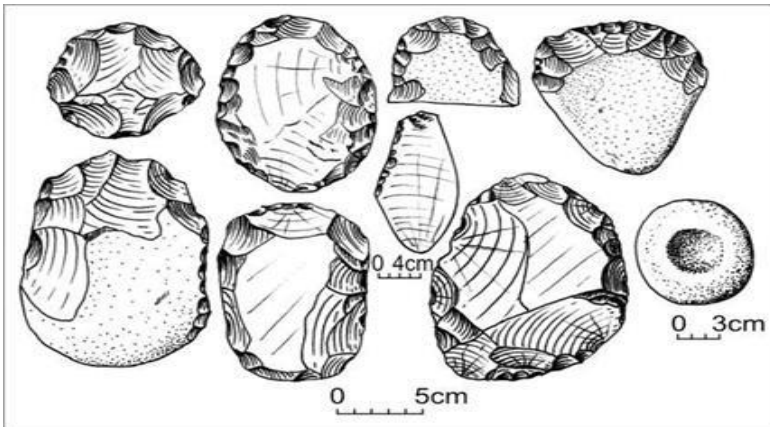
Uyên và Thi sững sốt về một bài “diễn thuyết” ngắn của tôi. Cả hai nhìn nhau mỉm cười.

Tôi cho Uyên và Thi biết huyện Đông Anh là *địa thế chuyển tiếp*, là *cái gờ* của miền trung du, một vùng đất cao của thềm *phù sa cổ* với những dãy đồi trùng điệp, sang một vùng đồng bằng đất trũng với *phù sa mới* màu mỡ thích hợp cho ngành *nông nghiệp lúa nước*, một nét đặc thù của nền văn minh của những con người từng đã sống trên vùng đồng bằng Bắc Việt từ hàng chục nghìn năm trước.

Nhắc đến đây, tôi chợt liên tưởng về “chủ nhân” của nền văn minh lúa nước này, họ đã từng tạo nên những nền văn hóa cao của nhân loại, được phát triển mạnh trong vùng rồi lan tỏa đi, sang những vùng khác thuộc miền nam Trung Hoa, các nước Đông Nam Á như Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cao Miên và các hải đảo thuộc biển Đông như Nam Dương, Mã Lai, Nhật Bản, lan sang cả Úc Châu. Những nền văn hóa đó được các nhà khảo cổ quốc tế định danh qua tên của những địa danh trên đất nước Việt nam, nơi tìm ra được những di chỉ khảo cổ đầu tiên như văn hóa *Tiền Sơn Vi* (với niên đại C14 là 33.000 năm so với ngày nay), rồi đến *Sơn Vi* (đá mảnh - 18.000 năm), *Hòa Bình* (đá cuội - 10.800 năm), *Bắc Sơn* (đá cuội mài - 10.000 năm), *Phùng Nguyên* (đồng thau-đầu thời Hùng Vương - 4.000 năm), *Đông Sơn* (bắt đầu thời kim loại sắt - cuối đời Hùng Vương trở về sau - hơn 2.000 năm). Tất nhiên là những tầng văn hóa này là những “mảng thời

gian” chồng lên nhau chứ không phải phân chia rõ rệt thời gian riêng rẽ của mỗi thời kỳ văn hóa riêng biệt.

Ta cũng nên lưu ý một điểm trong sinh hoạt khảo cổ ở nước ta và quốc tế. Nữ học giả M. Colanie là người đầu tiên nói tới nền văn hóa Hòa Bình, cũng như học giả R. Heie Gelden là người đầu tiên nói tới nền văn hóa Đông Sơn. Họ đã đem tên của những nền văn hóa này vượt ra khỏi biên giới nước Việt Nam để lan tỏa ra thế giới và đã được quốc tế hóa tên gọi Hòa Bình, Đông Sơn trong ngành khảo cổ của nhân loại.



Văn hóa Hòa Bình - đá cuội.

Tôi tạm dừng sự liên tưởng của mình, tiếp tục cắt nghĩa cho Uyên và Thi biết cái bối cảnh của việc dòm dò của vua An Dương Vương từ *Phong Châu* ở Phú Thọ, kinh đô vua Hùng, thuộc miền trung du, về *Phong Khê*, tên cũ của Cổ Loa, thuộc miền đồng bằng, có những nguyên nhân:

- Do áp lực dân số gia tăng.

- Do áp lực xâm lăng của giặc phương Bắc. Đất nước vừa phải trải qua mười năm chiến đấu gian khổ để đánh tan 50 vạn quân của Tần Thủy Hoàng. Và kế tiếp đó, là áp lực rất gần và thường trực của vương triều Triệu Đà của nước Nam Việt, một nước kề cận ngay phía bắc của Âu Lạc.

- Do một phần chính nữa, nước Âu Lạc cần phát triển kinh tế trên mảnh đất của đồng bằng phù sa phì nhiêu *vừa được thành hình lần thứ hai*, có nhiều sông nước, vừa thuận lợi cho nông nghiệp lúa nước và vừa thuận tiện cho việc vận chuyển trên sông ngòi. Vốn quen sống trên sông nước là một nét đặc thù của dân ta đã được diễn tả trên những “hoa văn” của những trống đồng thời đại các vua Hùng.

Uyên hỏi tôi:

- Tại sao anh lại nói đồng bằng Bắc Việt ta lại *“thành hình lần thứ hai”* trong giai đoạn ấy?

Tôi cắt nghĩa thêm vài điều căn bản:

- Như anh đã nói, căn cứ theo những giả thuyết mà nay đã được kiểm chứng bởi các nhà khảo cổ và được số đông chấp nhận. Cách đây hàng chục vạn năm, loài người đã sống trên mảnh đất này. Đồng bằng Bắc Việt ta rất rộng, rộng lắm, có thể kéo dài tới gần đảo Hải Nam, Nam Dương, Mã Lai, Phi Luật Tân, Nhật Bản, Úc Châu và ăn lan sang cả vùng biển Ấn Độ nữa vì nước biển hồi đó rất thấp, thấp hơn mặt nước biển ngày nay cả trăm mét. Cánh đồng

rộng mênh mông ấy làm người trong lục địa có thể tiếp xúc và trao đổi văn hóa với những vùng hải đảo xa xôi rất dễ dàng. Đó là thời kỳ đồng bằng vùng Bắc Việt *thành hình lần thứ nhất*. Nhưng cách đây vào khoảng gần hai chục nghìn năm (17.000 năm) trái đất bị nạn hồng thủy do băng hà tan gây ra hiện tượng *biển tiến*. Đồng bằng Bắc Việt, dần dần sau mấy nghìn năm, đã trở nên vùng biển cả ngập nước, không bóng người ở. Và cũng do đó, những di chỉ của nền văn minh ở đây tự nhiên bị *biến mất* một thời gian từ 10.000 đến 6.000 năm cách ngày nay. Sau đó, đồng bằng Bắc Việt lại xuất hiện trở lại với những di chỉ của nền văn hóa cao hơn.

Trong khi biển tiến, những cư dân trên vùng đồng bằng Bắc Việt thuộc nền văn hóa Hòa Bình đã phải di cư dần lên vùng đất cao, sống trong hang động, hay lan tỏa đi khắp nơi. Thời gian này, *ý niệm về “quốc gia” chưa có* nên họ lan tỏa đi lên những vùng cao của toàn vùng Đông Nam Á, sang cả phía tây như Thái Lan, Miến Điện, Lào, Cao Miên và lên cả phía bắc thuộc miền nam Trung Hoa ngày nay cho tới sông Dương Tử để tạo nên những chủng tộc Bách Việt, nguồn gốc người Hoa Nam bây giờ. Họ khác với người Hoa Bắc tức dòng Hán tộc sống về phía Bắc nước Trung Hoa ngày nay. Những người di dân này, họ mang theo nền văn minh của họ đến nơi định cư mới và đặc biệt là họ truyền bá kỹ thuật trồng lúa nước.

Các nhà khảo cổ quốc tế ngày nay, kể cả những nhà khảo cổ nổi danh người Trung Hoa, với những tiến bộ khoa học (như dùng chất phóng xạ C14) có khả năng định niên đại của di vật khảo cổ một cách hết sức chính xác, cùng những nhà khoa học liên ngành như những nhà nhân chủng học, cổ sử học, ngôn ngữ học, di truyền học đã khẳng định, không còn nghi ngờ gì nữa, họ (những người di dân) là những chủng tộc ở phía nam Trung Hoa ngày nay có nguồn gốc từ *phương nam đi lên và họ mang theo kỹ thuật trồng lúa nước và kỹ thuật luyện kim đúc trống đồng dậy cho người Trung Hoa.*

Vào khoảng thời gian từ 6.000 đến 2.000 năm cách ngày nay là giai đoạn *biển lùi*. Đồng bằng Bắc Việt lại được tái lập tức *hình thành lần thứ hai* và có con người xuất hiện trở lại sống trên vùng đất “vũng” này. Cách đây 1.000 năm, mực nước biển rút nhưng còn cao hơn ngày nay 3 mét. Chính thời gian biển lùi này, nó phù hợp với câu chuyện mở đầu lịch sử nước ta, câu chuyện Tiên-Rồng hay Âu Cơ và Lạc Long Quân đẻ ra trăm trứng, nở ra 50 người nữ thuộc giống Tiên và 50 người nam thuộc giống Rồng. Tiên ở trên vùng cao giữ nước và phát triển vùng đồi núi có sẵn, còn Rồng trở về vùng đồng lầy khai khẩn theo từng bước biển lùi.

Ta cũng nên biết, trong khoảng gần 5.000 năm trở lại đây, *ý niệm “quốc gia” bắt đầu được thành hình*, và cũng từ đó, những cuộc chiến tranh tiêu diệt lẫn nhau giữa các chủng tộc đã trở nên khốc liệt với

mục tiêu mở mang bờ cõi, mở rộng tầm ảnh hưởng và tạo sức mạnh kinh tế cho chủng tộc mình. Chủng tộc Hán là dân du mục, họ sống trên những vùng thảo nguyên thuộc phía bắc Trung Hoa. Từ nghìn xưa họ sinh sống bằng săn bắn, hái lượm nên thiện chiến hơn những chủng tộc sống định cư canh tác nông nghiệp như những chủng tộc miền nam.

Chủng tộc Hán, vốn có óc bá quyền và hiếu chiến, lần lần chiếm cứ bằng quân sự những vùng đất của những chủng tộc phía nam để thành lập quốc gia Trung Hoa rộng lớn như ngày hôm nay. Khi họ tới vùng đất của hai chủng tộc gần cực nam là Âu Việt và Lạc Việt, sau sát nhập để trở thành Âu Lạc dưới thời Thục Phán An Dương Vương, thì bị khưng lại. Tới thời kỳ của Triệu Đà thì Âu Lạc mới mất nước về tay người Hán. Và từ đó, dân ta chịu sự đô hộ của người Tàu hơn một nghìn năm.

Mãi tới khi vua Ngô Quyền, sau chiến thắng quân Nam Hán trên sông Bạch Đằng năm 938 sau công nguyên, ngài mới đem nền độc lập thật sự trở lại cho dân ta. Kể tiếp đó, sự tự cường của dân tộc ta dám sánh ngang hàng với đại Hán, đại Đường, đại Tống bên Tàu được thể hiện rất rõ ràng kể từ đời nhà Đinh tức Đinh Tiên Hoàng Đế đóng đô ở Hoa Lư, Ninh Bình. *Và tinh thần tự cường, bất khuất đó đã được kéo dài cho tới ngày nay.*

Chúng tôi vừa dắt xe đi bộ vừa nói chuyện. Hai chiếc áo dài màu tím hoa cà của Uyên và màu trắng của Thi bay phất phới nơi cảnh đồng quê làm nổi

bật lên dáng vẻ thị thành giữa những bà nhà quê đang nói chuyện lao xao, gánh hàng mang ra chợ bán.

Những mớ rau tươi, hoa quả, ngũ cốc trong thúng, nặng trĩu trên hai đầu đòn gánh. Những chiếc váy đen dày cộm phủ màu thời gian đã ngả màu bạc phéch theo bước chân trần đi vội vã tạo nên những tiếng sột soạt nhịp nhàng cùng những tiếng kéo kẹt của quang gánh đang nhún nhảy trên vai. Những chiếc áo màu nâu đất đã bạc nói lên sự lam lũ của người mặc. Vài bác nông phu đang lầm lũi vác cuốc ra đồng, lưng lẳng bên hông chiếc “điều cây”.

Dăm ba cháu nhỏ đứng nhìn chúng tôi một cách tò mò. Có em bé gái khoảng tám, chín tuổi đang “ẹo xương sườn” để “ấm cấp nách” (bé ngang hông) đưa em trai “thò lò mũi xanh” (chảy nước mũi) đứng nhìn chúng tôi chăm chú như nhìn những gì thật xa lạ với em. Cổ Loa không xa Hà Nội lắm, chỉ với khoảng cách gần 20 cây số, ấy thế mà đã là một khoảng cách chênh lệch khá lớn về mức sống giữa thành thị với thôn quê.

Đông Anh là vùng đất trũng, chẳng chịt sông ngòi và lạch. Cổ Loa cũng là vùng “tứ giác nước” bao bọc bởi những con sông chạy ngang qua huyện Đông Anh gồm phía bắc có sông Cà Lồ, phía nam có sông Đuống. Ngày xưa có con sông Hoàng khá lớn chảy ngang qua giữa huyện, nối liền sông Hồng và sông Cầu.

Ngày nay sông Hoàng đã trở thành con sông “chết” và bị cắt đứt thành từng đoạn, chỉ chảy giới hạn trong sự nối liền với hệ thống thủy lợi trong vùng mà thôi. Sông chết này, *khúc đầu* phía đông-bắc huyện được gọi là sông *Thiếp*; *khúc giữa* là sông *Hoàng Giang* chảy ngang qua Cổ Loa. Theo nhà sử học (Trần Quốc Vượng) thì có thể là tên khúc sông này bắt đầu từ thời Ngô Vương Quyền đóng đô ở đây từ tháng giêng năm 939; *khúc cuối* bắt đầu từ phía đông Cổ Loa được gọi là sông *Ngũ Huyện Khê* vì chảy ngang qua năm xã. Khúc sông Ngũ Huyện Khê có đê xây từ thời vua Hùng. Điều này chứng tỏ đê điều là *hệ thống trị thủy* khôn ngoan có từ thời các vua Hùng của nước Văn Lang.

Trên những cánh đồng ruộng của Đông Anh, lên cả đến bên kia phía sông Cà Lồ của huyện Sóc Sơn còn có rải rác những ao, chuôm lớn mà người dân ở đây gọi là “*bước chân thánh Gióng*.” Người xưa dùng những ao, chuôm này là những nơi chứa nước vào mùa mưa và dùng nước dự trữ đó vào mùa khô trong canh tác nông nghiệp như một hệ thống thủy lợi vậy.

Đứng về mặt chiến lược quân sự, Cổ Loa là cái “*yết hầu*” đứng giữa vùng trung du và đồng bằng. Nó quan trọng nhờ ở địa thế dễ dàng tiến lên trung du, lại có thể từ đây phối hợp hai hệ thống sông Hồng và sông Thái Bình để lan tỏa đi khắp nơi trong vùng đồng bằng. Ta cũng không nên quên là chính

nơi đây cũng đã từng là căn cứ quân sự của thời Hậu Lý Nam Đế năm 692.

Chẳng bao lâu, chúng tôi đã tới trước cửa thành phía nam tức cửa Nam, cửa chính của thành Cổ Loa. Trước cửa thành có sông Hoàng Giang chảy bao bọc, ôm lấy thành từ hướng đông nam, qua nam, rồi vòng sang hướng tây nam của thành để làm “hào thiên nhiên” bảo vệ thành ở vòng ngoài.

Chúng tôi lên xe đạp tiến vào bên trong của khu thành Cổ Loa. Khi ngang qua cửa Nam, chúng tôi thấy hai bên cửa có hai ụ đất cao sát cổng thành có miếu thờ hai vị trấn tướng. Vì là cửa thành chính nên có hai trấn tướng còn những cửa phụ khác của thành chỉ có một trấn tướng mà thôi. Hai miếu này đã bị bụi cây che gần kín, phải để ý lắm mới thấy. Qua cổng chính không bao xa, chúng tôi gặp một ụ đất to, đó là Mả Tre nơi tìm thấy *trống đồng Cổ Loa*.

Con đường dẫn chúng tôi tới đền An Dương Vương còn gọi là *Đền Thượng* hay “*Tiên Từ Đệ Nhất*” là con đường đất lớn, có đoạn lát gạch. Dọc theo hai bên đường là những xóm đông người có sinh hoạt nhộn nhịp, thỉnh thoảng có những thửa ruộng xen kẽ.

Đền được xây trên nền của Hoàng cung cũ, một thửa đất cao hẳn lên so với những thửa đất rộng chung quanh. Theo phong thủy, đền nằm trên thế đất hình con rồng mà đền được xây trên lưng rồng.

Trước cổng đền có một mô đất trên đó có cây mọc nên được ví như rồng đang nhả viên “ngọc châu.” Sau hòn “ngọc châu” là “giếng Ngọc” hay “giếng Trọng Thủy-Mỵ Châu”. Thật sự “giếng” chỉ là cái ao tròn không có miệng giếng, được xây bằng gạch như những “giếng làng”. Nơi đây Trọng Thủy đã gieo mình tự tử chết theo Mỵ Châu. Xác Trọng Thủy theo dòng sông Hoàng Giang mà trôi xuống các xã phía dưới. Do đó, khu vực Cổ Loa gồm 8 xã trên chỉ thờ vua An Dương Vương và Mỵ Châu, còn 6 xã cuối thờ Trọng Thủy như thờ vong linh, hồn ma mà thôi. Thật sự thì sau khi Cổ Loa không còn là kinh đô của Âu Lạc nữa, cấu trúc thành được quy hoạch lại nên giếng Trọng Thủy nay ở ngay trước cửa đền vua An Dương Vương.



Quang cảnh phía trước Đền Thưng

Vì là đền thờ vua nên đền An Dương Vương có 2 tam quan, “tam quan ngoại” và “tam quan nội”.

Tam quan ngoại có một kiến trúc cổ rất đẹp và thanh thoát, hoàn toàn mang sắc thái văn hóa bản địa độc đáo của dân ta chứ không vay



*Tam quan Ngoại
với hai con rồng đá và ba cây*

mượn từ kiến trúc Trung Hoa. Trước cửa tam quan ngoại có cặp rồng đá tạc rất công phu. Cặp rồng đá này được coi là tác phẩm nghệ thuật quý giá của

nhà Lê. Hai cây hương bằng đá trước cặp rồng có niên hiệu Vĩnh Hựu thuộc thế kỷ thứ 17. Phía trên tam quan ngoại có gác chuông và có hàng đại tự



Tam quan Nội

“*Phủ Ngưỡng Thiên Cổ*” tức “Chiêm bái muôn năm.”

Uyên và Thi theo tôi vào sân Đền. Uyên mua hương, hoa để vào chiêm bái đức Vua.

Sau tam quan ngoại”, tới một sân rộng, rồi tới “tam quan nội”. Qua “tam quan nội” bằng cổng phụ, chúng tôi tới nhà Đại Bái



Nhà Đại Bái với hai con “Nghê” đá hai bên cửa vào.

là nơi tế lễ. Trước cửa nhà Đại Bái có hai “con nghê” bằng đá. Ý nghĩa của hai “con nghê” này là chúng có nhiệm vụ kiểm soát tư tưởng thanh tịnh của khách hành hương khi vào đền lễ bái trước bàn thờ ngài An Dương Vương.

Phía trong cùng nhà Đại Bái là khu thờ cúng có tượng đồng của Đức vua An Dương Vương. Nơi thờ Ngài thì tối, trên bàn thờ chỉ thắp một ngọn đèn dầu nhỏ lơ mờ. Được biết nơi thờ phượng thường để tối như thế để tỏ lòng cung kính và tạo sự trang nghiêm. Trong đền có cặp ngựa gỗ màu đỏ đậm, được tạc vào đời nhà Lê, tượng trưng cho thời kỳ Đức An Dương Vương dùng ngựa để đánh Tần đuổi Triệu.



Ngoài ra
trong đền
còn lưu trữ
và trưng bày
trong tủ
kính một số
mũi tên
đồng, vài
loại khác
nhau. Ông

Bàn thờ An Dương Vương.

từ (người coi

đền) cho chúng tôi biết, theo dân gian truyền tụng lại, trong thời kỳ Hai Bà Trưng đánh nhau với quân Mã Viện, Hai Bà có ghé qua đây cầu xin Đức An Dương Vương dùng thần lực phù trợ giúp cho sự chiến đấu của Hai Bà được thành công.

Uyên, Thi
và tôi lại trở
ra ngoài tam
quan ngoại.
Ngay hai bên
cổng tam
quan ngoại
có, một bên là
một ụ đất nằm



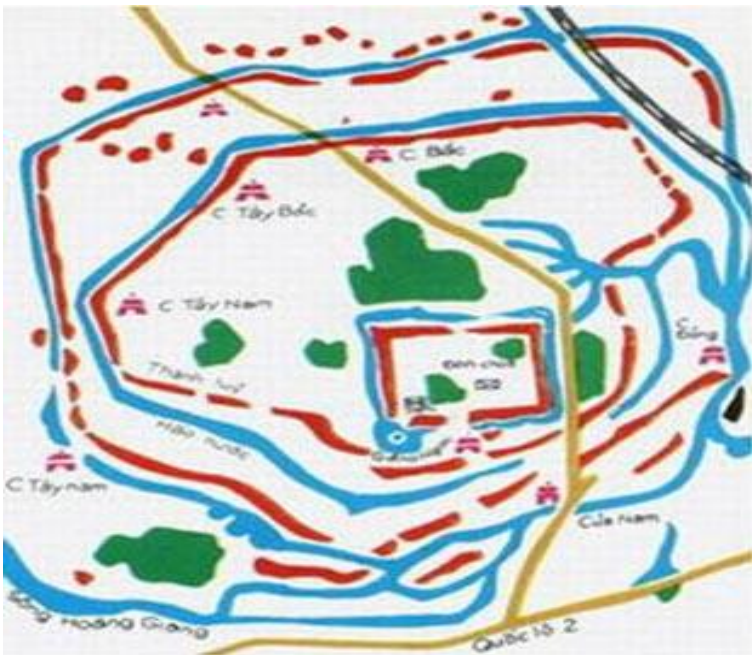
ngay phía bên tay phải, một bên là một hố hơi trũng nằm ngay phía bên tay trái hướng từ Đền nhìn ra. Dân trong vùng gọi đó là hai con mắt của con rồng. Một mắt bị hư mù tức là hố đất trũng khô nước, mắt còn sáng là ụ đất cao. Được biết, có cái lạ là, dù vào

mùa nắng khô, ụ đất ấy luôn luôn ướt. Dân gian gọi con rồng này là “*rồng độc nhãn*” tức rồng một mắt.

Chúng tôi leo lên gác chuông của tam quan ngoại. Trên gác chuông có một quả chuông rất lớn. Nếu đánh chuông lên, tôi tin là tiếng chuông sẽ ngân vang và lan ra xa có thể tới mấy làng chung quanh.

Từ gác chuông cao, chúng tôi có thể quan sát gần như toàn bộ cổ thành. Tôi chỉ cho Uyên biết một vài nơi nhìn thấy trước mặt như Xóm Mít mà dân ở đây trước là dân chài, nay họ lên *bờ thành Ngoại* sinh sống mà lập nên xóm này.

Phía tây nam là quốc lộ 2, và gần đó có đình Mạch Tràng, là kho lương thực của thành Cổ Loa.



Đặc biệt là những di tích của những vòng thành còn sót lại, cách nhau bởi những hào nước mà nay đã trở thành ruộng. Nơi cột cờ là hướng chính nam có cửa chính của thành gọi là cửa Nam mà chúng tôi vừa đi qua.

Uyên chỉ những bức tường đất xa xa hỏi tôi:

- Có phải những đoạn tường đất xa xa kia, trước đây là những bức tường thành của thành Cổ Loa mà nay đã bị sụp đổ từng phần đó không?

Nhân đó, tôi chỉ cho Uyên và Thi biết thêm những chi tiết về thành Cổ Loa qua cảnh vật hiện thực chung quanh và phối hợp với bản đồ của thành cổ này đã được trưng bày ở một vài nơi trong Đền.

Thi chợt hỏi:

- Thế thành có mấy vòng hở anh?

Tôi ngừng lên, cười với Thi:

- Em đoán là có mấy vòng?

- Thưa anh, em không biết, chắc phải nhiều vòng lắm.

Uyên mỉm cười trước câu trả lời của cô em:

- Em quên rồi sao? Trên bản đồ trong Đền đã vẽ rõ là thành có 3 vòng thành có hình đường cong khép kín. Em không chịu để ý đấy thôi!

Nghe chị nói, Thi giả vờ đóng vai cô học trò nhỏ khoanh tay, cúi đầu lễ phép đáp đùa:

- Xin lỗi cô giáo! Lần sau “con” không dám thế nữa ạ!

Tôi bật cười, cốc nhẹ vào đầu Thi:

- Thôi, anh xin cô giáo tha cho. Phải ngoan đấy!

Tôi nói tiếp về những bức tường thành:

- Cứ dựa theo sự chỉ dẫn và chú thích trên bản đồ, vòng ngoài gọi là “*thành Ngoại*” dành cho quân lính ở, có chu vi là 8 cây số. Vòng ở giữa gọi là “*thành Trung*”, dành cho quan lại ở, có chu vi là 6,5 cây số. Cả hai vòng thành Ngoại và Trung là những đường cong không có hình dáng nhất định, khép kín, vì lúc xây thành người ta cố lợi dụng “*uốn*” tường thành theo địa thế thiên nhiên có sẵn như những ụ đất hay đê của khúc sông Ngũ Huyện Khê để xây dựng thêm lên. Đồng thời, người ta cũng lợi dụng nương theo những hệ thống sông, lạch chằng chịt để biến chúng thành những hào thiên nhiên bảo vệ thành. Vòng trong cùng được gọi là “*thành Nội*” hay “*thành Cẩm*”, nơi vua và hoàng gia ở. Thành Nội được xây tương đối hình chữ nhật trên thửa đất cao, có chu vi vào khoảng 1,5 cây số. Có những nhà khảo cổ cho rằng thành Nội được xây thêm vào thời vua Ngô Quyền, cũng có người cho rằng nó được xây từ thời Mã Viện sau khi đánh thắng Hai Bà Trưng vì nơi đây đã tìm được những dấu vết của văn hóa Hán tộc và kiến trúc xây thành Nội cũng tương tự như thành của nhà Hán rất phổ biến thời bấy giờ. Nếu quả như vậy, thành Cổ Loa

là sự phối hợp của hai nền văn minh Hán-Việt và thuần Việt cổ.

Các tường thành có chiều cao từ 4 đến 5 mét, ba người công kên nhau lên mới tới. Có chỗ cao tới từ 8 đến 12 mét. Chân tường thành rộng từ 20 đến 30 mét, mặt thành rộng từ 6 tới 10 mét, quân có thể di chuyển hàng mười. Thành tường bên ngoài dựng đứng, bên trong soai soải để dễ di chuyển, do đó bên ngoài đánh vào rất khó nhưng bên trong đánh ra rất dễ. Trên mặt thành lại có những “hỏa hôi” cao để có thể quan sát cả một vùng rộng lớn.

Ngoài 3 tường thành còn có những “lũy tiền vệ” ở cả phía bắc thành Ngoại và nằm khoảng giữa thành Ngoại và thành Trung. Hướng bắc luôn là hướng tấn công chính của địch.

Uyên chợt hỏi tôi:

- Thế còn những truyền thuyết hàng đêm có hàng nghìn cô tiên đến giúp xây thành, rồi lại có truyền thuyết có thần Kim Quy đến giúp, theo anh nghĩ thế nào về những truyền thuyết ấy?

- Ủ, truyền thuyết dân gian thì nhiều lắm, đặc biệt trong việc xây dựng thành Cổ Loa này. Theo các nhà nghiên cứu cũng như chúng ta đã biết đây, vùng đất này khi xưa là vùng đất trũng, nền móng là đất mềm nên rất khó xây tường thành đứng vững. Có thể cứ xây xong lại đổ nên dân gian có những truyền thuyết ấy để diễn tả sự khó khăn cần phải có thêm thần linh giúp đỡ mới xong. Vào thời đó dân

ta còn trọng tín ngưỡng tôn thờ “vật tổ” mà những vật tổ thông thường mà ta thường nghe đến là Tiên, Rồng, Rắn, Chim, Rùa. . . Những truyền thuyết đó nói lên những khó khăn một phần và cũng là một thứ *chiến tranh tâm lý* một phần. Công việc nào có “Trời” giúp cho thì phải tốt, bền vững, linh thiêng hơn những công trình thuần chỉ do sức người xây dựng lên, và cũng từ đó, nó tự tạo nên một niềm tin tuyệt đối trong dân gian.

Thật sự ra, theo các nhà khảo cổ “mỏ xẻ” bức tường thành, họ cho thấy những nơi đất trũng và mềm, người xưa đã cho “tăng cường” thêm ở phía dưới chân tường bằng những tảng đá to. Cộng thêm vào đó là những cục đá hòn có đường kính từ 15 đến 60 phân tây và những mảnh sành đất nung vỡ có độ nung già non khác nhau.

Dưới chân phía ngoài những tường thành đều có hào nước để bảo vệ thành. Những hào nước rộng từ 10 đến 30 mét thường là những nhánh sông, lạch thiên nhiên chảy vào và ăn thông với nhau tạo thành một mạng lưới thủy văn chằng chịt. Thuyền có thể di chuyển hàng ba dễ dàng. Những nhánh sông này được tiếp nước từ những con sông lớn như sông Cầu và sông Hồng. Những hào này, ngày nay đã trở thành những dải ruộng khô.

Trên là thành cao, dưới là hào rộng và sâu nên thành Cổ Loa *dễ dàng phối hợp cả bộ binh lẫn thủy binh*.

Uyên chợt hỏi tôi:

- Thưa anh, sao người ta gọi thành này là thành có hình tròn ốc (Cổ Loa)?

Tôi khen Uyên:

- Câu hỏi này rất hay! Uyên hãy nhớ lại trên bản đồ thành Cổ Loa ta xem lúc trước, ba vòng thành Nội, Trung và Ngoại gần như chúng có một đoạn giáp lại rất gần nhau, đó là cửa Nam mà lúc vào thành chúng ta đã đi ngang qua. Vì có chỗ chụm lại gần nhau như thế nên thành có hình dáng của đường xoáy ốc mà khu Đền Thượng này cũng là Hoàng cung xưa chính là tròn ốc. Chính cái không đều đặn của thành và hào sâu chằng chịt ăn thông nhau tạo cho thành những “bát quái đồ” hay “mê hồn trận”. Khi quân địch có vào được thành cũng khó tấn công thêm hoặc khó rút ra.

Cũng dựa trên luận cứ của những nhà nghiên cứu về thành Cổ Loa cho ta thấy thêm những tính toán quân sự của người xưa trong việc xây thành. *Cửa Nam* là cửa chính và cũng là cửa thành duy nhất mà ba vòng thành có thể ăn thông với nhau. Ngoài ra, những cửa của thành Trung và thành Ngoại, không kể cửa Nam, gồm những cửa phụ như *cửa Đông* ăn thông với sông Hồng và có *đầm Cả* mà những nhà quân sự ngày nay cho là đó là *quân cảng* của Cổ Loa ngày xưa; *cửa Bắc* quan trọng hơn cả vì là hướng trực diện với quân thù do tướng Cao Lỗ đích thân trấn giữ nên nay có tượng

thờ tướng Cao Lỗ, tức là ông Nỏ, ở cửa thành này; *cửa Tây bắc* và *cửa Tây nam*. Những cửa này không có cửa nào ăn thông suốt với cửa kia như cửa Nam, nên quân địch không thể dùng thế đánh “gọng kìm” hay tiếp ứng cho nhau dễ dàng được.

Đứng trên gác chuông cao, tôi chỉ cho Uyên và Thi những vị trí cần biết mà những người đến thăm thành Cổ Loa không thể không lưu tâm đến, đó là những khu vực mà các nhà khảo cổ đã đào tìm ra được những di chỉ cổ xưa, như:

- Ở Bãi Mèn hay Đường Mèn đã tìm được những di vật đầu thời đại Đồng thau.

- Ở Cầu Vực tìm được hàng vạn đầu mũi tên đồng. Điều này chứng tỏ Cổ Loa đã có một kỹ nghệ chế tạo vũ khí khá quy mô.

- Ở gò Mả Tre đã tìm được *trống đồng Cổ Loa*, nổi tiếng sánh ngang với những trống đồng *Ngọc Lũ* và trống đồng *Hoàng Hạ* cùng có niên đại trên 2.000 năm.

Cứ như những cổ vật tìm được ở trên thì ta thấy đã có người sinh sống bên bờ sông Hoàng Giang này cách nay từ trên 2.300 năm.

Chúng tôi rời Đền Thượng, theo hướng trở lại cửa thành phía Nam để đến *Đình Cổ Loa* gần đó. Đình này còn gọi là đình “*Ngự Triều Di Quy*” xây trên di tích còn sót lại của “*Điện Ngự Triều*” trong

“thành Nội”, nơi vua họp bàn việc nước cùng các quan.

Ngôi đình cũ đã bị tàn phá bởi chiến tranh.

Ngôi đình hiện tại có niên đại chính xác vào đời vua Thành



Cổng đền “Ngự Triều Di Quy”

Thái (1891). Đình được mua từ Việt Trì, cách Cổ Loa khoảng 50 cây số, được thả bè trôi sông tới sông Đuống thì được kéo lên, đem về đây lắp lại. Quanh khu đình là một khoảng đất rộng, kang trang. Kiến trúc cổng đình và tường xây chung quanh rất đẹp,



Sân đền “Ngự Triều Di Quy”

mang rất rõ nét đặc thù văn hóa cổng đình của Việt nam.

Trong đình có bàn thờ, trước bàn thờ có nhiều câu đối và có một tấm “võng thờ” sơn son thếp vàng, trạm trổ long, ly, quy, phượng rất công phu và tuyệt đẹp.

Hai bên bàn thờ là đôi hạc và hai bộ “bát bộ” (vũ khí thời xưa).



Bàn thờ với tấm “cửa võng” chạm trổ tinh vi.



Cây đa “nghìn tuổi” được vua Ngô Quyền trồng năm 939 khi ngài đóng đô ở Cổ Loa. Rễ cây đa phủ lên cổng vào miếu Mỵ Nương.

Bên cạnh đình có một cây đa, dân địa phương gọi là “*cây đa nghìn tuổi*”, do chính tay vua Ngô Quyền trồng khi ngài đóng đô ở đây. Rễ đa được bao trùm lên cổng vào của miếu thờ Công chúa My Châu. Rễ chính của cây đa đã chết, nay nó chỉ sống nhờ vào những rễ phụ.

Chúng tôi vào trong miếu My Châu. Trong miếu có một tượng thờ cụt đầu ở thế ngồi xếp chân “bằng tròn”, mặc áo công chúa màu vàng, rộng phủ hết ngói tượng, cổ đeo nhiều vòng trang sức xanh đỏ sặc sỡ. Nghe nói tượng này là phiến đá mang từ đường Cổng Sứ về.

Theo truyền thuyết thì trước khi bị cha chém đầu, Công chúa lạy thưa cùng vua cha: “*Lạy cha. Vì con nhẹ dạ tin người nên bị người lừa, chứ con không có bụng dạ nào phản cha, hại nước. Nếu quả con có lòng theo giặc làm phản, thì chết đi con sẽ trở thành tro, thành bụi. Nếu trước sau con vẫn một dạ thờ cha thì con sẽ thành đá, thành ngọc, ngược dòng trôi về cửa cha*”. Theo truyền thuyết này, xác My Châu trôi về Cổ Loa và được dân làng vớt lên chôn cất. Hàng năm cứ đến ngày 13 tháng 8 âm lịch thì dân chúng trong vùng có tục lệ “*ăn sêu*” bà Chúa, chỉ ăn bún chứ không ăn cơm.

Trong miếu thờ, ánh sáng lù mù của đôi đèn nhỏ làm không khí nơi thờ phượng công chúa My Châu trở nên âm u như có những vong linh lẩn khuất nơi đây. Thi riu riu đi bên tôi như có vẻ sợ hãi.



Tôi nói với Thi:

- Em ra khăn gì đi, bà Chúa linh thiêng lắm đấy!

Thi nhìn tôi rồi cũng rón rén ra trước tượng Công chúa cụt đầu chấp tay lâm râm khăn vái.

Khăn xong, Thi lại rụt rè đi về phía tôi mà trên nét mặt nàng vẫn còn phảng phất nét nửa e dè, nửa trịnh trọng, trang nghiêm và thành khẩn.

Thi hỏi tôi:

- Anh không khăn à?

- Anh khăn rồi.

- Anh khăn gì vậy?

Tôi nheo mắt trêu Thi:

- Em biết rồi mà!

Thi nhìn thẳng vào mắt tôi rồi ngượng ngịu cúi xuống, nói nhỏ:

- Em không biết!

Vừa đúng lúc đó Uyên bước vào. Thi nhanh nhẩu nói:

- Chị Uyên vào khấn bà Chúa đi! Em vừa cầu xin sức khỏe cho Thầy mẹ và gia đình mình.

Nói xong Thi nhìn tôi mỉm cười. Tôi biết, thế là Thi đã hiểu được những gì tôi vừa muốn nói. Con gái họ cũng tinh ý lắm.

Thi bỏ ra ngoài để mặc tôi và Uyên ở lại trong miếu. Uyên, cũng với bộ mặt nghiêm trang, tiến tới đứng gần tôi nhìn quanh. Uyên nắm cánh tay tôi kéo ra ngoài.

Vừa tới cửa miếu, Uyên nói với tôi bằng một giọng thật nhẹ nhàng:

- Em cảm ơn anh!

- Cảm ơn gì hử Uyên?

Uyên nhìn tôi cười với ánh mắt biết ơn:

- Em cảm ơn anh đã đưa chúng em đi chơi ngày hôm nay.

Tôi vội quay người lại, đối diện với Uyên, tay phải để trước ngực, cúi rạp mình xuống, nói:

- Hân hạnh! Hân hạnh!

Uyên cười đánh nhẹ vào cánh tay tôi:

- Cái anh này!

Chợt Thi ở đâu chạy lại với hai quả quýt trên tay:

- Anh và chị có chuyện gì mà vui thế? Em mới xin được “lộc” cho anh và chị đây này.

Chúng tôi ra khỏi đình, đạp xe thẳng tới cửa Bắc để chiêm bái tượng ngài *Cao Lỗ*.

Cao Lỗ, người tướng tài của vua Thục An Dương Vương, đã từng theo vua đi đánh giặc Tần, đã từng khuyên vua dời đô từ vùng trung du về miền xuôi đồng bằng vì vùng đất đó hứa hẹn sự phát triển mau chóng cho đất nước về sau. Ông cũng là người có công lớn trong việc xây dựng nên thành Cổ Loa và đã phát minh ra “nỏ thần” bắn được nhiều mũi tên trong một lần bấm cò.



Đền và tượng tướng Cao Lỗ hay ông Nỏ

Mỗi khi nhắc tới nỏ thần, dân gian cho đó là một loại vũ khí *chỉ sông sông cạn, chỉ núi núi tan*. “Cò nẩy” của nỏ thần là một “bí mật quốc gia” mà vua An Dương Vương đã để bị tiết lộ bởi gian kế của địch quân Triệu Đà. Tin vào quân địch, bỏ tướng trung, việc mất nước của vua An Dương Vương là điều có thể hiểu được và cũng là bài học mà con

cháu phải trả một giá quá đắt với một nghìn năm nô lệ. Nhân dân đời sau rất thương quý vua An Dương Vương nhưng cũng phê phán: *Người cơ mưu chẳng nghiệm, thương con, tin rể thì còn trách ai.*

Khi được tin Triệu Đà đánh thắng vua An Dương Vương, Cao Lỗ vội từ quê nhà trở lại Cổ Loa để cứu vua, nhưng quá trễ. Cao Lỗ bị Triệu Đà giết chết trong trận đánh cuối cùng. Ta cũng nên biết, danh tướng Cao Lỗ đã bị nhà vua đuổi đi hoặc ông đã tự xin từ chức về quê vì đã hết mực ngăn cản việc giao hòa với Triệu Đà bằng cách nhận cho Trọng Thủy vào thành ở rể mà không thành. Tướng Cao Lỗ quả là một nhân vật lịch sử, quân sự tài ba, nhìn xa biết rộng của thuở sơ khai lập quốc của dân tộc ta. Thật đáng tiếc thay!



“Nỏ thần”



Tên đồng Cổ Loa

Bên cạnh truyện ông Nỏ ta cũng còn truyện ông Nồi tương tự trong thời gian ấy. Theo sử sách kể lại, có một nhà nghèo nọ ở Hương Canh, nay thuộc huyện Yên Lãng, tỉnh Phú Thọ (Vĩnh Phú) làm nghề

nặng nề nề. Hai vợ chồng sinh ra một đứa con trai, đặt tên là Nồi.

Nồi càng lớn càng thông minh, lại giỏi võ nghệ. Nhân vua An Dương Vương mở khóa thi võ để chọn người tài, Nồi dự thi và giật giải đồ vật và giải võ, được cử làm tướng trong triều. Ông Nồi lấy vợ ở làng Chiêm Trạch gần Cổ Loa, đẻ hai con trai là Đống và Vực. Ba cha con cùng theo giúp vua An Dương Vương. Cũng như ông Nỏ, ông Nồi nhất quyết can ngăn nhà vua cho Trọng Thủy được ở trong thành. Thấy các Lạc tướng trong triều được Triệu Đà mua chuộc, vua lại không nghe lời khuyên can của mình nên ba cha con ông Nồi cùng bỏ triều đình về quê sinh sống ở Chiêm Trạch.

Khi Triệu Đà đánh thắng vua An Dương Vương, ba cha con ông Nồi chiêu binh, lập căn cứ ở Chiêm Trạch để chống trả lại Triệu Đà. Cuộc chống trả không thành công, ba cha con ông Nồi bị bắt. Triệu Đà dụ hàng, ba cha con ông Nồi không chịu, Triệu Đà giết đi cả.

Thêm nữa, vua An Dương Vương không phải chỉ có tướng giỏi trong giai đoạn đóng đô ở Cổ Loa mà ngay cả trong thời gian xảy ra trận chiến 10 năm chống quân Tần Thủy Hoàng sang xâm lăng Âu Việt (Thục) và Lạc Việt (Văn Lang). Vua Thục An Dương Vương lúc đó đã biết sử dụng chiến tranh du kích và tiêu thổ kháng chiến để đánh thắng 50 vạn quân Tần bách chiến bách thắng từ xa tới. Tướng nguyên soái cầm đầu đoàn quân viễn chinh ấy là Đồ

Thư cũng bị giết chết. Trong cuộc chiến tranh 10 năm ấy, có một tướng tài của vua Thục Phán là Lý Ông Trọng.

Cuộc chiến tranh dài ấy, lúc đánh lúc hòa. Lúc cần hòa vua Thục Phán đã sai ông Lý Ông Trọng đi sứ sang Tần. Nhà Tần lúc đó đã xây Vạn Lý Trường Thành để ngăn chặn người Hung Nô ở phía bắc nước Tàu thường sang đánh phá ở biên giới. Vạn Lý Trường Thành không đủ ngăn cản nổi sự tấn công của người Hung Nô. Tần Thủy Hoàng nhờ Lý Ông Trọng đến biên giới để đánh quân Hung Nô.

Đánh đâu thắng đó, vua Tần Thủy Hoàng rất yêu quý ông và gả công chúa cho. Vua Tần muốn giữ ông ở lại, nhưng ông Trọng nài có tuổi đã cao nhất quyết xin về nước. Vua Tần đành phải cho ông về. Theo truyền thuyết trong *Lĩnh Nam Chích Quái* có ghi là sau khi ông Trọng về rồi, vua Tần Thủy Hoàng sai đúc tượng đồng giống ông rất lớn. Mỗi khi quân Hung Nô sang đánh nước Tần, quân Tần lại kéo tượng ông tới trận tiền. Quân Hung Nô tưởng ông có mặt thì rút lui. Sau này người Tàu gọi chung những tượng lớn là “tượng Ông Trọng.”

Uyên và Thi yên lặng nghe tôi nói về những vị tướng lịch sử mà dân gian yêu quý đã trở thành truyền thuyết hay huyền thoại. Thi cứ ngắt cả người ra nghe như đang nghe tôi kể truyện cổ tích. Tôi nhẹ đùa xoa đầu Thi khen là học trò ngoan. Thi chỉ mỉm cười. Nàng còn đang chìm đắm trong những huyền thoại về những nhân vật lịch sử mà tôi vừa kể.

Những huyền thoại trong dân gian nước ta lại dường như được lồng vào trong những thực tại, nên ta có thể coi huyền thoại như một thực thể có thật được diễn tả dưới dạng dân gian. Như “nỏ thần” là có thật, đã tìm được, mà nay nó được nhìn nhận như một *phát minh cơ khí* của tướng Cao Lỗ với hàng vạn mũi tên đồng nay tìm được ở Cầu Vực, Cổ Loa. Cũng như truyện Sơn Tinh-Thủy Tinh là những khó khăn trị thủy của dân ta qua hệ thống đê điều. Huyền thoại và thực tế đan lồng vào với nhau để diễn tả một sự việc có thật dưới dạng một hệ thống tâm thức, tư duy hay tâm linh khác. ■



CHƯƠNG 6

Trống Đồng



Trống đồng Cổ Loa

Trời đã xế chiều, chúng tôi cũng chuẩn bị trở về Hà Nội.

Vừa ra khỏi cổng thành Cổ Loa, Thi xuống xe và sà ngay vào một quán bên đường mua mấy cái bánh gai gói bằng lá chuối khô được khâu vào với nhau bằng sợi lạt. Thi nói mua về để tối nay ra sân ăn bánh, uống trà.

Trên đường về, đường vắng xe, cánh đồng đã vắng bóng người làm đồng. Nhìn cảnh vật êm đềm của đồng ruộng, trong lòng tôi thấy thật thanh bình.

Chúng tôi lái xe hàng ba mà vẫn không sợ choán đường của ai. Uyên và Thi đạp xe bên tôi trong im lặng.

Vì có chị đi bên cạnh nên Thi giữ ý tứ hơn, ít khi tỏ ra nhí nhảnh như thường lệ trong những lần đi chơi riêng với tôi.

Để phá vỡ cái không khí yên lặng ấy, tôi rủ Thi đạp xe đua xem ai chạy nhanh. Thi nhìn chị rồi lắc đầu mỉm cười không nói. Hai chiếc áo dài, một tím hoa cà, một trắng, phất phới trong gió chiều, đẹp làm sao. Áo dài Việt Nam giản dị nhưng nó luôn luôn đẹp ở bất cứ nơi đâu và ta có thể mặc nó ở bất cứ trong trường hợp nào mà vẫn giữ được dáng vẻ thanh lịch.

Uyên đạp xe đến gần tôi hơn. Nàng hỏi nhẹ:

- Anh cho em hỏi anh một câu hỏi ngắn nữa thôi. Được không?

Tôi nhìn Uyên hỏi:

- Chuyện gì vậy cô giáo?

Uyên ngập ngừng:

- Anh kể cho em nghe về cái *trống đồng Cổ Loa* đi!

- Ái chà! Cô giáo hỏi anh câu hỏi “hắc búa” (khó) quá. Câu hỏi này đâu có ngắn hử Uyên!

Uyên để tay nhẹ lên tay tôi nói:

- Nếu thế thì thôi, ta để khi khác vậy!

Tôi cũng vỗ nhẹ lên tay Uyên:

- Ủ, anh sẽ nói với Uyên nhiều hơn về vấn đề này khi có dịp. Nay, Uyên đã hỏi thì anh sẽ nói, nhưng anh chỉ đưa ra vài điều ngắn gọn thôi đấy nhé. Trống đồng Cổ Loa là loại trống đồng lớn, khi khai quật, trống nằm ngửa trong đó có chứa 200 cổ vật khác gồm cả lưỡi cày, rìu đồng và tên đồng. Có niên đại trên 2000 năm. Đặc biệt ngoài “hoa văn” còn có “chữ khắc” ở đế trống. Tuy nhiên ở đây anh chỉ nói khái quát về trống đồng mà thôi chứ không nói riêng về trống đồng Cổ Loa.



Trống đồng Cổ Loa với “hoa văn” trên mặt trống và chữ khắc trên đế trống

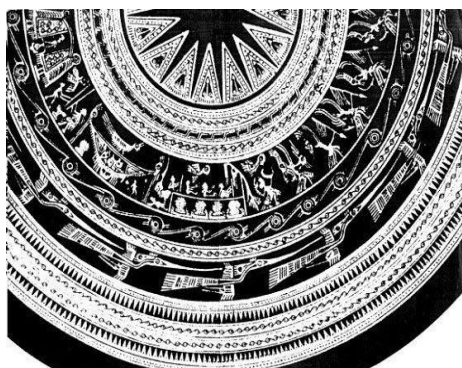


Lưỡi cày trong trống đồng Cổ Loa

Theo những tài liệu anh được đọc, trống đồng nước ta đã hiện diện qua nhiều triều đại. Nó được dùng như một *biểu tượng của uy quyền* kể cả trong vương triều lẫn ngoài dân gian. Nó còn được dùng trong hội hè hay trong chiến tranh nữa. Vào thời nhà Lý, ở Thăng Long ta có *đền Đồng Cổ* thờ trống đồng. Hàng năm vua quan phải tới đó để thề trung thành với nhà vua và trung thành với tổ quốc.



Trống đồng



“Hoa văn” trên mặt trống đồng
Ngọc Lũ

Về trống đồng Cổ Loa, thật sự ra, cũng giống như trống đồng Ngọc Lũ hay trống đồng Hoàng Hạ mà thôi. Nó có cùng khoảng niên đại nhưng ít nổi tiếng hơn hai chiếc trống kia. Các nhà nghiên cứu khảo cổ quốc tế đã tìm thấy nhiều trống đồng ở nhiều nước trong vùng Đông Nam Á kể cả miền nam Trung Hoa.

Các nhà khảo cổ chia trống đồng thành vài loại khác nhau. Có một điều, nhờ vào khoa học tiên bộ ngày nay, nhất là nhờ vào chất phóng xạ C14 đã có

thể định niên đại cổ vật một cách chính xác, họ mới khám phá ra rằng những trống đồng càng tiến gần trung tâm đồng bằng Bắc Việt thì niên đại càng cao, nghĩa là càng lâu đời hơn, và những *hoa văn* trên trống đồng cũng càng tinh xảo và đẹp hơn so với những trống đồng tìm thấy ở những nơi khác hoặc những nước khác. Điều đó chứng tỏ rằng kỹ thuật đúc đồng của nước ta vào thời kỳ văn hóa Phùng Nguyên và Đông Sơn được coi là rất cao. Không những kỹ thuật đúc đồng mà còn kể cả về kỹ thuật luyện kim cũng đã phát triển lắm rồi, như biết pha đồng với những tỷ lệ đồng với chì, thiếc. . . một cách chính xác và khoa học để thay đổi tính chất của kim loại. Những mũi tên đồng tìm được ở cổ thành Cổ Loa cũng là một thí dụ điển hình. *Trống đồng được phát triển cao độ ở thời các vua Hùng.*

Sự khác biệt niên đại của các trống đồng của ta, dù có niên đại lâu hơn so với những nước khác, nhưng cũng không nhiều lắm. Điều đó cũng dễ hiểu vì vào thời kỳ văn hóa Đông Sơn, thời văn hóa đồng-sắt, những phương tiện di chuyển đã khá tiến bộ nên việc trao đổi hàng hóa và kỹ thuật được nhanh hơn so với thời kỳ văn hóa Hòa Bình. Kỹ thuật về đồng thì ta tiến nhanh, nhưng kỹ thuật về sắt thì ta lại tiến chậm hơn nước Tàu rất nhiều.

Uyên hỏi:

- Cứ như anh nói, trống đồng ở nước ta có trước Trung Hoa à ?

- Đúng như thế! Ngoài những nhà khảo cổ quốc tế, những nhà khảo cổ danh tiếng và chuyên nghiệp của Trung Hoa ngày nay cũng đã xác nhận như thế. Nếu Trung Hoa và ta có đôi co về trống đồng thuộc của *ai trước ai sau* thì Trung Hoa cũng chỉ dám so sánh giữa vùng văn hóa *miền nam Trung Hoa với ta* mà thôi. Như anh đã nói với Uyên, anh cần nhắc lại để Uyên nhớ thật rõ là người miền nam Trung Hoa ngày nay thuộc những chủng tộc Bách Việt xưa, mà các nhà khảo cổ học, nhân chủng học, ngôn ngữ học và di truyền học trên thế giới đã xác nhận những dân tộc Bách Việt *có nguồn gốc từ miền nam đi lên miền bắc trong thời kỳ biến tiến và đã mang theo nền văn hóa Hòa Bình của họ*. Họ ở lại sinh sống nơi định cư mới này.

Họ cũng đã từng bị người Hán dùng sức mạnh xâm chiếm đất đai của họ để thành lập một phần lớn lãnh thổ thuộc phía nam của nước Trung Hoa ngày nay. Ta cũng nên nhớ là những dân tộc Bách Việt có thời họ liên kết với nhau để trở thành những nước như Sở, Ngô, Việt hùng mạnh, đủ sức tranh giành Trung nguyên với người Hán. Người Hán thiện chiến hơn, chiếm đất người Bách Việt ở miền nam bằng quân sự. Tuy đã bị đồng hóa với người Hán nhưng người miền nam cũng đã ảnh hưởng ngược lên người Hán bằng chính văn hóa của mình, bằng *nền văn minh lúa nước và văn minh đồng* của mình một cách nhẹ nhàng.

Những người trong số chủng tộc Bách Việt bị xâm lăng, không chịu ở lại để sống trên đất Trung Hoa dưới sự cai trị của người Hán, họ rút về phía nam. Ngoài ra, trong số họ, cũng có những người muốn hồi cố hương, trở về nơi xưa chốn cũ trước thời biến tiến, để thành lập ra những quốc gia mới như ngày nay. Như Việt Nam của tộc Âu Lạc (Tây cổ) hay Lạc Việt (Mã Lai cổ); Miến Điện của tộc Tạng-Miến; Thái Lan và Lào của tộc Tây - Thái... vân vân.

Anh nhắc lại: sự tranh cãi của người Tàu với ta về trống đồng, họ cũng chỉ dám giới hạn trong phạm vi thuộc lãnh thổ xưa của những chủng tộc thuộc người miền nam Trung Hoa đã bị đồng hóa thành người Tàu bây giờ mà thôi, *chứ họ không thể đi xa hơn mà nhận trống đồng phát xuất từ giống dân Hoa Hán ở miền bắc Trung Hoa được.*

Tương tự, cũng như trong bao năm, người Tàu luôn tự hào về *nền văn hóa Ngưỡng Thiều* (Hà Nam) của họ ở phương bắc. Theo miệng lưỡi của một nước lớn, người Tàu luôn cho rằng nền văn minh của toàn cõi Trung Hoa, hay còn lan ra ở vùng Đông Nam Á Châu, đều được phát xuất từ nền văn hóa Ngưỡng Thiều của họ mà ra. Nhưng ngày nay, thế giới đã chứng minh là điều đó không phải như thế mà nền văn hóa này cũng lại là chính của người miền nam đi lên mang theo. Lại nữa, người ta chứng minh được rằng “người vượn Bắc kinh” không phải là người “già nhất” *so với* những người sống trên

đồng bằng Bắc Việt thuộc nền văn hóa Tiền Hòa Bình hay Tiền Sơn Vi.

Uyên neho mắt nhìn tôi như còn có điều gì nghi ngờ, nằng hỏi:

- Thế, ... anh còn có điều gì để chứng minh cho rõ hơn về việc trống đồng của ta có trước trống đồng của người Trung Hoa nữa không?

- Có chứ! Này nhé, cứ dựa vào sử liệu ta thấy được đôi điều.

@-Theo Hậu Hán Thư viết vào thế kỷ thứ 5 sau Công nguyên, Mã Viện sau khi đánh thắng Hai Bà Trưng đã tiêu diệt văn hóa ta bằng cách tịch thu hết trống đồng của dân Giao Chỉ, tượng trưng cho văn minh Việt tộc, để đúc thành ngựa chiến, tượng trưng cho văn minh Hán tộc, dâng lên vua Hán lập công. Và lấy trống đồng đúc “trụ đồng” đem chôn với một câu mà dân ta không bao giờ quên được mỗi cầm thù này, ấy là “Đồng trụ chiết, Giao Chỉ diệt”, nghĩa là nếu trụ đồng này đổ thì dân Giao Chỉ phải diệt vong (Câu chuyện “Đồng trụ” chỉ là truyền thuyết của ông cha ta đặt ra để đề cao tinh thần độc lập của dân tộc Việt).

@-Hậu Hán Thư cũng như các sách sử đời sau như Hán, Đường, Tống, Nguyên, Minh, Thanh nói về trống đồng thường với giọng miệt thị cho là của giống man di mọi rợ.

@-Sứ giả nhà Nguyên là Trần Lương Trung khi sang Việt Nam đời Trần Nhân Tông (1291) đã làm

bài thơ chép trong *Sứ Giao Châu Tập* nói đến chuyện chỉ nghe thấy tiếng trống đồng rộn rã của ta mà liên tưởng đến chuyện quân Nam đuổi đánh quân Nguyên (Mông Cổ) đã làm khiếp sợ đến đầu bạc trắng trong bài “Sứ hoàn cảm sự”, tức cảm tưởng đi sứ về.

*“... Kim qua ảnh lý đan tâm khổ,
Đồng cổ thanh trung bạch phát sinh.
Dĩ hạnh quy lai thân kiện tại,
Mộng hồi do giác chường hồn kinh.*

*[... Qua ánh gương đao lòng thêm cay đắng,
Nghe tiếng trống đồng (ở Giao Chỉ) tóc
càng bạc nhanh!*

*Mong được trở về thân mạnh khỏe,
Nhưng nằm mơ màng vẫn cứ hoảng sợ]*

@-Sử sách Trung Hoa cổ xưa *chưa* bao giờ thừa nhận trống đồng là di sản của nòi Hoa Hán.

@-Trong văn chương, thi phú Trung Hoa ta thấy cũng không thiếu những câu thơ khẳng định trống đồng là của người Man tức người miền nam.

- Đỗ Mục

*Đăng các trung xuân ý tịch khai
Thác chi Man cổ ân tình lô*

Dịch:

*Mùa Xuân trải chiếu gấm giữa gác Đăng
Qua lá cành, tiếng trống Man hòa trong
tiếng sấm*

- Trần Vũ (đời Đường) trong bài “Thành Hạ văn dĩ ca”:

*Thử dạ khả liên giang thượng nguyệt
Di ca đồng cổ bất thắng sầu*

Dịch:

*Đêm nay trăng sáng trên sông
Trống đồng hát Rợ cho lòng buồn thương.*

Tôi nói đến đây, Uyên liếc tôi một cái thật dài:

- Anh thuộc nhiều thơ quá há!

Tôi cười đáp:

- Anh không thuộc nhiều bài hát và hát hay bằng Uyên!

Uyên cười phá lên:

- Anh thật khéo nịnh “đằm” (đàn bà). Cái miệng này thì khối cô mê!

Tôi lắc đầu phân bua:

- Tới giờ này Uyên thấy bên cạnh anh đã có ai mê đâu?

Thi quay về phía tôi cười, nói nhanh:

- Khi nào em lớn em sẽ mê anh. Chịu không?

Tôi hỏi vọng theo Thi khi nàng vừa chuẩn bị rướn người lên đạp phóng xe đi:

- Khi nào thì em mới lớn?

Thi phóng xe lên trên một quãng ngắn quay lại nói lớn:

- Khi nào em “già” cơ!

Nói xong câu ấy Thi cười to rồi phóng xe lên nhanh hơn để vượt lên trên thêm một quãng nữa rồi mới từ từ đi chậm lại đợi chúng tôi. Tôi và Uyên cùng cười phá lên, tiếng cười vang xa trong đồng vắng. Chúng tôi lại im lặng đạp xe bên nhau. Gió chiều mát quá. Đồng ruộng cũng êm ả quá.

Tôi thấy câu chuyện về trống đồng như đang còn bỏ dở nên muốn nói thêm một vài điều với Uyên.

- Để anh nói tiếp thêm vài điều về câu chuyện trống đồng cho Uyên nghe nhé!

Uyên nhìn tôi với ánh mắt biết ơn:

- Vâng, anh nói tiếp cho em nghe đi!



Tôi tiếp:

- Vào thời tiền sử, vì chưa có chữ viết nên người xưa đã thường gửi gắm cho hậu thế những nhắn gửi về sinh hoạt kinh tế, văn hóa, tư tưởng của thời đại mình đang sống qua nhiều phương tiện khác nhau, mà một trong những phương tiện đó phải kể đến là những hoa văn trên mặt trống đồng hay trên “thạp đồng”. Ngày nay các nhà văn hóa nước ta và thế giới tin là đã *giải mã* được một đôi phần những hoa văn ấy ở mức độ khả tín khá cao.



Hải diều bay mừng khi thuyền về
(Thạp Đào Thịnh)

Những điều giải mã được, anh chỉ có thể tóm tắt một vài điều chính ở đây thôi đấy nhé, như:

- *Văn hóa đồng.*

Biết đúc đồng đến mức tinh vi qua những hoa văn chìm nổi với kỹ thuật luyện kim như pha đồng

với chì và thiếc, biết dùng nổ với mũi tên đồng đúc, dùng mũi tên độc, chế vũ khí dài (cây qua) có thể tấn công địch ở khoảng cách xa hơn vũ khí thường dùng thời bấy giờ. Sau người Hán biết khai thác vũ khí này để đi chinh phục các nước khác.

- *Văn minh lúa nước.*

Biết trồng lúa nước cách đây hàng chục nghìn năm. Vì có văn hóa lúa nước nên dân đã biết sống định canh, tạo nên đời sống tập thể, xây dựng xóm làng. Cũng vì định canh nên biết phát triển về trồng ngũ cốc, đào mương dẫn nước, trị thủy như hệ thống đê điều có từ thời Hùng Vương, thuần hóa trâu và gia súc, tiên đoán thời tiết. Vì biết xây dựng làng xóm nên có luật lệ chung, biết tục gả cưới, mai táng, thờ cúng ông bà, cầu tự.

- *Văn minh biển, sông nước.*

Biết đóng thuyền dài, biết xâm mình, thủy táng, giỏi về thủy chiến.

- *Hội hè*

Hội mừng được mùa màng, hội xuân, đua thuyền.

- *Kiến trúc.*

Biết làm nhà sàn và nhà hội.

- *Y phục.*

Biết búi tóc, cắt tóc ngắn, quần ngắn cho đàn ông và váy cho đàn bà tức là đã có kỹ thuật dệt vải, nhuộm màu.

- *Tín ngưỡng.*

Biết thờ vật tổ, thờ thần mặt Trời như hình vẽ trên các mặt trống đồng, thờ linh vật như rồng, rắn, chim...

- *Về mặt tư tưởng*

Biết luật cân đối, đối xứng, chẵn lẻ và kỷ hà trong nghệ thuật qua những hoa văn trên mặt trống và tang trống (bên hông). Biết luật âm dương và có thể điểm này đã là căn bản cho Kinh dịch, nó thể hiện nét căn bản tư duy của triết lý Đông phương. Tin vào luân hồi và thế giới bên kia. Các hoa văn được chuyển dịch ngược chiều kim đồng hồ tức theo sự vận chuyển của mặt trời.

Uyên hỏi tôi:

- Thế ra văn hóa Việt Nam ta cao và khác hơn văn hóa của người Trung Hoa sao?

Tôi đáp:

- Nói hay hơn hay cao hơn thì anh không dám nói, nhưng anh muốn chứng minh với Uyên một điều là dân tộc ta có một nền văn hóa bản địa hoàn toàn Việt Nam. Nếu ta có hòa nhập với văn hóa Trung Hoa sau một nghìn năm bị đô hộ thì cũng chỉ là sự hội nhập bình thường như sự hội nhập với nhiều nền văn hóa khác trên thế giới mà thôi, chứ không nhất thiết chúng ta đã bỏ đi hẳn cái của ta mà theo hoàn toàn cái của người khác. Văn hóa ta đứng vững thì dân tộc ta trường tồn. *Văn hóa lúa*

nước và văn hóa trồng đồng là hai nền *văn hóa sáng ngời* của người Việt Nam chúng ta nói riêng và của nhân loại nói chung.

Uyên hỏi tiếp:

- Trong sử Việt Nam, em thấy vài nhà viết sử cận đại của ta viết là 2 quan Thái thú Sĩ Nhiếp và Nhâm Diên đã dạy dân ta biết trồng lúa, tục cưới hỏi và những tập tục khác. Họ coi đó như là sự khai hóa của người Trung Hoa cho dân mình, cho một dân tộc thiểu số bán khai man rợ, mọi rợ ở phía nam cơ mà?

Tôi trả lời:

- Đây là một vấn đề chúng ta cần phải xem xét lại. Những sử sách của chúng ta bị thất lạc, bị người Tàu đốt đi, hay bị phá bỏ bởi chính giữa những triều đại của chúng ta với nhau. Với một nghìn năm bị đô hộ, đặc biệt thời giặc Minh, chỉ trong hơn 20 năm chiếm đóng, trong 10 năm đầu chúng đã tiêu huỷ gần như toàn bộ những sách vở của ta. Những sử của ta viết sau này, đặc biệt là thời gian *cổ sử*, phần lớn phải dựa vào sử sách của người Tàu, một dân tộc luôn luôn có óc bành trướng và đã từng miệt thị dân ta.

Nếu ta chỉ dựa vào một nguồn tài liệu duy nhất như thế và thiếu sự phán đoán sâu sắc của người viết sử, thì quả thật, đây là một di hại không nhỏ cho con cháu sau này. Anh cũng không đồng ý với một vài sử gia ta ngày nay, đã coi triều đại Triệu Đà của xứ

Nam Việt như là một triều đại của Việt Nam. Triệu Đà là người Hán, kinh đô nước Nam Việt của Triệu Đà lại không nằm trên lãnh thổ Việt Nam, quan lại trong triều đều là người Hán. Đất nước ta lúc đó chỉ còn là quận huyện thuộc hệ thống cai trị của tập đoàn ly khai Hoa Hán này xâm lăng từ phương Bắc tới mà thôi. Cũng có thể những nhà viết sử này muốn mọi người có ý niệm là lãnh thổ chúng ta trước đây gồm cả đất đai của triều đại Triệu Đà và mong sao con cháu ta giành đòi lại (?!).

Chẳng bao lâu chúng tôi đã vào thành phố Hà Nội, câu chuyện không thể kéo dài thêm vì xe cộ trên phố đã trở nên đông đúc. Tôi hứa với Uyên và Thi là tôi sẽ trở lại vấn đề trống đồng này và văn hóa Phùng Nguyên khi có dịp đi thăm Đền Hùng, nơi thờ những vị Tổ Hùng Vương đã có công xây dựng nên đất nước thân yêu cho chúng ta.

Chúng tôi về tới nhà thì trời đã chạng vạng tối.

Uyên và Thi nhanh nhẹn chuẩn bị cho bữa ăn tối với những món ăn đã được chuẩn bị nấu nướng từ hôm qua. Còn tôi về phòng thay quần áo, rửa mặt, ngả lưng nghỉ ngơi một lát rồi trở xuống phòng Thi để cùng ăn cơm. Những câu chuyện vui lại nổ ran. Tiếng cười của Thi vẫn rộn rã hơn cả.

Những nét ngây thơ nhí nhảnh và hồn nhiên của Thi đã trở về với nàng sau bữa cơm. Chúng tôi ngồi ôn lại vài điều thú vị trong chuyến đi chơi hôm nay.

Và vì vui câu chuyện nên quên cả thời gian cho tới khi chúng tôi cùng nhận ra ánh sáng trắng đã rọi qua khung cửa sổ lọt vào phòng nơi chúng tôi đang ngồi trò chuyện.

Mấy chiếc bánh gai Thi mua ở cổng thành Cổ Loa được bung ra sân với khay nước chè mạn. Chúng tôi ngồi ăn bánh uống nước chè và nghe Uyên hát. Tiếng đàn trầm bổng của Uyên với lời ca ngọt dịu, tình tứ của bản “Dư âm” mà tôi yêu cầu nàng hát tới qua nhưng đã bị từ chối. Uyên nay tự động hát bài này như ngầm ý thay cho một lời cảm ơn tôi đã đưa nàng đi chơi Cổ Loa.

Nhìn Thi một cách kín đáo, tôi sẽ hát theo: *“Anh muốn thành mây, nương nhờ làn gió, đưa anh tới cõi mơ hồ nào đây muôn kiếp bên nàng.”* Thi cũng thoáng liếc nhìn tôi một cách kín đáo tương tự rồi cúi xuống mỉm cười.

Để đáp lễ, tôi yêu cầu Uyên đệm đàn để tôi hát bài “Nỗi lòng” của Nguyễn Văn Khánh. Tôi cất tiếng hát: *“Yêu ai yêu cả một đời... vì yêu ai mà lòng hằng nhớ ...”* Tôi muốn gửi đến Thi tất cả nỗi lòng thâm kín của mình, nên xuất thần, tôi cũng tự cảm thấy mình đang hát thật hay.

Tôi vừa chấm dứt, cả Thi lẫn Uyên đứng lên vỗ tay. Thi cứ nhẩy lên vỗ tay như chưa bao giờ được nghe ai hát hay như thế. Thi rộn rã nói:

- Anh hát hay như thế mà em không biết. Anh dấu em nhé!

Thi cứ luẩn quẩn bên tôi tằm tắc khen như đang được chiêm ngưỡng hay được bắt tay một nghệ sĩ nổi tiếng.

Uyên thì dịu dàng hơn nhưng không dấu được sự xúc động trong câu khen:

- Anh hát hay quá! Hay đến độ em không ngờ!

Tôi chỉ còn biết ngồi cười trừ.

Cuộc vui nào rồi cũng tàn. Cuộc đi chơi nào cũng phải chấm dứt. Uyên phải trở về thị xã Sơn Tây ngày mai để tiếp tục chương trình thực tập giáo sinh của mình.

Trước khi vào nhà, Uyên đứng lặng nhìn tôi nói nhẹ:

- Em cảm ơn anh. Em mong lại được anh đưa đi chơi để được vừa ngắm cảnh vừa được học hỏi nơi anh. Ngày mai em trở về Sơn Tây. Chúc anh có nhiều sức khỏe.

Tôi lại đặt một bàn tay lên trước ngực, cúi rạp mình trước mặt Uyên nói đùa:

- Hân hạnh! Và rất hân hạnh!

Uyên lại đánh vào cánh tay tôi, cười:

- Lúc nào anh cũng chỉ muốn trêu em!

Uyên bỏ vào nhà, mặc Thi còn đứng lại. Tôi nói với Thi:

- Chúc em ngủ ngon, hay ăn chóng lớn! Và chóng “già”!

Thi hiểu ý tôi muốn nhắc lại câu nói của nàng lúc ban chiều: *Khi nào lớn em sẽ mê anh*. Nàng nhõng nhẽo “không” một tiếng nhẹ mà vẫn giữ má phồng to, trợn mắt, lắc lắc đầu rồi quay bỏ đi. Đi được vài bước nàng quay lại và ra lệnh cho tôi với cái giọng ngang hàng:

- Ngày mai đi học nhớ gọi em đây!

- Ừ!

Tôi đi về phía cuối sân, dùng hai tay nắm lấy hai tay vịn cầu thang lộ thiên đu người lên như Tarzan, và chỉ mấy bước là tôi đã phóng tới cửa phòng trên gác. Tôi nhìn xuống sân, Thi vẫn đứng đó vẫy tay chào tôi rồi mới vào phòng. Tôi mỉm cười.

Ngày vui qua mau!■



*Một trống đồng ở Thái Lan,
“hoa văn” trông rất đơn sơ*

Tập 3

**Đi Chơi
Chùa Hương**

CHƯƠNG 7

Tuyến Chùa Hương Tích

Phần 7-1

SUỐI YẾN – ĐỀN TRÌNH –
CHÙA THIÊN TRÙ



Ngày đi chơi chùa Hương đã tới. Từ tờ mờ sáng, chúng tôi đã chuẩn bị xong và sẵn sàng cho cuộc đi chơi hôm nay.

Uyên và Thi không quên sắp thêm chút ít thức ăn dọc đường, thêm vài ba chai “nước suối” nhỏ và ít trái cây trước khi ra khỏi nhà.

Uyên trong chiếc áo dài tơ màu mỡ gà, khoác ngoài chiếc áo len màu nâu nhạt. Còn Thi vẫn trong chiếc áo dài trắng học trò hàng ngày, khoác ngoài chiếc áo len mỏng màu tím Huế. Đi leo núi mà hai cô ăn mặc thế kia thì không tiện lắm. Nhưng thôi cũng được, đi lễ chùa mà, ta cũng nên mặc áo dài cho nó trang trọng.

Mỗi người trong chúng tôi đều đeo trên vai một chiếc ba-lô nhỏ, trong đựng vài bộ quần áo để có thể thay đổi đôi ngày.

Nhìn Thi, ở cái tuổi mười lăm, mười sáu trắng tròn tôi không thể không nhớ tới bài thơ “Chùa Hương”.

*Em tuy mới mười lăm
Mà đã lắm người thăm
Nhờ mới mai đưa tới
Khen tươi như trăng rằm.*

Tôi đứng nhìn Thi mà chột bật cười nhẹ. Uyên ngừng lên hỏi vội:

- Có chuyện gì mà anh cười vậy?
- Không! Tôi vội trả lời ngay.

- À, Uyên có nhớ bài thơ “Chùa Hương” của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp không nhỉ?

- Em nhớ! Sao anh?

Tôi mỉm cười, vừa đưa mắt về phía Thi đang lúi húi đi đôi săng-đan da, vừa đọc một đoạn thơ:

*Khăn nhỏ đuôi gà cao
Em đeo dải yếm đào
Quần lĩnh áo the mới
Tay cầm nón quai thao
Me cười: “Thầy nó trông!
Chân đi đôi dép cong,
Con tôi xinh xinh quá
Bao giờ cô lấy chồng?”*

Uyên chỉ mỉm cười, không nói. Thi vẫn được bình yên vì nàng không biết những câu thơ tôi vừa đọc là để dành riêng trêu nàng. Hay nàng biết mình bị trêu nhưng tảng lờ.

Thấy mọi người đã sẵn sàng, tôi lên tiếng như ra lệnh:

- Chúng ta đi thôi!

Uyên và Thi cùng đáp:

- Vâng ạ!

Tôi bỏ thức ăn, trái cây và nước vào ba-lô. Tôi hỏi Thi:

- Ba-lô em có nặng lắm không? Chia sang ba-lô của anh để anh mang đỡ cho. Hôm nay đi bộ xa lắm đó, lại leo núi nữa.

- Không nặng anh ạ!

Vừa nói Thi vừa nhẩy lên mấy cái như để chứng minh với tôi về lời nói của nàng.

- Thôi được! Khi nào em mệt, anh sẽ mang đỡ cho.

- Vâng ạ!

Thi trả lời tôi với khuôn mặt thật rạng rỡ, cái rạng rỡ vui mừng của “đứa trẻ” sắp sửa được đi chơi xa.

Từ bến xe khách Hà Nội, xe chuyển bánh vào khoảng 6 giờ sáng. Vừa ngồi yên chỗ một lúc, tôi liền lấy bản đồ phác họa ngay lộ trình về cuộc đi chơi đề Uyên và Thi không bị bối ngỡ trong cuộc hành trình.

Dựa vào những tài liệu tôi có, lộ trình đi thăm chùa Hương, thông thường người ta có thể chia ra làm 3 tuyến đường chính mà du khách và khách hành hương đến đất Phật thường lui tới.

- Tuyến đường chính đưa tới động Hương Tích.
- Tuyến đường thứ hai đưa tới chùa Hình Bồng.
- Tuyến đường thứ ba đưa tới chùa Tuyết Sơn.

Trong đó, tuyến đường chính đề vào chùa Hương Tích là “trung tâm điểm” thu hút du khách và khách hành hương nhiều nhất.

Đi thăm quần thể Chùa Hương hay Hương Sơn, với ba tuyến trên, ta không thể đi hết trong vòng một

ngày, nhanh lắm cũng phải mất hai ngày, thông thả phải mất ba ngày mới tạm nói là ta đã đi gần hết những điểm chính của quần thể này.



Tuyến đường chính vào chùa Hương Tích

Chùa Hương hay Hương Sơn thuộc địa phận xã Hương Sơn, huyện Mỹ Đức (trước kia là huyện Hoài An), tỉnh Hà Đông, cách Hà Nội khoảng 60 cây số về hướng Tây Nam. Xe sẽ chạy qua thị xã Hà Đông, tới Ba La rẽ trái, thẳng tới thị xã Vân Đình, rồi tiếp tục chạy ngoặt lên đê sông Đáy. Bên này sông Đáy là đất Ứng Hòa, bên kia sông là đất Mỹ Đức.

Đến dốc Thanh Bò, xe sẽ rẽ xuống khúc đường đá, đi khoảng 4 cây số nữa là tới bến xe Hồng Quang, thuộc xã Hồng Quang. Bến xe Hồng Quang là bến xe đón du khách tới thăm chùa Hương từ mọi

nơi đổ về nên rất đông và nó đã trở thành khu thị tứ có cả quán ăn và quán trọ ngủ qua đêm.

Kề ngay bên xe Hồng Quang là bến đò Đục. *Bến đò Đục* thuộc xã Đục Khê, được coi như là điểm khởi đầu của chùa Hương hay đúng ra là khởi đầu cho một quần thể núi, sông, chùa chiền, hang động của thắng cảnh mang tên *Hương Sơn*.

Từ bến đò này ta có thể đi bộ một quãng khoảng hơn một cây số thì tới *bến đò Yên*. Vào những ngày hội, con đường này rất đông vui.

Ta có thể xuống thuyền tại bến đò Yên. Thuyền bơi dọc theo suối Yên để ghé qua *đền Trình*, rồi từ đây thuyền lại tiếp tục chèo đến *bến đò Trò*, hay bến đò Thiên Trù, nơi đây có *chùa Thiên Trù*, còn gọi là “*chùa Ngoài*”.

Từ Thiên Trù ta đi bộ, lần theo đường núi để đến hang *chùa Tiên* ngay gần đó, rồi qua *chùa Giải Oan* có động Tuyết Quỳnh hay



Chùa Hương Tích ở Hà Tĩnh

Tuyết Kinh, rồi đến *đền Chấn Song* hay còn gọi là đền Cửa Vông. Tiếp tục đi theo triền núi rồi tới *động Hương Tích* hay còn gọi là “*chùa Trong*”.

Để bớt sự chú ý về thời gian dài ngồi tù túng trên xe, tôi kể cho Uyên và Thi nghe một vài câu chuyện vãn về chùa Hương, một thắng cảnh chúng tôi sắp tới.

Tôi hỏi Uyên và Thi:

- Anh đồ hai em ở Việt Nam ta có mấy chùa Hương nào?

Hai người nhìn nhau như hỏi ý. Uyên lên tiếng trước:

- Em không biết!

Thi vui vẻ tiếp theo lời chị:

- Em biết! Hai phải không?

- Giỏi! Sao em biết? Nói cho anh nghe!

- Em chỉ đoán thôi! Thấy anh hỏi có mấy chùa Hương thì em đoán ngay là phải có nhiều hơn một. Em chọn số hai.

Tôi và Uyên cùng phá lên cười. Uyên nói:

- Cô em của chị hơn hẳn chị rồi!

Dựa theo tài liệu đã đọc, tôi nói đề Uyên và Thi hiểu thêm về ngôi *chùa Hương Tích* ở Hà Tĩnh. Chùa này cũng được gọi tắt là *chùa Hương*, nằm trên dãy núi Hồng Lĩnh, có 99 ngọn núi cao vút, thuộc huyện Can Lộc. Chùa được xây trên núi cao nên thường có mây phủ.

Để đến chùa Hương – Hà Tĩnh, khách hành hương cũng phải đi thuyền từ hồ Đường rộng lớn, dọc theo suối Hương Tuyền, rồi lên bờ theo đường núi dốc chừng bốn cây số thì tới chùa. Ngày lễ hội được mở vào mùa Xuân, rơi vào ngày 18 tháng Giêng đầu năm. Khách hành hương cũng đông đảo từ các nơi đổ về đây trải hội.

Ngôi chùa Hương Tích này được xây từ đời nhà Trần, có lẽ vào cùng thời gian vua Trần Nhân Tông vào tu ở chùa Hoa Yên trên núi Yên Tử. Chùa bị tàn phá dưới thời nhà Minh và thời Pháp thuộc. Sau đó, chùa được xây lại theo kiến trúc cổ nguyên thủy.

Tại sao lại có chùa Hương Tích thứ hai ở Hà Đông? Cứ dựa theo những tài liệu xưa để lại cho ta biết, vào thời vua Lê – chúa Trịnh, các vua chúa thường có quê ở trong Thanh Hoá nên các cung tần, mỹ nữ cũng thường được tuyển từ miền Thanh-Nghệ ra. Hàng năm các mỹ nhân này từ kinh đô Thăng Long về dự hội chùa Hương ở Hà Tĩnh nơi gần quê nhà nên rất bất tiện vì đường xá xa xôi. Chúa Trịnh liền giao cho một đại sư Phật giáo nghiên cứu dự án và thực hiện việc xây dựng một chùa Hương Tích thứ hai tương tự ở vùng thắng cảnh non bồng của Hương Sơn thuộc Hà Đông để các mỹ nhân này có thể bái vọng về mà không phải đi xa.

Với lý do đó, theo cuốn “*Hương Sơn thiên tru thiên phả*”, nơi chùa Hương mà riêng tháp chuông chúng ta sắp tới thăm là một “*phiên bản*”, tức xây

dựng đúng theo khuôn mẫu kiến trúc của chùa Hương Tích ở Hà Tĩnh, được xây dựng vào đời Lê Huy Tông dưới niên hiệu Chính Hòa (1680-1704). (Có những tài liệu ghi thời điểm xây dựng chùa Hương ở động Hương Tích khác nhau).

Uyên chen vào câu chuyện:

- Thế là hai chùa được xây dựng cách nhau tới mấy trăm năm. Chùa Hương đầu tiên ở Hà Tĩnh được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 13, chùa Hương ở Hà Đông được xây dựng vào cuối thế kỷ thứ 17.

Tôi gật đầu:

- Ừ, cũng vào khoảng đó.

Xe đã tới Vân Đình. Mọi người xuống xe để nghỉ ngơi giây lát cho “dãn gân dãn cốt” hay ăn quà sáng. Chúng tôi đi tản bộ một quãng rồi mới ghé vào quán hàng mua mấy cái bánh đem lên xe ăn. Xe ngừng tại đây khoảng 20 phút rồi lại tiếp tục lên đường. Xe chạy ngoặt lên đê sông Đáy. Đê chạy song song với sông nên ta dễ quan sát được những ruộng dâu nuôi tằm xanh tươi được trồng dọc theo hai bên bờ sông. Sông Đáy là một nhánh sông của sông Hồng.

Tôi hỏi Thi:

- Nào, cô học trò giỏi của anh! Cô cho anh biết, sông Đáy còn gọi là sông gì? Và trong lịch sử của ta đã xảy ra những chuyện gì trên con sông ấy?

Uyên nhìn Thi cười cười chờ đợi câu trả lời của cô em. Thi nhanh nhẩu và hí hửng trả lời tôi như một cô học trò “đọc bài” (trả bài) cho thầy:

- Thừa anh, sông Đáy là một phụ lưu của sông Hồng, còn gọi là sông Hát. Đúng không ạ? Hai Bà Trưng đã nhảy xuống sông *Hát* tuần tiết để không bị lọt vào tay của quân Mã Viện.

Uyên nhìn Thi thở phào, lấy tay vỗ nhẹ vào vai cô em mấy cái để thay cho lời khen thưởng.

Tôi giảng thêm cho Thi:

- Ngay tại cửa sông Hát (Hát môn), thuộc huyện Phúc Thọ ngày nay, nơi đây có đền thờ Hai Bà với hai con voi phục bằng đá và những câu đối kể công lao của Hai Bà trong việc đứng lên khởi nghĩa chống lại giặc Hán, giải phóng đất nước. Cứ dựa theo di tích như những chiến lũy, dấu vết còn để lại tại những nơi không xa địa phận Hương Sơn là mấy, ta có thể kết luận là khu Hương Sơn này cũng đã từng là trận địa dưới thời Hai Bà. Giữa huyện Lương Sơn và Mỹ Đức có núi Vua Bà, mà theo dân gian kể lại thì đó là một trận địa quan trọng. Trên những núi của Hương Sơn có loại sâm mang tên “sâm Mã Viện”.

Tôi nói tiếp:

- Ngày xưa, có con đường chiến lược gọi là *Thượng Đạo*, từ phía Nam đi lên phía Bắc phải đi qua gần vùng này. Nhờ vào địa thế núi rừng hiểm trở, hãn Hương Sơn đã từng là nơi dừng chân hay

đóng quân tạm thời của những đại quân Lê Lợi ra Bắc đánh quân Minh và đại quân Nguyễn Huệ ra Thăng Long đánh quân Thanh. Cũng có thể, xa xưa hơn nữa, quân của Đinh Tiên Hoàng cũng đã dùng con đường Thượng Đạo này, đã từng qua đây để tiến đánh sứ quân Đỗ Cảnh Thạc ở Thanh Oai thuộc Sơn Tây.

Xe càng chạy tiến tới gần Hương Sơn, những dãy núi màu xám xanh càng ngày càng hiện rõ ra. Cảnh vật chung quanh toàn một màu xanh mát, tươi tốt của mùa xuân.

Chúng tôi đến bến xe Hồng Quang vào đúng 8 giờ sáng. Các xe khách từ các nơi cũng đổ về đây làm quang cảnh bến xe có phần đông đúc nhộn nhịp hẳn lên. Các cửa hàng đã mở cửa tự bao giờ.

Chúng tôi xuống xe, trên vai mỗi người một chiếc ba-lô nhỏ. Bên cạnh bến xe là Bến Đục thuộc làng Đục Khê. Bến Đục là một bến đò trên dòng sông Đáy.

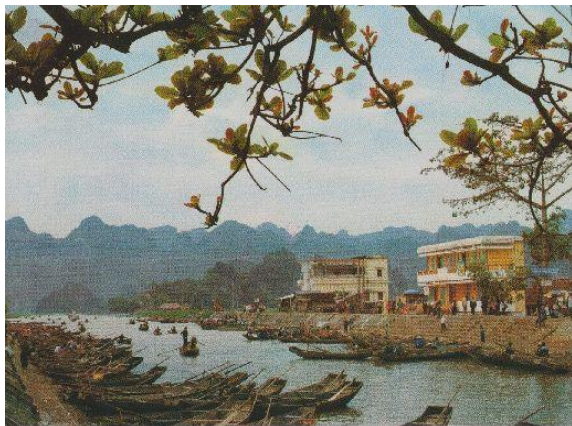
Từ đây coi như ta đã bước chân vào *đất Phật Hương Sơn*. Sông núi hiện ra trước mắt.

*Kể từ lúc bước lên đò Đục
Liếc mắt trông đã mãn mục vãn sơn*

(Trích bài “Hương Sơn Phong Cảnh” của
Vũ Phạm Hàm)

Chúng tôi qua chiếc cầu gạch, đi bộ hơn một cây số thì tới *bến đò Yên* thuộc suối Yên của làng Yên

Vĩ (đuôi chim Yến). Người dân làng Yến Vĩ ví làng mình mang hình dáng con chim yến (hay én), một loại chim của mùa xuân. Phía đầu làng là đầu con chim yến, cuối làng là đuôi con chim yến. Ấu cũng do dân làng tưởng tượng ra đó mà thôi.



Bến đò Yến

Chúng
tôi thuê
một chuyến
đò “tam
bản” đan
bằng tre. Ở
đây có cái
lạ là người
ta thuê
thuyền theo
ngày chứ
không theo

chuyến. Du khách muốn xuống chỗ nào thì thuyền neo đợi. Khi khách trở ra, thuyền sẵn sàng đưa khách đi tiếp. Cô lái đò của chúng tôi còn trẻ, vui tính, rất thân thiện và phải nói thêm là duyên dáng nữa.

Cô lái đò giúp chúng tôi ngồi an vị trên thuyền. Uyên và Thi có lẽ đây là lần đầu đi thuyền trên sông, suối nên hai cô tỏ ra hơi sợ mỗi khi thuyền chòng chành. Nhưng cũng chẳng mấy chốc chúng tôi cũng đã làm quen với chiếc thuyền nan này.

Thuyền từ từ lướt nhẹ theo dòng suối Yến. Nước vỗ vào mạn thuyền nghe thật vui tai. Cảnh vật ở đây,

đúng là cảnh thiên thai, đẹp như một bức tranh sơn thủy. Trước là núi, hai bên cũng là núi, trên cao là trời xanh, ở giữa là dòng suối lững lờ trôi một cách êm đềm, bình thản.

Núi có cái đẹp của núi. Núi không cao nhưng trùng trùng điệp điệp, lớp trước lớp sau, lớp tỏ lớp mờ, lớp ẩn lớp hiện. Màu sắc của núi biến đổi luôn luôn theo ánh sáng mặt trời.

Nước có cái đẹp của nước. Suối Yên không sâu nhưng mở rộng ra như thể không bờ. Nếu có bờ thì cũng chỉ là bờ của những thửa ruộng đồng ngập nước. Từ lòng suối ngoi lên những mảng cỏ xanh. Thêm vào đó, những đám rong rêu lay động, lững lờ trong lòng suối như tóc tiên buông xõa cuốn nhẹ lấy mái chèo.

*Trong làn nước nhẹ mọc rêu xanh
Như gấm mơ hồ dưới thủy tinh,
Chèo khỏa, chèo lên, chèo lại khỏa,
Thuyền đi trên vạt sắc màu xinh.*

(Trích bài “Thăm Cảnh Chùa Hương” của
Xuân Diệu)

Hình bóng phản chiếu trên nước của núi và mây như quện lại với nhau một cách hài hòa và cùng trôi chảy theo chiếc thuyền nan.

Qua mỗi khúc ngoặt hay quanh co của suối, cảnh vật lại đột ngột thay đổi. Cảnh quan thật hùng vĩ nhưng vẫn dung dị êm đềm như thơ, vẫn mang cái tinh khiết thoát tục của nơi đất Phật. Ai đặt chân

đến đây cũng
thấy lòng
mình thanh
thản, xa hẳn
cõi bụi trần.
Người ta đến
đây, với cảnh
trí này, không
phải chỉ để



ngắm cái cảnh đẹp của thiên nhiên mà còn tự muốn
bỏ đi những vướng mắc, trần trụi của bản thân
mình trong đời sống hàng ngày.

Cả ba chúng tôi đều yên lặng để được tận
hưởng, chìm đắm trong cái lâng lâng, buông thả và
bay bổng của tâm hồn. Thỉnh thoảng cả Uyên và Thi
lại “ồ” lên mấy tiếng trước những cảnh đẹp hiện ra
bất ngờ. Như khi thấy những mỏm núi chìa hẳn ra
ngoài suối với hình thù ngộ nghĩnh. Hay ngay trên
đỉnh của ngọn núi nhỏ nằm sát bên bờ suối có một
chiếc miếu nhỏ nằm chênh vênh trên đó nhưng lại
tuyệt đẹp, thanh
thoát, in bóng vurun
lên trên nền trời
cao. Hay bắt chợt,
cùng bắt gặp những
hang động hiện ra
với những mảng
dây leo buông tỏa
xuống như màn.



Khung cảnh nên thơ này không phải chỉ là cái đẹp của núi, của suối và của mây không thôi, mà nó còn được tô điểm bởi những rừng thông thẳng tắp mọc trên triền núi cùng với cái dáng vươn cao của những cây hoa gạo. Người ta nói, những cây hoa gạo này sẽ đỏ rực như những đốm lửa đỏ in trên nền trời xanh vào mùa hè.

Vài con trâu hững hờ ăn cỏ trên đồng, cùng hình ảnh vài ngư phủ đang bì bõm đánh dậm trên cánh đồng chiêm, hay hình ảnh của người tiều phu đang lom khom vác củi rừng trên triền núi, tất cả đều là những nét chấm phá khá đặc biệt của vùng Hương Sơn này. Những nét chấm phá ấy còn hòa trong tiếng chuông trầm buồn ngân lên từ những ngôi cổ tự hay những tiếng ríu rít của đàn chim sáo trên cành cây cổ thụ.

Hương Sơn đã làm rung động tâm hồn của biết bao bậc “thánh thơ” và thi nhân từ cổ chí kim. Hương



Sơn đã đóng góp không ít cho nền văn học, thi ca nước nhà.

*Trời vừa hé sáng, bước lên thuyền
Khoan mái chèo lan, ghé bến tiên
Phong nguyệt thờ ơ bầu ngọc trúc*

*Giang sơn bờ ngõ bức tranh in
Kìa kìa quy phượng ngong kinh bôi*
Nọ nọ lân long lắng giáo thiên**
Cảnh lạ thủ màu khôn xiết kể
Thanh kỳ đệ nhất chốn nam thiên.*

(Trịnh Sâm, bài “Chơi Động Hương Tích”)

(*Kinh bôi : kinh viết trên lá bôi

**Giáo thiên: giáo lý thiên của Phật giáo)

*Đệ nhất Nam thiên ấy cảnh này
Thuyền nan đón khách mái chèo lay
Hai bên quả núi lồng gương suối
Bốn mặt hoa ngàn rủ bóng cây
Cửa Phật lơ thơ tảng đá giải
Chùa Tiên bát ngát khói hương bay
“Nam vô”, tiếng dạy thừa trần tục
Non nước Bồng lai mới thấy đây!*

(Bà Huyện Thanh Quan, bài “Cảnh Chùa Hương”)

*Bày đặt kìa ai khéo khéo phòm
Nứt ra một lỗ hỏm hòm hom
Người quen cỗi Phật chen chân xọc
Kẻ lạ bầu Tiên mới mắt dòm
Giọt nước hữu tình rơi thánh thót
Con thuyền vô trạo cúi lom khom
Lâm tuyền quyến cả phồn hoa lại
Rõ khéo trời già đến đỡ dom.*

(Bà Hồ Xuân Hương, bài “Chơi Chùa Hương”)

Bầu trời cảnh Bụt
Thú Hương Sơn ao ước bấy lâu nay!
Kìa non non, nước nước, mây mây
“Đệ nhất động” hỏi là đây có phải?
Thỏ thẻ rừng mai chim cúng trái
Lững lơ khe Yến cá nghe kinh
Thoảng bên tai một tiếng chày kinh
Khách tang hải giật mình trong giấc mộng!
Này suối Giải Oan, này chùa Cửu Vĩng
Này am Phật Tích, này động Tuyết Kinh
Nhác trông lên, ai khéo vẽ hình
Đá ngũ sắc long lanh như gấm dệt
Thăm thẳm một hang lồng bóng nguyệt
Gập ghềnh mấy lối uốn thang mây
Chừng giang sơn còn đợi ai đây
Hay tạo hóa khéo ra tay xếp đặt
Lần hạt tràng, niệm: Nam-vô Phật
Cửa từ bi công đức biết là bao
Càng trông phong cảnh càng yêu.

(Chu Mạnh Trinh, bài "Cảnh Hương Sơn")

Trời tạc cảnh âm u
Tâm mắt trông tuyết mù
Động Đào, đường khuất nẻo
Đò Yến, khách chèo đua
Đá dựng hai hàng ngất
Đồng chia một giải sâu
Gió thổi bờ khúc khuỷu
Khe quanh nước lững lờ
Chiếc cò giữa khói đứng

Đàn âu trong sóng đùa
Tươi mềm tóc rêu mọc
Cỗi cần khóm trúc thưa
Gậy chống thơ ngâm thích
Lầu cao bước nhịp mau
Hoa bay nơi lối hẻm
Cây uốn chốn rừng sâu
Núi xô về cửa động
Hè mát như hơi thu ...
Inh ỏi hồi chuông nện
Dịu dàng tiếng mõ khua
Nhạc tiên đâu thường có
Bồng lai đây thấy chưa? ...
Bóng tà chim nháo nhác
Cây um vượn liú lo
Nào nghe bông thụy nở
Chỉ thấy đám mây mờ
Xưa ai đề vịnh đó
Nay còn nét mực tro ...

(Trích bài “Vịnh Hương Sơn” của Bùi Di -
Đào Ngọc Bình dịch)

Hôm nay lại thấy Chùa Hương
Lên đèn đèn Suối màn sương còn đây
Thuyền mơ năm trước đâu đây
Nhớ cô yếm thắm hây hây má hồng
Tiều phu chân núi lưng còng
Xo ro ngư phủ giữa dòng buồm câu
Mây luôn đầy nước qua cầu
Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo

*Tuyệt vời bức họa ai treo
Đưa hồn du tử bay theo gió ngàn*
(Hằng Phương, bài “Trên Đò Suối”)

Cô lái đò lên tiếng làm quen:

- Ba anh chị mới tới Hương Sơn lần đầu?

- Đúng thế cô ạ! Chúng tôi chỉ biết chùa Hương qua sách vở hay nghe kể lại thôi. Hôm nay chúng tôi mới có dịp đến đây để coi tận mắt cảnh đẹp nổi tiếng của quê hương mình.

Bây giờ tôi mới ngẩng lên nhìn kỹ cô lái đò. Cô trạc tuổi Uyên có nước da hơi sạm nâu, khuôn mặt dễ thương, có đôi môi dày tình tứ, lại có má lúm đồng tiền mỗi khi cô cười. Với thân hình khỏe mạnh của một cô gái đồng quê, chứng tỏ cô đã quen thuộc với công việc nặng nhọc đồng áng hay đưa đò này.

Cô kể, những cô gái ở vùng này, ngoài công việc thường ngày là làm ruộng hay trồng dâu, nuôi tằm, dệt tơ. Nhưng vào mùa xuân, các cô làm thêm nghề lái đò đưa đón khách hành hương trên suối Yến.

- Em ghé vào *đền Trình* để ba anh chị vào lễ Thánh nhé.

Tôi vui vẻ trả lời:

- Cảm ơn cô!

- Em đậu thuyền ở đây chờ. Khi nào các anh chị ra, em sẽ đón để đưa các anh chị đi tiếp.

Cô lái đò từ từ tấp thuyền vào bến đền Trình. Bên bờ suối vài cô gái đang giặt quần áo và chiếu.

Mấy cô dùng tay nhìn chúng tôi vẫy tay cười chào. Chúng tôi vẫy tay chào lại.

Tôi xuống thuyền trước đỡ cho Uyên. Thi cứ đứng trên thuyền không chịu xuống. Tôi đưa tay ra đỡ nhưng nàng nhất định từ chối.

Thi cười với cô lái đò:

- Em muốn nhảy lên bờ, được không chị?

Cô lái đò nhìn Thi chỉ mỉm cười không nói. Tôi vội ngăn lại:

- Em đừng nhảy! Ngã đấy!

Tôi chưa kịp ngăn lại, Thi đã nhảy ào lên bờ. Vừa đặt chân tới đất, Thi đã vỗ tay tự khoe:

- Em giỏi chưa!

Chưa đứng vững, Thi bỗng bỏ nhào lao vào người tôi làm tôi loạng choạng tý nữa ngã theo. Với phản ứng tự nhiên tôi ôm chầm lấy Thi đề nàng khỏi ngã sấp xuống đất. Khi hoàn hồn, tôi thấy tình thế trông thật bất tiện, Thi đang nằm gọn trong vòng tay tôi. Tôi vội buông vòng tay ra khi Thi vừa lấy lại được thăng bằng. Mặt Thi đỏ ửng, ấp ửng xin lỗi:

- Em xin lỗi! Em xin lỗi!

Uyên chạy lại chỗ Thi hỏi đùa:

- Hai “cô cậu” làm gì mà tý nữa ngã bổ chông ra với nhau vậy?

- Em vấp phải hòn đá cuội to nên mất thăng bằng. Em xin lỗi! Thi cười gượng nói.

Để đánh trống lảng cho Thi đỡ ngượng, tôi nhìn cô lái đồ nheo mắt nói to:

- Không phải lỗi tại em đâu! Lỗi tại cô lái đồ kia kia!

Với cái nheo mắt của tôi, biết là tôi chỉ nói đùa nên cô lái đồ cũng cười vui vẻ lên tiếng:

- Phải rồi! Lỗi tại em! Lỗi tại em! Thôi, các anh chị vào đèn lễ Thánh đi. Em đợi!

Cả ba chúng tôi đi về hướng đèn Trình, lên mấy bậc thang gạch rồi vào sân đền. Uyên đi trước, cách chúng tôi đủ xa, Thi lại nói:

- Em xin lỗi anh!

Tôi nhìn Thi rồi ghé vào tai nàng nói nhỏ:

- Em thấy chị Uyên em lên mặt “bà chị” với anh rồi đấy. Chị em dám hỏi hai “cô cậu” làm gì vậy. Em có nghe thấy không? Tôi hỏi đùa Thi.

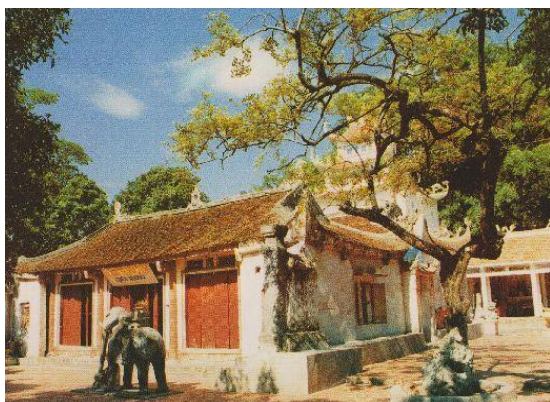
Thi không nói gì mà chỉ ngừng lên nhìn tôi mỉm cười. Vừa đi, Thi vừa tìm bàn tay tôi bóp nhẹ mấy cái thật nhanh như biểu lộ sự đồng tình, rồi nàng buông tay tôi ra ngay. Thi chạy lại với Uyên phụ chị mua vàng nhang và hoa quả để lên chiếc khay đem vào đèn lễ Thánh.

Đền Trình, tên tự là “*Ngũ Nhạc linh từ*”, có kiến trúc bề thế như một ngôi đình làng. Trong sân, trước cửa đền có con voi đá đóng yên cương và ghé kiệu trên lưng. Một lư lớn bằng xi măng cũng được đặt ngay giữa sân để đốt vàng hương. Tuy chúng tôi đi

chùa Hương sớm trước ngày mở Hội nhưng thấy du khách đã đổ về đây cũng không phải là ít. Trong đền thờ, khói nhang nghi ngút đèn nghet thờ, có con ngựa gỗ to sơn son và trên bệ thờ có tượng tướng quân thời vua Hùng. Những cây si lâu đời mọc rề chằng chịt với những hình thể uốn lượn rất đẹp, đẹp không thua gì những cây si ở đền Phủ Tây Hồ của thành phố Hà Nội. Ngay sau đền là tòa nhà hai tầng có tháp vươn lên khỏi hàng cây cao trông rất đẹp...

Khách hành hương thường đều đến đền Trình như một sự “trình diện” hay “cáo kiến” với các vị thánh, thần ở đây trước khi vào chùa Hương để mong khi vào chùa cầu xin, họ tin rằng những điều cầu khẩn tốt lành sẽ được có kết quả hơn.

Bên đền Trình có năm ngọn núi gọi là núi Ngũ Nhạc, cho nên đền này còn được gọi là *đền Trình-Ngũ Nhạc*. Gọi như thế cũng để phân biệt với *đền Trình - Phú Yên* nằm trên tuyến đường suối Tuyết. Suối Tuyết sẽ đưa du khách đi thăm khu vực quần thể động Tuyết Sơn và chùa Bảo Đài (trên tuyến đường thứ ba đến chùa Tuyết Sơn).



Ngày xưa, vùng đền Trình-Ngũ Nhạc là khu vực rừng rậm âm u, nhiều cây tre xen lẫn với những cây cổ thụ khác đã tạo điều kiện cho nhiều thú dữ về sinh sống và ẩn nấp ở đây. Ngoài việc có cọp Sa Sa về đây ở, lại còn có chuyện ma quái như ma ở Đường Sáo, hùm thiêng ở đất Trụ, có lăm chọ sói ở đền Đình. Những câu chuyện có vẻ thêu dệt ấy, có thể là sự thật thời xa xưa nhưng cũng có khi chỉ là sự hoang đường. Nhưng ít ra, qua những lời đồn đãi ấy, ta có thể hình dung ra được khu vực này ngày xưa còn rất hoang sơ và ít người dám bén mảng tới.

Sau này, dân làng Yên Vĩ cho phát quang, xây dựng đền thờ thần chúa sơn lâm tức là “ông Cọp” vì cọp là con vật linh thiêng và oai dũng trong tâm thức văn hóa của người Việt Nam kể từ thời kỳ sơ khai còn thờ “vật tổ”. Sau này đền còn thờ một vị tướng quân thời vua Hùng.

Về việc thờ tướng quân thời vua Hùng, theo truyền thuyết và theo “thần phả” của đền kể rằng:

Vào thời vua Hùng, có một người dòng dõi nhà vua tên là Hùng An cùng vợ sống ở nơi này. Ngày ngày hai vợ chồng vào rừng kiếm củi, hái cây quả làm kế sinh nhai. Một hôm người vợ bị cọp bắt cống đi. Người chồng đi khắp khu rừng tìm kiếm. Một hôm nghe thấy tiếng vợ mình, nhìn lại chỉ thấy con hổ cái biết nói tiếng người. Cọp cái nói : “Nhân duyên của chàng và thiếp chỉ có thể thôi. Thiếp xin để lại cho chàng một đứa con”. Hùng An mang bọc trứng về, vỏ rất cứng. Mười bốn tháng sau, bọc

trứng nở ra. Một đứa bé khaú khinh ra đời, được đặt tên là Hùng Lang. Hùng Lang khi lớn lên rất giỏi võ nghệ. Khi quân Ân sang xâm chiếm nước ta, Hùng Lang được thần nhân trao cho một cây kiếm báu. Hùng Lang theo Thánh Gióng Phù Đồng đi đánh giặc Ân. Đánh giặc xong, Hùng Lang về lại quê cũ là làng Yển Vĩ sống và chết ở đây, được dân làng tôn vinh thành phúc Thần của làng.

Đến đời vua Lê Anh Tông niên hiệu Hồng Phúc thứ nhất năm Nhâm Thân (1572) Lễ bộ triều đình mới soạn thần phả cho đền và sắc phong.

Sau này, những dân đi làm gỗ trên rừng ở Hương Sơn thường vào “trình diện” với Sơn thần ở đây trước khi đi. Do đó đền này được gọi là đền Trình. Và, từ đó, cứ theo tục lệ này, khách hành hương tới Hương Sơn thường đều ghé vào đền Trình như để “cáo kiến” với các vị Sơn Thần trước khi vào đất Phật chùa Hương.

Sau khi Uyên và Thi vào đền thắp hương trở ra, cả ba chúng tôi cùng lên thuyền để tiếp tục cuộc hành trình.

Thuyền càng vào sâu, cảnh vật càng đẹp và nên thơ. Có những áng mây trắng vương trên đỉnh núi. Bóng núi và mây in trên mặt nước, đôi khi làm ta cứ lầm tưởng như trên mặt suối đương phủ một lớp sương mù bay bay. Tiếng nước vỗ mạn thuyền nghe thật êm ả làm sao. Thi ngồi bên tôi, đưa bàn tay xuống suối cho dòng nước cuốn lên cổ tay. Nàng

vốc nước lên rồi đổ lại xuống suối, những hạt nước lóng lánh như thủy tinh. Uyên cứ mãi mê với cảnh vật xung quanh, thỉnh thoảng lại thảng thốt kêu lên: “Ô kìa! Cảnh đẹp quá! Đẹp quá!”.

Tôi muốn mượn vài lời của thi nhân để hòa lòng mình cùng với thiên nhiên. Tôi không thể không chia sẻ những cảm xúc ấy với Uyên và Thi.

*Lần khe Yến Vĩ đi vòng
Bốn bề bát ngát xa trông lạ dường
Giữa dòng đầy nước lồng gương
Mượn chèo ngư phủ đưa đường Đào
nguyên
Lạ cho vừa bén mầu thiên
Mà trăm nảo với nghìn phiền sạch không
Bầu trời man mát xa trông
Biết đâu nước Nhược non Bồng là đâu?
Cỏ cây xanh ngát một màu
Yến thần vạn tuế, lên lầu Ngũ doanh
Nhác trông sơn thủy hữu tình
Bút thần khôn vẽ bức tranh nào bằng
Chung quanh những núi cùng rừng
Đồng Ông một dải ngang lưng non Bà
Núi Xôi, núi Oản, núi Gà
Núi con Voi phục bày ra nên cầu.*

(Trích “Hương Tích Hành Trình” của Chu Mạnh Trinh)

Có lẽ cô lái đò nghe thấy trong bài thơ của cụ Chu Mạnh Trinh tôi vừa đọc có nhắc đến tên mấy

quả núi chung quanh nên cô xin góp lời chỉ cho chúng tôi biết thêm về tên của những quả núi xa xa và những hang động khu vực đền Trình mà thuyền sắp sửa đi qua.

- Các anh chị xem kia! ⁽¹⁾[*Ta nhìn sang bên tay trái đền Trình*, kia là núi Đụn, cao cao và nẩy tròn như đụn thóc. Núi Đụn còn là đuôi của một con rồng của dãy núi Hàm Rồng. Gần núi Đụn là núi Soi, giống như con kỳ lân nên còn được gọi là núi Lân. Gần núi Soi là núi Ái, giống con rùa nên còn được gọi là núi Quy. Gần núi Ái là núi Phượng, chỗ đầu và mỏ là chùa Thanh Sơn, hai cánh giang ra là hai chòm núi. Quá chút nữa là đến núi Đôi Chèo. Đò ra, đò vào đến quăng này các cô lái đò đổi tay chèo cho nhau đỡ mỏi. Núi Đôi Chèo giống như con trăn lớn đang bò trên mặt nước. Gần núi Đôi Chèo là núi Bung. Gần núi Bung là núi Voi. Về núi Voi có truyện kể rằng:

Hương Sơn có một trăm ngọn núi, chín mươi chín (99) ngọn nghiêng về phía động Hương Tích để tỏ lòng ngưỡng mộ. Đúng như câu thơ:

Núi xô về cửa động

Chỉ riêng có một con Voi bướng bỉnh và vô lễ quay đầu ra, quay mông vào phía cửa động. Ông Hộ pháp giận quá, lấy gươm phạt một mảng mông của

(1) Những đoạn trong dấu ngoặc [] được trích nguyên văn từ cuốn “Thắng Cảnh Hương Sơn” của tác giả Trần Lê Văn.

tên voi này. Bây giờ tên voi hồn vẫn mất một mảng mộng].

Thì lên tiếng hỏi tôi:

- Ở đâu ra mà có tới một trăm ngọn núi để có chín mươi chín ngọn quay đầu về một hướng?

Tôi trả lời:

- Theo ý anh thì đây chỉ là truyền thuyết trong dân gian. Những con số “một trăm” hay “chín mươi chín” chẳng qua chỉ là những con số tượng trưng để chỉ số lượng nhiều mà thôi. Nếu em đi thăm đền Hùng thờ Đức Tổ Hùng Vương ta cũng nghe thấy một truyền thuyết tương tự. Những câu chuyện này mang tính cách thần bí để trân trọng những di tích lịch sử hay những thắng cảnh đặc biệt mang sắc thái tôn giáo như ở Hương Sơn đây.

Cô lái đồ đợi chúng tôi nói xong, cô tiếp:

- Các anh chị nhìn về *phía tay phải đền Trình*. Em bắt đầu kể từ núi Ngũ Nhạc nơi đền Trình đi vào. ⁽¹⁾[Gần núi Ngũ Nhạc có núi Dẹo⁽²⁾ vì nó đứng xiêu vẹo như người say rượu. Gần núi Dẹo là núi Phòng Sư có một tảng đá chia đều thành nhiều khoảng cách đều nhau như phòng các ông sư. Trên núi Phòng Sư trước kia có chùa Đống Lúa. Qua núi Phòng Sư không xa là hang Sơn Thủy Hữu Tình. Hang này có khắc trên vách cửa hang bốn chữ “Sơn thủy hữu tình”. Thuyền có thể bơi luôn từ trong

(2) Núi Vẹo : dân địa phương nói âm “v” thành “d.”

hang sang qua bên kia núi như hang Luồn ở vịnh Hạ Long hay ở Tam Cốc thuộc tỉnh Ninh Bình vậy. Trẻ chăn trâu ở Hội Xá thường đưa trâu qua lại nên hang này còn có tên là Hang Trâu.

Hang Trâu ở khoảng giữa mấy quả núi Hai Mèo Đuôi Chuột. Ngang Hang Trâu là cầu Hội. Gần cầu Hội là núi Thông Dâu. “Thông Dâu” cũng là tên thung trồng dâu nuôi tằm. Gần núi Thông Dâu là Hang Bà. Về Hang Bà có một truyền thuyết. Truyện kể rằng:

Xưa có người đàn bà góa trẻ, đẹp, nhà nghèo, không đi bước nữa, ở vậy nuôi mẹ chồng. Ngày chở đồ qua sông nhiều lần kiếm củ mài, rau sắng, bó củi, gánh mớ. Ngày nước lũ, nước to sóng dữ, người đàn bà bị đắm thuyền, chết đuối. Thương tiếc cho một người dâu hiền, vợ thảo mà cuộc đời lại bị kết thúc một cách bi thảm như vậy, người ta đặt tên hang ấy là Hang Bà.

Hang Bà đối diện với Đồng Ông ở bên kia suối nên cụ Chu Mạnh Trinh mới có câu thơ:

Đồng Ông một giải ngang lưng non Bà.

Hang Bà còn gọi là hang Dụng Mát (Vụng Mát-cái vụng nước mát), Vụng Mát lúc nào cũng đầy nước, lăm cá. Thảng tư cá vào đặc trong hang, bầm dân chài lưới.]

Đợi khi cô lái đò vừa dứt tiếng. Tôi đọc cho mọi người nghe một đoạn thơ:

*Ba khúc quay chèo dọc trở ngang
Hang Trâu thuyền đã vượt qua hang
Cầu luôn nước chảy qua cầu vắng
Hoa cỏ đều hiu gọi mối thương.*

(Trích bài “Mười Khúc Vịnh Hương Sơn”
của Cao Bá Quát, Đào Văn Bình dịch – Đây là
khúc thứ ba trong mười khúc).

Chẳng
mấy chốc
chúng tôi
thấy một
chiếc cầu bắc
ngang qua
suối Yến. Cô
lái đò chỉ cho
chúng tôi:



- Đó là cầu Hội.

Cầu Hội có dáng “hình thang” thật đơn giản, cao
và thông thoáng. Chỉ là chiếc cầu gỗ mảnh khảnh
nên nó lại phù hợp, hài hòa với sự êm đềm lặng động
của cảnh vật
chung quanh.
Vì cầu Hội
cao và thông
thoáng nên
thuyền qua lại
ngược xuôi
dưới gầm cầu



được dễ dàng. Dưới gầm cầu, bóng núi và mây vẫn lung linh, trôi chảy theo dòng suối mà không bị vướng mắt hay cắt ngang hoặc che lấp.

*Mây luôn đẩy nước qua cầu
Thuyền đi tưởng núi quay đầu trông theo.*

(Trích bài “Trên Đò Suối” của Hằng
Phương)

Khu cầu Hội có những cây gạo rất to và đẹp. Tới mùa hè, hoa gạo nở, có người ví trông chúng như những đóm lửa đỏ, và chim chóc từng đàn bay về ríu rít trên cành những cây hoa gạo này.

Tại *khu vực cầu Hội*, cô lái đò cho biết thêm.



Chùa Thanh Sơn



Động Hương Đài

* Từ phía chân cầu bên trái của cầu Hội có con đường dẫn đến *chùa Thanh Sơn*. Bên cạnh chùa có một hang động khá sâu với nhiều thạch nhũ có hình thù người, thú, hoa quả rất đẹp. Khi ta gõ vào nhũ đá ta sẽ có những âm thanh như tiếng chuông, tiếng khánh.

Nếu tiếp tục leo một đoạn đường núi, qua một đoạn xuống đường đồng bằng rồi lại leo thêm một đoạn đường núi nữa người ta sẽ tới *chùa Hương Đài*. *Động Hương Đài* nằm bên sườn núi kề bên *động Tiểu Nhi*. *Động Hương Đài* còn gọi là *hang Luộc*. Tuy động không lớn nhưng cảnh vật bên trong có thể làm mê mẩn lòng người vì có nhiều thanh đá đẹp, có người gọi chúng là “những cây đàn đá” vì chỉ cần gõ nhẹ lên chúng cũng tạo nên những âm thanh của một bản nhạc thần bí.

* Từ phía chân cầu bên phải của cầu Hội có *hang Sơn Thủy Hữu Tình* và còn có con đường đi vào *làng Hội Xá*.

Tôi nhớ làng Hội Xá là quê vợ của thi sĩ Tản Đà. Nói đến nhà thơ Tản Đà với chùa Hương, tôi không thể không nhắc tới bài thơ của cụ:

*Chùa Hương, trời điểm lại trời tô
Một bức tranh tình trải mấy thu
Xuân lại xuân đi không dấu vết
Ai về, ai nhớ vẫn thơm tho...*

(Trích bài “Chùa Hương” của Tản Đà)

Và nếu nhắc tới nhà thơ Tản Đà, tôi cũng không thể không nhớ thêm về giai thoại “*rau sống chùa Hương*” khá lý thú của cụ:

*Muốn ăn rau sống chùa Hương
Tiền đồ ngại tốn, con đường ngại xa
Mình đi, ta ở lại nhà
Cái dưa thì khú, cái cà thì thâm.*

Bài thơ được đăng trên báo. Ít lâu sau, vào khoảng tháng 3 năm 1922, thi sĩ Tản Đà nhận được một gói quà gửi từ Phủ Lý ra Hà Nội, mở ra thấy có một mớ rau sắng kèm theo một bài thơ dưới có đề “Đỗ tang nữ bá tằng”:

*Kính dâng rau sắng chùa Hương
Tiền đồ đỡ tốn, con đường đỡ xa
Không đi thì gọi lại nhà
Thay cho dưa khú cùng là cà thơm.*

Cụ Tản Đà cảm tạ “Đỗ tang nữ” bằng bài thơ sau, trong “truyện thế gian”:

*Mấy lời cảm tạ tri âm
Đồng bang là nghĩa, đồng tâm là tình
Đường xa rau vẫn còn xanh
Tắm lòng thơm thảo, bát canh ngọt ngào
Yêu nhau xa cách càng yêu
Dẫu rằng sông nhạt, càng nhiều chứa
 chan
Nước non khuấy nẻo ngư nhân
Tại lòng, xin mượn “Thế gian” đưa tình.*

Rau sắng Hương Sơn là loại rau rừng. Chúng mọc trên núi đá vôi. Rau sắng mọc vào mùa xuân, từ tháng Giêng cho tới tháng Tư. Nó cùng họ với rau ngót, lá giống rau ngót nhưng màu xanh mượt hơn và nhọn hơn, nhất là lá non. Có nơi gọi nó là rau “ngót rừng”.

Rau sắng không phải chỉ có ở Hương Sơn mà còn có ở những vùng núi đá vôi ở Hà Nam, Hòa

Bình, Phú Thọ và Lạng Sơn. Nó cũng có tên khác nhau như lai cam (người Dao), tắc sắng (người Mường), pắc van (người Tày, Thái).

Rau sắng hiếm quý vì tìm được ít và lá non chỉ có nhiều vào mùa xuân nên đắt. Vì hiếm nên ai đi trẩy hội chùa Hương cũng cố mua về một ít để thưởng thức hay làm quà.



Rau sắng

Người ta có nghĩ tới việc sản xuất rau sắng, nhưng nó không ngon và ngọt như rau sắng rừng mọc trên núi. Rau sắng lại không chịu phân hữu cơ vì nó sẽ chết. Người ta gọi rau sắng là loại “rau sạch” hay “rau thanh tịnh.”

Kể cả người bán lẫn người mua đều phải “nâng niu” nó vì nó dễ bị dập héo, ăn mất ngon. Những ai sành điệu ăn rau sắng, người ta không nấu canh sắng với thịt, chỉ luộc nó với tý muối. Ăn như thế mới thưởng thức được cái thơm, cái ngọt mát nguyên chất của rau sắng. Có người còn đòi hỏi loại sắng “rồng rồng”, tức là rau sắng có chồi hoa non, lấm tấm như hoa ngâu để bát canh thêm đẹp, có cả lá lẫn hoa.

Chẳng mấy chốc, chúng tôi đã vừa đi qua gầm cầu Hội. Cô lái đò lại tiếp tục giải thích thêm cho chúng tôi về cảnh vật ở đây:

- Các anh chị tiếp tục theo dõi những dãy núi bên tay phải cầu Hội nhé. Lúc nãy em nói đến Hang Bà hay còn gọi là Hang Trâu ở khu vực đền Trình rồi phải không? Nay em nói tiếp về những dãy núi tiếp tới. ⁽³⁾*[Qua Hang Bà đến núi Ba Đài. Núi gồm ba quả núi nhỏ đứng bằng nhau như đúc khuôn, giống như ba đài rượu để trên bàn thờ. Gần đây là núi Con Gà rồi đến núi Dải Cờ, còn gọi là núi Chéo Cờ vì trông giống lá cờ đuôi nheo hình cheo chéo. Núi Cờ trông sang núi Lọng, tức gần đối diện với bến Trờ có chùa Thiên Trù. Chỗ cuối cùng đường suối Yến là Rừng Vài và núi Nhà Lang Lão Tác]*⁽³⁾

Khi cô lái đò vừa dứt nói, tôi liền hỏi:

- Hàng ngày cô lái thuyền trên suối, với cảnh đẹp như thế này chắc cô thích lắm nhỉ?

- Vâng, có những hôm mây xuống thật thấp, mây trắng là là trên sườn núi. Trên mặt suối cũng có mây. Những hôm như thế thì đẹp lắm. Em cứ tưởng như em đang ở trên trời hay trên tiên cảnh. Có hôm sương mù, mọi cảnh vật như ẩn như hiện. Tuy lúc đó trời đất âm u, ảm đạm nhưng lòng mình cứ lâng lâng thanh tịnh thoát tục. Có những hôm trăng sáng,

⁽³⁾ Những đoạn trong dấu ngoặc [] được trích nguyên văn từ cuốn “Thắng Cảnh Hương Sơn” của tác giả Trần Lê Văn.

nước và ánh trăng như quyện vào nhau. Cảnh đêm yên tĩnh, em chỉ còn nghe thấy tiếng mái chèo khua nước, thỉnh thoảng lại nghe tiếng chuông chùa thánh thót vang ra. Nhìn lên trời thì sao sáng đầy trời. Em chỉ tiếc là em không được đi học nhiều nên không biết làm thơ như các anh các chị ở tỉnh thành.

- Cô đang làm thơ đấy! Tôi nói với cô lái đò. Rồi tôi hỏi tiếp:

- Thế cô chèo đò trên suối có thường gặp những chuyện vui buồn gì không?

- Chuyện buồn thì ít thôi. Em chỉ chèo thuyền cho khách hành hương thưởng ngoạn cảnh đẹp của Hương Sơn. Với lòng người lúc đó mở rộng theo đức Phật nên cũng chẳng ai muốn làm buồn lòng ai. Chỉ có những hôm nào, em không được khoẻ người thì chèo thuyền cũng thấy uể oải lắm.

Chúng em chỉ được làm công việc chèo thuyền nhàn hạ này trong mấy tháng mùa xuân thôi. Khi hội chùa Hương chấm dứt, số đông chúng em lại trở về nghề làm ruộng, trồng dâu, nuôi tằm hay lên rừng kiếm củi, hái mớ. Cũng vất vả lắm. Chiều tối, có khi em phải làm thuê, nhận “kén” về, lược, rồi “đánh kén” thành “chỉ tơ” (chỉ tơ dệt vải) tới khuya mới được đi ngủ.

Chuyện vui thì có nhiều, vui nhất là những hôm có mấy anh ở Hà Nội về chùa Hương, ngồi trên thuyền nhìn em, cứ khen em đẹp. Có anh còn làm thơ tặng em nữa. Những hôm như thế, đêm về em

nằm cứ trần trọc mãi không làm sao ngủ được vì vui.

Thấy cô lái đồ thật thà, cả ba chúng tôi cứ tùm tùm cười một cách kín đáo.

Tôi chỉ vào Uyên và Thi giới thiệu cho cô lái đồ:

- Đề tôi giới thiệu với cô, đây là hai người em gái của tôi. Cô này tên Uyên, còn cô này tên Thi. Uyên là chị của Thi.

- Em biết tên hai chị rồi vì em thấy anh gọi tên hai chị ấy. Nhưng hai chị đây không phải là em gái của anh. Chắc hai chị đây phải là những người bạn rất thân của anh.

Chúng tôi tròn tròn mắt nhìn cô. Tôi hỏi ngay:

- Sao cô biết?

- Em biết vì em thấy anh chăm sóc chu đáo cho hai chị. Nếu hai chị là em gái của anh, thì ngược lại, hai chị đã phải săn sóc cho anh rồi.

Nghe xong câu nói đó của cô lái đồ, cả ba chúng tôi đều cười ồ.

- Cô nói đúng rồi! Chúng tôi là bạn thân của nhau, lại cùng ở một làng với nhau ở Sơn Tây. Thân nhau từ nhỏ.

- Em cũng xin cổ tin lời anh như vậy! Cô mỉm cười hóm hỉnh.

Cô lái đồ lấy chiếc nón lá xuống, quạt quạt vài cái cho mát rồi lại đội vào ngay. Tôi chợt bắt gặp

đôi mắt hơi xéch thật đẹp và đa tình của cô mỗi khi cô cười.

Uyên chợt hỏi cô lái đò:

- Thế chị tên gì?

- Em tên Hương, thằng em trai em tên Sơn. Cả hai chị em chúng em không được sinh ra ở Hương Sơn này, nhưng khi chuyển về đây ở, bố mẹ em đổi tên cho chúng em như thế. Năm nay em 18 tuổi, thằng em 14. Ở nhà mọi người quen gọi em là Mơ vì em hay vào rừng hái mơ về làm rượu mơ hay mang ra chợ bán. Trong xóm em, mọi người chỉ còn biết gọi tên em là Mơ thôi. Mấy anh trai làng cứ trêu em đẹp như quả mơ chín, (cô chép miệng tùm tùm cười, nói tiếp) mà quả mơ chín quá thì da nó nhăn nheo, xấu lắm.

Uyên hỏi tiếp:

- Chị bằng tuổi em. Chị muốn chúng em gọi chị là Hương hay Mơ?

- Các anh chị cứ gọi em là Mơ cho thân.

Uyên nhìn Mơ tùm tùm cười. Uyên nói tiếp:

- Em đọc tặng chị bài thơ này nhé.

Mắt Mơ sáng hẳn lên, ngừng tay chèo hỏi Uyên rồi rít:

- Thật không chị? Chị đọc cho em nghe đi!

Uyên đọc:

*Thăm thăm đường chiều một khách thơ
Say nhìn xa rặng núi xanh lơ
Khí trời lạnh lẽo và trong treo
Thấp thoáng rừng mơ cô hái mơ.*

*Hỡi cô con gái hái mơ già!
Cô chữa về ư? Đường còn xa
Mà ánh trời hôm dần một tắt
Hay cô ở lại về cùng ta?*

*Nhà ta ở dưới gốc cây dương
Cách động Hương Sơn nửa dặm đường
Có suối nước trong tuôn róc rách
Có hoa bên suối ngát đưa hương. . .*

*Cô hái mơ ơi!
Chẳng trả lời nhau đến một lời
Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng
Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi.*

(Nguyễn Bính, bài “Cô Hái Mơ”)

Uyên vừa đọc xong, Mơ vỗ tay khen:

- Chị làm thơ hay quá! Chị chép cho em nhé!

Uyên vội khua tay:

- Bài thơ này không phải của em làm. Em đoán là của ông hàng xóm nhà chị đấy vì ông ấy ở cách Hương Sơn có nửa dặm đường và lại có suối nước trong nữa.

- Không phải đâu! Trong xóm nhà em chỉ có mỗi một mình em biết chữ. Thế, tên ông ấy là gì hả chị?

- Nhà thơ Nguyễn Bính.
- Nguyễn Bính!Ồ, em biết rồi!
- Chị quen với ông ta hả? Uyên giật mình hỏi.

- Không! Hôm trước có một anh khách đi đồ chép tặng em bài thơ “*Cô lái đò*”, nói là bài thơ ấy của nhà thơ Nguyễn Bính. Anh ấy, trước khi lên bờ còn cười dặn em là em đừng đi lấy chồng vì nếu em đi lấy chồng sẽ làm buồn cho những khách sang sông, rồi còn đọc đoạn thơ này cho em nghe và em đã học thuộc:

*Bỏ thuyền, bỏ lái, bỏ dòng trong
Cô lái đò kia đi lấy chồng.
Vắng bóng cô em từ dạo ấy
Để buồn cho những khách sang sông.*

(Trích bài “*Cô Lái Đò*” của Nguyễn Bính)

Uyên phì cười:

- Chị Mơ đừng tin lời nói của những ông thi sĩ nhé. Ông Nguyễn Bính không những yêu cô hái mơ, yêu cô lái đò, yêu cô nuôi tằm, yêu cô dệt tơ, yêu cô hàng xóm, yêu cả cô Mán trên rừng nữa đấy. Em đọc tiếp cho chị nghe vài đoạn thơ của ông ấy nhé!

- Nào với cô chăn tằm này:

*Ngày xưa dệt cửi chăn tằm
Em còn bé lắm mười lăm tuổi đầu.*

(Trích bài “*Làm Dâu*”)

*Cành dâu cao, lá dâu cao
Lênh đênh bóng bướm trôi vào mắt em...*

*Cành dâu xanh lá dâu xanh
Một mình em hái, một mình em thương.*

(Trích bài “Bóng Bướm”)

- Nào với cô quay tơ này:

*Em cứ yêu đời đi
Yêu đời như thuở nhỏ
Rồi để anh làm thơ
Và để em dệt lụa.*

*Lụa dệt xong may áo
Áo anh và áo em.
May áo nếu thiếu lụa
Xe tơ em dệt thêm...*

(Trích bài “Thoi Tơ”)

- Nào với cô hàng xóm này:

*Cái ngày cô chưa có chồng
Đường gần tôi cứ đi vòng cho xa
Lối này lắm bụi nhiều hoa
(Đi vòng để được qua nhà đó thôi).*

(Trích bài “Qua Nhà”)

*Nhà nàng ở cạnh nhà tôi
Cách nhau cái dậu mừng toi xanh rờn
Hai người sống giữa cô đơn
Hình như nàng có nỗi buồn giống tôi...*
*Hôm nay mưa đã tạnh rồi
Tơ không hong nữa, bướm lười không sang*

*Bên hiên vẫn vắng bóng nàng
Rưng rưng tôi gục xuống bàn ... rưng rưng...*

(Trích bài “Người Hàng Xóm”)

- Nào với cả cô Mán trên rừng nữa đây:

*Xanh cây, xanh cỏ, xanh đồi
Xanh rừng, xanh núi, da giời cũng xanh
Áo chàm cô Mán thanh thanh
Mắt xanh biêng biếc một mình tương tư.*

*Cỏ đồi ai nhuộm mà xanh?
Áo em ai nhuộm mà anh thấy chàm?
Da giời ai nhuộm mà lam?
Tình ta ai nhuộm ai làm cho phai?*

(Trích bài “Vài Nét Rừng”)

- Chị Mơ thấy ghê chưa? Chị đừng tin mấy ông thi sĩ nữa nhé!

Mơ đứng nhìn trời không nói gì, cứ tiếp tục chèo thuyền.

Chúng tôi đi thuyền trên suối Yến, vừa được ngắm cảnh đẹp vừa được ngồi bên nhau lại vừa được trò chuyện với cô lái đò dễ mến một cách chân tình đến thích thú. Một kỷ niệm thật khó quên.

Chẳng bao lâu, *bến đò Trò* đã hiện ra với chỉ lẻ tẻ dăm ba chiếc thuyền chở khách, cái đi vào cái trở ra. Được biết, vào ngày hội chùa Hương nơi bến đò này đông nghẹt những thuyền và người vào ra tấp

nập. Hội chùa Hương kéo dài từ mùng 6 tháng Giêng tới cuối tháng Ba âm lịch.

*Thuyền ghé khua bờ đá
Chim mừng, rừng véo von
Suối đến đây dừng lại
Tiễn khách trèo lên non.*

(Trích bài Đi Chùa Hương của Phạm Hồ)

Cô lái đò tấp vào bến, tìm nơi tốt để chúng tôi có thể dễ xuống thuyền. Thi nhìn chúng tôi, lên tiếng hỏi nhỏ:

- Hay chúng ta mời chị Mơ cùng đi chơi chung cho vui?

Chúng tôi đồng ý ngay. Khi chúng tôi ngỏ lời đề nghị ấy với Mơ, cô vui vẻ nhận lời.

- Các anh chị cứ lên chùa đợi em. Em đi cột thuyền.

Bến đò Trò hay còn gọi là *bến đò Thiên Trù*. Dãy thuyền nằm san sát im lìm chờ khách ngay dưới chân núi Mâm Xôi, có cây cổ thụ. Không xa đó, vài ba quán ăn và quán bán đèn nhang, với vài ba hàng bán quà kỷ niệm cho khách thập phương đi lễ chùa.

Từ bến đò, chúng tôi từ từ leo lên giốc một quãng rồi đứng đợi Mơ để cùng đi. Chẳng mấy chốc chúng tôi thấy cô Mơ, đầu đội nón lá, lúp xúp chạy từ bến đò chạy lên. Bây giờ tôi mới nhận ra Mơ mặc váy vải xoi, loại vải đen rẻ tiền, chiếc áo cánh màu nâu khoác ngoài, chỉ cài có hai cái nút áo nơi bụng.

Áo cùng màu với chiếc yếm trước ngực, đuôi yếm thả lỏng che xuống tới quá bụng. Chân cô đi đất nên bước chạy của cô cứ thoăn thoắt. Chiếc váy kêu xoàn xoạt theo những bước chân vội vã của cô.

Thi vội nói vọng:

- Chị Mơ đừng chạy cho mệt, chúng em đợi mà!

Khi Mơ chạy tới nơi:

- Em chạy quen rồi, đâu có mệt gì. Em chỉ sợ đường vào “*chùa Trong*” (động Hương Tích) các anh chị không quen leo đường núi sẽ mệt thôi.

Cả bốn chúng tôi cùng song bước lên *chùa Thiên Trù*, tức “*chùa Ngoài*” gần ngay đó. Đi hết thêm một dốc nhỏ, chúng tôi tới cổng ngoài của chùa. Cổng chùa là một kiến trúc



*Cổng chùa Thiên Trù
"Nam Thiên Môn"*

cổ thuần túy Việt Nam và rất đẹp. Cổng được xây theo kiểu năm cửa uốn cong hình bán nguyệt, hai tầng, tầng trên nhiều lầu nhỏ và có nhiều mái. Phía trên cửa giữa có hàng đại tự “*Nam Thiên Môn*” (cửa trời Nam).

Từ ngoài xa nhìn vào chùa, ta thấy chùa được xây trên một khoảng đất rộng, phẳng, có núi vây

chung quanh: trước mặt là núi, hai bên là núi, phía sau cũng là núi. Những quả núi gần chùa không cao lắm, lại cao đều nhau, không xa, cũng không chen nhau nên trông rất hài hoà. Chùa có cái thông thoáng không bị gò bó bởi hình ảnh nặng nề của núi.



Nhà bia bên Trờ

Tôi hỏi Mơ:

- Cô có biết tên những quả núi quanh chùa này không?

- Hai quả núi có tên là Phụ Mã ở hai bên trái và phải

của chùa, núi Sau Chùa ở phía sau của chùa. Ba quả núi này được ví như ba ông “đầu rau” của bếp Thiên Trù. Nhìn rộng ra xa thêm, những núi đứng sau hai quả núi Phụ Mã, bên phải mang tên Tiên Sơn, bên trái mang tên Thung Mang. Bên cạnh núi Sau Chùa là núi Ông Chây. Nếu ta nhìn về chùa Hình Bồng (cô vừa nói vừa chỉ tay về phía núi Hình Bồng xa xa) là núi Lão. Sau núi Lão là núi Cỏ Bồng.

*Núi bắc “đầu rau” mấy vạn niên
Mà màn biếc thắm đẹp thiên nhiên?
Thiên Trù một khoảng êm phơi phơi,
Núi gắm nhau xanh một sắc hiên.*

(Trích bài “Thăm Cảnh Chùa Hương” của
Xuân Diệu)

Thi chợt hỏi:

- Chị Mơ ơi. Sao chị lại nói ba ngọn núi kia là ba ông “đầu rau” của bếp Thiên Trù.

- Em nghe các cụ gọi chùa Thiên Trù này là “Bếp Trời” vì các cụ tin rằng khu đất chùa này, theo phong thủy, tương ứng với chòm sao Thiên Trù ở trên trời. Chòm sao Thiên Trù lại tượng trưng cho cái bếp, cho sự ăn uống và biến động thăng trầm. Bếp thì có ba ông “đầu rau” để kê nồi.

Thi nắm tay Mơ khẩn khoản nói:

- Em ít tuổi hơn chị, chị cứ gọi em là em hay Thi, chị đừng xưng em với em nữa nhé!

- Em là dân quê mùa, đầu dám xưng hô thế!

Tôi mỉm cười, lên tiếng như ra lệnh:

- Thôi, cô cứ gọi Thi là em xưng chị cho tiện, chúng ta cứ coi nhau như người nhà mà. Có cô cùng đi chơi chung, chúng tôi vui lắm. Và cũng tiện đây, tôi xin ngỏ lời cảm ơn cô Mơ nhiều.

Mơ chớp chớp đôi mắt nhìn Thi tỏ vẻ rất cảm động trước lời đề nghị của Thi và lời nói của tôi. Uyên chỉ mỉm cười kín đáo.

Chùa có nhiều cây hoa gạo cổ thụ và có hai hàng cây hoa đại (cây bông sứ) trước cổng vào. Uyên say sưa nhìn ngắm những cây hoa gạo vươn cao.

Mơ tiến lại gần Uyên:

- Nếu chị đến thăm chùa vào giữa tháng hai ta, tức giữa hội chùa Hương thì chị sẽ thấy hoa gạo đỏ rực treo lơ lửng trên cành, có người ví nó trông giống như những đốm lửa nhỏ hiện trên trời xanh. Đẹp lắm! Vào cuối tháng ba, hoa gạo rụng thì tới lượt hoa đại nở rộ. Hoa đại nở vừa đẹp lại vừa thơm.

Uyên nói với Mơ:

- Em thích hoa đại lắm, cánh hoa phía ngoài màu trắng ngà, phía bên trong điểm vàng đậm hay đỏ hồng. Có loại hoa đại màu đỏ nhưng em thích loại màu trắng. Nhờ mùi thơm của hoa đại, mẹ em dùng nó để ướp trà. Hồi còn nhỏ, em đi học ở trường làng, tới mùa hoa đại em thường hay dắt hoa đại ở bên vành tai. Bọn con trai cùng lớp cứ trêu em là “con gái hay làm đom”. Có những đứa trêu chọc em quá đáng, em tức quá xông vào đánh chúng nó làm chúng chạy tán loạn. Đánh chúng rồi, em còn vào mách thầy giáo cho chúng bị phạt quỳ nữa.

Uyên vừa kể vừa khua chân múa tay như đang đánh nhau thật. Mơ nghe câu chuyện Uyên kể cứ ôm bụng cười đến gập cả người xuống, làm chúng tôi cũng phải cười theo với cái cười rất hồn nhiên ấy của Mơ.

*Tháng ba, hoa gạo đỏ rùng xanh,
Rặng đại trang nghiêm cổ kính nghiêng
cành.*

(Trích bài “Trẩy Hội Chùa Hương” của
Xuân Hoàng)

Chúng tôi đi qua cổng là vào tới sân thứ nhất của chùa. Một không gian thoáng rộng được mở ra.



Hình 1: Chùa Thiên Trù, từ trong chùa nhìn ra cổng với sân thứ nhất. Nhà và tháp lớn hai bên sân mới được tân trang, xây dựng thêm gần đây.



Hình 2: Quần thể chùa Thiên Trù (mới) nhìn từ cổng chùa vào nhà Tam Bảo theo đường thẳng. Kiến trúc chính cổ xưa còn giữ tới ngày nay, gồm sân thứ nhất, tới bậc thang thứ nhất, lên sân thứ hai có gác chuông, lên bậc thang thứ

hai, tới sân thứ ba là sân chùa ngay nhà Tam Bảo có cặp sư tử châu, sau nhà Tam Bảo là nhà Tổ. Sân sau chùa có khu tháp cổ của các vị sư tổ trụ trì và tháp thờ Phật Bà.

Chùa được xây trên mảnh đất hình chữ nhật có chiều dài rất sâu theo kiểu “ngũ môn, tam cấp” (năm cửa, ba tầng bậc). Hai bên sân chùa là những gian nhà bán hàng cơm hay hàng bán quà kỷ niệm.

Qua sân thứ nhất là tới bậc thềm thứ nhất, có độ hơn chục bậc bước lên cao, tới sân cấp thứ hai. Hai bên sân cấp thứ hai cũng là hai



Gác chuông (cổ)

đầy nhà hàng ăn. Trên sân này có một tháp chuông, kiến trúc ba tầng, mái rất lớn và tuyệt đẹp lại uy nghi. Các người bán quà kỷ niệm rong cứ theo chân chúng tôi mời mua những xôi trảng hạt, màu nâu có, màu đen có hay chỉ được làm bằng những hạt cây tròn mộc mạc.



Qua sân thứ hai này, chúng tôi lại tới bậc thềm thứ hai, cũng khoảng hơn mười bậc bước, đưa lên một sân cấp thứ ba cao hơn. Đây là sân của ngôi nhà Tam Bảo, cũng là sân chính của chùa Thiên Trù.



Sân chùa (cổ)

Giữa sân là một đỉnh đồng Bảo (cổ)

cao ba thước và một đỉnh hương đúc bằng xi măng, khối nhang nghi ngút suốt

ngày. Hai con sư tử được sơn vàng nằm chầu trước cửa ngôi nhà Tam Bảo.

Ngôi nhà Tam Bảo là công trình kiến trúc chính của quần thể chùa Thiên Trù. Một công trình kiến trúc quy mô lớn với phong cách truyền thống. Trên cột nhà Tam Bảo có treo nhiều câu đối sơn son thiếp vàng. Bên trong có nhiều tượng Phật và các vị La Hán tạc bằng đá hay gỗ tuyệt đẹp, một trình độ nghệ thuật và mỹ thuật rất cao. Đặc biệt có ba pho tượng



Nhà Tổ đình (sau Tam Bảo)

lớn, ấy là pho tượng Phật A Di Đà ngồi trên toà sen ở chính giữa. Hai bên tượng A Di Đà là hai pho tượng đứng, mỗi pho cao chừng ba mét. Có những tượng Hộ Pháp rất to và rất oai dũng.

Quần thể chùa Thiên Trù liên kết với nhau theo nhiều nền tầng cấp cao thấp khác nhau rất hài hoà tạo nên một hình dáng kiến trúc tuyệt mỹ, vừa tráng lệ lại vừa thoát tục. Đứng về góc cạnh nào cũng thấy cái vẻ đẹp dung dị mà lại sâu xa của triết lý nghệ thuật xưa và cũng sâu lắng trong sự tôn nghiêm của triết lý đạo Phật.

Ngoài sân chùa có hồ bán nguyệt với hòn non bộ. Cây cối trong chùa xanh tươi mang vẻ đẹp thanh tao, gọn gàng bởi bàn tay con người. Cái đẹp của thiên nhiên hòa trong cái đẹp của nhân tạo làm tăng thêm vẻ siêu thoát của tín ngưỡng.

Một khu bảo tháp sau chùa được xây dựng để chứa hài cốt của những vị trụ trì chùa này. Ngôi bảo tháp lâu đời nhất là bảo



Khu bảo tháp

tháp Hoà thượng Viên Quang, được xây vào thế kỷ

thứ 17. Tháp này được xây bằng gạch đỏ, trên nóc tháp có mái cong như mái chùa.

Cứ dựa theo sử liệu của chùa Thiên Trù còn giữ được, chùa chỉ còn có văn bia đề niên hiệu Chính Hoà-đời Lê Huy Tông năm thứ bảy (1686). Văn bia có ghi vắn tắt về việc nhà sư Viên Quang bắt đầu xây nền, trong thì sửa sang động Hương Tích, ngoài thì mở mang chùa Thiên Trù. Sau được vua ban chức Hoà Thượng thuộc Tăng Lục ty, một viện tôn giáo đời Lê. Văn bia cũng nêu tên những người đóng góp xây dựng chùa, trong đó có tên hai phi tần, đều là vợ của Trịnh Căn, chúa thứ năm trong những đời chúa Trịnh. Tấm bia cổ này cũng mang một giá trị điêu khắc rất cao và được kể như hiếm quý ở nước ta.

Trong chùa Thiên Trù còn có nhiều bảo vật cổ phải kể đến chuông đúc vào thời Tây Sơn, năm Cảnh Thịnh thứ hai (1793). Quả chuông này trước để trong động Hương Tích, sau mới đưa ra Thiên Trù.

Quả thực ai đã đi chùa Hương, hay nói chung là Hương Sơn, ta không thể không đến chiêm ngưỡng cái đẹp, cái thanh thoát của chùa Thiên Trù.

Thi ca cũng đi vào chùa Thiên Trù rất nhiều:

*Tiếng đâu vắng vắng chuông vàng
Khói đâu nghi ngút mùi nhang Thiên Trù
Thuyền nan mấy mái chèo đưa
Một giây thẳng tới bến chùa bước lên*

*Lầu chuông gác trống đôi bên
Cửa rồng năm sắc, đài sen chín tầng
Muôn hồng nghìn tía tung bùng
Suối khe thét nhạc, thông rừng dạo sênh
Chim cúng trái, cá nghe kinh
Then hoa cài nguyệt, chầy kinh nện sương.*

(Trích bài “Hương Tích Hành Trình” của
Chu Mạnh Trinh-)

*Hỏi sơn thủy thanh cao mãi thế?
Hỏi cỏ cây nhuộm vẻ màu thu?
Hỏi hang, hỏi động, hỏi chùa?
Hỏi chim gõ mõ Thiên Trù mãi không?*

(Trích bài “Chơi Chùa Hương” của Dương
Lâm)

*Cao chót vót mấy tòa cổ sái
Ấy chi chi nọ trái Thiên Trù
Trắng trong gió mát một bầu
Ngắm phong cảnh Bồng hồ đâu đó tá?*

(Trích bài “Hương Sơn Phong Cảnh” của
Vũ Phạm Hàm)

*Chùa lấp sau rừng cây
(Thuyền ta đi một ngày)
Lên cửa chùa em thấy
Hơn một trăm ăn mày.*

*Em đi chàng theo sau
Em không dám đi mau,
Ngại chàng chê hấp tấp,*

Số gian nan không giàu.

*Thầy me đến điện thờ
Trầm hương khói tỏa mờ
Hương như là sao lạc,
Lớp sóng người lô nhô*

*Chen vào thật lắm công
Thầy me em lẽ xong
Quay về nhà ngang bảo
“Mai mới vào chùa Trong”*

*Chàng hai má đỏ hồng
Kêu với thằng tiểu đồng
Mang túi thơ bầu rượu:
“Mai ta vào chùa Trong”*

*Đêm hôm ấy em mừng!
Mùi trầm hương bay lừng
Em nằm nghe tiếng mõ
Rồi chim kêu trong rìng*

*Em mơ, em yêu đời
Mơ nhiều. . .Viết thế thôi,
Kẻ ai mà xem thấy
Nhìn em đến nức cười.*

*Em chưa tỉnh giấc nồng
Mây núi đã pha hồng
Thầy mẹ em sắp sửa
Vàng hương vào chùa Trong.*

(Trích bài “Chùa Hương” của Nguyễn
Nhược Pháp)

Khi đi qua sân sau của chùa, Mơ kể:

- Hồi độ 15 tuổi, em vào rừng hái mơ. Khi về ngang qua sân chùa sau này, em ngã lưng nơi bệ tháp thờ Đức Phật Bà. Em ngủ quên lúc nào không biết. Trời mưa to đổ xuống nhanh, chợt tỉnh dậy, người em đã ướt hết. Em phải vào bếp nhà chùa hơi ấm, đợi cho khô quần áo, và tạnh cơn mưa, em mới gánh mơ ra thuyền chèo về. Khi về tới nhà thì trời đã tối mịt. Thầy u (u là mẹ) em lo quá tưởng em đã bị cạp vồ.



Hình minh họa

Nghe đến đây, Thi nhe răng, đưa hai bàn tay ra phía trước như hai bàn tay cạp sắp vồ vào người Mơ:

- Cạp sắp ăn thịt chị Mơ này!

Mơ nắm ngay cánh tay Thi cản nhẹ:

- Chị Mơ ăn thịt cạp Thi này!

Thi kêu lên:

- Chị Mơ cản em đau quá! Đau quá! Chảy máu rồi này!

Mơ đứng ngây người ngạc nhiên và tỏ vẻ lo âu, trở mắt nhìn Thi.

Thi vội cười, nói:

- Em đùa chị thôi. Chị hiền lành và thật thà quá. Thấy chị hiền nên em muốn trêu chị cho vui, ai dè lại làm chị sợ. Cho em xin lỗi nhé!

Lúc đó Mơ mới hoàn hồn vội đánh vào tay Thi:

- Em làm chị sợ hết cả hồn!

Uyên mỉm cười, chỉ vào Thi:

- Chị Mơ sẽ còn phải chịu đựng tính trêu đùa và hay nhõng nhẽo của cái “cô bé” Thi này nhiều lần nữa cơ đấy.

Chúng tôi chuẩn bị rời chùa Thiên Trù để vào “chùa Trong.”



*Chùa Hương trời điểm lại trời tô
Một bức tranh tình trải mây Thu
Xuân lại xuân đi không dấu vết
Ai về ai nhớ vẫn thơm tho.*

*Nước tuôn ngòi biếc trong trong
vắt*

*Đá hỏm hang đen tối tối mờ.
Chón ấy muốn chơi còn mỗi gói
Phàm trần chưa biết, nhẩn nhe
cho.*

(Tản Đà)■

CHƯƠNG 7

Tuyến Chùa Hương Tích

Phần 7-2

CHÙA TIÊN – CHÙA GIẢI OAN –
ĐỀN CHẤN SONG –
CHÙA HƯƠNG TÍCH



Chúng tôi cùng cười vui vẻ tìm đường ra cổng chùa để tiếp tục cuộc hành trình vào “*chùa Trong*” tức vào chùa động Hương Tích.

Vừa ra khỏi cổng chùa Thiên Trù, tôi mời mọi người vào một quán cơm bên lề đường ăn bữa trưa cho no bụng rồi mới tiếp tục lên đường. Tôi cũng không quên mua cho mỗi người một vòng tràng hạt đeo cổ tay làm bằng một loại hạt trắng ngà to nhỉnh hơn hạt sen.

Tôi sang hàng khác, mua thêm một cặp nhẫn bằng đá, một chiếc màu nâu cho tôi, một chiếc màu xanh cẩm thạch và một chiếc vòng đeo tay cùng màu với nhẫn cho Thi. Tôi dấu ngay cặp nhẫn và chiếc vòng tay dành cho Thi vào trong ba-lô rồi vội vã bỏ đi.

Đi được một quãng ngắn trên đường dốc núi đá gồ ghề. Tôi ghé vào gian hàng mua cho mỗi người một cây gậy tre để chống và riêng cho Mơ một đôi dép cao su màu trắng hiệu “con hổ” ta thường thấy bán trong các chợ ở Hà Nội. Mơ nhất định từ chối không nhận đôi dép. Tôi phải lên mặt giận, Mơ mới chịu xỏ chân đi đôi dép ấy. Tôi biết Mơ không cần đi dép vì đây là con đường cô đi hàng ngày bằng đôi chân trần. Tuy nhiên tôi không muốn trông thấy cảnh chúng tôi đều đi sàng-đan da mà Mơ lại đi chân đất. Cái cảnh tượng khác biệt ấy thật khó nhìn.

Uyên như biết được thâm ý của tôi nên nắm lấy cánh tay tôi siết nhẹ biểu lộ sự đồng tình. Uyên nhìn

tôi mỉm cười, sẽ gặt gặt đầu một cách kín đáo để khen tôi đã làm được một việc tế nhị đáng làm.

Đường đá gồ ghề, chỉ cần lơ là không cẩn thận là bị hụt chân hay vấp ngã. Đường đi càng ngày càng nhỏ lại, càng ngày càng dốc cao. Chúng tôi đã băng được hai đoạn dốc nên cũng đã thấm mệt. Mơ đi với Uyên phía trước bỏ tôi và Thi lại phía sau. Tôi đi bên Thi để giúp đỡ Thi khi cần.

Tôi và Thi đi thêm đoạn ngắn nữa thì đã thấy Uyên và Mơ đứng đợi chúng tôi bên gốc cây hoa đại già bên đường. Mơ đề nghị:

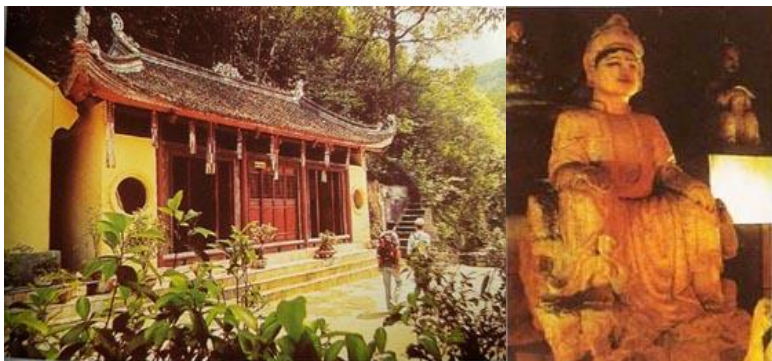
- Các anh chị nghỉ mệt một tí rồi chúng ta vào chùa Tiên.

Nhìn theo đường chim bay, chùa Tiên coi như kế cận chùa Thiên Trù mà đi thì lại mất tới hai cái dốc.



Đứng trên sân chùa Thiên Trù ta có thể thấy người leo dốc để vào chùa Tiên. Nói cách khác, khi ta lên hết dốc, qua Tam quan chùa Tiên, đứng trước động ta có thể nhìn xuống thấy toàn cảnh quần thể chùa Thiên Trù ở phía dưới và một vùng khá rộng gồm núi và thung lũng xung quanh.

Chùa Tiên nằm bên trong *động Tiên Sơn*. Động Tiên Sơn không sâu lắm cũng không rộng lắm, nhưng có vẻ bề thế. Thạch nhũ bên trong động đẹp và có nhiều hình thù phong phú. Chùa Tiên có lẽ cùng xây dựng đồng thời với chùa Thiên Trù và chùa động Hương Tích.



Chùa Tiên với tượng bà Chúa Ba

Cứ theo sử liệu của chùa, do một biến cố thiên nhiên đã vùi lấp động một thời gian. Nhân một hôm, có một người tiều phu đi đốn củi tìm lại được cửa hang động. Khi mò vào bên trong thấy nhiều hình người, sợ quá người đó liền về báo với dân làng.

Dân trong khu vực tới khám phá thêm thấy bên trong có tượng, có thạch nhũ như hình người và có cả phiến đá có đề thơ. Cứ theo văn bia và lời truyền miệng thì cũng thế, chỉ nói rõ hơn là người tiều phu đó thuộc người làng Yên Vĩ tìm ra cửa động vào năm Quý Mão (1903).

Bài thơ Nôm khắc trên đá gồm tám câu theo thể thơ Đường của Tĩnh Vương Trịnh Sâm đề năm

Canh Dần (1770). Như vậy là khi đó, động Tiên Sơn đã có và đã là nơi thờ phượng đẹp đẽ rồi.

*Chợt khỏi Thiên Trù, thoát rẽ lên
Che che cửa động một đường len
Chở mây quanh quất lồng hương Phật
Gỗ đá vang lừng trời nhạc Tiên
Bảo cái đùn đùn trên Bảo tọa
Kim quan chăm chăm trước kim liên
Thanh sa dẫu cũ còn di để
Quyển được xe loan biết mấy phen.*

(Trịnh Sâm, bài “Thăm Động Tiên Sơn”)

Cứ dựa vào bài thơ của Trịnh Sâm ta có thể biết được cái đẹp phong phú của những thạch nhũ trong động Tiên Sơn này. Nào trên chỗ Phật ngồi giống như có tàn có tán rủ xuống, nào nơi tòa sen có chỗ giống như mũ vàng, và có nhũ đá mỗi khi gõ vào nghe như trời nhạc Tiên.

Động Tiên Sơn ngày xưa chỉ có một cửa (*Che che cửa động một đường len*), nay cửa động được mở thành hai cửa.

Năm Giáp Thìn (1904), khi mở rộng cửa thì thu được ba phiến đá sáng như gương. Ba phiến đá này được dân Kiện Khê, tỉnh Hà Nam, tạc thành tượng năm Đinh Mùi (1907).

Hiện nay trên bàn thờ có năm pho tượng bằng đá trắng như ngọc thạch. Năm pho tượng này gồm gia đình Phật Bà Quán Âm Diệu Thiện, tục gọi là Bà Chúa Ba trong truyền thuyết. Ở ngay giữa là Phật

Bà. Phía sau Phật Bà là vua Diệu Trang Vương và Hoàng hậu tức là bố mẹ của Phật Bà. Phía trước Phật Bà là bà Diệu Thanh, cười sư tử xanh và bà Diệu Âm cười voi trắng, tức chị Cả và chị Hai của Bà Chúa Ba. Sau bao năm tu hành, trải qua bao thử thách, Bà Chúa Ba đã thành chính quả, sum họp với gia đình. (Xin đọc phần Phụ Lục - tiểu sử bà Chúa Ba.)

*Chùa Tiên mơ nở trắng
Khe động lách mình vào
Ngẩng đọc thơ chúa Trịnh
Chữ cũ đường lao xao.*

(Trích “Đi Chùa Hương” của Phạm Hồ)

Sau khi rời khỏi động Tiên, chúng tôi tiếp tục cuộc hành trình. Gió mát và cảnh vật đẹp chung quanh không đủ làm chúng tôi quên cái mệt của leo dốc núi.

*Lên cao, lên cao mãi
Chân mỗi tưởng đường xa
Đỉnh cao ngoài nhìn lại
Chùa Tiên vẫn cạnh ta.*

(Phạm Hồ)

Đường núi đá càng ngày càng dốc, có khi phải leo đến cả trăm bậc đá. Tôi thấy Thi đã hơi đuối sức, tôi vội bắt Thi đứng lại để tôi mang đỡ chiếc ba-lô trên lưng nàng. Thi không chịu. Nhưng tôi nói như ra lệnh "Đưa cho anh!" với nét mặt nghiêm nghị, vừa nói tôi vừa tụt tháo chiếc ba-lô ra khỏi vai Thi.

Thì thấy tôi nghiêm mặt nên không dám chống lại.
Thì nhìn tôi nhăn nhó:

- Em không muốn anh phải mệt vì mang nặng.
- Anh không mệt! Không được lười thôi!

Tôi đi vội lên phía trước với hai chiếc ba-lô, một trên lưng, một đeo trên vai. Thì lót tót bước theo tôi.

Bây giờ chúng tôi mới thấy cái tiện dụng của chiếc gậy chống. Nó giúp chúng tôi leo núi vừa đỡ mệt và bước đi vững chãi hơn nhiều.

Đường đã có những chỗ cheo leo, chênh vênh nguy hiểm, một bên là vực, một bên là triền núi. Tôi đi sát bên Thì để có phản ứng kịp thời, phòng khi Thì bị trượt chân hay vấp ngã.

Tới một con dốc ngoặt tôi bảo Thì dừng lại để nàng nghỉ mệt. Đứng bên Thì, dựa lưng vào vách đá để thở, nhìn thung lũng mờ phía dưới chân núi. Dù mệt nhưng vẫn thấy nó đẹp làm sao. Cảnh trí vừa hùng vĩ vừa rất nên thơ. Cây cỏ một màu xanh tươi. Núi đứng sừng sững mà vẫn không vương mắt. Đứng nghỉ một lúc, tôi hỏi Thì:

- Em còn mệt lắm không?
- Thế anh có mệt lắm không? Thì hỏi ngược lại tôi.
- Anh không mệt.
- Vậy chúng ta đi tiếp nhé! Thì đề nghị.
- Ừ!

Tôi nắm tay Thi dẫn đi. Hai bàn tay chúng tôi đan vào nhau cùng song bước. Chúng tôi nhìn nhau mỉm cười sung sướng, tràn đầy yêu thương và hạnh phúc. Thỉnh thoảng Thi đi sát vào người tôi, vừa ôm lỏng cánh tay tôi, vừa ngược nhìn tôi với ánh mắt đầy triu mến và chiêm ngưỡng. Tôi nói chiêm ngưỡng vì Thi đã tin tưởng vào người mình yêu có khả năng che chở được cho mình trong những lúc khó khăn. Tôi cứ cho là như thế và mỉm cười một mình với ý nghĩ đó. Lúc này đường đã xoay xoải dễ đi, thêm vào đó sức thanh niên lại hồi phục nhanh.

- Này Thi! em có biết mấy câu thơ này không ? Đây là tâm sự của cô gái 15 tuổi gặp và thầm yêu một chàng trai trên đường cùng đi trải hội chùa Hương.

*Làn gió thổi hây hây,
Em nghe tà áo bay,
Em tìm hơi chàng thổi,
Chàng ơi, chàng có hay?*

*Đường dây kia lên gò
Ta bước tựa vai cườì,
Yêu nhau, yêu nhau mãi
Đi, ta đi, chàng ôi!*

*Ngun ngút khói hương vàng
Say trong giấc mơ màng
Em cầu xin Giời Phật
Sao cho em lấy chàng!*

(“Chùa Hương” của Nguyễn Nhược Pháp)

Tôi vừa đọc xong đến đây, Thi “véo” nhẹ tôi cười khúc khích:

- Em không giống cô ấy!

- Ủ, em không giống, nhưng anh giống!

Thi lại “véo” tôi thêm một cái nữa, nhõng nhẽo:

- Anh ghê lắm đó!

Tôi hôn nhẹ lên mái tóc Thi. Thi vội ngược lên nhìn tôi hốt hoảng:

- Đừng anh! Chị Uyên trông thấy thì ngượng lắm!

Tôi và Thi buông tay nhau, tiếp tục bước đi, nhưng bây giờ cả hai chúng tôi đều cảm thấy như quên hết cả mệt nhọc mà chỉ sợ con đường còn lại sẽ trở nên quá ngắn để được đi bên nhau như thế này lâu hơn.

Chúng tôi tiếp tục đồ dốc xuống con đường bằng phẳng hơn. Uyên và Mơ đang đợi chúng tôi không xa ở phía trước. Thi bỏ tôi, đi vội về phía hai người.

Thi hỏi:

- Hai chị có mệt không?

- Không! Uyên trả lời. Có chị Mơ cùng đi nói chuyện vui nên chị đi nhanh lắm.

Tôi cũng vừa trò tới. Mơ lên tiếng:

- Chúng ta chuẩn bị để vào thăm chùa Giải Oan ở phía trước kia nhé. Tối đó có quán hàng nước, chúng ta nghỉ chân luôn thể.

Uyên và Mơ tự động tách ra đi lên trên, tôi và Thi thành một cặp đi phía sau. Nhìn khuôn mặt rạng rỡ của Thi, đôi má ửng hồng với đôi mắt sáng thông minh, cặp môi lúc nào cũng đỏ hồng một cách tự nhiên, những hạt mồ hôi còn lấm tấm trên trán với vài sợi tóc dài dính trên đó, tôi buột miệng khen:

- Đẹp!

- Ai đẹp?

- Anh! Tôi trả lời đùa rồi chỉ ngón tay vào mình.

- Ha! Ha! Anh hỏi chị Mơ đi, chị ấy là người thật thà đấy!

Nói xong câu ấy, Thi cười vang. Tiếng cười vang xa làm Uyên và Mơ đi phía trước quay lại nhìn. Thi im ngay. Tiện tay, nàng “véo” nhẹ vào cánh tay tôi:

- Em ghét anh lắm!

Con gái thật buồn cười. Ai mà hiểu nổi. Thi đang nghĩ gì mà nàng lại nói ra một câu có vẻ “lạc đề” đến thế. Hay nàng đang chống thẹn vì tự thấy mình cười to quá làm Uyên và Mơ quay lại. Ai mà biết? Không lý giải nổi nên tôi đành lờ. “Lờ” hay “phớt lờ” hay “phớt tình Ăng-lê” luôn là một giải pháp khôn ngoan nhất khi người con gái trở nên khó hiểu. “Lờ” cũng trở thành một chân lý bất biến

không thể đổi
khác được trong
những trường
hợp khó xử nữa.

Chẳng còn
mấy bước,
chúng tôi đã
đứng trước
cửa Chùa Giải



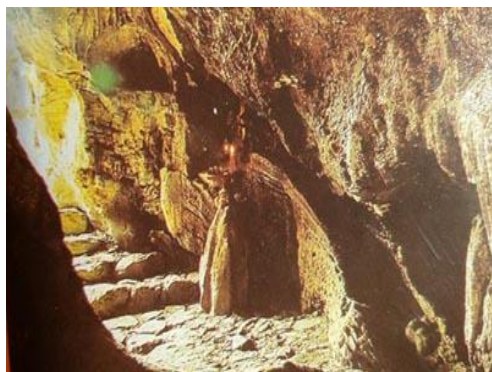
Chùa Giải Oan

Oan nằm ở quãng giữa đường kể từ chùa Thiên Trù và động Hương Tích.

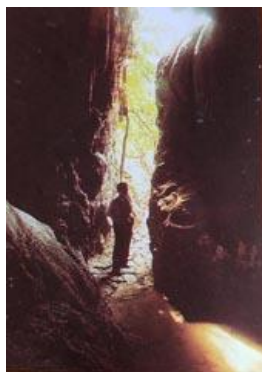
Chúng tôi ngồi nghỉ chân ngay quán nước bên cạnh chùa, uống bát nước chè xanh. Tôi mời Mơ thêm một cốc “nước mơ” màu vàng chanh đựng trong một hũ thủy tinh lớn. Những quả mơ nổi lênh bênh trong hũ thủy tinh trông thật hấp dẫn làm sao. Nước mơ là một loại nước giải khát tốt, có dược tính cao. Chúng tôi không quen uống nước này nên sợ bị đau bụng.

Chùa Giải Oan ở lưng chừng núi, thấp và dài, có ba cửa uốn cong. Trên cửa chùa có bốn đại tự “*Giải Oan Khê tự*” tức chùa suối Giải Oan. Trước chùa trồng nhiều cây hoa đại cổ thụ. Trong lòng chùa có một khe đá khá rộng như một “bể nước” để chứa nước từ dòng suối, qua khe núi chảy vào. Vào mùa nước, bể đầy nước. Khách hành hương ghé vào chùa cầu xin, rồi lấy nước trong bể để uống, rửa mặt hay đem về lấy phước. Người ta còn vớt tiền xuống bể

nước để cầu xin tài lộc. Vào mùa khô cạn, nhà chùa phải gánh nước đổ vào đấy.



Động Tuyết Kinh



Am Phật Tích

Mùa mưa, nước đổ như thác từ trên núi đổ ào ào vào chín ngọn suối trước chùa gọi là suối Cửu Long Tuyền hay là suối Giải Oan. Ngay cửa suối có một phiến đá tạc bốn chữ “*Kỳ Sơn Thủy Tú*”, đó là bút tích của Trịnh Sâm, đề năm Canh Dần (1770).

Truyền thuyết suối Giải Oan được kể rằng:

Bà Chúa Ba, công chúa thứ ba của vua Diệu Trang, quyết định theo việc tu hành cầu mong đắc đạo. Nhiều phen vua cha ngăn cấm không được bèn ra lệnh phóng hỏa đốt chùa. Bỗng hùm thiêng phóng đến cứu Bà Chúa Ba chạy về núi này.

*Quan quân áp đến xông xao
Bỗng đâu mãnh hổ rẽ vào tha đi.*

Từ trên mình hổ bước xuống, Bà để lại dấu chân trên đá, người ta lập một cái am thờ nơi đó gọi là *am Phật Tích*, còn gọi là *động Thanh U*. Chỗ bà tắm gội

để rửa oan thì thành chùa Giải Oan. Gần chùa Giải Oan có *động Tuyết Quỳnh* hay *Tuyết Kinh*.

Từ chùa Giải Oan, chúng tôi đi thêm một quãng nữa thì tới *đền Chấn Song* hay *đền Cửa Vồng*. Gọi là đền Chấn Song vì ngay cửa động trông giống như cái cửa sổ có chấn song để bảo vệ động. Còn gọi là *đền Cửa Vồng* vì trước đây, trước cửa động có những loại cây leo kết lại như cái vồng.



Đền Chấn Song (Đền Cửa Vồng)
(Đền thờ Chúa Đệ Nhị Thượng Ngàn)

Bên trong đền vẫn còn tượng Bà Chúa “*Thượng Ngàn*” tức bà chúa canh giữ rừng. Tượng bà ngoảnh mặt ra ngoài. Ở đền này thường diễn ra cảnh lên đồng, có hát chầu văn.

Qua đền Chấn Song, đường đi lại bắt đầu phải leo lên dốc cao bằng những bậc đá xếp. Đường đi càng gần động Hương Tích dốc càng cao. Thi và Uyên cứ đi được một khúc đường thì phải đứng lại nghỉ để thở. Mơ đã mang hộ cho Uyên chiếc ba-lô vậy mà Mơ vẫn cứ đi thoăn thoắt. Tới chỗ khó leo Mơ dìu Uyên vượt qua chỗ ấy.

Tôi thấy mọi người đã cởi hết áo len tự bao giờ. Và mặc dù trời có những cơn gió mát lạnh của mùa

Xuân tôi vẫn thấy trên mặt Thi lấm tấm đỏ mồ hôi. Thi phải lấy vạt áo dài để lau. Tôi cố vượt lên nhanh cho kịp Uyên. Mơ dùng nón để quạt, đứng nhìn chúng tôi tùm tùm cười.

Chiếc gậy chống lúc này thật đặc dụng, đặc dụng hơn lúc ở khúc đường núi gần chùa Thiên Trù. Tôi nghĩ bụng nếu chúng tôi không có những chiếc gậy này chắc còn phải vất vả hơn nhiều.

Đường mây đá cheo leo

Hoa đỏ, tím, vàng leo

Vì thương me quá mệt

Săn sóc chàng đi theo

Me bảo: "Đường còn lâu

Cứ vừa đi ta cầu

Quan-thế-âm-bồ-tát

Là tha hồ đi mau"

(Trích "Chùa Hương" của Nguyễn Nhược Pháp)

Đến đây, con đường dài đến động Hương Tích cũng đã được thu ngắn lại nhiều. Chúng tôi phải leo lên một cái dốc thật cao nữa như một thử thách cuối cùng. Khi vừa tới đỉnh dốc, chúng tôi cùng đứng lại nghỉ chân. Tôi lấy trong ba-lô ra ba chai "nước suối" mang theo từ nhà. Tôi chia cho Uyên và Mơ mỗi người một chai, tôi và Thi uống chung. Vừa leo dốc mệt, lại vừa khát nên không ai từ chối. Uống xong thấy tỉnh cả người. Bây giờ mọi người mới nhìn nhau cười nói. Tôi lấy trái cây đưa cho mọi người

nhưng đều bị từ chối trừ Thi lấy một quả quýt, chia tôi một nửa.

Chúng tôi đi thêm quãng ngắn nữa thì tới cổng vào *chùa Hương*. Vì chùa Hương nằm trong *động Hương Tích*, do đó chùa Hương còn được gọi là *chùa Hương Tích*. Mà chùa Hương là “trọng điểm” của quần thể vùng Hương Sơn gồm cả hệ thống dãy núi Hương Sơn, sông Đáy, suối Yến và hàng chục hang động, hàng chục chùa chiền hay chùa động (chùa trong động) thuộc khu vực rộng chừng 6 cây số vuông này. Vì là “trọng điểm” nên khi ta nói đi xem thắng cảnh hay *đi hành hương chùa Hương* là ta muốn nói chung đến cả cái quần thể Hương Sơn. Nhưng có cái khác biệt, khi ta đi thăm hết cả quần thể Hương Sơn mà không đến chùa Hương Tích hay động Hương Tích này thì ta chưa có thể nói là ta đã đến được Hương Sơn. Ngược lại, nếu ta chỉ cần đến động Hương Tích không thôi, ta cũng có thể đủ để nói là ta đã đi đến Hương Sơn rồi.

Vì cái tính chất quan trọng và đặc thù đó nên *tuyến đường từ Bến Đục đến động Hương Tích luôn luôn là tuyến đường chính*, mặc dù ta còn hai tuyến đường khác nữa không kém phần ngoạn mục là tuyến đến chùa Hình Bồng và tuyến đến chùa Tuyết Sơn.

Nói đến hội chùa Hương, ấy chính là nói đến sự quần tụ đông đảo của du khách và khách hành hương đến động Hương Tích này đây. Họ đến đây

để thưởng ngoạn cảnh thiên nhiên kỳ thú cũng có, để lễ Phật Bà tức Bà Chúa Ba với lòng thành kính tín ngưỡng cũng có và đến để cầu xin cũng có. Mặc dù nhiều người đến đây với nhiều mục đích khác nhau, nhưng kẻ đến để cầu xin thì chiếm số đông hơn cả nên hội chùa Hương còn được gọi là “*hội Cầu May*”.

Quả núi có động Hương Tích là quả núi cao thứ hai của hệ thống núi vôi Hương Sơn, sau núi Bà Lồ ở phía trước núi chùa Hương, ở đây có ngôi chùa cổ nhưng nay đã đổ nát.



Cổng chùa Hương làm bằng đá, được làm từ năm Giáp Dần (1914) đến năm Ất Mão (1915) do thợ Kiện Khê đẽo đục. Từ cổng chùa ta nhìn xuống một khoảng đất sâu, bằng phẳng ở phía trước động được gọi là Thung Châu vì “thung” này có một hòn núi tròn nhỏ được ví như là viên “*ngọc châu*” do rồng nhả ra. Nếu ta đứng ở cổng chùa nhìn xuống thì quả thật cửa động Hương Tích giống như “miệng con rồng” đang há to ra. Cửa động có hình dáng đều đặn và cân đối.

Mơ cho biết vào ngày lễ hội chùa Hương, cứ đứng từ trên độ cao của cổng nhìn xuống cửa động, khói hương từ trong động tỏa ra trông như một lớp

sương mù phủ lấy cửa động và những âm thanh trầm trầm, ù ù, của tiếng cầu kinh xen lẫn tiếng ồn ào của đám đông người cũng từ trong đó vang xa tới đây.

Chung quanh động phủ một màu xanh tươi của cây rừng, lại điểm thêm màu sắc của những chùm hoa dại đủ loại, cùng phảng phất hương thơm của những cây lan rừng làm cho cảnh vật trở nên hòa ái trong tiếng chuông tiếng mõ.

Để tới cửa động, chúng tôi phải đi xuống với 120 bậc đá, hai bên là những bụi cây rừng. Khi vừa tới cửa động thì đập ngay vào mắt một hàng chữ gồm năm chữ Nho lớn, tạc trên một mảng đá phẳng, nằm ở trên cao, ngay phía bên cánh trái cửa động. Ấy là năm chữ “*Nam Thiên Đệ Nhất Động*”, bút tích của Trịnh Sâm viết vào tháng Ba năm Canh Dần (1770). Một quả chuông đồng được treo trên giá gỗ đặt dưới đất ngay ngoài cửa động cùng nằm bên phía trái với năm chữ Nho của Trịnh Sâm.

Từ cửa động bước vào, ta thấy có một cột đá thật to, người ta gọi nó là “*đụn gạo*”. Theo phong thủy, cột đá này được ví như “lưỡi rồng” trong miệng con rồng. Bên cạnh “đụn gạo” có một chỗ nền đá bị trũng gọi là “*cối giã gạo*”. Trước “đụn gạo”, nghe nói trước đây còn có một chiếc cầu gọi là cầu Bạch, nay không còn nữa mà chỉ có trong thơ.

Xuân xa, cầu Bạch vắng chân giày

(Trích “Mười Khúc Vịnh Hương Sơn” của
Cao Bá Quát do Đào Văn Bình dịch)

*Dưới cầu Bạch trong veo đáy nước
Núi Bình Phong đứng giữa Phật đình.*

(Trích “Hương Sơn Phong Cảnh” của Vũ
Phạm Hàm)

Đi sâu thêm vài bước nữa, ta thấy một khối thạch nhũ to tròn từ trên nóc động phủ xuống có hình dáng như một nhũ hoa đàn bà, có nước từ khe núi chảy xuống nên khối thạch nhũ này có tên là “*bầu sữa mẹ*”. Khu vực này có nhiều giọt nước đọng từ trên nóc động nhỏ xuống như mưa nhẹ.

*Cửa chùa cách một tiếng chân
Trong mưa, ngoài tạnh như ngăn nửa trời.*

(Trích “Nhật Trình” của Nguyễn Thấu).

Khách hành hương hay tới đây hứng nước từ “*bầu sữa mẹ*” nhỏ xuống để lấy phước. Cũng có người coi nước đó như thần dược, thuốc tiên, lấy về để chữa bệnh.

Bên cạnh “*Bầu sữa mẹ*” có hai khối đá con nhẵn trông giống như hai đứa trẻ con bò. Hòn lớn gọi là “*cậu*”, hòn nhỏ hơn gọi là “*cô*”. Những ai hiếm muộn đến đây xoa đầu “*cô*” hoặc “*cậu*” tùy theo ước muốn có con trai hay con gái. Người ta tin rằng làm như thế, các “*cô*” các “*cậu*” sẽ theo mình về nhà làm con. Mọi vật thể trong động này đều được linh thiêng hóa theo lòng tin tôn giáo của mỗi người.

Vào sâu thêm trong động ta thấy một bệ thờ bằng đá có nhiều tượng Phật. Bệ thờ này, bốn góc

có trạm bốn người đàn ông cỡi trần, đóng khổ, hai tay chống lên bệ đá như đang đỡ bệ đá lên. Bệ đá này được hai cung tần nhà họ Trịnh cúng vào chùa.



“Bầu sữa mẹ”



Tượng Phật Bà

Trên bệ thờ có một bức *tượng Phật Bà* tức Bà Chúa Ba được tạc bằng đá xanh. Đây là công trình nghệ thuật tạc đá cao và độc đáo, độc đáo vì hoàn toàn mang sắc thái Việt nam, hay nói khác đi là Việt Nam hóa hình tượng của Phật Bà khác hẳn với những tượng Phật Bà có tính cách ước lệ mà ta thường thấy ở các chùa chiền khác ở nước ta. Bức tượng này có thể coi như là tượng đẹp nhất trong tất cả các tượng Phật thuộc quần thể Hương Sơn. Tượng được khắc năm Quý Sửu (1793), đời Tây Sơn-Cảnh Thịnh năm thứ hai. Tượng này do một viên quan võ tên Nguyễn Huy Nhật và vợ là Nguyễn Thị Huệ cúng tặng chùa. Tổ tiên của ông Nguyễn

Huy Nhật cũng cúng chùa Hương Tích một pho tượng đồng to lắm. Nhưng đến năm Bính Ngọ (1786), Nguyễn Hữu Chinh, người theo Tây Sơn sau chuyên quyền muốn lập lại Vương quyền cho mình như các chúa Trịnh trước đó, trong khi thiếu đồng để đúc thêm tiền, Chinh đã cho đi thu hết đồng ở các chùa chiền đem về kinh để đúc tiền. Chùa Hương không còn tượng nào bằng đồng. Tới năm Quý Sửu (1793) mới có tượng Phật Bà tạc bằng đá xanh thay thế. Bức tượng đá được mô tả như sau:

⁽¹⁾[Pho tượng có dáng người thon thon, mặt hơi trái xoan, cổ cao ba ngón, đầu đội mũ Từ ly (tức mũ của Bồ Tát) nhưng lại có búi tóc và tóc mai, sau lưng cũng có hai món tóc buông xuống. Tà áo mềm mại. Chỗ ngồi giống như một tảng đá sù sì, lại cũng giống như một gốc cổ thụ. Chân trái để trần, đặt lên một bông sen nở. Chân phải co lên. Hai chân co duỗi thật thoải mái. Tay phải dựa vào chỗ gồ lên của tảng đá, tay trái cầm một viên minh châu. Bên cạnh bông hoa sen dưới chân, lá sen tỏa ra mềm mại như có gió lay động]⁽¹⁾

*Mũ phật không che kín tóc dài
Dầu lòng công chúa thoát trần ai
Cà sa, nếp áo trang nghiêm ấy
Thấp thoáng còn lay ngọn gió đời*

⁽¹⁾ Những đoạn trong dấu ngoặc [] được trích nguyên văn từ cuốn “Thắng Cảnh Hương Sơn” của tác giả Trần Lê Văn.

*Tựa gốc cây già như đá núi
Phật buông chân xuống chạm đầm sen
Lá sen mềm tỏa, bông sen nở
Phảng phất đưa hương mùa hạ quen...*

*Người trước theo nhau đến khấn nguyện
Kể cùng Bồ Tát nỗi niềm riêng
Trông vời ảo ảnh qua hương khói
Ai có tìm ra một phép thiêng?*

(Trích “Đá Xanh Tượng Phật” của Trần Lê Văn)

Phía trong cùng động còn có hình tượng của thạch nhũ được đặt tên như là “*cây tiên*”, “*cây bạc*” vì có vẩy thạch nhũ lấp lánh. Lại có cả “*chuồng trâu bò*”, “*chuồng lợn*”, “*ao cá*”. Người nào muốn cầu xin cho nhà mình, chuồng trâu bò có nhiều trâu bò, chuồng lợn có nhiều lợn, ao cá có nhiều cá thì cứ tới nơi đó cầu xin. Ấu cũng chỉ là mê tín trong dân gian nhưng đó lại chính là nếp sống *tín ngưỡng phồn thực*, khát vọng sự sinh sôi nảy nở, mong cầu có của ăn, của để. Sự khát vọng đó đã ăn sâu vào trong tâm thức đời thường của mọi người dân ta.

Trong động có cả “*đường lên giới*”, đó là khe núi thông lên phía trên có ánh sáng lọt vào. “*Đường xuống âm phủ*” là khe đá ăn sâu xuống đất, nhìn xuống thấy sâu thăm thẳm.

Khi chúng tôi trở ra khỏi động thì thấy Thi đang xoa tay lên những cục đá “*cô*”, đá “*cậu*”.

Mơ cười to hỏi Thi:

- Thi, em làm cái gì đấy?

- Em đang xoa lấy phước, nước ở đây mát lắm.

- Em có biết là em đang cầu xin có được nhiều con không? Những người hiếm muộn thường đến đây xoa đầu những hòn đá đỏ để cầu xin các “cô”, các “cậu” theo mình về nhà làm con. Em chưa có chồng thì cần gì phải cầu?

- Em đâu có biết! Thi vừa nói vừa chạy vội ra ngoài.

Mọi người trong chúng tôi cười ồ. Tôi nói nhỏ vào tai Thi:

- Chết em rồi! Tối nay các “cô” các “cậu” theo về, chui vào bụng “lúc nha, lúc nhúc”, lại gãi rốn em nữa, buồn lắm đấy.

Thi cười rồi xoa xoa tay vào bụng mình.

Tôi nói nhanh như sợ ai nghe thấy:

- Anh muốn có nhiều con!

- Đây này! Cho anh đây! Thi đưa tay xuống bụng mình, giả “vốc” một nắm “cô, cậu” rồi bỏ sang bụng tôi. Nói xong Thi cười cười, bỏ đi ra chỗ khác.

*Quanh quần hoài trong động
Chân mỗi chẳng muốn ra
Một mùi hương quá khứ
Thấm dần vào hồn ta...*

(Phạm Hồ)

Tôi đợi Uyên lễ Phật xong, chúng tôi cùng ra khỏi động. Thi lễ đổ theo sau.

Trời đã xế bóng ngả sang chiều. Chúng tôi trở lại chỗ dấu mấy cây gậy, cầm chúng theo để dùng trên đường về. Vừa được nghỉ ngơi, vừa có gậy chống nên công việc leo lên 120 bậc thang đá từ cửa động lên cổng chùa cũng không lấy gì làm khó khăn lắm.

Đường từ chùa Thiên Trù lên chùa Hương phải lên dốc nhiều vì Chùa Hương ở trên động núi cao. Nay đường đi từ chùa Hương trở về chùa Thiên Trù thì đồ dốc nên dù đường có gồ ghề, khúc khuỷu, cũng vẫn ít mệt hơn nhiều.

Chúng tôi vừa đi vừa ngắm cảnh lúc hoàng hôn. Sáng sớm có cái đẹp vui tươi, cảnh vật như mới choàng tỉnh dậy, chim hót líu lo. Trưa có cái đẹp của trưa, nắng mát chiếu phủ xuống những tầng cây, bãi cỏ; toả xuống thung lũng mờ trắng như trắng cả chân mây. Mờ cũng con gọi là mai.

*Mai nở trắng cành-mai hội hoa
Sườn non gần gũi, thung xa xa
Xôn xao khắp núi như vui chuyện
Lời lá, lời hoa, lời gió qua...*

(Trích “Mùa Hội” của Bế Kiến Quốc)

Buổi chiều có cái đẹp của một chút gì phẳng phát của lắng đọng, êm đềm.

*Bóng tà chim nháo nhác
Cây um, vượn líu lo*

*Nào nghe bông thụy nở
Chỉ thấy đám mây mờ.*

(Trích “Vịnh Hương Sơn” của Bùi Di do
Đào Ngọc Bình dịch)

May mắn là hôm nay trời đẹp, chúng tôi không bị cơn mưa nào. Nếu gặp cơn mưa đổ xuống, dù nhỏ lất phất cũng đủ sẽ làm đường đi trở nên ướt át và trơn trượt, khó đi.

Khi về qua chùa Giải Oan, chúng tôi cũng lại dừng chân dùng nước giải khát tại quán hàng bên chùa rồi mới đi tiếp. Thật sự khoảng cách giữa Thiên Trù (chùa Ngoài) tới chùa Hương Tích (chùa Trong) chỉ hơn hai cây số một tý, nhưng vì đường vòng vèo, khúc khuỷu, gồ ghề, lên dốc, xuống dốc, lại bị trơn trượt nếu có trời mưa nên thời gian đi phải mất khá nhiều.

Tôi đi lặng lẽ bên Thi. Tôi đưa tay sang nắm lấy tay Thi cùng song bước.

*Em không nói, anh cũng đi yên lặng
Đường mây xuyên sơn mây tỏa chân chùa...
Nay ta đến đây cùng sánh vai hạnh phúc
Động chùa xưa đã ảm ngát hương trầm
Phật cũng mỉm cười trong nền hương chói
rực
Cuộc đời này, ta ước đã ngàn năm.*

(Trích “Hội Chùa Hương” của Anh Thơ)

Nhìn sang Thi, tôi thấy nàng trong sáng quá và cũng hồn nhiên quá. Thi ngược mặt lên nhìn tôi nũng nịu, hai tay nàng bóp nhẹ tay tôi hỏi:

- Anh...! Mặt em bầm lấm hả? Sao anh cứ nhìn em?

- Không! Tôi định khen Thi “Em đẹp lắm” nhưng rồi thôi.

Chúng tôi lại lặng lẽ đi bên nhau.

*Nơi bụi trúc dẫn đường
Chim cu gù lạc lối
Nơi nhành mai vẫy gọi
Thung lũng trắng bay hương*

*Hạnh phúc cũng là đây
Khi tình anh đã tới
Nhũ đá tình yêu bày
Hang chùa Trong mát rượi*

*Thôi anh đưa em về
Thuyền yêu ta đã giục
Chùa Trong ra Bến Đục
Nắng chiều đang dần mê . . .*

*Suối Yén đợi chờ ta
Trời sao buông thạch nhũ
Đêm như . . . chùa Hương mở
Ở trên đầu hai ta.*

(Trích “Đi Trong Hương Chùa Hương” của
Chế Lan Viên)

Về tới bến dò Trò, tức bến dò Thiên Trù, chúng tôi hy vọng sẽ về đến bến Đục sớm để còn có thì giờ đi thuê nhà trọ.

Chúng tôi đứng đợi ở bến dò để chờ Mơ đi lấy thuyền. Mơ cứ đi thoăn thoắt như chạy và chúng tôi cảm thấy may mắn đã có cô đi theo nên cuộc đi chơi trở nên vui hẳn lên nhiều.

Mơ đã chèo thuyền tới, chúng tôi cùng lên thuyền. Cô lại làm công việc của mình đưa chúng tôi trở lại bến dò Yên. Mơ đứng chèo ở dưới đuôi thuyền, nhìn trời mênh mông và im lặng không nói câu nào với chúng tôi. Vẻ mặt buồn buồn.

Cả ba chúng tôi đều nhận ra điều ấy nhưng không ai dám lên tiếng hỏi nguyên cớ tại sao. Để phá cái không khí im lặng ấy, tôi lên tiếng hỏi:

- Các cô có biết là rặng đá vôi này có từ bao giờ? Và con người có mặt ở khu vực này từ bao lâu rồi không?

Không đợi câu trả lời của mọi người tôi nói tiếp:

- Dãy núi vôi Hương Sơn được thành hình cách đây khoảng hơn 200 triệu năm. Do sự biến đổi trời sục của địa chất nên những dãy núi đá vôi, những thung lũng chung quanh, cũng như cánh đồng chiêm này được thành hình. Còn bên trong, núi nứt thành khe, mưa theo khe chảy vào chỗ trũng, nước có khả năng ăn mòn và hòa tan đá để thành động. Với hàng triệu năm, hay hàng chục vạn năm, chất vôi theo nước tạo thành nhũ đá. Nhũ đá từ trên trần chảy

xuống gọi là “vú”, từ dưới đất mọc lên được gọi là “măng”. “Vú” và “măng” dính vào nhau gọi là “cột”.

Nước mưa từ trên núi đổ xuống, ngoài ra nước dưới đất lại có những mạch ngầm tụ lại chảy thành sông, thành suối. Nếu nơi đất nào có đá vôi già không ngấm nước nhiều thì tạo thành những dòng suối chảy trên mặt như suối Yến này.

Tôi ngừng lại để nhìn mọi người rồi nói tiếp và tôi biết rõ trong số các cô chỉ có Uyên là chịu lắng nghe:

- Về chuyện loài người có mặt trên vùng đất Hương Sơn này từ bao giờ thì anh chỉ dám văn tắt như thế này: Chúng ta biết rằng, vùng núi đá vôi này có nhiều động. Mà người tiền sử thì sống trong hang động. Các nhà khảo cổ đã tìm thấy “riêu đá” của thời văn minh Hòa Bình-Bắc Sơn nên đã chứng minh là từ hơn 10 nghìn năm nay đã có mặt của dân định cư trên khu vực này rồi. Và ta cũng nên biết trong thời gian trước “biển tiến” và “biển lùi”, vùng này có thể đã có nền “văn minh lúa nước” đã được phát triển trên những cánh đồng chiêm của Hương Sơn. Ngoài ra, từ những di chỉ khảo cổ vùng này, người ta đã tìm ra được vài trống đồng nằm rải rác ở vùng Hương Sơn. Điều này chứng tỏ vào thời các đời vua Hùng Vương, khu vực này đã có đông dân cư. Và có điều cũng dễ hiểu thêm là trong đền Trình có tượng thờ vị tướng quân thời các vua Hùng. Người

ta đã khám phá ra động Hương Tích này vào khoảng 2000 năm rồi.

Mơ bây giờ mới lên tiếng:

- Em xấu hổ quá vì em không hiểu nổi những điều anh nói!

- Cô Mơ ơi! Tôi cũng xấu hổ quá vì tôi không biết chèo thuyền và không biết nhiều về Hương Sơn như cô. Tôi trả lời.

Mơ nghe tôi nói, cứ cười khanh khách:

- Anh khéo thật! Các anh chị đứng là người ở Hà nội.

Tôi có dịp làm vui Mơ. Tôi nói:

- Này cô Mơ này! Tôi đọc cho cô nghe mấy câu thơ của những thi nhân đi qua đây chơi, viết tặng cho những cô lái đò xinh đẹp nhé.

*Cô lái ơi, đò cô đu vồng,
Nhịp thò bông bênh xuôi nước trời xuân,
Làn tóc mai bay nhẹ lâng lâng
Như cuốn theo những hoa chào chim nói...*

(Trích “Giã Từ Hương Tích” của Yến Lan)

*Mắt ai xanh bên Yến,
Bướm người: áo trắng tinh,
Tay cầm chèo cô lái
Dáng chờ nhìn đến xinh.*

(Trích “Đi Chùa Hương” của Phạm Hồ)

Uyên và Thi nhìn Mơ đồng vỗ tay reo:

- Nhà thơ viết về chị Mơ đấy! Chị Mơ làm các ông nhà thơ mê tí.

Mơ cứ cười tí cả mắt:

- Không phải là em! Không phải là em đâu!

Chúng tôi cùng cười rộ trêu Mơ làm Mơ cứ cười mãi.

Câu chuyện giữa chúng tôi lại nổ ran, trọng tâm là nhắm mũi dùi vào Mơ.

Thuyền đã đi ngang qua đèn Trình, chẳng còn bao lâu nữa chúng tôi phải chia tay với Mơ. Mơ hiện vẻ buồn trên nét mặt. Uyên lên tiếng hỏi:

- Sao chị Mơ đang vui lại chợt buồn thế?

Mơ ghen ngào trả lời:

- Em sắp sửa phải chia tay các anh chị rồi. Ai về nhà đấy. Hôm nay em được đi chơi với các anh chị, vui quá. Bao giờ mới có cơ duyên gặp lại các anh chị lần nữa để cùng đi chơi với nhau như ngày hôm nay.

Cả ba chúng tôi đều cảm thấy buồn ngủi và cảm động trước tấm lòng ưu ái của Mơ. Tôi lên tiếng:

- Hay ngày mai, nếu có rảnh, cô Mơ lại đưa thuyền cho chúng tôi đi chơi thêm được không?

Mơ vui mừng như muốn nhảy lên:

- Các anh chị còn ở lại đây chơi tới ngày mai nữa à?

Uyên trả lời:

- Vâng chúng em định ở thêm một ngày để đi thăm cho biết rõ Hương Sơn hơn. Chẳng mấy khi có dịp về đây.

Mơ hỏi nhanh:

- Thế tối nay anh chị định ngủ trọ hay có người nhà ạ?

Uyên trả lời:

- Chúng em định ra thuê phòng trọ ở Bến Đục.

Mơ tíu tít:

- Em đề nghị thế này. Em mời các anh chị về nhà em ngủ cho đỡ tốn tiền. Nhà em nay có hai buồng trống. Mẹ em và thằng Sơn, em trai của em, đi ra thị xã Hà Đông thăm ông chú em bị ốm, ngày kia mới về. Thôi về nhà em ngủ đi. Em nấu canh sắng với củ mài cho anh và các chị ăn. Em nấu cơm cũng ngon lắm đấy.

Chúng tôi cứ ngần ngừ chưa quyết định thế nào thì thuyền đã tới bến Yên. Mơ nhảy lên bờ, chặn lại không cho chúng tôi xuống thuyền:

- Nếu các anh chị không về ở nhà em, em không cho các anh chị xuống thuyền đâu!

Chúng tôi biết tính Mơ thật thà như đếm. Cô mời như thế là mời thật lòng. Mơ dành cho chúng tôi tấm lòng ưu ái như thế nên cũng khó từ chối.

Tôi trả lời Mơ:

- Ừ, thôi mình đã là người nhà, cô Mơ cho chúng tôi ngủ nhờ một đêm nhé. Ngày mai chúng ta đi chơi chung với nhau cho tiện.

Nghe thấy tôi nói thế, Mơ nhanh nhẩu kéo thuyền vào bờ cho chúng tôi lên.

Sau khi neo thuyền, Mơ lon ton đi lên phía trước dẫn đường. Đi khoảng trăm bước từ bến Yển, rẽ trái vào một ngõ nhỏ, và cũng chỉ độ năm chục bước nữa là tới nhà Mơ.

Nhà Mơ, mới trông thoáng bên ngoài, chúng tôi đã thấy khang trang và rộng rãi lắm. Mái nhà đều lợp bằng ngói đã cũ kỹ rêu phong. Hai bên cổng vào, phía bên ngoài, là hai cây hoa ngâu khá to được trồng trong chậu sành lớn. Qua cổng gỗ hai cánh có mái thì tới sân gạch sạch sẽ và tiếp tới là ngôi nhà trên có bậc tam cấp. Hai bên bậc thềm tam cấp có hai chậu trồng cây cảnh (kiểng) uốn. Từ phía cổng bước vào, bên trái của sân là nhà ngang, bên phải của sân là nhà bếp và nhà tắm lộ thiên được xây bằng gạch nằm bên hông nhà bếp. Cuối sân có bể nước. Bên cạnh bể nước là hai chum sành màu nâu đen với cặp gáo dừa bắt ngang miệng chum.

Đây là căn nhà có dáng vẻ kiến trúc tiêu biểu của giới trung lưu thuộc làng xã miền Bắc. Vào tới gian nhà chính, nhà gồm ba gian hai trái. Tôi khen:

- Nhà cô Mơ đẹp quá!

Mơ vừa mời chúng tôi ngồi chơi ở nhà trên vừa nói:

- Đây là nhà của ông bà ngoại em để lại cho thầy u em trước khi mất. Nay nhà em nghèo lắm nên chỉ còn có cái xác nhà đó thôi. Thầy em đi làm xa trên mạn ngược, vài tháng mới về nhà một lần, ở nhà độ non một tháng rồi lại bỏ đi. Thầy em mang tiền về, mẹ em tần tảo và chúng em đi làm phụ thêm vào nên cũng tạm sống qua ngày.

Mơ tiếp:

- Các anh chị đi tắm đi. Em đi thôi cơm. Có các anh chị ở lại chơi, em mừng lắm. Nếu không, đêm nay em phải ở nhà một mình.

Mơ vừa bước đi vài bước chợt quay lại:

- Đêm nay hai chị ngủ buồng mẹ em nhé, có giường rộng. Anh ngủ buồng thẳng Sơn, em của em.

Tôi liếc nhìn quanh nhà, thấy chỗ nào cũng sạch sẽ và thơm tất cả, mặc dù mọi thứ đồ đạc rất đơn sơ và cũ kỹ. Một giò lan rừng treo ngay giữa nhà tỏa hương thơm dịu dịu và thanh khiết. Trên bàn thờ kê sát tường gian giữa, ngay phía trước có một chiếc lư đồng với hai cây nến bằng đồng đứng hai bên lư. Phía trong cùng bàn thờ là tượng Phật Bà ngồi trên bệ bằng gỗ sơn son đã có chỗ tróc sơn. Hai bên tượng Phật Bà là hai bình hoa sứ cao cổ đựng những chùm hoa sen bằng giấy, cùng đầy với những bức di ảnh của người quá cố. Ngay sát dưới chân bàn thờ, đứng lẻ loi một chiếc “độc bình”. Bộ bàn gỗ với sáu cái ghế dựa mộc mạc nằm giữa gian chính. Hai bên gian nhà chính là hai gian nhà phụ, nhỏ hơn gian

chính. Mỗi gian phụ đều được kê một bộ “ghế ngựa” (giường gỗ ghép bằng những tấm ván dày). Trên vách được treo bức tranh “ông hồ”, một tấm ảnh lớn gia đình đã ngả màu và vài bức tranh Đông Hồ. Một bức tranh tổ nữ lớn hơn cả treo bên cạnh chiếc đồng hồ “quả lắc” cũ kỹ với quả lắc đang đong đưa đều đặn.



Tranh ông Hồ

Tôi tò mò nhìn ra sau nhà là vườn rau, có vài cây ăn trái lớn.

Uyên và Thi ra bến Yên mua thêm vài món thức ăn. Thế là xôi tôi mang đi lúc buổi sáng và vài cái bánh mua ở bến đò Thiên Trù chưa được đụng tới. Lại còn cả vài quả quýt và cam mang theo mà chưa ai ăn nữa.

Chỉ một loáng, Uyên và Thi đã trở về với vài món thức ăn đã nấu sẵn. Tôi để Uyên và Thi đi tắm trước rồi mới tới tôi. Khi đến lượt tôi tắm xong, ba cô đã dọn sẵn mâm cơm đặt trên chiếc chõng tre giữa sân. Trời còn đủ sáng nên không cần đèn.

Trong bữa cơm, chúng tôi nói chuyện với nhau thật vui và cười ròn rã với những câu chuyện kể của

Mơ. Mơ thật thà nên câu chuyện cô kể, ai cũng tin ngay. Thật thà đến độ có lúc chúng tôi phải ngừng đùa trố mắt lên để nhìn Mơ.

Mơ kể cho chúng tôi nghe câu chuyện khi cô lên Hà Nội giúp việc, làm chúng tôi vừa buồn cười lại vừa thương. Mơ kể chuyện có duyên theo những bộ điệu cô diễn tả:

- Năm kia, có một người quen với thầy em, giới thiệu em đi làm cho một tiệm phở ở Hà Nội. Lúc đó em đã 16 gần 17 tuổi rồi. “Gái mười bảy bẻ gãy sừng trâu” mà, em làm việc gì cũng được và dù có phải đi làm xa nhà em cũng đâu có sợ. Em hăng hái xin mẹ em cho em đi làm, hầu giúp gia đình sống dễ dàng hơn. Được lên Hà Nội cũng là điều mơ ước của em mà.

Phải nói mãi, sau cùng mẹ em mới chấp thuận cho em đi làm việc xa nhà. Thế là em lên Hà Nội ngay. Công việc của em dễ lắm, chỉ phụ dọn dẹp, rửa chén bát cho tiệm phở. Tối đến, em phụ bà chủ thổi cơm. Hôm nào rảnh rỗi thì em giặt quần áo cho cả nhà. Công việc trôi chảy được tháng đầu. Cuộc sống của em đã dần được ổn định với công việc của mình.

Sang tháng thứ hai thì bắt đầu có chuyện. Ông bếp chính nấu phở thấy em còn trẻ, nên cứ nói bóng nói gió là em lấy ông ấy đi, ông ấy sẽ nấu phở cho em ăn cả đời. Em nói là ông đã có vợ con rồi nên tôi không thèm ăn phở của ông. Ông ấy cứ lải nhải như

thế. Một hôm tức quá, em “gầm” lên với ông ấy. Từ hôm đó ông ấy tịt luôn không dám trêu ghẹo em nữa. Hết ông bếp chính lại tới anh chàng bếp phụ. Anh ta hơn em một hay hai tuổi cũng tán tỉnh em. Anh ta nói thích em. Em trả lời là tôi không thích anh. Anh ta hỏi tại sao em không thích anh ta. Em trả lời em không thích người hay ăn vụng. mấy lần em bắt gặp anh ta ăn vụng trong khi thái thịt phở. Anh ta cứ nhìn trước nhìn sau, hể không thấy bóng chủ là anh ta bỏ ngay mấy miếng thịt phở chín vào mồm nhai ngấu nghiến rồi nuốt chửng. Thấy cảnh churóng mắt nên em ghét anh ta lắm.

- Thế tại hai người đó Mơ mới nghỉ việc hả? Tôi hỏi.

- Không phải! Hai người đàn ông đó em đâu có sợ. Em nghỉ việc là vì bà chủ cứ suốt ngày mắng em là “đồ nhà quê”. Công việc có khi chẳng dính dáng gì tới quê hay tỉnh, thế mà bà ấy vẫn cứ mắng em là “đồ nhà quê”. Em nhớ hôm đó, khách đông lắm, em rửa bát không kịp, bà chủ bắt em chỉ tráng nước sơ qua thôi rồi lau khô đem lên cho khách. Em thấy bẩn quá nên em cứ phải rửa hai lượt, lượt rửa, lượt tráng nước sạch rồi mới lau khô đem lên. Bà chủ tức giận cứ rít lên mắng em là “đồ nhà quê”. Em buồn quá, tối hôm đó em thưa với ông chủ em xin nghỉ việc. Ông chủ thương em lắm, ông nói ông biết hết mọi chuyện ở trong nhà xảy ra cho em. Ông thuận cho em nghỉ việc và trả cho em đủ nửa năm lương. Em làm có ba tháng nên em chỉ nhận có ba tháng thôi.

Ông chủ nói ông trả cho em ba tháng, nhưng số còn lại ông gửi về biếu cho thầy u em. Em cảm ơn lòng tốt của ông. Hôm sau, ông chủ chở em ra bến xe để về nhà. Ông chủ còn dặn khi nào muốn lên làm việc, ông sẽ nhận cho em làm lại. Về tới nhà em tủi thân, nằm khóc tới mấy ngày.

Nghe câu chuyện Mơ kể tôi nhận ra một điều, dưới những tiếng cười vui của khách hành hương, dưới cái đẹp kỳ thú của thiên nhiên, dưới cái từ bi của Phật Bà, còn bao mảnh đời khốn khổ hòa lẫn trong đó mà ta chưa thể nhận ra. Dù sao đi nữa, Mơ còn có cha, có mẹ, có căn nhà khang trang để ở, có tình thương của mái ấm gia đình, có chỗ đi về. Còn biết bao nhiêu những cô gái đồ khác trên suối Yến kia hay biết bao nhiêu người dân Hương Sơn nữa, không phải họ chỉ khó khăn trong cuộc sống không thôi mà thật sự họ còn là những mảnh đời khốn cùng không lối thoát. Tôi thật ngậm ngùi cho những con người ấy. Họ sống trong bùn lầy nước đọng và họ như đang bị bỏ quên trong xã hội loài người. Có những con người chấp nhận sự thiệt thòi của họ như một định mệnh, như một sự an bài sẵn có. Họ tin là họ không bao giờ có thể vượt thoát ra được những khắc nghiệt họ đương phải gánh chịu, chỉ trừ Giới Phật mới có thể mang sự may mắn tới cho họ như một phép màu mà thôi. Thật đáng thương thay!

Cơm nước đã xong, ba cô đã dọn dẹp chu tất. Chúng tôi ngồi nói chuyện gẫu đôi ba câu chuyện vãn dưới ánh đèn dầu leo lắt mới được mang ra. Trời

đã dần tối mịt. Vì là đầu tháng nên trên bầu trời không một ánh trăng. Cảnh vật chìm trong bóng đêm. Tôi nhìn Thi đang tư lự, im lặng ngắm nhìn ngọn đèn dầu lung linh. Thỉnh thoảng Thi lại liếc nhìn tôi mỉm cười rất nhẹ. Thoảng nhẹ như mùi hương thơm của nhánh lan rừng trong nhà.

Tôi đề nghị mọi người đi ngủ sớm để dành sức đi chơi ngày mai. Mọi người chia tay, ai về buồng nấy. Buồng ngủ của Mơ ở nhà ngang.

Tôi nằm trần trọc mãi trên giường mà không sao ngủ được. Tôi ngồi dậy lấy đôi nhẫn tôi mua đem ra mân mê rồi bỏ lại vào ba-lô. Tôi tưởng tượng ra cảnh tôi đeo vòng tay và nhẫn cho Thi. Giờ này chắc mọi người đã ngủ say. Nằm trần trọc một lúc lâu tôi mới ngủ thiếp đi được.■



CHƯƠNG 8

Tuyến Chùa Hình Bông Và Tuyến Chùa Tuyết Sơn

Sáng sớm tinh mơ, tôi đã thấy ba cô dậy lục đục làm gì ngoài sân. Tôi chồm dậy nhìn ra thấy ba cô đang chuẩn bị thức ăn sáng. Tôi vội sửa lại quần áo cho gọn ghẽ, chải vội mái tóc rồi ủa chạy phóng ra sân.

- Này! Này! Các cô đừng chuẩn bị ăn sáng nghe chưa! Còn bao nhiêu thức ăn trong ba-lô tôi kia kìa. Ăn cho hết đi đã, nếu không, tôi phải mang nặng lăm đấy.

Ba cô ngừng tay, nhìn nhau như hỏi ý. Thi vội nói:

- Đúng rồi các chị ơi! Mình còn nhiều thứ để ăn sáng lắm. Không ăn để nó thiu thì uổng .

Uyên và Mơ dừng tay nhìn tôi. Tôi chạy vào buồng xách ba-lô ra, lấy thức ăn bày ra chõng giữa sân. Nào xôi, nào bánh, nào trái cây đủ cho bốn

người ăn sáng nay. Uyên và Mơ nhìn nhau mỉm cười.

- Mấy cô định nấu nướng gì vậy? Tôi hỏi.

- Chị Mơ đang chuẩn bị cho nồi canh rau sắng nấu với củ mài. Chị ấy dậy cho chúng em nấu. Định ăn cơm no rồi mới đi chơi. Hôm qua, nồi canh đã chuẩn bị xong nhưng chưa kịp nấu thì tụi em mang thức ăn về nên để sáng nay.

- Thôi chiều nay ta trở về ăn. Ta đi cho sớm. Buổi trưa ăn tạm ở đâu mà chẳng được. Tôi nói.

Tôi hỏi Mơ thêm:

- Chúng tôi định đi thêm hai tuyến nữa là tuyến lên chùa Hình Bồng và tuyến lên chùa Tuyết Sơn. Có kịp không cô Mơ?

- Nếu chúng ta đi sớm và đi nhanh thì kịp. Nếu đi thong thả phải hai ngày, như thế thì dư giả thời giờ hơn.

Tôi nói với Uyên và Thi:

- Hai em tính sao? Uyên còn ngày nghỉ không? Nén hôm nay không kịp, anh tính ta ở thêm một ngày nữa để cho hai em đỡ mệt. Còn anh thì sao cũng được.

Uyên ngần ngừ chưa quyết định.

- Ngày nghỉ em còn, nhưng chỉ sợ phiền chị Mơ thôi.

Tôi đề nghị giải pháp trung hòa:

- Hôm nay ta cứ đi, nếu kịp thì ngày mai về Hà Nội, nếu không kịp, ta ở lại thêm một ngày nữa để ăn rau sống với củ mài cho thỏa thích. Thôi cứ thế đi nhé. Mấy khi ta lại có dịp trở lại nơi này đầy đủ như thế này.

Mơ cứ nắm tay Uyên:

- Chị Uyên ở lại thêm với em một ngày nữa đi mà. Em đây chị nấu canh rau sống với củ mài.

Uyên cũng nắm tay Mơ:

- Cám ơn chị! Hôm nào chị cũng phải lên Hà Nội chơi với chúng em đây!

Mơ vui mừng cứ nắm tay Uyên mà lắc mạnh.

Sau bữa ăn sáng, chúng tôi vội vã lên đường. Ánh bình minh cũng vừa ló rạng.

Tuyến đường vào chùa Hình Bồng

Chúng tôi lại xuôi dòng suối Yên để tới bến đò Trờ hay bến Thiên Trù. Cũng con suối đó, cảnh đó, ngày hôm qua thấy đẹp, hôm nay vẫn thấy đẹp. Lần nào cũng đều thấy mới tinh như mới tới lần đầu.

Ánh nắng ban mai chiếu trên đỉnh những rặng núi, trên những rừng cây, khóm lá và lan tỏa loang loáng trên mặt suối Yên đang lững lờ trôi. Ánh nắng làm cảnh vật đổi màu theo từng khoảnh khắc của thời gian. Đẹp làm sao! Sáng, trưa, chiều, tối cũng như hôm nắng, hôm mưa... chắc hẳn đều có cái đẹp riêng của nó.

Tiểu sơn lâm mà có đại kỳ quan
Người tại mắt chốn nhân gian
Ai chẳng đến Hương Sơn thì cũng tục
Kể từ lúc bước lên đò Đục
Liếc mắt trông đã mãn mục vân sơn
Lần theo một dải thanh tuyến...

Nào ngư phủ nhập Đào nguyên đâu cũng
thế,

Mặt trời gác bóng cây xé xé
Tản vân in đáy nước rành rành
Chim trời mấy chiếc lênh đênh
Cây mai thụ rập rình năm bảy lá
Chủ tiểu tử ruồi rong bển đá
Lũ ngư ông quẩy cá qua cầu
Cỏ cây san sát một màu
Núi trước, núi sau, mình ở giữa...

Núi mờ xanh từng dãy ngát non thiêng
Kìa núi Gà, núi Tượng, núi Trống, núi
Chiêng

Chưa qua núi lại thấy đò qua bên cạnh núi.
Thoạt trông thấy biết đâu mà hỏi
Cầu đăng tiên nọ chốn đăng doanh
Gót in đá biếc xanh xanh
Lòng trần tục bỗng không, thanh thản nhẹ...

(Trích “Hương Sơn Phong Cảnh” của
Vũ Văn Hàm)

Mơ cho biết muốn đến chùa Hình Bồng thì phải
trở lại bến đò Thiên Trù.

Khi đến đền Trình, Mơ đề nghị chúng tôi rẽ vào nhánh suối ngắn để đến thăm *chùa Long Vân* gần đó. Nhánh suối này gọi là *suối Long Vân*. Từ suối Long Vân, ta thấy *chùa Long Vân* xa xa với ngọn tháp và mái chùa ẩn hiện trong sương, mờ mờ mây khói.



*Chùa xưa ở lẫn cùng cây đá
Sư cụ nằm chung với khói mây*

(Nguyễn Khuyến)

Thuyền đi thong dong trong suối vắng vì ít thuyền vào đây. Hai bên bờ suối, lác đác người đi làm ruộng, kẻ đi làm rừng, người đi đánh cá. Thuyền đi sát gần núi Đụn, bên núi Đụn là cánh đồng xanh. Những hàng núi nhỏ xếp dài, triền núi thường có hang động. Nhìn lên triền núi cao, ta thấy những khu vườn, những ngôi nhà cao ráo, tĩnh mịch. Và từ chỗ này, ta thấy núi Quy, hình thù thật giống như hình con rùa đang ngồng đầu lên.

Chúng tôi lên bờ, đi một quãng thì tới cổng chùa. Cổng chùa ở dưới chân núi, chùa ở trên cao. Đường lên chùa khá dốc. Chỉ lên dốc một quãng là

tới động Long Vân. Động tuy nhỏ nhưng bên trong cũng có thạch nhũ và bệ thờ tượng Phật. Cối leo thêm lên cao, đứng trước hiên chùa ta có thể quan sát được những rặng núi chung quanh, và cả suối lẫn đồng ruộng phía dưới.

Chùa được xây năm 1920. Hình thể chùa như một ngôi nhà thường trên sườn núi và có tháp cao.

Mơ cũng cho biết nếu từ chùa Long Vân đi sâu vào thêm nữa, du khách sẽ gặp “chùa động” Cây Khế rất đẹp, rồi hang Sũng Sảm, nhưng vì đường đi đá dốc “*gập ghềnh mấy khúc thang mây*” và thời gian có hạn nên chúng tôi đành phải bỏ qua và hẹn cô vào dịp khác.

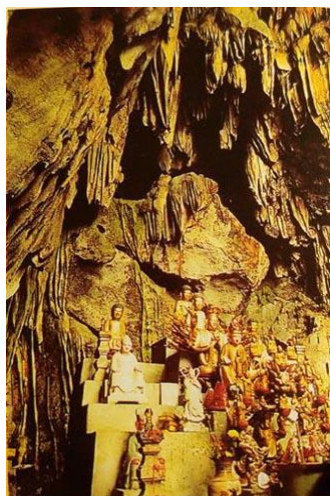
Sau khi thăm chùa Long Vân, chúng tôi xuống núi và trở lại thuyền rồi quay ra suối Yến, thẳng đường xuôi theo suối Yến tới bến đò Thiên Trù.

Từ Thiên Trù tới *chùa Hình Bồng* đường đi có khúc đường đất, có khúc đường núi nhưng tương đối bằng phẳng. Đi hết khúc đường bằng phẳng là tới dốc thật cao. Đường leo dốc cũng không khó khăn lắm vì có đường vòng quanh co chứ không thẳng đứng.

Đi thăm chùa Hình Bồng có cái thú của trèo núi vài ba cây số. Thêm vào đó, càng lên cao càng có dịp nhìn toàn cảnh đẹp, ta có thể phóng mắt nhìn ra xa tới mút con mắt. Đường dốc lên Hình Bồng nằm bên triền núi quanh co, đường đi gập ghềnh nhỏ hẹp nhưng thường có bậc đá. Khách hành hương lên

Hình Bồng, theo tôi nghĩ, nên dùng gậy chống, nhất là vào những ngày mưa. Nghe nói, vào những ngày Hội, đứng từ chân núi nhìn lên, ta thấy người trèo núi và người đứng trước cửa chùa đông như một đàn kiến đang tha mồi về tổ.

Động Hình Bồng là một trong những hang động đẹp ở phía nam động Hương Tích. Động có Quan Âm đài, đền thờ Thánh Mẫu, Sơn Thần là những nơi thờ cúng rất trang nghiêm nên ít ai đến Hương Sơn mà lại không ghé đây để cầu xin phước lộc và những điều may mắn tốt đẹp nhất. Trịnh Sâm có một bài thơ vịnh về chùa Hình Bồng⁽¹⁾:



Động Hình Bồng

(¹) Theo ông Trần Lê Văn, tác giả cuốn “Thắng Cảnh Hương Sơn” mà người viết đã dùng làm tài liệu chính để tham khảo và trích đoạn thì ông cho rằng động Hình Bồng ngày nay thực ra không phải là động Hình Bồng ngày xưa mà Trịnh Sâm đã miêu tả trong thơ. Ông đã đưa ra dẫn chứng:

Theo Phan Huy Chú đã miêu tả trong “Lịch Triều Hiến Chương Loại Chí” có viết “Núi Hình Bồng ở ngoài núi Hương Tích, dưới chân núi có sông dài quanh co. Hai bên bờ có những núi đá thẳng như vách đứng từng hàng, có một con đường đi tắt xuyên vào sâu, coi như cửa Long môn quý

*Chân núi đường xuyên một nẻo dài
Hóa công mài chuốt đã bao đời
Non xanh, nhường thấy non không đất
Suối biếc nhìn qua suối gặp trời
Đá nhuộm rắng chiều-ngành gấm điểm
Sóng rung dải nhũ vạn châu rơi
Chìm trời cá nước vui chung cảnh
Ngọn bút khôn đem tả hết lời.*

(“Vịnh Núi Hình Bồng” do Quách Vịnh dịch)

Sau khi lễ xong trong chính điện chùa Hình Bồng, Uyên, Thi và Mơ bước ra ngoài đứng trong sân chùa nhìn ngắm cảnh thanh bình, nào núi ở trên, nào thung lũng, nào cánh đồng xanh, nào suối ở phía dưới chân núi. Mơ chỉ cho chúng tôi “*thung mơ*” xa xa phủ màu hoa trắng vào mùa Xuân.

thần tạc ra. Ở vách núi có hàng vạn nhũ đá rủ xuống như hạt châu chiếu xuống dòng nước, cảnh sắc như vẽ.”

Ông Trần Lê Văn cho rằng “sông dài quanh co” trong đoạn văn trên là suối Yén. Do đó, động Hình Bồng cũ phải nằm ngay bên suối Yén và có con đường từ chân núi xuyên vào chứ không phải leo núi. Như vậy động Hình Bồng cũ đã bị vùi lấp đi bởi những biến cố thiên nhiên.

Việc tìm những hang động bị lấp đi trong khu vực Hương Sơn đã tạo nên chung quanh nó nhiều câu chuyện huyền hoặc, kỳ bí mà nay vẫn còn chìm trong bóng tối chưa mở ra được.

Mơ cho chúng tôi biết hoa mơ nở ngay vào những ngày đầu của mùa Xuân. Cuối Đông mơ có nụ, chỉ đợi nắng ấm của Xuân là nở bung ra. Người ta còn gọi cây mơ là cây mai. Nhưng cũng có những loại cây mai chỉ có hoa mà thôi.

Tuy cây mơ, thân nhỏ, hoa mỏng manh nhưng rễ ăn rất sâu, ăn len lỏi vào được cả khe núi đá, eo núi, sườn đá có đất hay những khu đất có lẫn đá. Cây mơ có thể chịu được khô hạn lâu. Loài ong rất thích hoa mơ, và mật ong từ hoa này có phẩm chất cao. Cây mơ mọc ở trên núi Hương Sơn thì quả (trái) có cùi dày, hạt nhỏ và chua thơm hơn mơ mọc ở những nơi khác. Do đó, khi nói đến Hương Sơn là người ta nghĩ tới mơ. Mơ như một biểu tượng, một đặc sản không thể tách ra khỏi thắng cảnh nổi danh Hương Sơn này.

Quả mơ được chia ra nhiều loại, *mơ nửa* quả tròn nhiều nước, *mơ đào* quả to đuôi nhọn có hình thù giống trái đào, *mơ chấm son* vì có chấm đỏ, *mơ bồ hóng* vì có những chấm đen.

Mơ dùng làm trái cây giải khát rất tốt vì vị chua. Tôi nhớ trong truyện Tam Quốc Chí, có một lần Tào Tháo đem quân đi chinh chiến, binh sĩ khát nước không đi nổi nữa. Tào Tháo đánh lừa họ, chỉ cánh rừng trước mặt nói đó là rừng mơ. Quân sĩ tưởng thật, hăm hở tiến lên, nhưng lại không phải là rừng mơ. Ngoài việc mơ được dùng như một thứ giải khát lại còn có thể làm rượu mơ rất ngon.

Cô Mơ còn cho biết là cây mơ có nhiều dược tính. Gỗ cây mơ già, lấy từng thanh nhỏ nấu nước uống, mùi thơm mát. Tôi mừng tượng nó phải thơm mát như những vần thơ:

*Rừng mơ trắng, hoa mơ nhàn hạ,
Hương mơ bay, cảnh mơ chỉ lối ra...
Đường vào gần mà đường trở lui xa,
Bỏ nhẹ tâm tư, đất trời thêm rộng...
Hương Tích ơi, tôi sẽ còn đến nữa,
Như hoa mơ lại đến với mùa mơ
Nâng cuộc đời hơn những ước mơ.*

(Trích “Giã từ Hương Tích” của Yên Lan)

*Mà vẫn bàng hoàng như giữa mộng,
Mơ hay là thực, hồi hoa mơ ?
Mơ trong thung lũng, mơ trên núi,
Hoa bạch trong ngàn vạn điểm thơ.*

(Trích “Thăm Cảnh Chùa Hương” của Xuân Diệu)

Khi leo núi, có những đoạn dễ đi, tôi và Thi lại có cơ hội nắm tay nhau cùng đi như dung dăng dung dẻ nên thấy đường đi như được ngắn hơn và dốc núi cũng trở nên ít cao hơn.

Có lẽ vì đã leo núi quen từ hôm trước, lại quen sử dụng cây gậy chống nên hôm nay mọi người có vẻ cảm thấy ít mệt hơn. Dù sao chúng tôi đều ở tuổi thanh xuân, có mệt thì chỉ cần nghỉ ngơi ít phút là lại có thể hồi sức ngay để tiếp tục cuộc hành trình,

nhất là trong lòng mọi người đều hăm hở đi tìm những cái đẹp mới lạ của cảnh vật thiên nhiên.

Khi trở lại bên đò Thiên Trù, chúng tôi nghỉ ở đây để dùng cơm trưa. Tôi thấy Uyên và Mơ cứ quần quýt nói chuyện với nhau nên tôi có dịp ở bên Thi nhiều hơn.

Sau bữa cơm trưa, chúng tôi thả bộ đi xem những gian hàng bán đồ vật kỷ niệm. Tôi ghé vào tai Thi nói nhỏ:

- Anh muốn tặng cho Uyên và Mơ, mỗi người một cái vòng đá đeo tay làm kỷ niệm chuyến đi chơi này. Em nghĩ thế nào? Có tiện không?

- Thế cũng phải anh ạ! Thôi để em lo việc này cho anh nhé!

Thi hỏi:

- À, thế anh thích tặng mấy chị ấy vòng đá màu gì?

- Màu gì cũng được, nhưng hai cái vòng đó phải màu giống nhau. Nhưng có một điều nó không phải là màu xanh ngọc bích là được. Với Thi thì phải do chính tay anh chọn mới được.

- Anh thật khéo nịnh! Những cô học trò anh dạy học kèm chắc phải có nhiều cô “chết vì anh”. Thi nhìn thẳng vào mắt tôi cười tùm tùm như hỏi “có đúng không?”

- Ủ, đúng rồi, anh kèm nhiều cô học trò thông minh lắm, lại xinh đẹp nữa và tất nhiên là có cô muốn “chết vì anh” rồi, nhưng anh thì lại chỉ chết bởi một “cô bé con” thôi. Tôi cười rồi “bẹo” vào má Thi.

Thi nguyền tôi một cái thật dài rồi chạy đi mua hai vòng đá để tặng cho Uyên và Mơ. Tôi tự hỏi tại sao lần đi chơi này, Thi lại trở nên một cô gái “trưởng thành” và “cởi mở” nhanh một cách đến không ngờ như thế. Lý do nào đây nhỉ? Tôi cứ băn khoăn về điều này mà không giải thích được. Con gái mới lớn, lúc thế này, lúc thế khác, tâm tính họ cứ thay đổi như chong chóng. Thôi cứ kệ! Ta lờ!

Thi rảo một vòng khu “chợ” rồi gọi tôi lại một gian hàng hỏi ý:

- Cặp vòng này được không anh?

- Em đã nói là để cho em lo, em còn hỏi anh làm gì nữa! Tôi đáp.

- Em chọn cặp này! Thi vừa rút tiền ra trả thì tôi ngăn lại.

- Để anh trả vì anh mua tặng mà!

Bà hàng gói hai vòng đá vào giấy nhật trình rồi đưa cho Thi.

Tôi hỏi Thi:

- Em mua gì thêm không?

- Không. Em đã mua quà tặng cho anh từ hôm qua rồi. Thi đưa tay lên miệng nàng ra dấu như ngăn tôi không được hỏi thêm.

- Anh cũng thế! Tôi cũng đưa tay lên môi mình như ra dấu không cho Thi hỏi thêm.

Hai chúng tôi cùng cúi đầu để “cụng đầu” nhẹ vào nhau rồi cười như biểu lộ hai “ý lớn gặp nhau” hay hai ta cùng “ý hợp, tâm đầu”. Thi giả vờ đưa hai tay lên xoa trán, phụng phịu nhõng nhẽo:

- Đầu anh cứng quá hà!

- Ừ anh thuộc loại cứng đầu mà.

- Không phải! Đầu anh cứng chứ không phải anh cứng đầu.

Thi cười rồi nắm tay tôi kéo đi. Nắm tay kéo đi như thế này là một cử chỉ Thi thường làm với tôi khi nàng còn bé. Lúc ấy Thi như con chim nhỏ. Ấy đấy, rồi một hôm, lúc Thi kéo tay tôi đi như thế, tôi lại bất chợt cảm thấy như có cái gì âm áp, mềm mại trong bàn tay ấy để tôi phải nhớ nhớ thương thương cứ như một định mệnh đã được an bài, nó đã vượt ra khỏi tầm lý trí của tôi.

Chúng tôi quay lại bến đò. Uyên và Mơ đã đứng đợi dưới đó.

Chúng tôi xuống thuyền, ngược dòng suối Yên, trở về lại qua đền Trình-Ngũ Nhạc, qua bến Yên rồi bến Đục, để cuối cùng đến bến đò Phú Yên. Bến đò Phú Yên thuộc xã Phú Yên.

Tuyển đường vào chùa Tuyết Sơn

Từ bến đò Phú Yên, chúng tôi rẽ vào ngã ba của suối Tuyết để lên chùa Tuyết Sơn.



Suối Tuyết

Khi vừa tới khúc suối rẽ vào suối Tuyết, tôi trông thấy một chị lái đò đã hơi đứng tuổi, khoảng 25. Thấy thuyền chị không có khách, tôi gọi to đề chị lại gần. Cả mọi người trên thuyền đều ngạc nhiên về hành động bất ngờ của tôi. Mơ là người

ngạc nhiên hơn cả, cứ nhìn tôi chăm chăm. Khi chị lái đò đến gần sát thuyền tôi, tôi vội lên tiếng:

- Chào chị! Chắc chị chưa có khách?

- Thế, các anh chị muốn gì nào?

Tôi chỉ vào Mơ:

- Đây là cô Mơ, em họ của tôi. Cô ấy chèo thuyền đưa chúng tôi đi chơi đã hai ngày liền rồi. Nay chúng tôi lại muốn lên chùa Tuyết Sơn xa tí trên kia. Sợ cô ấy mệt nên chúng tôi định nhờ chị đổi tay chèo dùm cô ấy được không?

Nghe đến đây cả Mơ lẫn chị lái đò cùng cười rộ lên. Chị lái đò chỉ Mơ:

- Ôi Giời ơi! Anh đừng phải lo cho nó. Có lần tôi với nó chèo đò dọc trên sông Đáy liên tục ba ngày, ba đêm liền. Nó chèo thuyền khỏe lắm, cả làng này ai mà chẳng biết tiếng nó. Các anh chị cứ đi chơi vui vẻ, thoải mái đi. Nhảm nhỏ gì với mấy con suối con con này.

Chị quay sang nói với Mơ:

- Cô em có ông anh họ tử tế nhỉ!

Nói xong câu ấy chị lái đò cười cười chèo thuyền bỏ đi. Uyên và Thi trở mắt nhìn tôi đang ngẩn ngơ, sượng sùng.

Mơ nói với tôi:

- Cám ơn anh! Công việc thường ngày này, đổi với chúng em thì đâu có gì là mệt nhọc. Được đi

chơi với các anh chị là vui lắm rồi. Máy khi em gặp được khách quý và vui như thế này.

Mơ nói tiếp theo:

- Chị ấy tên Thơm, người cùng xóm với em. Chị ấy thường đi hái mơ và kiếm củi trên núi với em.

Thì lấy chân bám mạnh vào chân tôi một cách kín đáo, mắt vẫn nhìn ra xa mỉm cười không nói gì.

Tôi lên tiếng:

- Chúng tôi cảm ơn cô Mơ nhiều lắm. Có cô đi chung, thật là vui!

Mơ không trả lời tôi mà chỉ cắt nghĩa:

- Khúc suối Tuyết này, từ đây dẫn vào chùa Tuyết Sơn bằng hai phần ba khúc suối Yên dẫn vào Thiên Trù. Vào những ngày hội chùa Hương, khách hành hương đến đây cũng đông lắm nhưng không đông bằng bên Hương Tích. Ngay bên đó, anh chị thấy một ngôi đền nhỏ cũng gọi là đền Trình, nhưng để phân biệt với đền Trình-Ngũ Nhạc, người ta gọi đền này là *đền Trình-Phú Yên*. Trong đền Trình này cũng có nhiều cây cổ thụ và ngoài cổng có hình một con hổ tạc trên phiến đá.

Đọc theo suối Tuyết, cảnh vật thanh bình, êm ả và đẹp mắt lắm. Ta thấy hai bên bờ suối cũng có những rặng núi đá vôi nhưng thấp và thưa hơn.

Mơ chỉ vào những quả núi, nói thêm:

- Quả núi có hình dáng như chiếc thuyền rồng kia gọi là núi Thuyền Rồng, quả núi có hình dáng như con chim phượng được gọi là núi Con Phượng. Các anh chị để ý nhé, vài chỗ có những tảng đá vuông vức giống nhau lại chồng lên nhau như chồng sách gọi là “Thư thạch” (sách đá). Người ta cũng cho đó là *những chồng kinh Phật*. Tới bến đò *Tuyết Sơn*, chúng tôi lên bờ, Mơ đi trước dẫn đường, đưa chúng tôi tới

một ngôi chùa mang tên là Bảo Đài. *Chùa Bảo Đài* nằm trong động, xung quanh cây cối rậm rạp. Gần chùa Bảo Đài có một hang động trong đó có một cái ao cá thiên nhiên trong núi, người ta gọi là “*Hang Cá*” hay



Chùa Bảo Đài



Động Tuyết Sơn

động Chùa Cá. Trong ao cá có cá vàng, cá bạc được cho là cá của Phật. *Chùa Tuyết Sơn* là chùa đẹp hàng

thứ hai sau chùa Hương Tích. Chùa nằm trong hang động có độ lớn không thua gì động Hương Tích là mấy. Trong động có nhiều thạch



Động chùa Cá

nhũ đẹp, có chỗ rủ xuống, có chỗ trông như vẩy rồng. Sự sắp đặt tượng Phật gồm tượng thờ Phật Bà và các vị La Hán.

Tượng thờ, hoặc được tạc ở thế đứng riêng biệt hay thế ngồi, thế nằm, hoặc được tạc trên vách đá hay được đặt trên bệ thờ như phần lớn các chùa trong các hang động ở Hương Sơn. Có bức tượng được tạc bằng đá trắng, có bức tạc bằng đá màu nâu trơn bóng rất đẹp. Ngày Hội, khói hương trong động toả ra mù mịt như khói hun.

Động Tuyết Sơn nổi tiếng từ lâu đời. Cảnh đẹp của nó được Phan Huy Chú tả trong “*Lịch triều hiến chương*” viết : “*Tuyết Sơn ở huyện Hoài An, có nhiều lớp núi cao, trong núi có động rất đẹp. Trong động có đá rủ xuống, trùng trập hiện ra, coi như vẩy rồng. Trên ngọn núi có tượng Phật bằng đá, lại có những cây thông mọc từng hàng, coi như một dãy tán. Cảnh trí xanh tốt âm u.*”

Chỗ thạch nhũ Phan Huy Chú nói là vậy rồng, trông giống như những con rồng trong ổ nên còn gọi là *động* “Ngọc Long” (Rồng ngọc). Trên đỉnh núi phía xa xa có một tảng đá giống như tượng Phật được tạc hay giống như hình thù một vị sư mặc áo cà-sa.



*Động Ngọc Long
(bút tích Trịnh Sâm)*

Trước cửa động có hai bài thơ, một Hán, một Nôm được khắc trên đá của Tĩnh vương Trịnh Sâm.

* Bài thơ chữ Nôm:

*Éo le thay bấy cảnh thiên thành!
Có vẻ tân kỳ, có vẻ thanh
Gió quuyến cầm thông, thông lợp tán
Mây vờn vách đá, đá in tranh
Non cao Phật hiện phô kim tướng
Động thẳm, rồng quanh lẳng ngọc kinh
Sương tuyết càng nhiều, càng tú lệ
Này này chẳng khác chốn Bồng Doanh.
(“Vịnh Cảnh Tuyết Sơn”)*

Bài thơ này tả cái đẹp của cảnh bên ngoài, có thông reo, có mây vờn đá, đá in tranh, có tượng Phật trên đỉnh núi. Trong động có thạch nhũ hình con rồng lẳng nghe kinh.

* Bài thơ chữ Hán:

*Phương Nam chắt ngất núi bao la
Động tạc sườn non vẽ nuốt nà
Nét tỏ dấu thần vàng chuốt móng
Sương ngưng gốc thụ ngọc in da
Sáo reo: gió thổi ngàn thông quện
Song vắng: mây buông bóng nguyệt qua
Một hạt cỏn con gồm thế giới
Thơ lồng trong cảnh rộn lòng ta.*

(“Vịnh Động Tuyết Sơn” Quách Vinh dịch)

Tôi còn nhớ một bài thơ viết về Tuyết Sơn:

*Năm trước năm nay lên Bảo Đài
Khấp chùa vẫn đó cỏ hoa tươi
Động ôm hồ tuyết còn đây chủ
Lối sạch rêu xanh bởi có người
Sớm tối tiêu ca vin cội núi
Véo von chim hót lướt mây trời
Cảnh già phông được nhà đôi mái
Ở mãi làng tiên chẳng trở lui.*

(“Lại Chơi Tuyết Sơn, Lên Bảo Đài”
của Nguyễn Cao)

Vùng núi Tuyết Sơn còn là căn cứ địa của một cánh quân Nguyễn Thiện Thuật di chuyển về đây sau khi căn cứ Bãi Sậy ở Hưng Yên bị Pháp phá vỡ.

Chùa Bảo Đài là tiền đồn của đại bản doanh Tuyết Sơn. Năm 1891 đã xảy một trận thư hùng ở đây. Quân Pháp bị thiệt hại nặng nhưng sau cùng căn cứ địa Tuyết Sơn của nghĩa quân cũng bị thất thủ.



Đường lên chùa Tuyết Sơn

Chúng tôi rời động Tuyết Sơn, lại theo triền núi thả dốc trở về bến đò Tuyết Sơn. Đường núi cheo leo nhưng vì đi xuống dốc nên cũng đỡ mệt hơn lúc leo lên.

Khi chúng tôi xuống tới thuyền thì trời đã ngả về chiều. Nắng chiều chỉ còn vương vất ngang sườn núi hắt lên. Cảnh vật dần dần trở nên u tịch hơn.

Mơ theo con đường khác để về. Cô dùng con đường suối Tuyết đi bọc theo sườn núi, băng qua cánh đồng chiêm để gặp suối Yên ở đền Trình-Ngũ Nhạc. Rồi từ đền Trình về bến Yên không xa.

Mơ vừa chèo thuyền vừa nhìn trời như sợ trời sắp tối. Tôi nói như để trấn an Mơ:

- Phải chi chúng ta được đi thuyền trong bóng đêm yên tĩnh, để được nghe tiếng mái chèo khua nước, tiếng nhái hay ễnh ương kêu vang, hay được nghe tiếng vượn hú, tiếng chuông chiều từ những cổ tự vang ra thì thích thú biết bao.

- Các anh chị không sợ đêm tối à?

- Không! Chúng tôi không sợ đâu! Cô cứ thủng thẳng mà chèo. Ta vừa đi thuyền trên suối vừa được nói chuyện trong bóng đêm cũng là cái thú đấy chứ.

Thì lấy chân bám mạnh vào chân tôi. Tôi biết Uyên và Thi sợ bóng đêm nơi vắng vẻ hoang vu này lắm. Chắc như hiểu tâm trạng của hai cô gái “tiểu thư” trên thuyền, Mơ lên tiếng:

- Em sẽ cố đưa các anh chị về nhà trước khi trời tối hẳn. Hôm nay em còn phải đãi cơm anh chị nữa cơ mà. Mơ vừa nói vừa chèo nhanh hơn.

Hoàng hôn có lúc tưởng như xuống thật nhanh vì những ngọn núi che lấp mặt trời. Tới chỗ núi quang, trời lại sáng hẳn lên. Để làm vui cho Mơ, tôi pha trò:

- Các cô có biết bài ca dao này không nhé.

*Ba cô đội gạo lên chùa
Một cô yếm thắm bỏ bùa cho sư
Sư về sư ốm tương tư
Ốm lẫn ốm lóc cho sư trọc đầu
Ai làm cho dạ sư sầu
Cho ruột sư héo như bầu đứt dây.*
(Ca dao)

Anh hỏi trong ba cô, hôm nay cô nào bỏ bùa cho sư nào?

Thi như hiểu ý tôi muốn chĩa mũi dùi vào Mơ để trêu nên nàng chỉ ngay vào Mơ:

- Chị Mơ! Đúng rồi! Chị Mơ là người bỏ bùa cho sư vì chị Mơ đẹp nhất.

Mơ chỉ cười chứ không trả lời. Thi chỉ Uyên:

- Không phải chị Mơ thì phải là chị Uyên.

Từ nãy tới giờ Uyên ngồi yên lặng, mơ màng nhìn cảnh đẹp, chợt thấy cô em trêu mình, vội lên tiếng:

- Không phải chị đâu!

Tôi trêu Thi:

- Không phải Uyên, không phải cô Mơ thì đúng là em rồi.

- Để em coi nào, không phải là hai chị thì chắc là ... chắc là em rồi. Đúng rồi! Em bỏ bùa cho sư này này!

Thi vừa nói vừa chỉ vào tôi. Tôi xua tay cãi lại:

- Anh không phải... không phải là sư!

Thi nói nhanh để lấn át tiếng tôi:

- Phải rồi!... Phải rồi!... Anh là sư!

Thi vừa nói vừa thò tay xuống suối tạt ít nước vào tôi. Tôi vội la lớn lên:

- Đừng làm ướt anh! Ừ, ừ, anh là sư! ... Anh là sư! Lật thuyền bây giờ!

Thì ngừng tay cười to làm mọi người cùng cười theo. Mơ là người cười to nhất. Mơ vừa cười xong, lau nước mắt:

- Ba chị em mình đâu có ai đội gạo lên chùa nên đâu có ai bỏ bùa cho sư được.

Thì đưa hai tay lên trời khua qua, khua lại như vừa đồng tình, vừa tán thưởng câu nói của Mơ:

- Chị Mơ nói đúng rồi! Hoan hô chị Mơ! Chị Mơ nhanh trí quá!

Mơ lại cười phá lên. Được thể Mơ nói tiếp:

- *Sư về sư ốm tương tư*. Sư về chùa rồi mới ốm tương tư, thế mà trên đường đi chị em mình có gặp ông sư nào đi về chùa đâu mà để bỏ bùa.

Cả bọn chúng tôi vỗ tay hoan hô trước sự phân tích của cô. Uyên là người vỗ tay to nhất.

Tôi lại gọi chuyện với Mơ:

- Cô Mơ ơi! Cô nói chuyện về anh chàng mê cô ở quán phở đi, cái anh hay ăn vụng thịt ấy.

- Em không nói chuyện ấy đâu!

- Thế cô nói chuyện về ông đầu bếp cứ đòi nấu phở cho cô Mơ ăn suốt đời vậy.

Mơ cười nhắm cả mắt:

- Hôm đó em dữ thật. Em “gầm” lên như cộp Hương Sơn hay sư tử Hà Đông vậy. Ừ, phải rồi, Hương Sơn cũng thuộc về tỉnh Hà Đông mà. Em nhớ hôm đó, mặt ông ấy tái xanh.

Chúng tôi lại cười phá lên.

Thuyền đi nhanh vì Mơ cố chèo về cho kịp trước khi trời tối mịt. Những dãy núi đá vôi chung quanh đã đổi thành màu xám đậm, những dãy núi xa xa chỉ còn mờ mờ lẩn trong nền trời. Cánh đồng lúa màu xanh nay chỉ còn thấp thoáng con suối màu trắng bạc như con trăn bò. Mọi thứ trở nên yên tĩnh quá, cái yên tĩnh của sự êm đềm vắng lặng.

Trời đã đổ tối không trông rõ mặt người, thuyền cũng vừa ra tới ngã ba suối Yên. Đền Trình với nước vôi trắng, mờ mờ hiện ở phía bên kia bờ suối. Từ đền Trình về đến bến đò Yên không còn xa. Mơ dặn chúng tôi chuẩn bị hành trang để lên bờ.

Tôi đeo cả ba cái ba-lô lên vai rồi ngồi đợi. Thi nhìn tôi phì cười:

- Sao anh tham thế! Thôi để chúng em đeo bớt cho.

Tôi cứ ngồi yên như không nghe thấy.

Uyên nói với Thi:

- Chị em mình chạy ra phố một tý rồi về nhà sau.

Uyên quay sang nói với Mơ:

- Chị và anh cứ về trước, em chạy ra chợ một tý rồi về. Mua cái gì nấu sẵn để khỏi mất nhiều thì giờ chị ạ. Chị cũng đã mệt lắm rồi.

- Em có chuẩn bị cho nồi canh sắng nấu với củ mài rồi mà. Đặc sản Hương Sơn đấy. Nhớ về nhanh để em chỉ cho chị nấu.

Khi vừa xuống đò, Uyên và Thi lon ton chạy ra chợ bến đò Yên. Mơ cột thuyền rồi cùng tôi vội vã về nhà. Cô thật nhanh nhẹn và rất tháo vát, chân tay cứ thoăn thoắt, làm việc nào thì chu toàn việc nấy.

Vừa vào tới nhà là Mơ chạy ngay vào bếp. Tôi cất ba cái ba-lô vào phòng rồi đi tắm, tiết kiệm thời gian khi các cô còn lo việc ăn uống.

Chẳng mấy chốc, Uyên và Thi đã về tới nhà với vài thứ trên tay. Một cậu trai chừng 14, 15 tuổi lễ mễ trên tay một gói nặng đặt trên thềm nhà rồi bỏ đi ra. Hóa ra đó là một yến gạo hai người mua về. Cũng chẳng mấy chốc bữa cơm đã được bày sẵn sàng trên chiếc chõng giữa sân. Một bát canh rau sắng được đặt chính giữa mâm còn đang bốc khói, cùng với những món ăn vừa mới mua về. Một chiếc đèn dầu để bên cạnh mâm.

Tất cả chúng tôi đều đói nên ăn rất ngon. Lần đầu tiên, ba chúng tôi được ăn món canh đặc biệt của Hương Sơn vừa lạ lại vừa rất ngon miệng: canh rau sắng nấu với củ mài.

Cơm nước xong, chúng tôi dọn dẹp rồi trở lại chống gối nói chuyện. Uyên và Thi hỏi Mơ về món canh ngon miệng vừa ăn. Mơ cho biết:

- Rau sắng là loại rau có nhiều chất đạm nên không cần phải nấu với thịt mà vẫn đậm đà và mát. Cây sắng không phải là loại cây thảo, mọc dưới đất hay loại dây leo, mà nó thuộc vào loại cây mộc. Cây sắng to, cao, chỉ thích hợp mọc trên núi đá vôi mà thôi. Muốn có được lá non người ta phải trèo lên cây mà hái. Lá sắng thì mỏng màng, bóng bẩy. Mùa Đông lá rụng hết và cũng như những loại cây khác, tới mùa Xuân cây đâm chồi nảy lộc. Hoa ra cùng lượt với lá. Hoa non ra từng chùm và nhỏ giống như hoa ngâu, còn gọi là “rồng rồng”. Người ta hái cả hoa và lá, nấu chung với nhau cũng ngon lắm, hoa còn ngọt hơn cả lá non nữa. Hái lá sắng thì cứ mỗi tháng hái một lần, hái đến tháng Sáu thì thôi. Đến tháng Năm, cây sắng có quả chín từng chùm như chùm sung. Hái rau sắng phải là người chuyên môn như chúng em mới hái được nhiều.

Uyên hỏi thêm:

- Thế còn củ mài?

Mơ giải thích:

- Củ mài cũng là đặc sản của Hương Sơn như rau sắng và mơ vậy. Canh rau sắng đã ngon, thêm củ mài vào lại càng ngon hơn. Củ mài còn được dùng để nấu chè nữa. Củ mài thuộc loại dây leo giống như củ từ, lá hình trái tim. Củ nó hình dẹt hoặc

tròn. Mỗi dây một củ, thường mọc trên núi đá. Củ ăn sâu, chui cả vào những khe đá nhỏ nên đào được nó rất khó khăn, phải kiên nhẫn. Có lần em đào, phải đập cả đá ra để moi. Có khi đào đến nơi thì lại thấy củ nó nằm dưới cục đá to, đành bỏ.

Củ mài có dược tính tốt, như trong sách của cụ Hải Thượng Lãn Ông, một thầy thuốc nổi danh của nước ta cho biết:

*Sơn dược là tên chữ củ mài
Ngọt bình không độc, tính lạnh hay!
Bổ tim dưỡng thận, bồi tỳ vị
Nhuận gan, thêm khí, khoẻ hình hài...*

Chúng tôi vỗ tay khen Mơ là giỏi cả về cây thuốc. Mơ đặc chí nói thêm:

- Em còn biết cả, nào là “hoa kim ngân” trị tiêu độc, củ “khúc khắc” trị chữa thấp và phong, cây “ồ rồng” chữa lạnh xương gãy, cây sâm bồ tỳ vị... À, em còn biết được dược tính của cây mơ nữa. Cụ Tuệ Tĩnh (sống ở cuối đời nhà Trần) có cho biết “*Quả mơ muối, vị chua, tính hàn không độc, trừ nhiệt, sinh nước bọt, lợi cuống họng, trị trúng phong, tiêu đờm, chữa lỵ.*” Loại lá mơ leo, chữa bệnh kiết lỵ rất tốt.

Chúng tôi lại vỗ tay khen. Tôi nói với Mơ:

- Cô Mơ phải làm thầy thuốc hay đi học làm thầy thuốc mới đúng.

Mơ nói:

- Thầy em rất giỏi về thuốc Nam mà có sống được bằng nghề ấy đâu! Em học thế nào được. Thầy em dạy cho em tý nào em chỉ biết tý này thôi.

Tôi nghiêm nét mặt, hỏi Mơ:

- Mơ có anh chàng nào đang theo đuổi chưa?

Mơ nhìn tôi rồi trầm ngâm như suy nghĩ:

- Trước đây em có, nhưng bây giờ thì hết rồi. Anh ta có vợ rồi. Em không thích mấy anh con trai mà em quen biết ở trong làng này. Em quý họ nhưng mỗi khi em nói chuyện động tới sách vở hay tý hiểu biết thì họ nói em là đứa “dở hơi” hay “dở người”, kiếm ăn không ra mà cứ nói chuyện trên trời. Em chán nên em chẳng yêu ai. Em cũng chưa biết sau này em sẽ lấy ai trong bọn họ nữa. Mà, anh hỏi em câu ấy để làm gì vậy?

Tôi cô nghiêm nét mặt để Mơ phải hết sức tin cậy vào lời nói đúng đắn của tôi:

- Tôi muốn giới thiệu cho cô người bạn học của tôi. Anh ta dễ mến lắm, lại đẹp trai nữa. Anh ta ở Hà Nội nhưng thường tâm sự với tôi là anh ta chỉ thích làm quen với những người con gái mộc mạc ở dưới quê thôi. Có vài cô gái ở Hà Nội yêu anh ấy mà anh ấy không yêu lại, chỉ mong sao quen được với một cô gái miền quê. Thế mới lạ chứ. Anh ta tâm sự với tôi rất thật lòng.

- Thế anh ấy có vợ chưa?

Tôi cười:

- Chưa! Có vợ rồi ai dám giới thiệu cho cô Mơ!

Mơ bẽn lễn hỏi:

- Thế anh ấy già hay trẻ?

Tôi phá lên cười:

- Cô Mơ thấy tôi già không mà lại hỏi bạn học của tôi là già hay trẻ! Anh ta học trên tôi mấy năm. Đẹp trai, con nhà giàu nữa. Cô chịu không?

Mơ trợn to mắt nhìn tôi rồi cúi xuống:

- Em con nhà nghèo, lại quê mùa!

Tôi nghiêm mặt:

- Tôi chỉ giới thiệu cho hai người quen nhau thôi mà. Tôi đâu có làm “mai mối” cho hai người đâu mà cô sợ.

Mơ cười với tôi:

- Ủ nhỉ ! Thế mà em cứ hỏi lời thôi.

Thi nhìn tôi, tò mò hỏi:

- Ai vậy anh ?

Tôi trả lời ngay:

- Anh Hội.

Thi hớn hở như muốn nhảy lên:

- Anh Hội hiền lành lắm chị Mơ ơi! Đúng rồi, anh này không thích con gái ở tỉnh thành. Có hai cô mê tí anh ấy đấy.

Thi kể tiếp:

- Một tối khuya, anh Hội chở cái “ông” này này về nhà trọ (Thi chỉ vào tôi). Lúc đó “ông” ấy như người chết rồi. Anh Hội đặt nằm trên giường, người sặc mùi rượu, chân tay không cựa cựa. Em sợ quá!

Tôi cười nói:

- Sao em không kể là em cứ nắm tay anh mà khóc rống lên?

Thi dí tay vào trán tôi:

- Em cấm anh uống rượu say rồi đó. Hôm đó em khóc là tại tưởng anh chết. Mà ai nói cho anh biết là em nắm tay anh khóc vậy?

- Anh Hội. Anh ấy nói là em cứ cuống cả lên. Em vừa khóc vừa chạy lên chạy xuống cầu thang kêu cứu. Hôm đó anh thi lên lớp, anh được điểm cao nhất lớp, lại được thầy khen nên vài đứa bạn trong lớp thưởng cho anh một bữa cơm Tây. Anh uống nhiều quá vì vui nên say. Anh đã hứa với em là anh không uống rượu say nữa rồi mà.

- Ủ, uống rượu với bạn bè thì được, nhưng say thì không được đâu đấy. Em sợ lắm!

Uyên ngồi nghe, bây giờ mới cười:

- Ái chà ! Ai lấy cô này về chắc uống rượu cũng không được nữa chứ đừng nói là say.

Thi phụng phịu đánh vào vai chị. Cả bọn chúng tôi cùng cười ồ.

Tôi nhìn Uyên rồi đề nghị :

- Uyên hát tặng cô Mơ một bài đi. Uyên hát bài “Em Đi Chùa Hương.” Được không?

Uyên nói với Mơ:

- Em hát tặng chị Mơ bài hát này để kỷ niệm ngày chúng ta đi chơi với nhau nhé!

Tôi hỏi Mơ:

- Nhà có đàn không cô Mơ ?

- Thằng Sơn có một cây đàn cũ, không biết ai cho nó.

Tôi giục Mơ vào lấy. Tôi đệm đàn cho Uyên hát. Uyên hát bài “Đi Chùa Hương” ⁽²⁾ phổ nhạc bài thơ “Chùa Hương” của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp.

*Hôm nay đi chùa Hương
Hoa cỏ mờ hơi sương
Cùng thầy me, em dậy
Em vắn đầu soi gương...*

Giọng hát của Uyên trong và cao vút, nghe thật truyền cảm làm sao. Những chỗ phải ngừng để lấy hơi, những chỗ luyến láy, đa tình, lắng lơ, Uyên diễn tả thật điêu luyện. Uyên hát chẳng thua gì một nữ ca sĩ nhà nghề là mấy. Đoạn cuối nghe hơi thoáng buồn vì đôi trai gái phải tạm xa nhau. Tôi đệm đàn nhưng thỉnh thoảng tôi nhìn Thi, cùng hát bè với Uyên vài câu, nhất là những câu có thể để trêu Thi.

Con tôi xinh xinh quá

(²) Nhạc sĩ Trần Văn Khê

*Bao giờ cô lấy chồng?...
Nhưng em chưa lấy ai
Vì thấy bảo người mai
Rằng em còn bé lắm
Ý đợi người tài trai.*

Thì biết tôi hát trêu nàng nên mỗi khi tôi cất tiếng hát hòa theo Uyên, Thì lại cúi xuống mỉm cười.

Uyên hát xong mọi người đều vỗ tay khen. Mơ cảm động, cứ nắm tay Uyên mà bóp chặt, mắt long lanh như muốn khóc.

Tôi nói với Mơ:

- Tôi cũng hát tặng cô Mơ một bài nhé. Bài này có tên là “Em đi chùa Hương”⁽³⁾ cũng phổ nhạc từ bài “Chùa Hương” của nhà thơ Nguyễn Nhược Pháp.

Uyên cảm động trở mắt nhìn tôi.

Tôi tự đệm đàn cho mình và cất tiếng hát. Hát xong bài hát, tôi cứ hát đi hát lại mãi hai câu:

*Tuổi bây giờ mới tròn mười lăm.
Em (i) còn bé lắm (chứ) mấy anh kia ơi! ⁽⁴⁾*

Thì thẹn vì biết tôi trêu nên hai tay cứ che mặt cười rồi chạy lại ngay chỗ tôi giữ chặt lấy phím đàn không cho tôi đánh nữa. Thì phụng phịu:

⁽³⁾ Nhạc sĩ Trung Đức

⁽⁴⁾ Nhạc sĩ Hoàng Thanh Tâm

- Em không chơi với anh nữa đâu!

Mơ cứ cười phá lên với cái bản tính hồn nhiên, chất phác và mộc mạc của cô.

Thi cũng dơ tay lên nói:

- Các anh chị cho em nói! Em cũng hát tặng chị Mơ một bài hát. Em hát tặng chị bài “Cô Hái Mơ”⁽⁵⁾ nhé. Em hát một mình, không cần đàn.

Mơ vỗ tay hoan nghênh. Thi chợt chỉ vào tôi:

- Anh không được đánh đàn để phá đám hay trêu em đó!

Tôi buông đàn xuống ngồi nghe Thi hát.

Thi hát cũng hay, nhưng không thể điêu luyện như Uyên. Thi vừa hát vừa ra dáng điệu như cô gái hái mơ. Khi đến hết đoạn cuối

Cô hái mơ ơi!

Chẳng trả lời nhau đến một lời

Cứ lặng rồi đi rồi khuất bóng

Rừng mơ hiu hắt lá mơ rơi.

Thi chạy lại cù Mơ làm cô cứ co rúm người lại để cười.

Chúng tôi lại ngồi nói chuyện vui với nhau một thời gian nữa. Xoay quanh câu chuyện về anh chàng Hội để trêu Mơ. Rồi cuộc vui cũng tàn. Trước khi cùng chia tay để đi ngủ. Mơ hỏi:

- Anh Hội có biết hát không?

Tôi bật cười nói:

- Anh ấy hát hay lắm, nhất là hát “xẩm”. Hôm nào túng (tiền), anh ta ra ngồi trước cửa chợ Đồng Xuân hát xẩm xin tiền.

Uyên vội đánh nhẹ vào tay tôi lườm nói:

- Cái anh này! Chị Mơ là người thật thà, chị ấy lại tưởng thật.

Mơ cười và cũng nói đùa theo:

- Anh ấy túng tiền thì em sẽ chèo đò nuôi anh ấy ăn học mà. Có sao đâu!

Tôi và Uyên nhìn nhau. Uyên rơm rớm nước mắt nói với Mơ:

- Em quý chị lắm! Mai chị em mình lại phải xa nhau rồi!

Mơ cũng rơm rớm nước mắt không nói, cứ nắm tay Uyên rồi lại nắm tay Thi, quệt nước mắt rồi bỏ vào nhà ngang. Thi cũng cảm động, chạy lại nắm tay tôi thật chặt. Hoá ra Thi cũng rơm rớm nước mắt theo.

Tôi bỏ vào buồng ngủ, nghĩ đàn bà con gái, sao họ thật vẩn vơ? Có thể mà cũng sứt sùi. Các cô muốn gặp nhau thì cứ nhảy lên xe khách mà tới. Có hơn hai giờ đường mà cứ làm như là xa xôi lắm vậy, cứ như Thái tử Đan nước Yên đưa Kinh Kha qua sông Dịch, một đi không trở lại. Và cứ như khúc hát của Kinh Kha ngày nọ:

*Phong tiêu tiêu hề, Dịch thủy hàn
Tráng sĩ nhất khứ hề, bất phục hoàn*

*(Gió hiu hắt chừ, Dịch thủy lạnh ghê
Tráng sĩ ra đi chừ, không bao giờ về)*

(Khuyết danh)

Đúng là đàn bà, con gái. Tôi cười một mình rồi lẩn đùng ra giường làm một giấc ngủ say cho tới sáng.

Đường về

Sáng dậy, mọi người thu xếp mọi thứ để lên đường về Hà Nội sớm. Trước khi rời khỏi nhà, Thi cầm hai chiếc vòng đá màu xám nâu mua hôm qua trong tay. Thi đeo cho Mơ một chiếc. Thi đưa chiếc kia cho tôi để đeo cho Uyên.

Tôi cứ cầm chiếc vòng trong tay, đợi Thi đeo xong cho Mơ, tôi đưa chiếc vòng ấy lại cho Thi để nàng đeo cho Uyên. Thi hiểu ý tôi nên mỉm cười, cái cười, theo tôi hiểu là Thi rất hài lòng về việc xử sự đó của tôi. Tôi đâu có ngu gì để không hiểu được điều đó.

Uyên và Mơ cảm ơn Thi rồi rít vì món quà bất ngờ vào giờ chót. Thi chỉ vào tôi nói:

- Hai chị cảm ơn người này này! Ý kiến của anh ấy đây, tiền cũng của anh ấy nữa. Em chỉ giúp chọn mua dùm thôi.

Hai cô cùng cảm động. Mơ nắm tay tôi siết chặt.

Chúng tôi cùng ra bến xe. Mơ đi theo. Xe khách chưa tới, chúng tôi cùng nhau ghé vào quán hàng ăn sáng cho khỏi bị đói trên đường về Hà Nội. Chỉ cách

Hà Nội có 60 cây số thôi mà chúng tôi phải mất tới hơn hai giờ đường.

Xe khách tới, tôi trả tiền cho bà bán hàng rồi cùng đứng dậy ra xe. Xe chưa có khách lên nên tôi hy vọng sẽ chọn cho Uyên và Thi chỗ ghế ngồi tốt, không bị nắng hắt soi vào mặt. Trước khi bước lên xe, tôi dúm vội vào túi áo Mơ một số tiền mà tôi biết chắc nếu tôi đưa trước cho Mơ, cô ấy sẽ không nhận thù lao với số tiền nhiều như thế. Cũng may, từ khi học lên bậc tú tài rồi đại học, tôi tìm được những công việc đi dạy kèm cho “con, em” nhà giàu, hay mở lớp luyện thi cho những nhóm nhỏ để kiếm tiền thêm nên sự chi tiêu cũng được có đôi phần rủng rỉnh hơn xưa.

Mơ cứ đứng dưới đất nói chuyện hồi lâu với Uyên qua khung cửa sổ xe. Khi khách đã lác đác lên xe, Mơ mới vẫy tay chào chúng tôi rồi tắt tời trở về nhà hoặc trở lại bến đò Yên đón khách. Uyên và Thi cứ nhìn theo Mơ cho đến khi bóng dáng cô khuất sau dãy hàng quà.

Tôi ngồi bên Thi. Nàng nghiêm trang không nói. Uyên nhìn sinh hoạt ở bến xe một cách lơ đãng. Tiếng hành khách lên xe đã ồn ào, nói chuyện lao xao.

Xe đã đầy khách. Xe bắt đầu chuyển bánh, anh “lơ xe” đập tay thùng thùng vào sườn xe để mọi người dưới bến biết mà tránh ra xa. Vì là chuyến xe sớm, ít người qua lại gần đó nhưng anh vẫn vỗ, có

lẽ anh ta vỗ vì thói quen, cứ xe chạy là phải làm cái “nghi thức” ấy. Cũng chẳng khác gì anh “lơ xe”, bác “tài xế” này, thỉnh thoảng cũng bấm vài tiếng còi inh ỏi. Tôi chẳng hiểu tại sao bác bấm nữa. Có lẽ bác bấm còi theo cái thói quen thường lệ, bấm còi mà không biết mình bấm, hay bấm chơi cho vui, hoặc cũng có thể bác cứ bấm còi cho chắc ăn. Chỉ có điều thật buồn cười khi bác làm mấy con gà kiếm ăn bên kia hàng rào bên đường giật mình bay tán loạn bởi tiếng còi xe. Cái thói quen không cải sửa nên dễ trở thành cái tật. Thành “tật” rồi thì quả thật hết thuốc chữa.

Qua cửa sổ, Uyên nhìn cảnh vật bên đường. Mọi thứ như đang kéo nhau chạy lùi lại phía sau. Tôi nắm tay Thi để trên đầu gối tôi. Tôi cảm như thấy hơi ấm áp và sự mềm mại của bàn tay ấy đang truyền sang bàn tay tôi. Thỉnh thoảng tôi bóp nhẹ, nàng chỉ mỉm cười không nói.

Để giết thì giờ nhàm chán trên xe, tôi nói với Thi, cũng là để nói với Uyên về chuyến đi chơi chùa Hương hai ngày vừa rồi:

- Chúng ta đi chơi kỳ này thật vui và học hỏi được nhiều thứ lắm. Đặc biệt ta lại quen biết cô Mơ nữa, một người tiêu biểu cho người dân quê nước ta. Tuy họ có cuộc sống lam lũ nhưng bản chất lại là người thật thà, chất phác và hiếu khách nữa. Sức mạnh của dân tộc ta nằm ở chỗ những người ấy. Họ biết chịu đựng trong cuộc sống khó khăn, nhưng họ lại chính là những người biết hy sinh cho đại cuộc

trước tiên khi đất nước cần đến. Thật đáng ngưỡng mộ thay!

Thì chợt hỏi tôi:

- Em cứ nghe nói Phật Bà rồi Bà Chúa Ba về đây tu đắc đạo. Anh kể cho em nghe được không?

Tôi trả lời Thì:

- * Theo cuốn *Nam hải Quán Thế Âm* kể lại, vào khoảng thế kỷ đầu Công nguyên, Hương Tích là nơi tu hành của Công chúa Diệu Thiện, con thứ ba của vua Diệu Trang, Vương quốc Hưng Lâm bên Tây Trúc (Ấn Độ). Theo dân gian, người ta quen gọi công chúa Diệu Thiện là Bà Chúa Ba. Bà tu hành chín năm ở động Hương Tích, đắc đạo trở thành Đức Quán Thế Âm Bồ Tát, sau trở về diệt trừ cái ác, đáp hiếu cha mẹ, phổ độ chúng sinh.

* Theo Phật thoại truyền miệng thì theo các cụ *bô lão làng Yên Vĩ* kể rằng: vì bà quyết chí tu hành, không tuân theo lời cha, nên bị vua cha sai lính giết. Ngọc Hoàng sai thần linh hóa hổ cứu công chúa Diệu Thiện. Mãnh hổ cõng bà vào núi Hương Sơn. Chỗ bà xuống đầu tiên là hang Thánh Mẫu, còn gọi là am Phật Tích. Tương truyền trong hang còn dấu in một bàn chân của bà trên đá và am Phật Tích có tên từ đó. Bà sang tắm gội ở một vũng nước suối trong hang bên cạnh để rửa nỗi oan ức bụi trần. Chỗ đó sau thành chùa Giải Oan vì có giếng Giải Oan. Giếng này còn gọi là Thiên Nhiên Thanh Trì. Trước cửa hang có suối gọi là suối Giải Oan.

* Cũng theo Phật thoại truyền miệng, các cụ *bô lão làng Phú Yên*, làng của tuyến Tuyết Sơn, kể có hơi khác rằng: khi mãnh hổ công Bà Chúa Ba đến núi Hương Sơn, ban đầu bà tu hành ở chùa Hỏa Quang, nay là nền đình làng Phú Yên, rồi bà lên núi tĩnh tâm, tu hành ở động Tuyết Sơn. Sau đó bà về tu ở động Hương Tích và bà thành đạo ở nơi đó.

* Động Hương Tích còn có một lịch sử được ghi rõ ràng trong *cuốn thơ cổ “Quán Thế Âm Diệu Thiện.”* Ngài Quán Thế Âm Diệu Thiện đắc đạo tại Hương Tích.⁽⁵⁾

Hội chùa Hương được diễn ra gần như suốt mùa Xuân, từ *mùng 6 tháng Giêng cho hết tháng Ba*, tức hết quý đầu của vòng luân hồi Xuân, Hạ, Thu, Đông của một năm. Ngày mở hội Phật Bà rơi vào *ngày 19 tháng Giêng* hàng năm, tức ngày đản sinh của Bà Chúa Ba.

Các chùa ở Hương Sơn đều có tượng thờ Bà Chúa Ba. Ở đây, có 14 chùa thường được biết đến thì có 8 chùa nằm ngoài động, 6 chùa nằm trong động. Trong số chùa nằm trong động thì có 3 chùa chính là chùa Hương Tích, chùa Hình Bồng và chùa Tuyết Sơn.

Tôi cũng cho Uyên và Thi biết:

- Chùa Hương tức Hương Sơn, quả là một là danh lam thắng cảnh, được coi như “sơn kỳ thủy tú”, “bồng lai tiên cảnh” trên đất nước ta. Chẳng thế,

(⁵) *Xin đọc phần Phụ Lục*

bao thi nhân của thời xưa cũng như thời nay đã để lại cho chúng ta biết bao nhiêu tuyệt tác về Hương Sơn. Những vị “thánh thơ” đóng góp phải kể đến là Tĩnh vương Trịnh Sâm, Cao Bá Quát, Bà Huyện Thanh Quan, Hồ Xuân Hương, cùng với những bậc thi nhân xưa như Nguyễn Khuyến, Bùi Di, Nguyễn Cao, Vũ Phạm Hàm, Chu Mạnh Trinh, Dương Lâm, Nguyễn Thấu, Trần Huy Luyện, Tản Đà, Đoàn Như Khuê, và những thi nhân gần gũi quen thuộc với chúng ta sau này như Nguyễn Bính, Xuân Diệu, Anh Thơ, Chế Lan Viên, Hoàng Cầm, Nguyễn Nhược Pháp, Hằng Phương... và tất nhiên còn rất nhiều nhà thơ khác nữa.

Như đề tóm tắt vài ý nghĩ của tôi cho chuyến đi, tôi nói tiếp:

- Tới với chùa Hương như để ngắm nhìn cho thỏa thích một bức tranh thiên nhiên hoàn hảo của sự hài hòa giữa cái chập chùng, hùng vĩ của núi non với cái mềm mại của những dòng suối chảy quanh co, hòa trong cái êm dịu của màu xanh cây rừng, đồng lúa, hay những thung mơ.

Tới với chùa Hương là ta về với đất Phật nói chung hay với Phật bà Quán Thế Âm tức Bà Chúa Ba nói riêng. Ta đi hành hương chùa Hương là ta thực hiện được sự tiếp xúc giữa con người với thiên nhiên, con người trong tín ngưỡng, là ta tìm sự lắng đọng tâm hồn, tự gột rửa bản thân để hội nhập với cái chân, thiện, mỹ của vạn vật.

Tới với chùa Hương cũng thể hiện những khát vọng của đời thường. Chùa Hương mở rộng cửa cho mọi tầng lớp xã hội, không kể sang hèn, giàu nghèo. Trong tâm thức của đồng bào Phật tử, họ tin đây là đất Phật linh thiêng có thể giúp họ thực hiện được những ước mơ hay giải trừ cho họ được những kiếp nạn. Ở đây *nổi bật lên văn hóa phồn thực*, nghĩa là cầu xin cho sinh sôi nảy nở, như nhà nông cầu xin nhiều gạo cao như “đụn gạo”, cầu xin chuồng lợn đầy lợn, ao cá đầy cá. Kẻ buôn bán thì cầu xin tài lộc được như “cây vàng”, “cây bạc”. Kẻ có bệnh thì tin rằng “bầu sữa mẹ” có thể cho họ những giọt thuốc tiên để chữa lành bệnh. Kẻ hiếm muộn thì muốn “cô”, “cậu” theo về làm con. Kẻ có nhiều oan trái mong uống nước hay tắm gội với dòng suối “Giải Oan”. Do đó hội chùa Hương còn gọi là “*hội cầu may*.”

Dù nhìn dưới góc độ nào, người đến chùa Hương với nhiều mục đích khác nhau, nhưng những yếu tố kể trên đã kết hợp lại thành *văn hóa chùa Hương*.

Tôi đang thao thao nói thì tôi thấy đầu Thi dần dần dựa hẳn vào vai tôi. Nhìn ra, tôi đã thấy Thi ngủ. Tôi ngồi im lặng ngắm nhìn Thi tựa vào vai tôi, hai má nàng đỏ hồng, những sợi gân xanh hiện mờ nhạt ẩn dưới làn da mỏng. Hơi thở nàng đều đều. Tôi nhẹ vén sang bên vành tai vài sợi tóc mai còn đang nhẹ bay bay phát phơ trên mặt nàng. Khuôn mặt thật hồn nhiên như trẻ thơ.

Tôi sẽ cúi xuống, lần tay xuống ba-lô lục lấy ra chiếc vòng đá xanh màu cẩm thạch tôi mua hôm qua, nhẹ đeo vào cổ tay Thi. Tôi nhìn Thi mỉm cười vì tôi nghĩ khi Thi tỉnh dậy sẽ rất sung sướng nhận ra trên cổ tay mình có chiếc vòng đá màu xanh này.

Tôi chợt thấy Thi nói:

- Cảm ơn anh!

Tôi vẫn thấy nàng ngủ yên bình, đầu dựa trên vai tôi. Liên sau đó, Thi chợt cựa mình, sửa lại thế ngồi cho thoải mái hơn, tất nhiên là đôi mắt vẫn nhắm và thở đều đều. Bây giờ thì Thi ngồi xích gần lại tôi, đầu vẫn tựa vai, hai tay nàng đang ôm lấy cánh tay tôi. Tôi nhìn Uyên nói nhỏ:

- Chắc Thi ngủ say rồi!

Uyên nhìn tôi rồi lại nhìn cô em, khẽ phì cười rồi lại quay đầu lơ đãng nhìn ra ngoài cửa xe. Uyên có cái đẹp của một người con gái đã trưởng thành, hiền dịu, đảm thắm và thật nhiều tình cảm. Tất nhiên là Uyên rất thương yêu và bảo vệ cô em gái của mình. Những sợi tóc dài của Uyên đang bay về phía sau gáy.

Xe vẫn chạy, Thi vẫn ngủ. Tay tôi đã bắt đầu thấy mỏi. Tôi nhẹ rút tay tôi ra khỏi hai tay Thi đang ôm cứng. Tuy rất nhẹ nhưng cũng đủ làm Thi tỉnh dậy. Thi hỏi tôi:

- Sắp tới bến chưa anh?

Uyên trả lời thay tôi:

- Sắp tới nơi rồi. Ngủ gì mà say thế!

Thì ngược mắt lên nhìn tôi hỏi:

- Em ngủ say lắm hả? Có lâu không?

Tôi trả lời:

- Tất nhiên là ngủ say và lâu rồi! Tôi đùa chỉ lên mép Thi:

- Lau nước dãi đi em! Ở hai bên mép kìa.

Thì vội đưa tay lên chùi mép. Thấy không ướt, biết mình bị lừa nên cứ hai tay nằng đấm vào tôi và mà kêu lên:

- Ghét anh lắm! Ghét anh lắm! Anh lừa em!... Anh lừa em!

Tôi nghiêng mình sang bên cho Thi đánh rồi cười. Uyên cũng cười theo và lên tiếng:

- Cô em này cũng dữ quá chứ hả! Đâu có vừa gì đâu!

Thì quay sang chị nói nhỏ như phân bua:

- Tại anh ấy chứ đâu phải tại em!

Tôi và Uyên lại cười. Tôi nhắc cho Thi nhớ:

- Có lần em cũng lừa anh như thế ở vườn sau nhà. Nhớ không?

- Em nhớ! Sao mà anh thù dai thế! Thi phụng phịu nói.

Thì tiện tay véo lên cánh tay tôi một cái rồi mới chịu ngồi yên. Tôi nói đùa Thi:

- Anh phải đặt tên em là “Thi véo” mới phải.

Thi cười rồi véo tôi thêm cái nữa. Thi bỗng nhìn tôi với cặp mắt rất đáng “yêu”, vừa đưa chiếc vòng tay lên vừa nói:

- Cám ơn anh đã tặng em chiếc vòng này! Em sẽ giữ nó mãi mãi!

Tôi lại đùa:

- Giữ mãi là phải rồi! Ai lại nỡ vứt đi chiếc vòng đẹp như thế này, trừ khi nó vỡ.

Cả Uyên và Thi cùng cười. Tất nhiên là Thi lại “tặng” cho tôi thêm một cái véo nữa trước khi nói:

- Em thấy lúc anh mua chiếc vòng này với cái nhẫn, nhìn trước nhìn sau rồi bỏ ngay vào ba-lô, mặt tỉnh bơ. Em buồn cười quá nhưng phải nín. Lúc đó em thấy cảm động lắm. Anh vờ cũng hay thật đấy!

Xe từ từ vào bến. Đợi mọi người xuống vãn, chúng tôi mới kiểm soát lại hành lý rồi cùng theo họ xuống bến xe. Chúng tôi thuê xe tay trở về nhà trọ.

Về tới nhà, mọi người đều thấy thật thoải mái với nơi ấm cúng của mình. Tôi về phòng riêng. Hai cô vợ thay quần áo rồi chuẩn bị cho bữa cơm trưa. Chúng tôi trở lại bàn ăn. Cả hai cùng rạng rỡ, tươi mát trong bộ quần áo cánh mặc ở nhà.

Chúng tôi có cả gần một ngày để nghỉ ngơi.

Sau bữa cơm tối. Chúng tôi ra sân, cùng ngồi chơi dưới giàn hoa và dưới ánh đèn điện ngoài

đường hắt vào mờ ảo như ánh sáng trắng. Chúng tôi lại nhắc tới cô Mơ. Tôi cho biết là tháng tới tôi sẽ trở lại Hương Sơn để đem Hội về giới thiệu cho Mơ. Hy vọng là hai người sẽ trở thành đôi bạn tốt của nhau.

Thì hỏi ngay:

- Thế họ không thành vợ chồng à?

Uyên phì cười, thay tôi trả lời:

- Cô này trẻ con thật. Cứ quen nhau là phải thành vợ chồng à! Mình đã nói là chỉ giới thiệu chứ mình có “làm mai” đâu nào.

- Ủ nhỉ, em quên! Thì tui ngửu trả lời.

Uyên quay lại nói với tôi:

- Khi nào anh đi, em sẽ mua quà và nhờ anh mang tặng chị ấy hộ em ít vải may quần áo nhé.

Thì cũng chen vào:

- Em sẽ tặng chị ấy đôi “guốc son” (guốc sơn đỏ), một chai nước hoa nhỏ với thỏi son.

Tôi và Uyên cùng cười rộ. Uyên nói:

- Em tặng quà cứ như cho người ở Hà Nội ấy. Mà thôi, như thế cũng được!

Những câu chuyện về chùa Hương được đem ra. Hai cô hỏi tôi những câu hỏi tưởng chừng như ngớ ngẩn và tôi có cảm tưởng hai cô đã coi tôi như chính là người đã xây dựng nên chùa Hương không bằng. Tuy nhiên tôi cũng rất hài lòng và tự tin khi thấy hai

cô đã tin tưởng nơi tôi với lòng ngưỡng mộ. Tôi tự mỉm cười với ý nghĩ “vợ vào” ấy.

Sau vài câu chuyện về dự định cho chuyến đi chơi trong những ngày nghỉ lễ tới. Uyên muốn đi ngủ sớm nên xin phép đứng lên vào nhà. Tôi và Thi còn ngồi lại ở ngoài sân. Tôi đang nghĩ lan man về một ngày nào đó Thi sẽ là vợ mình, sẽ có nhiều con, toàn những đứa con cầu tự thông minh, đẹp đẽ mà Thi đã vô tình “cầu xin” đầy một bụng ở chùa Hương đem về. Ôi, một gia đình hạnh phúc như đang lớn vồn trong trí óc tôi. Tôi ngây người như đang được hưởng hạnh phúc ấy.

Không biết tôi đang mơ mộng được bao lâu về những ngày hạnh phúc bên Thi. Chợt nghe tiếng nàng:

- Anh!... Anh làm gì mà ngồi ngây người ra vậy! Anh buồn ngủ lắm rồi hả?

Tôi nghe thấy tiếng Thi gọi. Tôi bàng hoàng, giật mình như người tỉnh mộng. Thi ngồi bên cạnh nhìn tôi, cười nói:

- Anh đang suy nghĩ gì vậy?

Tôi sượng sùng trả lời trống không:

- Không!... Thôi, ta đi ngủ đi!

Tôi và Thi cùng đứng dậy. Tôi đứng nhìn Thi bước tới cửa phòng nàng, tôi mới lững thững lên gác về phòng. Trước khi ngủ tôi vẫn thấy như còn văng vẳng bên tai tôi những lời Thi nói, Thi cười, vẫn

lâng lâng về những ước mộng hạnh phúc bên Thi với đàn con ngoan. Tôi tự mỉm cười một mình trong bóng đêm.

*Mà vẫn bàng hoàng như giữa mộng,
Mơ hay là thực, hỡi hoa mơ?*

(Xuân Diệu)

Tôi thò tay vào túi quần lấy ra hai chiếc nhẫn, một cho tôi và một cho Thi, cất vào ngăn kéo trước khi trùm chăn kín đầu đi tìm giấc ngủ. “Thực” hay “mơ” đây ?! Thực với mơ, sao tôi cứ tưởng chúng lòng làm một. *Thực mơ, mơ thực, âu chẳng qua cũng chỉ là ảo ảnh của cuộc đời chăng?* Tôi phì cười với cái ý nghĩ lảm cẩm và có vẻ “triết lý vụn” của mình. Tôi ra lệnh cho tôi: Ngủ! Tôi ngủ thật.

Tới sáng hôm sau tỉnh dậy, tôi mới biết mình đã làm một giấc ngủ thật say trong yên bình, và chẳng thấy Thi đâu.■



CHƯƠNG 9

Phụ Lục

BỒ TÁT QUÁN THẾ ÂM DIỆU THIÊN hay PHẬT BÀ CHÚA BA⁽¹⁾

Hương Tích là chỗ đức Quán Thế Âm Diệu Thiện tu hành.

Động Hương Tích có một lịch sử còn được ghi rõ ràng trong *cuốn thơ cổ* “*Quán Thế Âm Diệu Thiện*.” Ngài Quán Thế Âm Diệu Thiện là người đắc đạo tại Hương Tích.

Lược kể rằng:

Ở Tây Trúc, một vị vua có ba người con gái, không có con trai cho nên nhà vua muốn chọn phò mã. Bà công chúa thứ nhất và thứ hai thuận chọn phò mã. Nhưng công chúa thứ ba, gọi là bà chúa Ba lớn lên thì không muốn lập gia đình, không chịu kén phò mã. Nhà vua tức giận rầy la nhưng bà khẳng định nhất định không lấy chồng mà đòi đi tu. Bao

⁽¹⁾ Nguồn: Bài thuyết giảng của Hòa Thượng Thích Thanh Từ

nhiều lần nhà vua khuyên răn nhưng bà không nghe. Cuối cùng nhà vua tức giận liền đem gửi bà đến ngôi chùa và dặn vị Hòa thượng trụ trì chùa này phải đầy đọa khổ khe để bà nản lòng. Hòa thượng là người tu hành nhưng phải tuân lệnh nhà vua không dám cãi. Nhà chùa đã bắt bà làm những việc nặng nhọc mà bà chưa từng làm. Tưởng rằng đầy đọa bà một thời gian sẽ làm bà nản. Nhưng không, dầu khổ bà vẫn một lòng tu. Hoàng hậu nhiều lần tới thăm bà, thấy bà khổ sở, gầy ốm nên khuyên bà về nhưng bà vẫn cương quyết từ chối.

Sau ba năm, bà vẫn không sờn lòng, nhà vua tức giận ra lệnh phóng hỏa đốt chùa. Bỗng có một con hổ xuất hiện công bà chúa Ba sang tới tận Việt Nam. Tới động Hương Tích cạp đất để bà ở đó. Bà tu ở đây cho tới khi bà đắc đạo.

Vua cha già bệnh trầm trọng, khổ sở vô kể, không thuốc nào trị nổi vì nghiệp đốt chùa. Vì quá đau đớn, lở lói và lòng ân hận nên nhà vua truyền lệnh cho triều thần tìm ai chữa được bệnh cho nhà vua thì vua sẽ truyền ngôi cho. Tin ấy được đồn sang tới Việt Nam. Bà chúa Ba nay đã tu thành đạo, ngài có thần thông nên khi được tin đó ngài liền vận thần thông trở về Thiên Trúc. Về tới quê nhà thấy vua cha đương tìm người trị bệnh, bà xin vào chữa bệnh cho vua. Không ai biết bà là ai. Sau khi trị bệnh cho vua, bệnh của vua dần dần thuyên giảm rồi hết. Khi vua cha hết bệnh rồi, bà mới nói thật bà là công chúa Ba tu ở Việt Nam nay đã thành chánh quả và bà về

đây để độ cho cha mẹ. Bà dạy cho cha mẹ Quy y Tam bảo, giữ gìn 5 giới và làm lễ sám hối để tiêu trừ nghiệp chướng. Độ xong bà lại quay trở về Việt Nam tu tiếp. Tu thời gian sau bà hóa ở động Hương Tích.

Đó là sự tích của Bồ tát Quán Thế Âm tức bà chúa Ba được ghi rõ ràng trong tập thơ cổ Quán Âm Diệu Thiện. Động Hương Tích là nơi hóa thân của ngài nên hàng năm luôn có ngày rằm hội chùa Hương để lễ ngài.

Dựa vào câu chuyện trên, Bồ tát Quán Thế Âm luôn được sùng kính ở Việt Nam vì hợp với tính chất đạo lý của người Việt, dù bị cha mẹ hắt hủi, hành hạ thế nào người con cũng vẫn một lòng hiếu thảo.

Ngoài chuyện Bồ tát Quán Thế Âm Diệu Thiện, ta còn có chuyện Bồ tát Quán Âm Thị Kính cũng với tính chất đạo lý một lòng thương người, thương chúng sinh và đức nhẫn nhục.

Cái hạnh của Bồ tát Quán Thế Âm là **ĐẠI TỪ**, **ĐẠI BI** là đem lòng thương yêu, giúp đỡ, giải cứu mọi ách nạn đến cho mọi loài chúng sinh không phân biệt là ai trong xã hội hay trong hoàn cảnh nào.

Bồ tát Quán Thế Âm, không là nam, không là nữ. Tuy nhiên, có khi ngài hóa thân thành nam, có khi ngài hóa thân thành nữ hay hóa thân dưới nhiều dạng hình tướng khác nhau cho phù hợp với hoàn cảnh để cứu độ chúng sinh.

Với tinh thần Phật Giáo Việt Nam, Bồ tát Quán Thế Âm thường được thờ dưới hình thức tượng mang thân nữ và thờ ngoài trời.

- Dưới hình thức người NỮ: Người MẸ trong gia đình luôn thể hiện đức tính thương yêu của người mẹ hết lòng che chở, an ủi, vỗ về, hy sinh kể cả thân xác cho những đứa con của mình, nó phù hợp với hạnh nguyện của Bồ tát Quán Thế Âm. Do đó biểu tượng Bồ tát Quán Thế Âm, đối với người Việt Nam luôn là hình tượng của người nữ như một “tử mẫu” trong gia đình.

- Bồ tát Quán Thế Âm thường được thờ đứng ngoài trời với tay trái cầm bình “*thanh tịnh*” đựng nước “*cam lồ*” và tay phải cầm “*cành dương liễu*”.

* Bình “*thanh tịnh*” tượng trưng cho thân xác này. Sau khi quy y Tam giới, giữ được “*ngũ giới*” (không sát sinh, trộm cướp, tà dâm, nói dối và không uống rượu) thì được gọi là người thanh tịnh. Bình có thanh tịnh thì mới chứa được nước cam lồ.

* Nước “*cam lồ*” tượng trưng cho lòng từ bi. “*Cam lồ*” đúng nghĩa là “*cam lộ*” tức là nước sương hứng ngoài giữa trời, trong mát, ngọt ngào.

* “*Cành dương*” mềm nhưng không gãy khi gặp gió mạnh hay phong ba bão táp. Nó tượng trưng cho đức nhẫn nhục. Có nhẫn nhục mới trải lòng từ bi cho mọi người.

Cầu lạy Bồ tát Quán Thế Âm là cầu lạy gì?

Lạy ngài
là ta nguyện
theo cái
hạnh TỪ BI,
cái đức
NHÃN
NHỤC và cố
gắng GIỮ
GÌN NĂM
GIỚI
THANH
TỊNH. Giữ
giới thanh
tịnh là bước
khởi đầu để
phát tâm từ
bi, thực hành
hạnh nhẫn
nhục. Nếu ta
chỉ biết lạy
đề cầu xin
thì thờ ngài
cũng chỉ như
thờ thần và
thờ ma quỷ
vậy thôi. ■



Tài Liệu Tham Khảo

(Cuốn 1)

Đi Thăm Thành Cổ Loa

- 1- Ngược Dòng Lịch Sử (*Trần Quốc Vượng*)
- 2- Nghìn Xưa Văn Hiến (*Trần Quốc Vượng*)
- 3- Tài liệu video về Cổ Loa (*Nguyễn Nhã*)
- 4- Tìm Về Nguồn Gốc Văn Minh Việt Nam
(*Cung Đình Thanh - Úc Châu*)
- 5- Lịch Sử Văn Minh Trung Quốc (*Will Durant*
- *Nguyễn Hiến Lê dịch*)
- 6- Việt Nam Sử Lược (*Trần Trọng Kim*)
- 7- Tạp Chí Tư Tưởng (*ấn bản Úc Châu*)

Hình ảnh minh họa được lấy từ internet.

Đi Chơi Chùa Hương

- 8- Thắng Cảnh Hương Sơn - Trần Lê Văn
- 9- Tập Thơ Chùa Hương - Trần Lê Văn.
- 10- Du Lịch Chùa Hương - sở Du lịch Hà Nội.
- 11- Tài liệu trên Internet, các công ty du lịch trong và ngoài Việt Nam.

Hình ảnh minh họa được lấy từ Internet.■

